

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH  
BIÊN TẬP TRUYỀN HÌNH**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**Hà Nội, tháng 9 - 2024**

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**



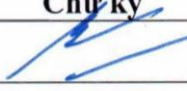




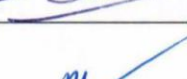
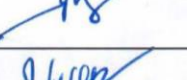
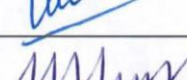
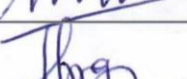
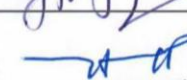







**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH  
BIÊN TẬP TRUYỀN HÌNH**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**Hà Nội, tháng 9 - 2024**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH BIÊN TẬP TRUYỀN HÌNH**

(Kèm theo Quyết định số 298/QĐ-SKĐAHN ngày 02 tháng 4 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Đình Thi	PGS. TS. NGND. Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Đậu Nhật Minh	ThS. Phó trưởng Khoa Truyền hình	Phó Chủ tịch	
3	Trịnh Thuý Hương	TS. Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên Trưởng ban thư ký	
4	Phạm Trí Thành	TS. Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên	
5	Phạm Đắc Thi	TS. Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
6	Bùi Như Lai	TS. NSƯT. Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
7	Lại Thị Thanh Bình	TS. Trưởng Khoa Kiến thức cơ bản, Đại diện Hội đồng khoa học và đào tạo	Thành viên	
8	Nguyễn Thị Hồng Hiền	TS. Trưởng Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Thành viên	
9	Nguyễn Thị Thu Hiền	TS. Trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên	
10	Chê Thị Hồng Phương	CN. Kế toán trưởng, Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận Tài vụ)	Thành viên	
11	Trần Thị Tuyết Hồng	ThS. Trưởng Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Thành viên	
12	Phạm Văn Cường	ThS. Phó trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên	
13	Đình Quang Trung	PGS.TS. Viện trưởng Viện Sân khấu – Điện ảnh	Thành viên	
14	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	CN. Giám đốc Trung tâm Thông tin, Thư viện	Thành viên	
15	Lê Thị Ly Như	ThS. Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Thành viên	
16	Nguyễn Thị Li La	ThS. Giảng viên Khoa Truyền hình	Thành viên	
17	Nguyễn Thị Lan	Sinh viên chuyên ngành Biên tập Truyền hình K41	Thành viên	

(Danh sách gồm 17 người)

## MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC</b> .....	<b>1</b>
<b>DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT</b> .....	<b>4</b>
<b>DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU</b> .....	<b>6</b>
<b>PHẦN I. KHÁI QUÁT</b> .....	<b>8</b>
1. Đặt vấn đề .....	8
2. Tổng quan chung .....	10
<b>PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ</b> .....	<b>17</b>
<b>Tiêu chuẩn 1</b> .....	<b>17</b>
Mở đầu .....	17
Tiêu chí 1.1 .....	17
Tiêu chí 1.2 .....	18
Tiêu chí 1.3 .....	20
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i> .....	<i>21</i>
<b>Tiêu chuẩn 2</b> .....	<b>21</b>
Mở đầu.....	21
Tiêu chí 2.1 .....	22
Tiêu chí 2.2 .....	23
Tiêu chí 2.3 .....	24
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i> .....	<i>24</i>
<b>Tiêu chuẩn 3</b> .....	<b>25</b>
Mở đầu .....	25
Tiêu chí 3.1 .....	25
Tiêu chí 3.2 .....	26
Tiêu chí 3.3 .....	27
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i> .....	<i>29</i>
<b>Tiêu chuẩn 4</b> .....	<b>29</b>
Mở đầu .....	29
Tiêu chí 4.1 .....	29
Tiêu chí 4.2.....	30
Tiêu chí 4.3 .....	32

<b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i></b> .....	<b>34</b>
<b>Tiêu chuẩn 5</b> .....	<b>35</b>
<b>Mở đầu</b> .....	<b>35</b>
<b>Tiêu chí 5.1</b> .....	<b>35</b>
<b>Tiêu chí 5.2</b> .....	<b>36</b>
<b>Tiêu chí 5.3</b> .....	<b>37</b>
<b>Tiêu chí 5.4</b> .....	<b>39</b>
<b>Tiêu chí 5.5</b> .....	<b>40</b>
<b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i></b> .....	<b>41</b>
<b>Tiêu chuẩn 6</b> .....	<b>41</b>
<b>Mở đầu</b> .....	<b>41</b>
<b>Tiêu chí 6.1</b> .....	<b>42</b>
<b>Tiêu chí 6.2</b> .....	<b>43</b>
<b>Tiêu chí 6.3</b> .....	<b>45</b>
<b>Tiêu chí 6.4</b> .....	<b>48</b>
<b>Tiêu chí 6.5</b> .....	<b>49</b>
<b>Tiêu chí 6.6</b> .....	<b>50</b>
<b>Tiêu chí 6.7</b> .....	<b>52</b>
<b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6</i></b> .....	<b>54</b>
<b>Tiêu chuẩn 7</b> .....	<b>54</b>
<b>Mở đầu</b> .....	<b>54</b>
<b>Tiêu chí 7.1</b> .....	<b>54</b>
<b>Tiêu chí 7.2</b> .....	<b>55</b>
<b>Tiêu chí 7.3</b> .....	<b>56</b>
<b>Tiêu chí 7.4</b> .....	<b>57</b>
<b>Tiêu chí 7.5</b> .....	<b>58</b>
<b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 7</i></b> .....	<b>60</b>
<b>Tiêu chuẩn 8</b> .....	<b>60</b>
<b>Mở đầu</b> .....	<b>60</b>
<b>Tiêu chí 8.1</b> .....	<b>60</b>
<b>Tiêu chí 8.2</b> .....	<b>62</b>
<b>Tiêu chí 8.3</b> .....	<b>63</b>
<b>Tiêu chí 8.4</b> .....	<b>65</b>

<b>Tiêu chí 8.5</b> .....	<b>67</b>
<b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 8</i></b> .....	<b>68</b>
<b>Tiêu chuẩn 9</b> .....	<b>69</b>
<b>Mở đầu</b> .....	<b>69</b>
<b>Tiêu chí 9.1</b> .....	<b>69</b>
<b>Tiêu chí 9.2</b> .....	<b>70</b>
<b>Tiêu chí 9.3</b> .....	<b>72</b>
<b>Tiêu chí 9.4</b> .....	<b>74</b>
<b>Tiêu chí 9.5</b> .....	<b>76</b>
<b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9</i></b> .....	<b>78</b>
<b>Tiêu chuẩn 10</b> .....	<b>78</b>
<b>Mở đầu</b> .....	<b>78</b>
<b>Tiêu chí 10.1</b> .....	<b>79</b>
<b>Tiêu chí 10.2</b> .....	<b>80</b>
<b>Tiêu chí 10.3</b> .....	<b>81</b>
<b>Tiêu chí 10.4</b> .....	<b>83</b>
<b>Tiêu chí 10.5</b> .....	<b>84</b>
<b>Tiêu chí 10.6</b> .....	<b>86</b>
<b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i></b> .....	<b>88</b>
<b>Tiêu chuẩn 11</b> .....	<b>88</b>
<b>Mở đầu</b> .....	<b>88</b>
<b>Tiêu chí 11.1</b> .....	<b>89</b>
<b>Tiêu chí 11.2</b> .....	<b>91</b>
<b>Tiêu chí 11.3</b> .....	<b>92</b>
<b>Tiêu chí 11.4</b> .....	<b>94</b>
<b>Tiêu chí 11.5</b> .....	<b>95</b>
<b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i></b> .....	<b>97</b>
<b>PHẦN III. KẾT LUẬN</b> .....	<b>98</b>
<b>PHẦN IV. PHỤ LỤC</b> .....	<b>104</b>

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	ĐHSKĐAHN	Đại học Sân khấu- Điện ảnh Hà Nội
2	CTĐT	Chương trình đào tạo
3	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
4	KTH	Khoa truyền hình
5	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
6	GDDH	Giáo dục đại học
7	CNBTTTH	Chuyên ngành Biên tập truyền hình
8	TĐG	Tự đánh giá
9	CTHĐ	Chủ tịch hội đồng
10	KT&ĐBCLG	Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục
11	KH&ĐT	Khoa học và đào tạo
12	ĐTQLKH&HTQT	Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế
13	HCTH	Hành chính tổng hợp
14	CTHSSV	Công tác học sinh, sinh viên
15	TTTTTV	Trung tâm thông tin thư viện
16	TNCSHCM	Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
17	VSKĐA	Viện Sân khấu – Điện ảnh
18	GV	Giảng viên
19	SV	Sinh viên
20	NCKH	Nghiên cứu khoa học
21	PVCD	Phục vụ cộng đồng
22	BLQ	Bên liên quan
23	VHTT&DL	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
24	CSVC	Cơ sở vật chất
25	NV	Nhân viên
26	ĐDTH	Đạo diễn truyền hình
27	QPTH	Quay phim truyền hình
28	BTTH	Biên tập truyền hình
29	NH	Người học
30	CĐR	Chuẩn đầu ra
31	ĐVHT	Đơn vị học trình
32	NTD	Nhà tuyển dụng

33	CNTT	Công nghệ thông tin
34	ĐCCT	Đề cương chi tiết
35	ĐCHP	Đề cương học phần
36	HP	Học phần
37	CTDH	Chương trình dạy học
38	KQHT	Kết quả học tập
39	TC	Tín chỉ
40	ĐA-TH	Điện ảnh – Truyền hình
41	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
42	ThS	Thạc sĩ
43	TS	Tiến sĩ
44	TCCB	Tổ chức cán bộ
45	BGH	Ban giám hiệu
46	HĐTS	Hội đồng tuyển sinh
47	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
48	HCTQ	Hành chính quản trị
49	NSND	Nghệ sĩ nhân dân
50	ĐH	Đại học
51	SK-ĐA	Sân khấu - Điện ảnh
52	MC	Minh chứng

## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

### TIÊU CHUẨN 1 - 5

<b>Bảng 1:</b> Mục tiêu CTĐT các năm.....	127
<b>Bảng 2:</b> Kết quả khảo sát của các BLQ đối với mục tiêu của CTĐT .....	127
<b>Bảng 3:</b> Chuẩn đầu ra CTĐT CNBTTH các năm.....	127
<b>Bảng 4:</b> Đối sánh CĐR các năm.....	129
<b>Bảng 5:</b> Đối sánh về Bản mô tả CTĐT CNBTTH.....	129
<b>Bảng 6:</b> Cấu trúc ĐCCTHP được thể hiện qua CTĐT CNBTTH của các năm 2019 và 2024 .....	130
<b>Bảng 7:</b> Đánh giá của cựu NH về các vấn đề liên quan đến ĐCCTHP năm 2018 .....	131
<b>Bảng 8:</b> Đánh giá của người học về các vấn đề liên quan đến ĐCCTHP năm 2019 ...	132
<b>Bảng 9:</b> Đánh giá của GV về các vấn đề liên quan đến ĐCCTHP năm 2024 .....	133
<b>Bảng 10:</b> Thống kê khả năng đáp ứng công việc của SV sau khi tốt nghiệp (K39 và K40) .....	133
<b>Bảng 11:</b> Ma trận mối quan hệ giữa các HP đạt CĐR của CTĐT năm 2024 .....	134
<b>Bảng 12:</b> Đánh giá của nhà sử dụng lao động về mức độ đáp ứng công việc của SV tốt nghiệp .....	136
<b>Bảng 13:</b> Tỷ lệ các khối kiến thức trong CTĐT dành cho CNBTTH áp dụng từ khóa năm 2019 - 2024.....	137
<b>Bảng 14:</b> Đánh giá mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động đối với SVTN.....	138
<b>Bảng 15:</b> Đánh giá của NH về sự phù hợp và tính hiệu quả của các hoạt động dạy học trong ĐCCT HP và CTĐR CNBTTH năm học 2023-2024 .....	138

### TIÊU CHUẨN 6 - 11

<b>Bảng 6.1:</b> Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT .....	140
<b>Bảng 6.1.1:</b> Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi .....	140
<b>Bảng 6.1.2:</b> Tỷ lệ GV/SV của CNBTTH.....	141
<b>Bảng 6.3:</b> Thành tích thi đua và khen thưởng của GV KTH (2019-2024).....	141
<b>Bảng 6.4:</b> Bảng thống kê số lượng các đề tài nghiên cứu các cấp của GV KTH (2019 - 2024).....	141
<b>Bảng 6.5:</b> Bảng thống kê số lượng các bài báo được công bố của GV KTH (2019 - 2024).....	142
<b>Bảng 6.6:</b> Bảng đối sánh giờ NCKH của cán bộ GV KTH giai đoạn 2019-2024 .....	142

<b>Bảng 8.1:</b> Thống kê tình hình nhập học của NH năm thứ nhất (từ năm 2019 đến 2024) .....	142
<b>Bảng 8.2:</b> Thống kê số NH đang học CTĐT CNBTTH (từ năm 2019 đến 2024).....	143
<b>Bảng 9.1:</b> Thống kê các tài liệu học tập tại thư viện Trường ĐHKĐAHN .....	143
<b>Bảng 9.2:</b> Thống kê các tài liệu học tập tại văn phòng KTH.....	143
<b>Bảng 11.1:</b> Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ thôi học của SV CNBTTH từ khóa tuyển sinh 2019 đến 2024. ....	144

## PHẦN I. KHÁI QUÁT

### 1. Đặt vấn đề

Trường ĐHSKĐAHN luôn hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, coi đó là vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của một CTĐT nói riêng, của cơ sở đào tạo nói chung. Để đào tạo được nguồn nhân lực có chất lượng thì buộc CTĐT phải đảm bảo chất lượng (ĐBCL) giáo dục. Trong những năm qua, Trường ĐHSKĐAHN luôn xem hoạt động ĐBCL là yếu tố then chốt để giữ vững và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Trong bối cảnh đó, khoa Truyền hình (sau đây gọi tắt là Khoa và viết tắt là KTH) đã xem việc khẳng định, nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng CTĐT của Khoa là việc làm cần thiết. Chính vì vậy, KTH, với tư cách là đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng, tổ chức đào tạo và quản lý chương trình, đã đăng ký tự đánh giá (TĐG) chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) (Thông tư 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016) và công văn hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (GDĐH).

Tự đánh giá (TĐG) là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục (ĐBCLGD) và xây dựng văn hóa chất lượng bên trong Khoa và các CTĐT đại học (ĐH). Trong quá trình triển khai công việc này, Hội đồng TĐG CTĐT CNBTTH. Căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT để tiến hành xem xét, TĐG và báo cáo về thực trạng chất lượng CTĐT ĐH CNBTTH, một trong những chuyên ngành đào tạo có vị trí quan trọng của Trường ĐHSKĐAHN, nhằm chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra.

Hội đồng TĐG CTĐT CNBTTH được thành lập theo Quyết định số 298/QĐ-SKĐAHN ngày 02/04/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHSKĐAHN bao gồm 17 thành viên. Trong đó, PGS.TS.NGND. Nguyễn Đình Thi, Hiệu trưởng - Chủ tịch hội đồng (CTHD); ThS. Đậu Nhật Minh - Phó Trưởng Khoa Truyền hình, Phó CTHD; TS. Trịnh Thúy Hương - Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục (KT&ĐBCLGD), Trưởng ban thư ký Hội đồng; TS. Phạm Trí Thành - Chủ tịch Hội đồng trường, thành viên; TS. Phạm Đắc Thi - Phó Hiệu trưởng, thành viên; TS. NSƯT. Bùi Như Lai - Phó Hiệu trưởng, thành viên; TS. Lại Thị Thanh Bình, đại diện Hội đồng Khoa học và đào tạo (KH&ĐT), thành viên. Thành viên còn lại trong Hội đồng đến từ các phòng chức năng liên quan: Phòng Đào tạo, Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế (ĐTQLKH&HTQT); Phòng Hành chính, Tổng hợp (HCTH); Phòng Công tác Học sinh, sinh viên (CTHSSV); Phòng KT&ĐBCLGD; KTH; Trung tâm Thông tin, thư viện (TTTTTV), Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (TNCSHCM); Viện Sân khấu - Điện ảnh (VSKĐA);GV;SV; KTH.

Mục đích TĐG CTĐT nhằm bảo đảm chất lượng CTĐT, nâng cao chất lượng CTĐT CNBTTH thông qua việc tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của chương trình đào tạo ở thời điểm TĐG; là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận

đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT CNBTTH; thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng (PVCD).

Báo cáo TĐG được cấu trúc thành 4 phần, cụ thể:

- Phần I: Tổng quan về quá trình TĐG và mô tả hiện trạng ngắn gọn về Trường ĐHSKĐAHN và đơn vị thực hiện CTĐT - KTH.

- Phần II: TĐG theo 11 tiêu chuẩn (gồm 50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT Ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH.

- Phần III: Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả TĐG.

- Phần IV: Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả TĐG CTĐT theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT Ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH, cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, danh mục minh chứng (MC) và các quyết định, văn bản liên quan đến quá trình TĐG, bảng tổng hợp kết quả TĐG.

Phương pháp TĐG chủ yếu là thu thập thông tin, MC từ các nguồn ở trong và ngoài Trường giai đoạn từ năm học 2019 -2020 đến năm học 2023- 2024, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng. Với mỗi một tiêu chuẩn, các tiêu chí được phân tích thành các yêu cầu và các câu hỏi đặt ra cho các yêu cầu, sau đó các thông tin, MC được thu thập từ các phòng chức năng, Khoa, Viện và các bên liên quan (BLQ).

Phương pháp mã hóa MC được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT Ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH.

Hx.ab.cd. ef

H: viết tắt của “hộp minh chứng”

x: số thứ tự của tiêu chuẩn (có giá trị từ 1 đến 11)

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10) cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01)

ef: số thứ tự minh chứng theo từng tiêu chí.

Quy trình TĐG được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 2085/QLCL ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn TĐG và đánh giá ngoài CTĐT và công văn 744/QLCL-KĐCLGD của Cục Quản lý chất lượng ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số lỗi kỹ thuật tại các phụ lục 5, 10, 12, 13, 15 công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD. Quy trình TĐG được thực hiện theo các bước chính sau: Thành lập Hội đồng TĐG; lập kế hoạch TĐG; phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và MC; xử lý, phân tích các thông tin và MC thu được; viết báo cáo TĐG; lưu trữ và sử

dụng báo cáo TĐG; triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG.

Để hoàn thành bản báo cáo TĐG, đội ngũ GV và các BLQ sử dụng nhiều phương pháp như thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp, khảo sát bằng bảng hỏi và tham vấn của các chuyên gia trong lĩnh vực BĐCL giáo dục.

Hoạt động TĐG chất lượng CTĐT của KTH được thực hiện trên cơ sở phối hợp với các đơn vị trực thuộc Trường ĐHSKĐAHN và đội ngũ GV, cán bộ hỗ trợ, đại diện SV, cựu SV của Khoa. Báo cáo TĐG chương trình CNBTTH là sản phẩm của một quá trình TĐG khách quan, trung thực, dân chủ, minh bạch và công khai theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT.

## **2. Tổng quan chung**

### **1.1. Trường ĐHSKĐAHN**

Trường ĐHSKĐAHN trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ văn hóa Thể thao và Du lịch (VHTT&DL), Bộ GD&ĐT. Trường là đơn vị sự nghiệp công lập, thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; hoạt động theo quy định của Luật Giáo dục, Điều lệ trường ĐH. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Mục đích hoạt động của Trường là đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và công nghệ điện ảnh - truyền hình (ĐA-TH) có trình độ từ đại học đến sau đại học, có phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực sáng tạo tốt, đáp ứng nhu cầu giữ gìn, kế thừa và phát triển văn hóa dân tộc, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Là một trung tâm đào tạo trọng điểm hàng đầu của cả nước trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình; có khả năng hội nhập và giao lưu quốc tế, đi đầu trong việc tiếp thu kinh nghiệm đào tạo trong lĩnh vực Sân khấu – Điện ảnh (SK- ĐA) của các nước vận dụng vào thực tế Việt Nam.

Điều chỉnh phiên bản năm 2016, năm 2022 sứ mạng của Trường được công bố như sau: “Trường ĐHSKĐAHN có sứ mạng đào tạo, bồi dưỡng nhân tài trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và công nghệ ĐA-TH.; thực hiện NCKH và ứng dụng trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật; quan tâm, thúc đẩy các hoạt động kết nối và PVCĐ; phát huy tinh thần, bản sắc văn hóa Việt Nam trong hội nhập quốc tế”.

Tầm nhìn của Trường ĐHSKĐAHN: “Trường ĐHSKĐAHN sẽ là một trường ĐH nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và công nghệ ĐA-TH tiến tới trở thành một trong các cơ sở đào tạo SK-ĐA hàng đầu trong khu vực châu Á”(Ban hành kèm theo Quyết định số 731/QĐ-SKĐAHN ngày 02/08/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHSKĐAHN về việc công bố Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu chiến lược, Giá trị cốt lõi, Khẩu hiệu, Triết lý giáo dục của Trường ĐHSKĐAHN). Tầm nhìn này sẽ giúp Nhà trường vạch ra cho mình hướng đi

đúng và nâng cao vị thế của Nhà trường trong nước cũng như vươn tầm quốc tế.

Vào năm 2017, Trường ĐHSKĐAHN được công nhận là Trường đạt chuẩn Quốc gia do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐH Quốc gia Hà Nội thực hiện đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận. Trong đề án “Phát triển Trường ĐHSKĐAHN đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035” ghi rõ mục tiêu: "Xây dựng Trường ĐHSKĐAHN thành Trường trọng điểm của quốc gia về đào tạo các ngành nghề phù hợp, gắn với đòi hỏi của thực tiễn xã hội; hệ thống chương trình, giáo trình và phương pháp đào tạo tiên tiến, tiếp cận chuẩn mực quốc tế; phương pháp đào tạo đa dạng, huy động được nguồn lực của toàn xã hội; đội ngũ GV, cán bộ quản lý giỏi, có phẩm chất chính trị, đủ năng lực và tiêu chuẩn tương đương trình độ quốc tế; cơ sở vật chất (CSVC) và kỹ thuật hiện đại, mang tính chuyên nghiệp cao, gắn với đặc thù từng ngành học; quan hệ hợp tác quốc tế sâu rộng; phương pháp quản lý và mô hình quản trị đại học tiên tiến, hiệu quả, đạt các chuẩn mực khu vực và quốc tế. Mục tiêu của Trường trong giai đoạn mới đã được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ ĐH quy định tại Luật Giáo dục, Luật GDĐH và gắn với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường.

Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học nhằm cụ thể hóa mục tiêu giáo dục. Kế hoạch năm học được phổ biến rộng rãi trong toàn Trường thông qua nhiều hình thức: Tại Hội nghị viên chức, người lao động của Trường; “Tuần sinh hoạt công dân” Đại hội Đảng và các đoàn thể; trên mạng lưới website của Trường; Sổ tay SV; Hội nghị tổng kết năm học của Nhà trường, đoàn thể. Các đơn vị trực thuộc Trường hằng năm có đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học.

Để những mục tiêu đề ra đạt được hiệu quả, Nhà trường có những chính sách nhằm nâng cao và ĐBCL về mặt giáo dục cũng như các hoạt động khác trong Nhà trường.

Trước hết, Nhà trường ban hành hệ thống các văn bản về tổ chức, quản lý các hoạt động của Nhà trường. Những văn bản này đều được công bố minh bạch trên phần mềm điện tử E.office, thông báo trong các cuộc họp, hội nghị, gửi thông báo công khai đến từng đơn vị, cá nhân trong toàn Trường. Trong đó quy định cụ thể chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc cũng như quy chế hoạt động, tổ chức hoạt động của Khoa đào tạo. Các quy định, quy chế này phù hợp với Điều lệ trường ĐH, các quy định của pháp luật và thường được bổ sung, cập nhật phù hợp với từng giai đoạn phát triển như sứ mạng và mục tiêu đã tuyên bố thông qua việc lấy ý kiến của các đơn vị, cá nhân liên quan. Những văn bản có tính pháp lý này đã và đang phát huy hiệu quả việc quản lý các hoạt động chung của Nhà trường, tạo nên một khối thống nhất, sự phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị trong quá trình triển khai các hoạt động. Từ đó nâng cao chất lượng toàn diện trong toàn trường.

Ngoài các văn bản quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của khoa, phòng, Trường ban hành các văn bản để phân định rõ chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, GV và nhân viên (NV). Sự phân công này được công bố công khai trên website của Trường, nhờ đó việc liên hệ công tác của các đơn vị, cá nhân bên ngoài cũng như giữa các đơn vị, cá nhân trong Trường được tiện lợi. Việc phân

công, phân cấp quyền hạn và trách nhiệm cho các đơn vị khá hợp lý, được cán bộ, nhân viên đồng tình, ủng hộ, phát huy được vai trò, tính tự chịu trách nhiệm của từng cá nhân và tập thể. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý, điều hành các mặt hoạt động của các đơn vị và Nhà trường.

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường luôn được nhấn mạnh về vai trò dẫn đầu trong việc duy trì, phát huy hiệu quả làm việc của toàn trường. Dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ, các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn TNCSHCM đã tổ chức được các hoạt động phong phú, đa dạng, thu hút đông đảo đảng viên, đoàn viên tham gia. Tổ chức Công đoàn đã đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động; chăm lo, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Công đoàn Trường đã tích cực, chủ động phối hợp với lãnh đạo các đơn vị, tham mưu cho cấp uỷ Đảng tổ chức triển khai, quán triệt chỉ thị, nghị quyết đến cán bộ, viên chức trong toàn Trường; tham gia tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách tiền lương và việc điều phối quỹ phúc lợi bảo đảm công bằng, minh bạch, góp phần ổn định Nhà trường.

Đoàn TNCSHCM của Trường đã tổ chức được nhiều phong trào cho thanh niên SV rèn luyện đạo đức, lối sống, kỹ năng sống. Bên cạnh việc chú trọng bảo đảm hiệu quả vận hành về mặt tổ chức, Nhà trường luôn coi chất lượng GDĐH là chìa khoá thành công trong việc phát huy sứ mạng đào tạo của mình. Bởi vậy, từ năm 2014, Trường đã có Phòng KT&ĐBCLGD. Công tác của Phòng là kiểm tra, giám sát thường xuyên thời gian giảng dạy, chất lượng giảng dạy, tính bảo mật của việc ra đề thi, chất lượng bài thi, tính nghiêm túc của các kỳ thi... Bên cạnh đó, Nhà trường có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của Nhà trường.

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2026 đã giới thiệu khái quát giai đoạn phát triển quan trọng, các lĩnh vực hoạt động và những thành tựu của Nhà trường; phân tích những điểm mạnh cơ bản, những tồn tại cần khắc phục; đồng thời đánh giá những cơ hội và thách thức mà Nhà trường đang đối mặt trên các lĩnh vực hoạt động; tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn đến năm 2030 và xây dựng mục tiêu chiến lược cho các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường; cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược bằng hệ thống các giải pháp, chỉ số giám sát, khung thời gian và nguồn tài chính để đẩy mạnh việc xây dựng Trường thành Trường ĐH trọng điểm quốc gia.

Song song với việc xây dựng kế hoạch dài hạn, công tác xây dựng kế hoạch phát triển Nhà trường ngắn hạn, trung hạn cũng được Nhà trường xúc tiến hàng năm. Nhà trường đã đề ra được các chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường bao gồm: Xây dựng, ban hành các quy chế, quy định, hướng dẫn để cụ thể hóa. Triển khai thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện trong chương trình công tác hằng năm của Ủy ban Kiểm tra Đảng uỷ, Ban Thanh tra nhân dân... Ban Giám hiệu (BGH) trực tiếp duyệt kế hoạch công tác năm học của tất cả các đơn vị trực thuộc Trường.

## ***1.2. Khoa Truyền hình***

Đơn vị thực hiện Chương trình là KTH - Trường ĐHSKĐAHN (thành lập theo Quyết định số 85/2004/QĐ-BVHTT ngày 23/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin, nay là Bộ VHTT&DL). KTH chính thức tuyển sinh khóa đầu tiên vào tháng 7/2005 với hai chuyên ngành là Đạo diễn truyền hình (ĐDTH) và Quay phim truyền hình (QPTH) gồm 41 SV. Với chức năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, NCKH, thực hành, thực tập... KTH đã và đang là địa chỉ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của lĩnh vực truyền hình trong cả nước. Từ kỳ thi tuyển sinh ĐH chính quy năm 2013, Khoa tuyển sinh CNBTTH nhằm phục vụ yêu cầu chuyên môn hoá ngày càng cao trong lĩnh vực truyền hình. Việc mở CNBTTH đã góp phần giải quyết nhu cầu thực tiễn về nguồn nhân lực chất lượng cao của ngành truyền hình - truyền thông đang phát triển của đất nước. Sự đa dạng của các chuyên ngành và những nỗ lực không ngừng nhằm nâng cao chất lượng dạy và học đã thể hiện sự đúng đắn trong định hướng đào tạo của KTH.

Hiện nay, Khoa đang đào tạo ba chuyên ngành trình độ ĐH học chính quy là: Đạo diễn truyền hình (ĐDTH), Quay phim truyền hình (QPTH) và Biên tập truyền hình (BTTH). Tháng 6/2019 Khoa đã tiếp nhận thêm chuyên ngành Đạo diễn ĐA-TH, chuyên ngành Quay phim (hệ vừa làm vừa học) và Đạo diễn ĐA-TH (văn bằng 2). Truyền hình luôn được biết đến là một ngành yêu cầu ý thức kỷ luật cao và đòi hỏi phải có năng lực chuyên môn trong công việc. KTH cam kết trang bị cho NH những kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực truyền hình và các kỹ năng cơ bản giúp cho NH sau khi tốt nghiệp có thể nhanh chóng nắm bắt được những vấn đề của xã hội để phản ánh trong tác phẩm truyền hình, đồng thời luôn theo kịp sự phát triển của công nghệ hiện đại. CTĐT của Khoa cung cấp cho SV những kiến thức nền tảng, cơ bản và toàn diện về nghiệp vụ biên tập, nghiệp vụ báo chí, báo hình, các kỹ năng thực hành làm các chương trình truyền hình (tọa đàm, phỏng vấn, gameshow...), các thể loại phim (phim truyện, phim tài liệu, phóng sự, phim ca nhạc...). Tác phẩm truyền hình luôn có sức lan tỏa mạnh mẽ, tạo sự ảnh hưởng nhanh và mạnh trong dư luận xã hội. Do đó, KTH luôn tạo điều kiện tốt nhất để SV phát huy năng lực sáng tạo của bản thân trong học tập và NCKH, song song với việc rèn luyện về tư cách đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật để có thể thích ứng với môi trường làm việc áp lực cao.

Những phim ngắn, phóng sự bài tập, bài tốt nghiệp của SV KTH đề cập đến những đề tài phong phú với ý tưởng sáng tạo cao. Nhiều SV đã mạnh dạn thực hiện những vấn đề nóng của xã hội, hoặc những vấn đề mang đậm chất văn hóa truyền thống của dân tộc. SV luôn chịu khó tìm tòi, khám phá nhiều địa hình, phát hiện đối tượng điển hình để thể hiện sâu sắc trong tác phẩm với sự đam mê và thái độ nghiêm túc, nhiệt tình, thể hiện phẩm chất nhanh nhạy, năng lực sáng tạo cần thiết của người phóng viên,

người làm báo hình. Một số phim, phóng sự do SV thực hiện rất thành công, thể hiện mạnh mẽ sự dân thân trong các đề tài khó, mang tính nhạy cảm.

Phần lớn SV của Khoa sau khi tốt nghiệp đã tìm được việc làm đúng ngành nghề đào tạo và khẳng định được vị trí của mình trong các Đài truyền hình của Trung ương và địa phương.

Trải qua hơn 11 năm đào tạo, CNBTTH đã đào tạo hàng trăm cử nhân. Các SV học biên tập sau khi ra trường có kiến thức và kỹ năng tốt, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho hệ thống các Đài truyền hình như: Đài truyền hình Việt Nam, Truyền hình Công an nhân dân, Truyền hình Quốc hội, Truyền hình Quân đội nhân dân, Truyền hình Quốc phòng... Họ góp phần làm nên diện mạo của ngành truyền hình giai đoạn hiện nay.

Hiện nay, đội ngũ giảng dạy của Khoa có 05 GV trong biên chế, 02 cán bộ kỹ thuật, 02 cán bộ hợp đồng trong đó có 08 thạc sĩ, 1 cử nhân. Tuy nhiên, do đội ngũ GV tuổi đời còn trẻ, lực lượng mỏng... Vì vậy, việc đào tạo CNBTTH vẫn rất cần những GV thỉnh giảng có nhiều năm kinh nghiệm làm nghề và giảng dạy, được đào tạo cả trong và ngoài nước như các Biên tập viên: ThS. Nguyễn Minh Trang, ThS. Nguyễn Thị Mai Hiền, ThS. Trần Thị Hồng Hà, ThS. Đỗ Thị Bạch Dương, ThS. Nguyễn Hương Mai, NSND. Nguyễn Hoàng Lâm, vv...

SV KTH năng động và sáng tạo, luôn nằm trong nhóm đầu của Nhà trường khi tham gia các hội thi Cánh diều vàng, Liên hoan phim ngắn tại Liên hoan phim Quốc gia. Trường ĐHSKĐAHN còn là thành viên Hiệp hội các Trường Điện ảnh và Truyền hình thế giới (CILECT), hàng năm KTH đều gửi các phim ngắn do SV sản xuất đi dự Liên hoan phim của Hiệp hội và đã mang về các giải thưởng danh giá, góp phần thể hiện hình ảnh của văn hóa Việt Nam trên bản đồ văn hóa thế giới. Bằng các mối quan hệ tốt với các nhà tuyển dụng (NTD) trong nước, các công ty sản xuất phim nhà nước và tư nhân, các GV của Khoa đã tạo dựng nhiều cơ hội để các SV của mình đi thực tập, làm việc tại các đoàn phim... nâng cao nghiệp vụ thực hành, cọ xát thử thách nghiệp vụ ở các trình độ ... và cũng là cơ hội tiếp cận việc làm khi SV ra trường (Trung tâm sản xuất phim truyền hình Việt Nam - VFC, các Ban thuộc Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Truyền hình Hà Nội và rất nhiều công ty truyền thông tư nhân...). Cán bộ và SV KTH có truyền thống tinh thần tương thân tương ái. Các cựu SV, GV của Khoa có quỹ học bổng hỗ trợ các SV có điều kiện khó khăn và động viên khuyến khích các SV có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện. Các hãng sản xuất, kinh doanh cho thuê thiết bị điện ảnh của thế giới và Việt Nam, thông qua mối quan của khoa đã tài trợ, tổ chức các cuộc thi (VD như hãng Canon, Sony...) để tạo điều kiện cho SV CNBTTH làm các phim ngắn, các phóng sự, biên tập các chương trình trình truyền hình trong và ngoài chương trình học tập.

Sứ mạng của Khoa cũng chính là sứ mạng của Trường, đó là đào tạo lực lượng BTTH, cung cấp nguồn nhân lực chính dẫn đầu quốc gia. Cụ thể, Khoa chịu trách nhiệm

đào tạo cử nhân chính quy chuyên ngành ĐDTH, QPTH, BTTH đáp ứng nhu cầu của thị trường truyền hình.

Khoa đã và đang thực hiện những chính sách và hoạt động cụ thể nhằm bảo đảm chất lượng toàn diện. Chính sách đầu tiên liên quan tới công tác chính trị, tư tưởng. Được sự chỉ đạo của Đảng ủy, BGH Nhà trường, Chi bộ Điện ảnh, viên chức, người lao động, SV của khoa luôn quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của ngành GD&ĐT; phát huy quyền làm chủ của viên chức, người lao động, NH, gắn liền với sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng. Toàn thể cán bộ Khoa đoàn kết, đồng lòng với các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như Nhà trường, góp phần xây dựng Trường và Khoa ngày càng vững mạnh.

Công tác SV; công tác đoàn thể cũng được chú trọng. Khoa đã chỉ đạo liên chi đoàn tổ chức nhiều hoạt động bổ ích, thiết thực. Tổ chức tốt tuần sinh hoạt công dân đầu khoá, đầu các năm học. Tổ chức quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của ngành GD&ĐT cho NH thông qua các buổi sinh hoạt cán bộ lớp, cán bộ đoàn và các hoạt động chung của Khoa. Tham gia Hội nghị đối thoại giữa SV với lãnh đạo Nhà trường, Khoa nắm bắt thông tin và giải quyết kịp thời những kiến nghị, đề xuất của SV và học viên, không có hiện tượng khiếu nại vượt cấp.

Công tác tổ chức và xây dựng đội ngũ được coi là nòng cốt để tạo nền móng bền vững cho chất lượng đào tạo. Các GV cũng theo học những khóa ngắn hạn trong nước và ngoài nước để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm.

Công tác đào tạo, BĐCL và thanh tra giáo dục cũng là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình nâng cao chất lượng giáo dục. CTĐT của KTH được cập nhật với xu thế của thế giới, nội dung giảng dạy ngày càng phong phú, linh hoạt và theo định hướng phát triển năng lực đáp ứng nhu cầu xã hội.

Khoa rất chú trọng hỗ trợ công tác NCKH cho SV thông qua chương trình chiếu phim học tập giao lưu với các Nhà làm phim; Nhà nghiên cứu phim. Chương trình này KTH tổ chức định kỳ mỗi tuần một buổi từ năm 2014. Do vậy, SV của Khoa luôn được cập nhật các bộ phim mới, các phim đạt giải thưởng trong nước và trên thế giới. Trong những buổi giao lưu đó các GV cũng cùng nhau phân tích, thảo luận để công tác học tập đạt hiệu quả cao hơn. Đặc biệt, trong các giờ học chuyên đề Khoa có mời các Nhà sản xuất, Đạo diễn, Quay phim, các Họa sĩ thiết kế (Đạo diễn Đỗ Thanh Hải, Đạo diễn Nguyễn Hoàng Lâm, Đạo diễn Tạ Quỳnh Tư, Đạo diễn Nguyễn Thước, Nhà quay phim Lý Thái Dũng, Nhà quay phim Trịnh Quang Tùng...) chia sẻ những kinh nghiệm từ thành công và chưa thành công trong nghề để các GV và SV có được những bài học thực sự cần thiết đối với ngành nghề đặc thù này.

Công tác CSVC, thiết bị, kế hoạch - tài chính, đời sống cũng được coi là

nhiệm vụ thiết yếu trong tổng thể BĐCL của Trường và Khoa. CSVC phục vụ đào tạo và chuyên môn nghiệp vụ của Khoa do Nhà trường phân bổ. Quỹ hoạt động của Khoa luôn được chi đúng mục đích và minh bạch, theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Quỹ phúc lợi được chia công bằng cho cán bộ nhân dịp các ngày lễ lớn như quốc tế lao động 1/5, kỷ niệm quốc khánh 2/9, ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, kỷ niệm ngày Thành lập trường 17/12, Tết Nguyên Đán... Ngoài ra đơn vị còn tổ chức thăm hỏi động viên cán bộ và thân nhân khi có việc trọng đại. Công tác thăm hỏi cựu giáo chức luôn được quan tâm chu đáo, duy trì mối quan hệ tốt đẹp giữa các thế hệ cán bộ. Đời sống cán bộ Khoa ngày càng được nâng lên, cán bộ yên tâm làm việc và gắn bó với nghề.

Với những chính sách bao quát và toàn diện trong việc bảo đảm và phát huy chất lượng giáo dục của Trường từ khi thành lập đến nay, KTH luôn là địa chỉ tin cậy cho SV chọn làm nơi rèn đức luyện tài, là một đơn vị đào tạo trong ngôi Trường có bề dày truyền thống hơn 40 năm xây dựng và phát triển.

## PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

### **Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

#### ***Mở đầu***

*Gắn với chức năng và nhiệm vụ đào tạo, mục tiêu của CTĐT trình độ ĐH CNBTTH được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHSKĐAHN và phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định trong Luật GDDH. Cùng với đó CDR luôn được chú trọng khi xây dựng CTĐT. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai.*

***Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở GDDH, phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật GDDH.***

#### ***1. Mô tả hiện trạng***

Mục tiêu của CTĐT CNBTTH được xác định rõ ràng theo văn bản quy định về xây dựng CTĐT với yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ ĐH [H01.01.01.01]; mục tiêu của CTĐT hướng tới việc thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H01.01.01.02]. Cụ thể, SV sau khi tốt nghiệp CTĐT người học có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, có kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp từ đó trở thành BTTH chuyên nghiệp có khả năng tham gia vào quá trình sản xuất, thực hiện các chương trình truyền hình, quảng cáo, phim tại các Đài Truyền hình, Cơ quan truyền thông và Hãng phim. Ngoài ra còn bảo đảm thực hiện và phát triển các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến truyền hình nói riêng và văn hoá nói chung trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế [H01.01.01.03].

CTĐT đã được rà soát, điều chỉnh, để phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường. Từ năm 2018, thực hiện hướng dẫn quy trình xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT của Trường ĐHSKĐAHN, KTH đã tổ chức xây dựng và triển khai đổi mới chương trình [H01.01.01.04]. Mục tiêu của CTĐT CNBTTH phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ ĐH quy định tại Luật GDDH. Mục tiêu đào tạo được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, luôn được điều chỉnh, cập nhật và phát triển theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, quy mô phát triển của Khoa, Trường. Theo đó, một điểm đổi mới quan trọng là sự thay đổi về số đơn vị học trình (ĐVHT) và số đầu môn. Từ năm 2019 đến 2024, CNBTTH đã có những đổi mới và cập nhật liên quan đến cả hai lĩnh vực nghệ thuật và kỹ thuật truyền hình, nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới của xã hội. Giai đoạn 2019 - 2024, Khoa đã lấy ý kiến đóng góp của chuyên gia, cơ quan quản lý chuyên môn, Trưởng Bộ môn, SV năm cuối, cựu SV và NTD [H01.01.01.05]. Kết quả cho thấy tất cả đều đánh giá các kiến thức, kỹ năng, năng lực trong CDR, các HP trong khung CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường [H01.01.01.06].

## 2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT CNBTTH được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSKĐAHN và các quy định của Bộ GD&ĐT, đồng thời phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động.

## 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến nhận xét của các BLQ, nhất là cựu sinh viên (SV) về mục tiêu của CTĐT nhằm bổ sung, cập nhật, hoàn chỉnh mục tiêu chưa được nhiều.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Trường ĐHSKĐAHN/ KTH căn cứ quy định hiện hành để điều chỉnh, cập nhật kịp thời, bảo đảm phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn phiên bản năm 2022 của Trường, với Luật giáo dục năm 2019.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp với Phòng ĐTQLKH&HTQT, Phòng KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch và tổ chức tham vấn nhiều hơn các BLQ (nhất là cựu SV, các NTD) về mục tiêu của CTĐT CNBTTH.

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

**Tiêu chí 1.2: CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.**

### 1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT trình độ cử nhân CNBTTH là cam kết của Trường/Khoa về năng lực và chất lượng đào tạo để xã hội giám sát, công khai để NH biết được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm mà họ cần đạt để được tốt nghiệp. Năm 2018, CĐR của chương trình được xây dựng, rà soát và điều chỉnh theo quy trình thống nhất [H01.01.02.01]. Theo đó, CĐR của CTĐT đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho SV và GV dễ dàng xác định mục tiêu cần đạt được trong quá trình giảng dạy và học tập về các kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập và giảng dạy [H01.01.02.02].

CĐR của CTĐT trình độ ĐH CNBTTH bao quát được tất cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể là:

(1) Về mặt kiến thức: Sau khi hoàn thành CTĐT đối với khối kiến thức và lập luận ngành; kiến thức cơ sở ngành; chuyên ngành, SV có thể áp dụng linh hoạt những kiến thức cơ bản liên quan đến các hiểu biết về lý luận chính trị, kiến thức xã hội, sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) để tự học, nâng cao hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu; sáng tạo trong công tác chuyên môn trên cơ sở áp dụng các kiến thức chuyên sâu trong hoạt động nghề nghiệp. Sau khi hoàn thành các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, SV có thể áp dụng lý thuyết để thực hiện hệ thống, toàn diện và chuyên sâu về các hoạt động thuộc lĩnh vực biên tập truyền hình và các hoạt động liên quan như: biên tập phim; đạo diễn truyền hình; quay phim; tiếng nói; hình thể; tổ chức sản xuất chương trình truyền hình; quảng cáo - cổ động truyền hình; tổ chức các chuyên đề: cập nhật xu thế của truyền hình...

(2) Về kỹ năng chuyên môn: Sinh viên hoàn thành CTĐT BTTH có thể áp dụng, sáng tạo kiến thức vào công việc chuyên sâu về: Nghiệp vụ BTTH; đạo diễn điện ảnh - truyền hình; quay phim; tiếng nói; hình thể; biên tập phim truyện và phim tài liệu; các kỹ năng biên tập làm tin, phóng sự, ký sự, tiểu phẩm truyền hình; kỹ năng giao tiếp trước ống kính, dẫn chương trình truyền hình; các kỹ năng tham gia xây dựng, sản xuất các chương trình tọa đàm, đối thoại, truyền hình thực tế, chương trình ca nhạc, trò chơi truyền hình; kỹ năng phát triển, xây dựng format truyền hình.

(3) Về năng lực thực hành nghề nghiệp: Có khả năng phát hiện, tìm kiếm đề tài và khai thác các đề tài trong thực tế cuộc sống để xây dựng nội dung chương trình truyền hình. Quản trị ý tưởng đó để sản xuất các chương trình truyền hình.

(4) Về NCKH: Có phương pháp và khả năng tư duy, viết các tiểu luận, chuyên đề liên quan đến chuyên ngành đào tạo. Chủ động nghiên cứu, tiếp cận các công nghệ mới, hệ thống trang thiết bị hiện đại nhằm đáp ứng được yêu cầu công việc. Có khả năng viết và thẩm định kịch bản các chương trình truyền hình hoặc đề cương phóng sự, tin tức truyền hình. Có khả năng hình thành và phát triển ý tưởng nội dung của các chương trình truyền hình cơ bản như: Bản tin, Trò chơi truyền hình, Chương trình ca nhạc; Cổ động - Quảng cáo; Tọa đàm - đối thoại (Talk show), làm phóng sự; Phát triển ý tưởng, xây dựng kịch bản cho các chương trình truyền hình khác như Ký sự truyền hình, Tiểu phẩm truyền hình... Có khả năng tham gia sản xuất chương trình truyền hình, thực hiện công tác của phóng viên, công tác của biên tập viên truyền hình. Có khả năng độc lập trong việc sáng tạo, tự học tập, tự nghiên cứu những vấn đề liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.

(5) Về phân tích và xử lý thông tin: Có khả năng tư duy, tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và xử lý các sự kiện trong xã hội.

(6) Về kỹ năng giao tiếp, thuyết trình: Có những kỹ năng cơ bản về lập báo cáo bằng các phương tiện khác nhau; thuyết trình, giải thích và thuyết phục người khác về những nội dung, giải pháp để thực hiện các ý tưởng trong lĩnh vực chuyên ngành.

(7) Về kỹ năng làm việc theo nhóm: Biết cách tổ chức, quản lý, phối hợp, tôn trọng và lắng nghe các thành viên khác trong nhóm; biết cách sắp xếp thời gian làm việc khoa học để đạt được hiệu quả cao nhất.

(8) Về khả năng sử dụng Ngoại ngữ, Tin học: Có khả năng sử dụng tốt tiếng Anh cơ bản trong giao tiếp và tham khảo, nghiên cứu các tài liệu chuyên ngành. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng và một số phần mềm chuyên dụng liên quan đến lĩnh vực truyền hình.

Tuy nhiên, CĐR cho từng môn học mới chỉ được phản ánh dưới dạng mục tiêu của từng môn học [H01.01.02.03]. CĐR của CTĐT trình độ ĐH CNBTTH được đo lường và đánh giá về các mặt kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm của SV thông qua năng lực của SV giải quyết các bài tập tình huống trên lớp, giải quyết các bài tập nhóm, bài tiểu luận, bài thi kết thúc HP và thực hiện bài tốt nghiệp. Thang điểm đạt được của các phương pháp đánh giá trên cho thấy SV đạt được CĐR ở mức độ khá

cao theo yêu cầu. Bên cạnh đó, KTH còn thực hiện việc khảo sát NTD, các GV là các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành và cựu SV về CDR thông qua buổi tọa đàm về CTĐT. Kết quả cho thấy các đối tượng tham gia khảo sát đều đánh giá CDR đáp ứng được yêu cầu NH cũng như yêu cầu tại đơn vị tuyển dụng [H01.01.02.04, H01.01.02.05].

## 2. Điểm mạnh

CDR của CTĐT CNBTTH được xác định rõ ràng, được cụ thể thành những kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ mà SV đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, đồng thời phản ánh được mục tiêu đào tạo.

## 3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá và đo lường CDR CNBTTH còn chưa bài bản, nhất là đo các CDR về kỹ năng.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp với Phòng ĐTQLKH&HTQT, Phòng KT&ĐBCLGD rà soát các CDR của CTĐT để thực hiện đo lường và đánh giá mức độ đạt được CDR CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp với Phòng ĐTQLKH&HTQT, Phòng KT&ĐBCLGD lập kế hoạch hiệu chỉnh chuẩn đầu ra, nhất là chuẩn đầu ra về kỹ năng để phát triển chương trình theo CDR, cải tiến CTĐT.

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

***Tiêu chí 1.3: CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai***

### 1. Mô tả hiện trạng

CDR của CTĐT trình độ ĐH CNBTTH phản ánh được yêu cầu của các BLQ. CDR của CTĐT trình độ ĐH CNBTTH được xây dựng từ năm 2017. Căn cứ vào hướng dẫn xây dựng CDR được Trường ban hành, ý kiến khảo sát của các BLQ, khảo sát nhu cầu thị trường lao động, KTH đã tiến hành hợp xây dựng và thống nhất CDR [H01.01.03.01]. Do CDR được rà soát, điều chỉnh theo ý kiến của các BLQ nên CDR của CTĐT cử nhân CNBTTH ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp các SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình.

CDR của CTĐT trình độ ĐH CNBTTH được định kỳ rà soát điều chỉnh hai năm một lần. Theo đó, sau khi ban hành CDR vào năm 2017, đến năm 2019, Phòng ĐTQLKH&HTQT phối hợp với KTH đã tiến hành rà soát và điều chỉnh CTĐT nói chung và CDR nói riêng của CTĐT các chuyên ngành KTH trong đó có CNBTTH. Việc rà soát điều chỉnh được thực hiện theo trình tự như sau: Đầu tiên là lấy ý kiến đánh giá của NH các khóa trước, ý kiến nhà sử dụng lao động [H01.01.03.02], tổng hợp thực trạng nhu cầu nhân lực trên thị trường [H01.01.03.03]. Sau khi tổng hợp ý kiến của các BLQ, Khoa tiến hành phân tích, đánh giá việc điều chỉnh bổ sung CDR áp dụng cho khóa học kế tiếp, cuối cùng là trình Hiệu trưởng ký ban hành và công bố công khai

**[H01.01.03.04].** CĐR của CTĐT trình độ ĐH CNBTTH được công bố công khai, rộng rãi thông qua Website của Trường, KTH và Sổ tay SV giúp GV; SV; các BLQ dễ dàng tiếp cận được CĐR của CTĐT **[H01.01.03.05].**

## 2. Điểm mạnh

CĐR được định kỳ rà soát và điều chỉnh giúp cho CĐR của CTĐT được cập nhật, thay đổi phù hợp với nhu cầu thực tế và được công bố công khai.

## 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các BLQ về CĐR chưa rộng rãi và thường xuyên. Chất lượng và số lượng tham gia đóng góp của các BLQ chưa nhiều.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp với Phòng ĐTQLKH&HTQ, Phòng KT&ĐBCLGD và Phòng CTHSSV tiếp tục đa dạng hoá cách thức truyền thông CĐR đến các BLQ từ đó thiết lập cơ chế trao đổi thông tin để rà soát cập nhật CĐR của chương trình.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH chủ động thành lập Ban liên lạc cựu SV để có thêm kênh thông tin lấy phản hồi về CĐR cũng như các hoạt động đào tạo của Khoa/Trường. Duy trì và mở rộng mối quan hệ với các NTD để gia tăng quy mô của các đợt khảo sát. Định kỳ 2 năm/lần tổ chức hội nghị cựu SV và NTD để lấy ý kiến về CTĐT và CĐR.

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1***

\* ***Điểm mạnh nổi bật:*** Mục tiêu CTĐT của CNBTTH được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường; phù hợp với Luật Giáo dục, Luật GDĐH. CĐR của CTĐT đã thể hiện được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. CĐR của CTĐT được kịp thời bổ sung, điều chỉnh dựa trên sự tham khảo các ý kiến phản hồi từ các BLQ đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của ngành truyền hình. CĐR của CTĐT được công bố công khai, rộng rãi đến NH và các BLQ bằng nhiều hình thức khác nhau.

\* ***Điểm tồn tại cơ bản:*** Việc lấy ý kiến của cựu SV và NTD về mục tiêu CTĐT còn ít. Khoa chưa xây dựng được báo cáo đối sánh CĐR của CTĐT CNBTTH với CĐR của CTĐT CNBTTH của các trường ĐH trong và ngoài nước. Khi lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về CĐR chưa được thường xuyên, số lượng còn ít.

\* ***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:*** Tiêu chuẩn 1 có ba tiêu chí, cả 3 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT**

### ***Mở đầu***

*Bản mô tả CTĐT CNBTTH và đề cương học phần (ĐCHP) là tài liệu phục vụ cho hoạt động rà soát nội bộ và giám sát các hoạt động của CTĐT. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP được KTH xây dựng dựa theo hướng dẫn của Nhà trường, bảo đảm sự rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin về CTĐT; là nguồn thông tin quan trọng, chính thống giúp NH, NTD lao động và xã hội nắm bắt các thông tin cần thiết, đặc biệt là các khối kiến thức, kỹ năng mềm được trang bị trong chương trình. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP cũng là cơ sở để GV, SV nghiên cứu, thực hiện các yêu cầu của chương trình, bảo đảm đạt được CĐR của CTĐT.*

### **Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Bản mô tả CTĐT trình độ cử nhân CNBTTH có đầy đủ thông tin và cập nhật cùng với thời điểm chỉnh sửa, rà soát, cập nhật CTĐT. Năm 2018, sau hoạt động đánh giá ngoài cơ sở giáo dục của Trường, CTĐT CNBTTH được cập nhật chỉnh sửa. Đầu năm 2023, KTH đã tiến hành hoàn thiện bản mô tả CTĐT qua 2 lần cập nhật **[H02.02.01.01]**. Bản mô tả CTĐT thể hiện đầy đủ các nội dung: Tóm tắt mục tiêu đào tạo; CĐR; cấu trúc khóa học; nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; ma trận thể hiện sự đóng góp của các HP vào việc đạt CĐR của chương trình; bản mô tả các HP. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin liên quan như: Tên cơ sở giáo dục đào tạo, mục tiêu đào tạo, tiêu chí tuyển sinh, thông tin về CĐR, cấu trúc khóa học, số đơn vị HP - Số tín chỉ (TC) tương đương, nội dung HP giúp NH có cái nhìn tổng quát về CTĐT **[H02.02.01.02]**. Bản mô tả CTĐT có sự cập nhật và điều chỉnh những nội dung mới nhất có liên quan của CTĐT. Bên cạnh kiến thức, Chương trình còn thể hiện các kỹ năng mà NH đạt được khi tốt nghiệp. Đồng thời, Chương trình được cập nhật, chỉnh sửa trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của GV; cựu SV; NTD; nhà quản lý nhằm bảo đảm chương trình mang tính thực tiễn, phản ánh nhu cầu xã hội **[H02.02.01.03]**.

#### **2. Điểm mạnh**

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT CNBTTH bảo đảm tính đầy đủ và tường minh về thông tin, các nội dung cập nhật và bảo đảm theo các quy định của Chính phủ, Bộ GD&ĐT và nhu cầu của NH, người sử dụng lao động.

Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, tuân thủ theo quy định của các cấp quản lý của Trường ĐHSKĐAHN và Bộ GD&ĐT.

#### **3. Điểm tồn tại**

Việc lấy ý kiến khảo sát CTĐT của các BLQ chưa rộng, chưa bài bản.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH, Phòng ĐTQLKH&HTQT tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung bản mô tả CTĐT, ma trận CĐR định kỳ trên cơ sở lấy ý kiến của các BLQ.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH, Phòng ĐTQLKH&HTQT, Phòng CTHSSV phối hợp mở rộng quy mô lấy ý kiến khảo sát của các BLQ về số lượng

người tham gia khảo sát và phạm vi thực hiện khảo sát.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 4/7)

***Tiêu chí 2.2: Đề cương các HP đầy đủ thông tin và cập nhật***

***1. Mô tả hiện trạng***

Trên cơ sở bản mô tả CTĐT, KTH đã tổ chức xây dựng đề cương các HP, chỉnh sửa, bổ sung nội dung ĐCHP theo quy trình được hướng dẫn tại các văn bản của Trường ĐHKĐAHN ban hành theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT quy định về Chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH [H02.02.02.01]. ĐCCT các HP được xây dựng vào năm 2018. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa ở mục tiêu và được thể hiện ở các CĐR của từng HP.

Sau quá trình chỉnh sửa, bổ sung, ĐCCT các HP đã bảo đảm theo quy định, bao gồm các thông tin cơ bản, như sau: (1) Thông tin chung về HP (tên HP bằng tiếng Anh, mã HP, điều kiện tiên quyết, vị trí, phân loại HP, yêu cầu khác); (2) Mục tiêu của HP; (3) CĐR; (4) Tóm tắt nội dung HP; (5) Nội dung chi tiết HP và kế hoạch dạy học;

(6) Học liệu; (7) Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá; 100% đề cương các môn học/HP trong CTĐT cung cấp đầy đủ thông tin bao gồm: tên đơn vị/ tên GV đảm nhận giảng dạy; tên môn học/HP; số ĐVHT (số tín chỉ tương đương); mục tiêu, CĐR của môn học/HP, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR; các yêu cầu của môn học/HP; cấu trúc môn học/HP; phương pháp dạy - học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo [H02.02.02.02].

100% đề cương môn học/HP được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/HP, danh mục tài liệu. Sự điều chỉnh và cập nhật này đều dựa trên ý kiến khảo sát từ GV; SV năm cuối; cựu SV; các nhà quản lý và NTD lao động nhằm hướng tới mục tiêu giáo dục bám sát và đáp ứng nhu cầu xã hội [H02.02.01.03].

***2. Điểm mạnh***

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin và được rà soát, cập nhật giúp NH và xã hội có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT.

***3. Điểm tồn tại***

Việc lấy ý kiến góp ý về CTĐT từ các BLQ đã được tiến hành, tuy nhiên hình thức cung cấp thông tin chưa đa dạng.

***4. Kế hoạch hành động***

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp với Phòng ĐTQLKH&HTQT tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung đề cương các HP để cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển của lĩnh vực CNTT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH, Phòng ĐTQLKH & HTQT tăng cường việc lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ về CTĐT bằng cách đa dạng hóa

hình thức cung cấp thông tin.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 4/7)

***Tiêu chí 2.3: Bản mô tả CTĐT và ĐCHP được công bố công khai và các BLQ dễ dàng tiếp cận.***

1. *Mô tả hiện trạng*

Sau khi bản mô tả CTĐT CNBTTH được ban hành năm 2018 và hệ thống ĐCHP đã được phê duyệt, KTH đã hợp thống nhất các kênh thông tin, hình thức và nội dung của thông tin quảng bá về CTĐT. Bản mô tả CTĐT, hệ thống ĐCCT HP đã công bố công khai cho NH và GV và các BLQ bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên website của Trường ĐHSKĐAHN [H02.02.03.01], Sổ tay SV, trong các tờ giới thiệu về cho học sinh phổ thông tại cơ sở. Những điều chỉnh, bổ sung đều được cập nhật trên website của Nhà trường để cán bộ, SV và những người có nhu cầu tìm hiểu về chuyên ngành học biết và thực hiện.

Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và các ĐCCT HP bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho SV nắm được các HP có thể xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP trước khi công bố công khai đều được phản biện bởi Hội đồng KH&ĐT của Khoa, các chuyên gia trong và ngoài trường. Bản mô tả CTĐT và các ĐCHP được điều chỉnh định kỳ dựa trên việc thu thập ý kiến của các NTD, cựu SV, SV năm cuối [H02.02.03.02].

2. *Điểm mạnh*

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP trong CTĐT được công bố công khai đến NH và các BLQ bằng nhiều hình thức, tạo điều kiện thuận tiện cho SV, GV và các BLQ tiếp cận dễ dàng.

3. *Điểm tồn tại*

Hình thức công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP đến nhà sử dụng lao động, nhà khoa học chưa được đa dạng.

4. *Kế hoạch hành động*

*Phát huy điểm mạnh:* Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp với Phòng ĐTQLKH&HTQT tiếp tục công bố rộng rãi bản mô tả CTĐT và đề cương các HP lên website của Trường/Khoa hoặc triển khai nhiều cách thức công khai để tạo điều kiện cho các BLQ dễ dàng tiếp cận hơn.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp với Phòng ĐTQLKH&HTQT, Phòng KT&ĐBCLGD xây dựng cơ chế đánh giá mức tiếp cận của các BLQ đối với Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP sau đó tổ chức đánh giá định kỳ theo quy định. Đa dạng hóa hình thức công khai bản mô tả CTĐT và đề cương các HP đến NTD.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 4/7)

***Kết luận về Tiêu chuẩn 2***

\* *Điểm mạnh nổi bật:* Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin và cập nhật giúp

NH có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT. Bản ĐCCT các HP trong CTĐT CNBTTH nhận được nhiều đóng góp từ đội ngũ chuyên gia, GV nhiều kinh nghiệm. Trong đề cương có mục tiêu, nội dung rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin và cập nhật cho SV đang học tại Khoa. Bản mô tả CTĐT CNBTTH và ĐCHP được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau để GV, SV, các BLQ dễ dàng tiếp cận tìm hiểu nội dung và góp ý phản hồi.

\* *Điểm tồn tại cơ bản:* Hình thức cung cấp thông tin Bản mô tả CTĐT CNBTTH chưa nhiều; Hình thức công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP đến nhà sử dụng lao động chưa được đa dạng. Từ năm học 2024 - 2025, Khoa xây dựng kế hoạch cụ thể để cung cấp Bản mô tả CTĐT CNBTTH và đề ĐCCT HP đến các BLQ, đồng thời đẩy mạnh hơn nữa công tác quảng bá thông tin về bản mô tả CTĐT, đề cương các HP tới cộng đồng và xã hội.

\* *Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:* Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí, cả 3 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

### **Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (CTDH)**

#### ***Mở đầu***

*Cấu trúc và nội dung CTDH CNBTTH được thiết kế hợp lý theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHSKĐAHN. Chương trình đáp ứng đủ các yêu cầu về hình thức, mục tiêu, về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp của CNBTTH. Phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập (KQHT) được sử dụng hiệu quả nhằm bảo đảm NH đạt được CĐR của từng HP và CĐR của CTĐT. CTDH bao gồm các HP được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành; thiết kế bảo đảm sự liên thông đáp ứng nhu cầu chuyển đổi của NH. Các HP bắt buộc được thiết kế theo logic và trình tự nhất định. Các HP song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế có tính tích hợp. Các HP tự chọn trong mỗi khối kiến thức được thiết kế bảo đảm phù hợp với vị trí việc làm của NH sau khi tốt nghiệp. Mỗi HP đều có vai trò quyết định trong việc đạt được CĐR.*

#### ***Tiêu chí 3.1: CTDH được thiết kế dựa trên CĐR***

##### ***1. Mô tả hiện trạng***

CTDH của CNBTTH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Chương trình được xây dựng và điều chỉnh dựa trên các ý kiến đóng góp của GV trong bộ môn, Hội đồng Khoa [H03.03.01.01], kết quả phản hồi của các BLQ [H03.03.01.02] để đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR. CTDH bảo đảm việc đạt được CĐR của CNBTTH [H03.03.01.03], [H03.03.01.04]. CTDH năm 2018 của CNBTTH được thiết kế với 212 ĐVHT (146 tín chỉ (TC)) trong đó khối kiến thức bắt buộc: 53 ĐVHT, kiến thức bắt buộc chuyên ngành sâu khầu - điện ảnh: 17 ĐVHT, kiến thức cơ sở ngành: 48 ĐVHT, kiến thức chuyên ngành: 94 ĐVHT;

bài tập tốt nghiệp. Bên cạnh đó là các HP giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng. Năm 2018, sự điều chỉnh tập trung vào các môn học giữa các khối kiến thức khác nhau trong chương trình nhằm bảo đảm tính tổng thể của chương trình cũng như tính logic trong việc tiếp nhận kiến thức, kỹ năng của SV.

Sự điều chỉnh tập trung vào tỷ lệ các giờ lý thuyết, thảo luận, thực hành, bài tập trong các HP của CTDH bảo đảm đúng theo quy định của Nhà trường, tăng tỷ lệ giờ thực hành đối với các HP chuyên ngành. Điều này được cho là cần thiết để đáp ứng yêu cầu của NTD lao động về chuyên môn nghiệp vụ đối với cử nhân CNBTTH [H3.03.01.05].

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá KQHT của NH của tất cả các môn học/HP trong CTĐT CNBTTH phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, điều này được thể hiện rất chi tiết và rõ ràng ở bản mô tả CTĐT và bản mô tả HP [H3.03.01.06]. Bên cạnh đó, kế hoạch giảng dạy của Nhà trường thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH [H3.03.01.07].

## 2. Điểm mạnh

Cấu trúc của CTDH trình độ đại học CNBTTH được thiết kế bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức chung, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành nhằm đạt mục tiêu của CĐR. Các ĐCCT HP thể hiện tính gắn kết giữa dạy - học và đánh giá để đạt được CĐR.

## 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi về CTDH chưa được rộng rãi. Một số HP có mức độ đóng góp chưa cao cho việc đạt được CĐR.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp Phòng ĐTQLKH & HTQT, Phòng KT&ĐBCLGD tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, điều chỉnh CTDH phù hợp với mục tiêu, CĐR của CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp Phòng ĐTQLKH & HTQT, Phòng KT&ĐBCLGD xây dựng cơ chế định kỳ kết hợp với các BLQ để lấy ý kiến điều chỉnh, xây dựng CTDH được hoàn thiện hơn. Lập danh sách một số HP trong CTĐT để rà soát, chỉnh sửa nhằm đưa các HP đó góp phần đáp ứng ở mức cao việc đạt được các CĐR của CTDH.

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

### **Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CĐR là rõ ràng**

#### 1. Mô tả hiện trạng

Phiên bản CTĐT năm 2018 đã đảm bảo tỷ lệ 100% các môn học, HP trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/HP nhằm đạt được CĐR. Cụ thể, mỗi HP được phân nhiệm theo ma trận CĐR của CTĐT,

trên cơ sở đó cụ thể hóa các mục tiêu và CĐR chi tiết của từng HP nhằm đáp ứng CĐR được phân nhiệm. Các HP xác định rõ nội dung, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy được chi tiết hóa và ứng với từng chủ đề CĐR của HP. Các HP theo các khối kiến thức (kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành) được phân chia theo nội dung giảng dạy, thời lượng, thời gian giảng dạy phù hợp theo khung của CTĐT và dựa trên cơ sở của độ khó HP để phân nhiệm mục tiêu HP cần đạt theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp cụ thể đã xác định trong CTĐT [H03.03.02.01]. Mặt khác, 100% các môn học, HP trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đạt được CĐR, cụ thể như sau: Tất cả các HP trong CTĐT đều có ĐCCT, do GV của các bộ môn biên soạn theo yêu cầu về chuyên môn của từng HP, phù hợp với CĐR của CTĐT. Mỗi đề cương đều có đầy đủ thông tin về đơn vị đào tạo, thông tin về HP, thông tin về tổ chức dạy và học; mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá HP, giáo trình sử dụng và danh mục tài liệu tham khảo [H03.03.02.02]. Thông qua việc kiểm tra, đánh giá điểm quá trình, điểm kết thúc HP và điểm bài tốt nghiệp của các SV để đo lường mức độ đạt được chuẩn kiến thức của mỗi môn học cơ bản đã đạt yêu cầu, chứng tỏ mỗi HP đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được CĐR của chương trình [H03.03.02.03]. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ, nhất là ý kiến của các NTD về CĐR và CTDH đạt CĐR chưa được thực hiện định kỳ và rộng rãi.

## 2. Điểm mạnh

Tất cả các HP trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể vào việc đạt được CĐR của CTĐT. Tất cả các HP trong CTDH đã xác định các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp bảo đảm việc đạt được CĐR. Nội dung các HP trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR.

## 3. Điểm tồn tại

Việc đo lường, đánh giá mức độ đáp ứng của các CĐR học phần đối với các CĐR của CTĐT chưa được thực hiện bài bản.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp Phòng ĐTQLKH&HTQT, Phòng KT&ĐBCLGD tiếp tục xây dựng và thực hiện kế hoạch rà soát, cập nhật CTDH để tất cả các HP trong CTDH đều có sự tương thích hơn về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể vào việc đạt được CĐR của CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp Phòng ĐTQLKH&HTQT, Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện đo lường, đánh giá CĐR học phần, từ đó hiệu chỉnh, cải tiến CĐR, tiến hành khảo sát bên liên quan về CĐR.

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

**Tiêu chí 3.3: CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính**

## ***tích hợp***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Các HP trong CTDH CNBTTH được cấu trúc bảo đảm sự gắn kết và liên mạch giữa các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, bảo đảm chương trình thành một khối thống nhất, cụ thể:

Từ năm học 2018 - 2019, CTDH CNBTTH có 212 ĐVHT (tương đương 146 TC). Cụ thể, khối kiến thức đại cương gồm 12 HP tương đương 36 TC; khối kiến thức cơ bản bắt buộc cho các chuyên ngành đào tạo thuộc khối Điện ảnh - Truyền hình gồm 6HP tương đương 11 TC; kiến thức cơ sở chuyên ngành gồm 14 HP tương đương 34 TC; các HP thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm 15 HP tương đương 65 TC và khối kiến thức tốt nghiệp. Bên cạnh các HP bắt buộc, CTĐT có các HP tự chọn, chuyên ngành hẹp giúp SV có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các lĩnh vực khác nhau của thị trường lao động. **[H03.03.03.01]**.

100% các môn học, HP trong CTDH được bố trí hợp lý (HP điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi HP; thời điểm/ học kỳ thực hiện) **[H03.03.03.02]**.

CTDH CNBTTH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật vào năm 2014, năm 2018, đầu năm 2022 tiếp tục được rà soát và điều chỉnh bảo đảm tính linh hoạt và tích hợp **[H03.03.03.03]; H01.01.03.04]**.

### ***2. Điểm mạnh***

CTDH CNBTTH có cấu trúc rõ ràng, hợp lý giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở chuyên ngành và chuyên môn chuyên ngành. CTĐT được thiết kế bảo đảm sự logic về cấu trúc cho phép SV có khả năng tiếp nhận kiến thức cao nhất đáp ứng yêu cầu thực tế về nhân lực của xã hội.

CTDH được xây dựng, rà soát, điều chỉnh dựa trên kết quả đánh giá của các BLQ. Chương trình có nhiều HP có tính tích hợp cao, tức đáp ứng nguyên một trong những CDR của Chương trình.

### ***3. Điểm tồn tại***

CTDH chưa được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật định kỳ theo quy định (tối thiểu 2 năm một lần); chưa lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về hiệu quả của CTDH. Việc đối sánh với các CTDH của cơ sở đào tạo khác còn ít và chưa thực hiện hiệu quả.

### ***4. Kế hoạch hành động***

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp phòng ĐTQLKH & HTQT, GV thực hiện CTDH thường xuyên trao đổi thông tin để biết các nội dung cần phải điều chỉnh nhằm đạt được mục tiêu HP và các tuyên bố của CDR CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp Phòng ĐTQLKH & HTQT, Phòng KT & ĐBCLGD xây dựng kế hoạch về việc lấy ý kiến phản hồi của các

BLQ về CTDH đồng thời tiến hành đối sánh đa dạng CTDH ở các lần điều chỉnh sau.

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3***

\* *Điểm mạnh nổi bật*: CTDH được xây dựng trên các yêu cầu của CDR, trong đó mỗi HP đều thể hiện rõ sự đóng góp cụ thể vào việc đạt CDR. Các phương pháp dạy, phương pháp học, phương pháp kiểm tra – đánh giá nhằm hỗ trợ cho việc đạt được CDR quy định rõ ràng trong CTDH. Các HP trong CTDH đều xác định mục tiêu và CDR rõ ràng, có tham chiếu đến CDR của CTDH và bước đầu lấy ý kiến phản hồi của các BLQ. CTDH có cấu trúc hợp lý giữa các khối kiến thức, đảm bảo sự logic, nội dung các HP trong CTDH được cập nhật và có tính tích hợp.

\* *Điểm tồn tại cơ bản*: Khi xây dựng CTDH, việc lấy ý kiến đóng góp của các BLQ về nội dung các HP, việc đối sánh với các CTDH cùng chuyên ngành trong nước, nước ngoài chưa nhiều.

\* *Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn*: Tiêu chuẩn 3 có ba tiêu chí, cả 3 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận dạy và học**

### ***Mở đầu***

*Trong đào tạo ĐH, phương pháp tiếp cận có vai trò quan trọng. Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp dạy và học trong việc BDCL đào tạo KTH luôn coi trọng việc xây dựng chiến lược dạy và học theo hướng lấy NH làm trung tâm, GV đóng vai trò dẫn dắt, truyền cảm hứng học tập và phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của SV. Các GV trong Khoa và các Bộ môn chuyên ngành luôn nỗ lực hết mình triển khai các phương pháp giảng dạy tích cực, không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, BDCL đầu ra được NTD đánh giá cao, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của NTD. Triết lý giáo dục của Nhà trường đã được Khoa chuyển tải vào CTDH hướng đến đáp ứng nhu cầu vị trí, việc làm của người tốt nghiệp. Khoa đã thiết kế hoạt động dạy và học phù hợp với CDR của CTĐT để thúc đẩy, rèn luyện khả năng nâng cao học tập suốt đời của NH.*

***Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các BLQ***

#### ***1. Mô tả hiện trạng***

Năm 2022, CTĐT CNBTTH được rà soát, các nội dung cơ bản của triết lý giáo dục Nhà trường được đưa vào mục tiêu của CTĐT [H04.04.01.01]; hoạt động rà soát tập trung chủ yếu vào công tác điều chỉnh khung CTĐT, điều chỉnh phân kỳ của HP và điều chỉnh bổ sung nội dung giảng dạy [H04.04.01.02].

KTH đã xây dựng mục tiêu đào tạo và CDR về kiến thức và kỹ năng lập luận

ngành; phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của xã hội và NTD trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Triết lý giáo dục của Trường được cụ thể hóa trong từng ĐCCT HP và được phổ biến cho toàn thể cán bộ, GV, SV, NTD và toàn xã hội [H04.04.01.03].

Triết lý giáo dục cũng như mục tiêu đào tạo và CDR được các GV thấm nhuần trong quá trình xây dựng CTĐT, bản mô tả CTĐT.

Bên cạnh đó, triết lý giáo dục được phổ biến tới SV trong đợt học chính trị đầu năm dành cho tân SV, đồng thời giới thiệu về ngành đào tạo và mục tiêu đào tạo CNBTTH cho SV của Khoa. Ngoài ra, Đoàn TCSHCM tổ chức các buổi tọa đàm, đối thoại giúp SV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động, tích cực của SV trong quá trình học tập.

Công tác lấy ý kiến phản hồi của SV cuối khóa về các hoạt động của Nhà trường, ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV Trường, Khoa cũng như việc lấy ý kiến của các BLQ về triết lý giáo dục được tiến hành khảo sát đo lường về mức độ hài lòng [H04.04.01.04]. Kết quả khảo sát đối với hoạt động dạy - học của GV, SV Khoa được đánh giá từ mức hài lòng trở lên.

## 2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục của Nhà trường được tuyên bố rõ ràng, bước đầu phổ biến tới các BLQ và được chuyển tải vào CDR của CTĐT.

## 3. Điểm tồn tại

Hình thức phổ biến triết lý giáo dục của Nhà trường tới các BLQ chưa được đa dạng, chưa được tổ chức thường xuyên. Mặc dù được công bố cho các BLQ, nhưng mới chỉ giới hạn ở những chuyên gia có tham gia giảng dạy và tham gia các buổi hội thảo của Khoa/Trường.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH, Phòng ĐTQLKH&HTQT, website của Trường tiếp tục duy trì các hoạt động nhằm công khai, phổ biến rộng rãi triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH chủ trì, phối hợp Phòng ĐTQLKH & HTQT, VSKĐA, Phòng CTHSSV định kỳ hai năm một lần, tổ chức ít nhất một buổi tọa đàm thường niên với các NTD để giới thiệu về triết lý giáo dục/mục tiêu CTĐT; đa dạng hóa các hình thức phổ biến triết lý giáo dục của Nhà trường tới các BLQ.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

### **Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR**

#### 1. Mô tả hiện trạng

Để đạt được mục tiêu đào tạo và CDR đã được công bố, các hoạt động đào tạo

của KTH được áp dụng theo các tiêu chuẩn chung về CTĐT và đánh giá KQHT theo quy chế của Bộ GD&ĐT. Khoa không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng các phương pháp giảng dạy hướng đến những tiêu chí của một BTTH chuyên nghiệp, ví dụ: Một người BTTH Năm vững phương pháp, quy trình sản xuất, vai trò các thành phần thực hiện các thể loại chương trình truyền hình cũng như nghiệp vụ BTTH; có kỹ năng viết kịch bản, đề cương, format các thể loại chương trình truyền hình; Có khả năng sáng tạo, xâu chuỗi logic các nội dung cấu thành chương trình truyền hình; Có khả năng giao tiếp trước ống kính tốt. Phải nắm bắt rõ kiến thức, kỹ năng trong các khâu, bộ phận sản xuất chương trình, có khả năng áp dụng linh hoạt nghiệp vụ chuyên môn trong các tình huống, điều kiện thực tế khác nhau. **[H04.04.02.01]**. Các hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR, CTĐT được Hội đồng KH&ĐT của Khoa cập nhật, bổ sung và điều chỉnh theo định kỳ hai năm một lần, cùng với sự điều chỉnh của toàn Trường nhằm đáp ứng nhu cầu của NH và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Năm 2022, Nhà trường ban hành Quy định xây dựng và cập nhật CTĐT theo CĐR. Trong đó quy định việc điều chỉnh nội dung đào tạo, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá gắn với CĐR của CTĐT nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng đào tạo và NCKH, PVCĐ, đáp ứng nhu cầu xã hội, thích ứng với môi trường làm việc luôn luôn thay đổi **[H04.04.02.02]**.

Từ năm 2023, Bản mô tả CTĐT CNBTTH được xây dựng, ban hành, CTĐT được rà soát và phát triển theo hướng tăng cường phát triển năng lực của NH **[H04.04.02.03]**. Theo đó, CĐR CTĐT CNBTTH chú trọng đến nâng cao tỷ lệ thực hành, thực tập rèn nghề cho SV, tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các HP, đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn thế giới việc làm, đồng thời đưa ra khỏi chương trình những kiến thức cũ, lỗi thời không còn phù hợp **[H04.04.02.04]**, **[H04.04.02.05]**. Các môn học cơ sở ngành được bố trí song song với các môn kiến thức cơ bản ngay từ những kỳ học đầu tiên. Việc bố trí các môn học như vậy vừa tạo cho SV có kiến thức mang tính nền tảng lý luận, phương pháp học tập khoa học, vừa giúp SV có hứng thú để tiếp cận với môn học chuyên ngành **[H04.04.02.06]**.

Cách thức GV hướng dẫn NH được đặc biệt chú ý và thay đổi theo mỗi nhóm SV. Chẳng hạn, trong giảng dạy các môn chuyên ngành, GV luôn phối hợp tác dụng của các phương pháp giảng dạy (thuyết trình, làm việc nhóm, thảo luận, đàm thoại, tạo tình huống học tập ...), họ đề cao việc hướng dẫn NH làm việc theo nhóm, để phát huy tốt nhất sở trường của mỗi SV. Với 88 - 92% SV hài lòng về phương pháp giảng dạy của GV cho thấy việc triển khai các phương pháp dạy để đạt CĐR cơ bản hiệu quả tốt **[H04.04.02.07]**. Trong quá trình giảng dạy, GV đã đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá để đo lường hiệu quả chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức trong từng môn học, nhằm đạt được CĐR **[H04.04.02.08]**.

Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. NH được tiếp cận chương trình học tập do GV công bố ngay khi bắt đầu môn học, được tham gia các hình thức học tập đa dạng giúp đạt được CĐR **[H04.04.02.09]**. Hoạt động thực tập là

một phần bắt buộc của CTĐT, SV được cử đến hoặc tự liên hệ với các cơ sở thực tập để thực hành, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, hằng năm, KTH tổ chức Cuộc thi tài năng SV nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV đáp ứng CDR của CTĐT, tạo cơ hội cho SV làm quen với công việc trong tương lai, một số SV đã tham gia các hoạt động nghề nghiệp và được xã hội công nhận [H04.04.02.10].

## 2. Điểm mạnh

Hoạt động dạy - học của các HP đã đáp ứng tốt CDR. Đội ngũ GV thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, đạo đức nhà giáo, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, sáng tạo của NH.

## 3. Điểm tồn tại

Khoa chưa đánh giá tổng thể sự phù hợp của hoạt động dạy và học trong tất cả các HP với CDR của CTĐT.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp với các khoa đào tạo trong Trường liên quan đến nghiệp vụ biên tập, đến các hoạt động hỗ trợ cho CNBTTH (Khoa Nghệ thuật điện ảnh, Khoa Công nghệ ĐA-TH, Khoa Nhiếp ảnh, Khoa Sân khấu, Khoa Thiết kế Mỹ thuật, Khoa Múa, Khoa Kịch hát dân tộc...) tổ chức hội thảo, tọa đàm với các BLQ để có cái nhìn tổng thể các hoạt động liên quan đến việc đào tạo nhân lực làm BTTH. Từ đó tổng kết các phương pháp làm việc hiệu quả, cải tiến phương pháp giảng dạy cho phù hợp với thực tế. Khoa tiếp tục khuyến khích GV tham gia tập huấn về đổi mới phương pháp và hình thức dạy học tích cực.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp với Phòng KT & ĐBCLGD, Phòng DTQLKH & HTQT khảo sát mức độ hài lòng của NH với tổ hợp công nghệ dạy và học/các phương pháp dạy và học. Lập kế hoạch rà soát tổng thể sự phù hợp của hoạt động dạy và học trong tất cả các HP với mục tiêu và CDR của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

**Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH**

### 1. Mô tả hiện trạng

KTH luôn xác định: Rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH là một yêu cầu quan trọng, cốt lõi trong bối cảnh thị trường lao động đang có sự biến đổi đa dạng như hiện nay. Do đó, các hoạt động dạy và học của KTH nói chung và CNBTTH nói riêng luôn được Khoa chú trọng nghiên cứu, điều chỉnh với quan điểm: BTTH là một nghề đặc biệt (bị chi phối bởi yếu tố năng khiếu và tư chất, đòi hỏi sự rèn luyện của cá nhân, tính tự học cao). Năng lực của một người biên tập nói chung, BTTH nói riêng không chỉ đo qua bằng cấp, sự tài giỏi của một biên tập phải được công nhận

qua chính tác phẩm của người đó. Do đó, các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động NCKH, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, kỹ năng chuyên môn thành thạo, tư duy sáng tạo, phản biện, rèn luyện kỹ năng tác nghiệp độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, cách tổ chức, lập kế hoạch hợp lý, hiểu vấn đề, nhanh nhạy [H04.04.03.01].

Đề cương mỗi môn học đều có phần hướng dẫn tự học của HP nhằm hướng dẫn SV tự học, thời lượng tự học được quy định bằng hai lần thời lượng học trên lớp. Mỗi HP đều mô tả chi tiết các kiến thức và kỹ năng SV đạt được khi kết thúc học phần. Đặc biệt trong HP thực tập hoặc tốt nghiệp CNBTTH đều có các nội dung mở, hướng NH áp dụng các kiến thức đã được trang bị để tự lựa chọn chuyên đề thực tập tốt nghiệp [H04.04.03.02].

Về hoạt động giảng dạy, GV dành thời gian trên lớp truyền đạt các kiến thức nền tảng, đồng thời giải đáp thắc mắc và định hướng cho SV tìm hiểu thêm qua hệ thống tham khảo trên thư viện Nhà trường hoặc kho dữ liệu cá nhân của chính các GV. Các kỹ năng tìm kiếm tài liệu, kỹ năng đặt vấn đề - giải quyết vấn đề với nguồn tài nguyên kiến thức trực tuyến thông qua đó được hình thành và giúp cho NH rất nhiều cho quá trình làm việc sau này.

Để lấy ý kiến phản hồi của NH về các phương pháp giảng dạy của GV có giúp thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH, sau khi kết thúc môn học, Phòng KT&ĐBCLGD đều thực hiện khảo sát đánh giá của SV đối với GV [H04.04.03.03]. Kết quả khảo sát cho thấy: hầu hết NH đều cho rằng "Môn học góp phần trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho bạn"; "GV hướng dẫn cho bạn phương pháp học tập khi bắt đầu môn học"; "GV rèn luyện cho bạn phương pháp liên kết giữa các vấn đề của môn học với thực tiễn" với số điểm đánh giá đều trên 8,5 cho từng chỉ tiêu. Kết quả này cho thấy phương pháp giảng dạy của GV đã giúp thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

SV CNBTTH được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như làm chương trình kỷ niệm ngày thành lập Trường ĐHSKĐAHN; tọa đàm khoa

học, hội thảo khoa học. Nhiều hoạt động ngoại khóa của Khoa, Trường và Đoàn TNCSHCM tổ chức góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học [H04.04.03.04].

Hàng năm, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường tiến hành rà soát nguồn học liệu, tài liệu giáo trình nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu cập nhật trên thư viện trường, qua đó giúp SV có điều kiện tốt để tự học [H04.04.03.05]. Hàng năm, để chuẩn bị hành trang cho SV khi tốt nghiệp, KTH tổ chức Cuộc thi Tài năng SV, tổ chức hoạt động thực tập cho SV [H04.04.03.06].

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV, kết quả tổng hợp phiếu phản hồi cho thấy, mức độ hài lòng của SV về hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy của GV khá cao. Điều này cho thấy GV tham gia giảng

dạy luôn sử dụng thành thạo tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H04.04.03.07]. Ngoài ra, khảo sát tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp CNBTTH do Trường và Khoa tiến hành nhận thấy tỷ lệ SV ra trường có việc làm khá cao [H04.04.03.08].

## 2. Điểm mạnh

GV của Khoa đã kết hợp nhiều hình thức và phương pháp dạy học để phát huy năng lực sáng tạo; rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH.

## 3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thực hiện được nhiều hình thức hỗ trợ NH trong việc nâng cao khả năng học tập suốt đời.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH, Phòng ĐTQLKH& HTQT tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập để nâng cao kỹ năng cho NH. Tiếp tục yêu cầu GV đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực nhằm rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH, Phòng ĐTQLKH& HTQT xây dựng kế hoạch chiến lược hoặc tham mưu cho Nhà trường trong bồi dưỡng GV trẻ của Khoa, đồng thời đề xuất với Nhà trường có chính sách thu hút, sử dụng GV có kinh nghiệm, có thành tích được cộng đồng ghi nhận, có tầm ảnh hưởng về nghề nghiệp (nhưng vướng những quy định về bằng cấp). Xây dựng các hình thức hỗ trợ để nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH.

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4***

\* *Điểm mạnh nổi bật:* Mục tiêu giáo dục của CTĐT CNBTTH phù hợp với triết lý và mục tiêu giáo dục của Nhà trường, được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các BLQ; Các hoạt động dạy và học của các HP trong CTĐT đáp ứng tốt CDR; Đội ngũ GV trong Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm nghề nghiệp, đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của NH. GV đã vận dụng đa dạng các hình thức và phương pháp dạy học tích cực, nhờ đó đã khuyến khích SV ham học hỏi, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH.

\* *Điểm tồn tại cơ bản:* Hình thức phổ biến triết lý giáo dục của Nhà trường tới các BLQ chưa được đa dạng; Khoa chưa thực hiện được nhiều hình thức hỗ trợ NH trong việc nâng cao khả năng học tập suốt đời. Trong thời gian tới, Khoa cần có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các BLQ về mục tiêu của CTĐT CNBTTH; chú trọng tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về đổi mới phương pháp dạy và học đối với CNBTTH.

\**Kết luận về Tiêu chuẩn 4:* Tiêu chuẩn 4 có ba tiêu chí, cả 3 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học**

### **Mở đầu**

*Đánh giá KQHT của NH là một trong những khâu quan trọng trong CTĐT. Kết quả đánh giá cung cấp cho Nhà trường, Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ NH. Việc đánh giá KQHT của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR, được bắt đầu ngay từ khi SV vào học và xuyên suốt quá trình học tập của SV cho tới khi tốt nghiệp. Mục đích của việc kiểm tra đánh giá là nhằm xác định mức độ kiến thức, kỹ năng mà SV cần đạt được so với mục tiêu môn học. Các quy định về đánh giá KQHT của NH được công bố công khai cho GV, NH và các BLQ. Các phương pháp và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng; có tính liên tục, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, phù hợp với đặc thù của từng HP. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải tiến việc học tập.*

### **Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá KQHT của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Trường ĐHSKĐAHN thực hiện đánh giá đầu vào đối với NH CNBTTH theo quy chế tuyển sinh ĐH, cao đẳng của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng của Trường. Quy trình tuyển sinh được thực hiện minh bạch, công bằng và đúng quy định từ khâu công bố chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức thi đến khâu chấm thi và công nhận kết quả tuyển sinh [H05.05.01.01], đồng thời có các quy định về tuyển sinh đầu vào hệ đào tạo vừa làm vừa học; văn bằng 2; tuyển sinh đào tạo hệ chất lượng cao [H05.05.01.02]. Quy trình kiểm tra đánh giá KQHT SV CNBTTH được thực hiện theo Quy chế đào tạo ĐH và cao đẳng hệ chính quy của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHSKĐAHN [H05.05.01.03].

Tổ hợp các phương pháp đánh giá hồ sơ học tập của SV được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR, bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, tiểu luận, v.v... tùy theo đặc thù từng HP, và chiếm 20% trong số điểm của mỗi HP. Các phương pháp kiểm tra đánh giá gắn với CĐR của HP về kiến thức, kỹ năng tương ứng, trong đó có kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, kỹ năng trình bày, thuyết trình vấn đề, kỹ năng tổng hợp, phân tích, phản biện, v.v... Tất cả các HP đều có ĐCCT quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá, các đầu điểm và tỷ trọng của các đầu điểm thành phần như sau: điểm chuyên cần và thái độ học tập (10%), điểm kiểm tra giữa kỳ (30%), điểm thi hết HP (60%) [H05.05.01.04].

Trường ĐHSKĐAHN và KTH có các văn bản hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp. [H05.05.01.05]. Tuy nhiên, Trường chưa khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thi, kiểm tra đối với từng HP để có thể phân tích mức độ phù hợp với đặc thù đào tạo của CNBTTH.

## 2. Điểm mạnh

Trường đã ban hành hệ thống văn bản quy định về đánh giá KQHT của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.

## 3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức thống kê, phân tích, định lượng các kết quả thi để đánh giá mức độ khó, dễ, phù hợp của các hình thức kiểm tra - thi nhằm bảo đảm khả năng đo lường mức đạt được CĐR và có hướng điều chỉnh cho phù hợp.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH, Phòng ĐTQLKH &HTQT, Phòng KT&ĐBCLGD cùng với việc rà soát CTĐT theo các quy định hiện hành, tiến hành rà soát quy định về đánh giá KQHT của NH bảo đảm sự phù hợp với mức độ đạt được CĐR.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH, Phòng ĐTQLKH &HTQT, Phòng KT&ĐBCLGD phân tích định lượng kết quả điểm kiểm tra-thi của NH để căn cứ điều chỉnh phương pháp kiểm tra - đánh giá chính xác hơn KQHT của SV.

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

**Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá KQHT của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.**

### 1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay các quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá NH trong quá trình tuyển sinh đầu vào, quá trình đào tạo, thi tốt nghiệp được nêu rõ trong quy chế tuyển sinh ĐH hệ chính quy, quy định đào tạo ĐH chính quy theo hệ thống TC, trong quy định công tác khảo thí và trong ĐCCT các HP [H05.05.02.01]. Giai đoạn 2019 - 2024, phương pháp đánh giá KQHT của NH gồm đánh giá mức độ chuyên cần của NH trên lớp (10%), kiểm tra giữa kỳ (30%) và thi cuối kỳ (60%). Mức độ chuyên cần được đánh giá trong suốt mỗi kỳ học, theo đó SV phải tham dự tối thiểu 25% giờ học trên lớp; tích cực tham gia các hoạt động tại lớp học và làm bài tập ở nhà do GV yêu cầu; kiểm tra giữa kỳ được thực hiện vào tuần thứ 8 của học kỳ theo hình thức bài kiểm tra thực hành hoặc tự luận, hoặc kết hợp cả 2 hình thức này; các HP chuyên ngành có sự kết hợp 2 phương thức trên với phương thức đánh giá về thuyết trình nhóm, hoặc bài tập theo dự án để đánh giá kết quả kiểm tra giữa kỳ của SV [H05.05.02.02].

Hoạt động đào tạo SV CNBTTH là một hoạt động đặc thù, do đó, các phương pháp đánh giá cũng rất đa dạng. Với công việc chuyên môn của biên tập, có nhiều thang bậc đánh giá, đòi hỏi GV phải có kỹ năng, phương pháp đánh giá được kỹ năng. BTTH cần có khả năng phát hiện đề tài, chủ đề mới trong cuộc sống để xây dựng đề cương, kịch bản, trực tiếp tham gia sản xuất các chương trình truyền hình. Nhanh chóng thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp; có khả năng chịu được áp lực công việc

cao. Có thể thực hiện công việc với nhiều vai trò khác nhau trong quá trình tác nghiệp. GV phải đào tạo kỹ năng từng công đoạn trên cho SV theo từng kì, có lộ trình từng HP và phải có phương pháp kiểm tra, đánh giá mức độ đạt được yêu cầu đó của SV sau khi kết thúc môn học/HP. Phương pháp kiểm tra đánh giá HP được quy định cụ thể trong ĐCCT HP [H05.05.02.03].

SV được cung cấp sổ tay SV từ đầu khóa học trong đó có hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi - kiểm tra [H05.05.02.04]. Ngoài ra, SV được phổ biến trực tiếp quy chế kiểm tra đánh giá, điều kiện tốt nghiệp, v.v... từ trợ lý Khoa và giáo viên chủ nhiệm (GVCN). Bên cạnh đó, các thông tin, quy định về kiểm tra đánh giá các môn học được GV thông báo đến SV thông qua việc giới thiệu đề cương môn học, quy định về kiểm tra đánh giá môn học ngay từ buổi học đầu tiên của mỗi môn học [H05.05.02.05]. Trường có đầy đủ các quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, phúc khảo và các nội dung liên quan trong các kỳ thi được công bố công khai cho NH trước mỗi khóa học. Tuy nhiên, Trường chưa có cơ chế đánh giá việc nhận thông tin và hiểu rõ quy định về đánh giá KQHT của NH.

## 2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá KQHT rõ ràng và được thông báo công khai tới NH. KQHT của SV được phản hồi đến cá nhân SV, giúp SV chủ động trong lập kế hoạch học tập, học cải thiện.

## 3. Điểm tồn tại

Mặc dù các quy định về đánh giá KQHT của NH đã được đăng tải công khai trên website của Trường nhưng chưa có cơ chế đánh giá việc nhận thông tin và hiểu rõ quy định về đánh giá KQHT của NH.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp với Phòng ĐTQLKH&HTQT, Phòng KT&ĐBCLGD tiếp tục rà soát quy định, quy trình về đánh giá KQHT của NH và công khai cho SV.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp với Phòng ĐTQLKH&HTQT, Phòng KT&ĐBCLGD tăng cường kênh thông tin đến SV và xây dựng cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận và hiểu thông tin của SV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

**Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng**

### 1. Mô tả hiện trạng

Với mục tiêu giúp NH nhận thức đúng đắn về KQHT của bản thân, cũng như tạo điều kiện tối đa cho NH phát huy kỹ năng và kiến thức, phương pháp đánh giá KQHT

đối với SV BTTH được xây dựng đa dạng, đảm bảo có giá trị, công bằng và đáng tin cậy. Phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của NH được thực hiện theo Quyết định số 814/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2024 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành kế hoạch triển khai Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chương trình “Phát triển hệ thống đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục ĐH và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2020-2030” năm 2024, 2025 và Căn cứ kế hoạch 214/KH-SKĐAHN của Hiệu trưởng Trường ĐHSKĐAHN về việc triển khai Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chương trình “Phát triển hệ thống đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục ĐH và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2020-2030” [H05.05.03.01]. Các hình thức kiểm tra, đánh giá chủ yếu bao gồm: Thi thực hành, tự luận, tiểu luận. Theo thống kê, việc đánh giá HP dưới hình thức thực hành được thiết kế cho trên 70% tổng số HP. Hình thức thi của từng HP được bộ môn tham khảo ý kiến của các GV giảng dạy và được thống nhất ghi trong ĐCCT các HP [H05.05.03.02].

Đối với những môn học có đề thi tự luận, GV biên soạn bộ câu hỏi ôn tập cho mỗi môn học. Bộ câu hỏi này được gửi về Tiểu ban chuyên môn đánh giá để bảo đảm từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong đề cương môn học [H05.05.03.03], được các Bộ môn phê duyệt và Phòng KT&ĐBCLGD của Trường lưu trữ dưới dạng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, được thẩm định trước khi đưa vào sử dụng [H05.05.03.04].

Về độ tin cậy và sự công bằng, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết được bộ môn phê duyệt để đảm bảo tính hiệu lực đánh giá trước khi chuyển về Phòng KT&ĐBCLGD. Đồng thời GV phải chấm thi theo hướng dẫn cụ thể trong quy định về thi kết thúc HP của Trường.

Ngoài ra, để đánh giá KQHT được chính xác, quy trình chấm thi được thực hiện với sự tham gia của ít nhất hai GV chuyên môn dưới sự giám sát của Phòng ĐTQLKH & HTQT để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với NH. Bên cạnh đó, Trường cũng ban hành quy định về khảo thí nhằm bảo đảm đánh giá đúng kiến thức NH với phương pháp phù hợp và cũng để bảo mật bảo đảm công bằng cho NH [H05.05.03.05].

## 2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá KQHT thực hiện theo đúng quy trình. Các phương pháp kiểm tra KQHT được sử dụng hợp lý, khách quan, chính xác và bảo đảm công bằng, phù hợp với CTĐT, mục tiêu từng HP và bảo đảm chất lượng chung của CTĐT CNBTTH.

## 3. Điểm tồn tại

Dù có triển khai giảng dạy trực tuyến nhưng phương pháp đánh giá kết quả học tập trực tuyến chưa được phổ biến trong CTĐT.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp với Phòng ĐTQLKH & HTQT, Phòng KT & ĐBCLGD tiếp tục nghiên cứu xây dựng các phương

pháp đánh giá KQHT của NH.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm để lấy ý kiến về độ tin cậy và độ giá trị của công tác đánh giá kết quả của NH.

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

***Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập***

1. *Mô tả hiện trạng*

Quy định về việc công bố kết quả đánh giá của NH nằm trong quy định về công tác khảo thí của Nhà trường và quy định đào tạo ĐH hệ chính quy theo hệ thống TC của Nhà trường. Trong vòng 1 tuần kể từ khi kết thúc giảng dạy HP theo thời khoá biểu đã ban hành, GV phụ trách HP sẽ cho 3 đầu điểm và gửi về Khoa, Phòng ĐTQLKH&HTQT theo quy định. KQHT của NH được Nhà trường tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách lưu trữ ở các đơn vị quản lý đào tạo, Khoa chuyên ngành. Thời gian chăm sóc tra và công bố điểm cho SV là 2 tuần kể từ khi nhận được đơn đề nghị của SV.

Ngoài ra, kết thúc mỗi học kỳ Nhà trường đều bố trí các buổi để GVCN họp lớp, tổng kết hoạt động học tập, ghi nhận những đánh giá của NH về việc đánh giá kết quả HP, thời gian công bố điểm [H05.05.04.01]. Thông qua KQHT này, GVCN sẽ cùng NH có định hướng tốt hơn trong xây dựng kế hoạch học tập. Sau khi họp lớp, KTH và Nhà trường cũng tổ chức buổi tiếp xúc đối thoại giữa SV, GVCN với các đơn vị liên quan để ghi nhận thêm ý kiến của SV về vấn đề KQHT được phản hồi kịp thời [H05.05.04.02]. Thông qua những cuộc đối thoại này, KTH, các bộ môn trong Khoa và các phòng ban chức năng trong Nhà trường giải đáp thắc mắc của SV, giúp SV nắm rõ hơn về quy trình, thời gian phản hồi KQHT, chuyển những thắc mắc của SV về việc phản hồi KQHT tới các đơn vị liên quan.

Việc công nhận kết quả tốt nghiệp cho SV năm cuối được thực hiện một cách nghiêm túc theo quy định, quy chế đào tạo ĐH hệ chính quy theo hệ thống niên chế. Theo quy định, sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách những SV có đủ điều kiện tốt nghiệp. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những SV đủ điều kiện tốt nghiệp. Hệ thống văn bằng chứng chỉ của NH được Nhà trường quản lý và cấp phát đúng quy chế về quản lý và cấp phát văn bằng chứng chỉ của Bộ GD&ĐT [H05.05.04.03]. Tương tự đối với việc công nhận kết quả thi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo quy định về CDR cũng được Nhà trường công bố trên cơ sở kết quả đánh giá và văn bản đề nghị công nhận kết quả do Hội đồng chấm thi ngoại ngữ, tin học trình lên Nhà trường [H05.05.04.04].

Đối với những SV trong diện tồn đọng, cảnh báo, GVCN sẽ trực tiếp gọi điện, liên lạc bằng nhiều hình thức để nhắc nhở SV. Đồng thời thông qua các buổi họp phản ánh SV, lãnh đạo Khoa cũng yêu cầu SV hoặc cán bộ lớp giải trình về các nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp của SV. Lãnh đạo Khoa cũng thường

đưa ra các giải pháp cho tình trạng này bằng cách đốc thúc, nhắc nhở SV thông qua cán bộ lớp và cố vấn học tập.

Theo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của SV về kết quả đánh giá cải thiện kết quả học tập trong các năm học giai đoạn 2019-2024, tỷ lệ SV hài lòng luôn chiếm hơn 90%, mức độ hài lòng trung bình khoảng 4.3/5.

### *2. Điểm mạnh*

Kết quả kiểm tra đánh giá KQHT của SV được công bố kịp thời, giúp SV có căn cứ để cải thiện quá trình học tập. Trong quá trình học tập và ngay sau khi có kết quả kiểm tra đánh giá, NH được chủ động trao đổi, hỗ trợ trực tiếp từ GVCN, GV, từ các bộ phận chuyên môn thông qua thư điện tử hoặc gặp gỡ trực tiếp.

### *3. Điểm tồn tại*

Trong thời gian dịch bệnh, Nhà trường chưa có được một hạ tầng mạng tốt để có thể xử lý kịp thời nhu cầu tiếp cận KQHT của NH.

### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Phòng KT & ĐBCLGD, Phòng ĐTQLKH & HTQT tiếp tục thực hiện và rà soát quy trình công bố kết quả đánh giá đến SV đúng thời hạn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, đề xuất Nhà trường đầu tư thêm hạ tầng trực tuyến và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng cho các hoạt động liên quan đến lưu trữ KQHT và hoạt động đào tạo của Nhà trường.

### *5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).*

#### ***Tiêu chí 5.5: NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT***

##### *1. Mô tả hiện trạng*

Việc giải quyết khiếu nại của NH về KQHT là một trong những nội dung thuộc quy định khảo thí của Nhà trường. Nội dung này cũng được GVCN, GV trực tiếp giảng dạy các HP phổ biến đến SV trong các buổi nói chuyện đầu năm học hoặc khi bắt đầu các học kỳ, đồng thời được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Nhà trường [H05.05.05.01]. Trong đó, cụ thể việc khiếu nại được thực hiện như sau: Đối với điểm đánh giá được GV thông báo trực tiếp tới SV như điểm đánh giá quá trình học tập sẽ được GV công bố vào buổi học cuối cùng, điểm thi hết môn của các môn thi vấn đáp. Nếu SV có khiếu nại thì sẽ được GV giải quyết ngay trong buổi đó. Đối với bài thi kết thúc HP, sau khi NH nhận được điểm bài thi hết môn, căn cứ thông báo về thời gian phúc khảo kết quả bài thi của Phòng KT&ĐBCLGD và Phòng ĐTQLKH&HTQT nếu có thắc mắc về điểm số, SV có thể làm đơn phúc khảo bài thi gửi lên Phòng KT&ĐBCLGD trong thời gian quy định. Phòng KT&ĐBCLGD sẽ tiếp nhận đơn của SV, thành lập Ban phúc khảo bài thi. Sau đó, Phòng KT&ĐBCLGD tổng hợp danh sách và gửi danh sách tới khoa có môn thi phải phúc khảo. Việc tổ chức phúc khảo do Trưởng khoa (Tổ trưởng Bộ môn) và hai cán bộ chấm thi thực hiện. Trong hai cán bộ phúc khảo phải có ít nhất 1 cán bộ không chấm thi HP đó lần 1.

Điểm phúc khảo được sử dụng để thay thế điểm thi lần 1. Phòng KT&ĐBCLGD tổng hợp điểm thông báo cho SV và gửi về Phòng ĐTQLKH&HTQT để sửa điểm [H05.05.05.02]. Qua khảo sát NH về thủ tục khiếu nại, kết quả giải quyết khiếu nại có thể nhận thấy SV cho rằng có thể tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT và các khiếu nại được giải quyết thỏa đáng.

### 2. Điểm mạnh

NH dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về KQHT. Trong giai đoạn 2019 - 2024, KTH chưa có trường hợp khiếu nại về KQHT.

### 3. Điểm tồn tại

Chưa có kênh đánh giá sự hài lòng của NH về việc tiếp cận quy trình khiếu nại.

### 4. Kế hoạch hành động

*Phát huy điểm mạnh:* Từ năm học 2024-2025, KTH, Phòng KT&ĐBCLGD tiếp tục rà soát và phổ biến quy trình khiếu nại KQHT trên Website của Trường.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024-2025, KTH, Phòng KT&ĐBCLGD thiết lập sổ theo dõi việc khiếu nại/kết quả trả lời khiếu nại về KQHT của NH. Tiến hành khảo sát đánh giá việc tiếp cận quy trình khiếu nại của NH (nếu có).

### 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 5**

\* *Điểm mạnh nổi bật:* Các quy định về đánh giá KQHT của NH theo CTĐT CNBTTH là rõ ràng và được thông báo công khai tới NH. KQHT của SV được phản hồi nhanh chóng đến từng SV, giúp SV chủ động trong lập kế hoạch học tập. Phương pháp đánh giá KQHT của NH đa dạng, bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm bảo đảm tính công bằng. Kết quả kiểm tra, đánh giá KQHT của NH được công bố đúng quy định, kịp thời, làm cơ sở để GV và NH điều chỉnh quá trình giảng dạy và học tập. Các quy định, quy trình khiếu nại của NH được quy định và công bố công khai giúp NH dễ dàng tiếp cận.

\* *Điểm tồn tại cơ bản:* Chưa có cơ chế đánh giá việc nhận thông tin và hiểu rõ quy định về đánh giá KQHT của NH.

\**Kết luận về Tiêu chuẩn 5:* Tiêu chuẩn 5 có năm tiêu chí đạt, 5 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

#### **Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ GV, nghiên cứu viên**

##### **Mở đầu**

*Việc quy hoạch đội ngũ GV của CTĐT CNBTTH trong các năm qua đã đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Đội ngũ GV của Trường nói chung và của CTĐT BTTH nói riêng đã được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục năm 2017, điều đó cho thấy đội ngũ GV của Trường có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia các loại hoạt động NCKH và các hoạt động PVCD. Việc*

*tuyển dụng, tiếp nhận, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên yêu cầu công việc, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích trong nghề nghiệp của các ứng viên. Khoa luôn phân công nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và các công việc khác phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của từng GV. GV của Khoa được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ở trong nước và quốc tế để phát triển chuyên môn. Những thành tích, đóng góp về hoạt động chuyên môn, NCKH, các hoạt động đoàn thể và các hoạt động PVCD luôn được Nhà trường biểu dương và đánh giá cao, tạo động lực cho GV của Khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ.*

***Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ GV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu chương trình học và các hoạt động PVCD.***

### *1. Mô tả*

Việc quy hoạch đội ngũ GV cho CTĐT CNBTTH được thực hiện theo định hướng phát triển của Trường ĐHSKĐAHN nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo. Căn cứ theo Đề án phát triển Trường giai đoạn 2014-2020 và tầm nhìn 2030 và Đề án xây dựng Trường ĐHSKĐAHN thành trường trọng điểm quốc gia [H06.06.01.01] và thực hiện công tác quy hoạch, Trường đã ban hành các văn bản về hành lang pháp lý; quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo các cấp thuộc Trường; quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo Khoa, Phòng, Bộ môn thuộc Khoa và tương đương thuộc Trường [H06.06.01.02]. Theo đó, công tác quy hoạch và bồi dưỡng cán bộ của Trường đều được thực hiện theo định hướng phát triển của Trường và đáp ứng nhu cầu đào tạo. Mỗi giai đoạn Trường đều thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch [H06.06.01.03]. Theo kết quả rà soát tình hình nhân sự và nhu cầu đào tạo, Trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, việc tuyển dụng được thực hiện theo qui trình tuyển dụng viên chức, có tiêu chí rõ ràng, công khai minh bạch [H06.06.01.04]. Dựa theo các yêu cầu về công việc của GV và các kế hoạch của Trường, Khoa đã xây dựng đề án vị trí việc làm của Khoa [H6.06.01.05]. Số lượng cán bộ, GV được tuyển dụng phục vụ đào tạo cho CNBTTH đã đáp ứng cả về chất và lượng cho CTĐT [H06.06.01.06]. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích nghề nghiệp. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV đã tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động PVCD.

Bên cạnh đó, việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ, nghỉ hưu và các chế độ phúc lợi xã hội của GV được thực hiện nghiêm túc đúng quy định hiện hành [H06.06.01.07].

Giai đoạn từ 2019 đến nay, KTH nói chung và CNBTTH nói riêng luôn quan tâm đến việc quy hoạch và phát triển đội ngũ GV. Tính đến thời điểm hiện tại, CNBTTH đã xây dựng được đội ngũ GV trẻ, năng động, có trách nhiệm, có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn cao, đáp ứng tốt yêu cầu quản lý, đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

## 2. Điểm mạnh

Công tác quy hoạch GV của chuyên ngành (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện công khai, minh bạch, rõ ràng, dân chủ, sát thực với điều kiện, nhu cầu thực tế và phù hợp với các quy định của Khoa, Trường giúp chủ động về công tác cán bộ.

## 3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch còn chưa chú trọng đúng mức tới sự cân đối tỷ lệ nam - nữ trong phạm vi Khoa và Trường, dẫn tới mất cân bằng giới trong đội ngũ cán bộ GV. GV CNBTTH có độ tuổi bình quân thấp, nên kinh nghiệm NCKH cũng như trải nghiệm nghề thực tế còn hạn chế.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Nhà trường xây dựng cơ chế thu hút GV có trình độ cao về làm việc hoặc cộng tác giảng dạy với Trường. Tiếp tục bổ sung ưu đãi trong chính sách hỗ trợ GV học thạc sĩ (ThS), tiến sĩ (TS) (trong và ngoài nước) của Trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp với phòng HCTH bộ phận Tổ chức cán bộ (TCCB) rà soát, đánh giá mục tiêu cụ thể về phát triển đội ngũ để đảm bảo đạt được các chỉ tiêu theo Chiến lược xây dựng và phát triển nguồn lực của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH PVCĐ.**

### 1. Mô tả hiện trạng

Thời điểm hiện tại, tổng số cán bộ cơ hữu của CNBTTH là 02 GV, có trình độ ThS; Bên cạnh đội ngũ GV cơ hữu, Khoa còn có sự hợp tác liên kết với các chuyên gia, các biên tập viên, GV có uy tín, nhiều năm kinh nghiệm từ nhiều trường ĐH, viện nghiên cứu, các hãng phim, đài truyền hình, công ty truyền thông... Độ tuổi trung bình của GV là 38.6 tuổi (40 tuổi đối với nữ 36.5 tuổi đối với nam) [H06.06.02.01].

Việc bổ nhiệm lãnh đạo khoa và bộ môn dựa trên năng lực giảng dạy, NCKH và uy tín của GV. Quy trình bổ nhiệm Ban lãnh đạo khoa được thực hiện công khai, tiêu chí rõ ràng và đúng quy định của Trường [H06.06.02.02].

Thực hiện các hoạt động đào tạo của CTĐT cử nhân BTTH do Tổ bộ môn BTTH. Tổ bộ môn hiện nay có 2 GV cơ hữu gồm 1 nam và 1 nữ có trình độ ThS, có 1 GV độ tuổi 30-40 chiếm tỉ lệ 50%, 1 GV độ tuổi 41-50 chiếm tỉ lệ 50%. Ngoài ra còn có sự tham gia của các GV cơ hữu trong Khoa, Trường và các GV thỉnh giảng tham gia thực hiện CTĐT.

Hiện nay, số lượng GV cơ hữu CNBTTH là 02 và 02 người tính cho tổng số GV tham gia đào tạo. Tổng số SV ĐH chính quy CNBTTH năm 2024 là 82 SV. Như vậy,

tỷ lệ SV/GV quy đổi của CNBTTH là 82 sinh viên/02 GV.

Định mức giờ chuẩn cho GV trong một năm học là 300 giờ, các công việc được quy đổi theo giờ chuẩn khác nhau. Định mức giờ chuẩn đối với các GV được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác khác được giảm trừ giờ chuẩn và các trường hợp GV được miễn giảm giờ chuẩn được quy định trong Quy định về chế độ làm việc của GV của ĐHSKĐAHN (Điều 9 và Điều 10) **[H06.06.02.03]**. Ngoài ra còn có các điều kiện được quy định rõ ràng để tính vượt giờ cho GV (Điều 12). Quy định về NCKH, mỗi năm GV phải hoàn thành nhiệm vụ NCKH được giao tương ứng với chức danh nghề nghiệp hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm. Kết quả NCKH của GV được đánh giá thông qua các sản phẩm NCKH cụ thể, tối thiểu là một đề tài NCKH cấp cơ sở hoặc tương đương được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc một bài báo được công bố trên tạp chí khoa học có phản biện hoặc một bài báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học chuyên ngành. Định mức khối lượng giờ thực hiện NCKH của các chức danh GV được quy định cụ thể **[H06.06.02.04]**.

Việc đánh giá viên chức, người lao động căn cứ vào chức trách nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện nhiệm vụ về tiến độ và chất lượng công việc của từng người, số lượng công việc được giao theo kế hoạch, những nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất, những yêu cầu về trình độ chuyên môn của công việc, mức độ cần cù, chịu khó, tận tâm, tận tụy, trách nhiệm với công việc, chấp hành kỷ cương. Việc đánh giá được xem xét qua các cấp: cá nhân tự đánh giá, tự chấm điểm, bộ môn xem xét, đề nghị, hội đồng Khoa chấm điểm, hội đồng Thi đua khen thưởng của Trường rà soát, công nhận và ra quyết định **[H06.06.02.05]**.

Đầu năm học, các GV phải có biên bản giao, nhận nhiệm vụ. Trên cơ sở đó, Khoa rà soát khối lượng công việc để có kế hoạch phân công công việc trong năm học mới một cách hợp lý, tránh tình trạng không cân đối về khối lượng công việc **[H06.6.02.06]**. Sau mỗi năm học, việc đánh giá khối giảng dạy và NCKH, cũng như các hoạt động chuyên môn và nghiệp vụ khác được Khoa thực hiện thông qua việc đánh giá kết quả, phân loại viên chức, người lao động để hưởng lương tăng thêm và xếp loại thi đua **[H06.06.02.07]**. Ngoài việc quản lý trực tiếp của Khoa, bộ môn; các phòng chức năng của Trường kiểm tra giám sát đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV từ đó đảm bảo chất lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của GV. Kết quả là trong 5 năm qua, toàn bộ GV trong Khoa đều hoàn thành công việc, nhiều GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được nhận các danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, bằng khen các cấp **[H06.06.02.08]**. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức lấy ý kiến đánh giá của NH về chất lượng giảng dạy của GV nhằm giúp GV Khoa đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề có giải pháp tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để cải tiến chất lượng đào tạo **[H06 06.02.09]**. Mặc dù, tỷ lệ GV/SV CNBTTH bảo đảm khối lượng trong những năm qua, tuy nhiên, trong những năm tới, do đặc thù giảng dạy CNBTTH luôn cần tiếp cận cái mới, luôn phải nâng cao trình độ, số lượng GV học lên bậc TS còn hạn chế sẽ ảnh hưởng nhiều đến chiến lược đào tạo nếu không tính đến việc xây dựng đội ngũ GV.

## 2. Điểm mạnh

Tỷ lệ NH/GV và khối lượng công việc của từng GV CNBTTH được xác định rõ ràng thông qua hệ thống các văn bản quy định của Nhà trường và được giám sát bởi tổ bộ môn, Khoa và các đơn vị chức năng trong Nhà trường. Điều đó góp phần bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH cũng như các hoạt động PVCĐ

## 3. Điểm tồn tại

Việc đo lường các nhiệm vụ khác đối với GV (ngoài giờ giảng, giờ NCKH) còn mang tính định tính, chưa có những tiêu chí cụ thể, các hoạt động PVCĐ của GV chưa định lượng được.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Phòng HCTH bộ phận TCCB, Phòng ĐTQLKH&HTQT giám sát, khuyến khích GV thực hiện tốt công việc để ĐBCL hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH bám sát quy định “Hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường ĐHSKĐAHN” xây dựng kế hoạch về việc tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ theo từng năm học, đồng thời tổ chức đánh giá hằng năm đối với nội dung này.

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

***Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai***

### 1. Mô tả hiện trạng

Phát triển đội ngũ GV có phẩm chất đạo đức, có năng lực, trình độ là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động PVCĐ của Nhà trường. Để thực hiện điều đó, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định về việc tuyển dụng viên chức [H06.06.03.01]. Trong công tác tuyển dụng, hàng năm, Nhà trường đã triển khai quy trình tuyển dụng rõ ràng, minh bạch, công khai, bao gồm chỉ tiêu, tiêu chí, hình thức thi tuyển và thời gian tiến hành tuyển dụng.

Bên cạnh các tiêu chí tuyển dụng, Trường cũng có quy định tiêu chí lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng, cụ thể.

Các tiêu chí tuyển dụng gồm: 1- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng ThS trở lên hoặc được công nhận nghệ sĩ nhân dân (NSND) đối với GV giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng TS (hoặc được công nhận là NSND) đối với GV giảng dạy và hướng dẫn luận văn, luận án trong các CTĐT ThS, TS; 3- Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5- Lý lịch bản thân rõ ràng.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được phổ biến công khai trên các phương

tiện truyền thông đại chúng, trên website của Nhà trường, được niêm yết tại Phòng HCTH bộ phận TCCB. Tiêu chí tuyển dụng được điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Nhà trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ, với xu thế phát triển chung của giáo dục đại học.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được phổ biến công khai trên Trang thông tin điện tử của Trường; gửi thông báo bằng văn bản về các đơn vị trong Trường, được đăng tải trên báo chí khi có các đợt tuyển dụng tập trung. Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với quy định chung của Nhà nước

Trường đã xây dựng và đưa vào thực hiện các tiêu chí cho quy trình tuyển dụng cán bộ, GV sao cho phù hợp với yêu cầu của trường đào tạo nghệ thuật mang tính đặc thù cao. Ngoài quy trình tuyển dụng cán bộ, GV riêng của Trường, những năm qua, Trường đã thực hiện đúng kế hoạch, quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. **[H06.06.03.02]**

Trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng của Nhà trường được thành lập để bảo đảm tính chính xác, khách quan, công bằng. Hội đồng tuyển dụng hoạt động theo từng kỳ thi tuyển hoặc kỳ xét tuyển và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả tuyển dụng được công bố tới từng ứng viên. Đối với vị trí GV, ứng viên phải trải qua phần thi giảng phù hợp với chuyên môn đăng ký dự tuyển.

Sau khi trúng tuyển, GV tham gia dự giảng, biên soạn đề cương bài giảng, được một GV có kinh nghiệm và chuyên môn sâu hướng dẫn. GV tập sự phải thông qua bài giảng (giáo án) và giảng thử tại tổ bộ môn trước khi lên lớp chính thức. Trong 1 năm tập sự, sẽ có buổi dự giờ đánh giá của các bộ phận liên quan như tổ bộ môn, khoa. Sau 1 năm tập sự, Nhà trường, Khoa và tổ bộ môn sẽ tiến hành đánh giá về ý thức, chuyên môn, phương pháp giảng dạy; nếu đạt được các yêu cầu thì mới được công nhận hết tập sự.

Năm 2018, năm 2022 thực hiện nghiêm túc quy định về tuyển dụng, trước mỗi kỳ tuyển dụng, Nhà trường đều có thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các hình thức thông báo trên nghệ thuật và truyền thông các thông tin về tiêu chuẩn và số lượng cũng như cần tuyển vào biên chế. Việc tuyển dụng cán bộ, GV của Trường thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước.

Sau mỗi kỳ thi tuyển dụng, Nhà trường đều có văn bản công khai danh sách những người trúng tuyển và thông báo rộng rãi trên các bảng tin của Trường. Các cán bộ, GV đã trúng tuyển trong các kỳ thi tuyển dụng phải trải qua một thời gian làm hợp đồng tập sự. Sau khi hoàn thành tốt những công việc được giao, các cán bộ, GV này sẽ được Nhà trường ký hợp đồng chính thức **[H06.06.03.03]**.

Đối với những GV được điều chuyển từ đơn vị khác về Trường, để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập Hội đồng sát hạch GV nhằm đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác, khách quan và có sự đồng thuận tập thể **[H06.06.03.04]**. Sau khi trúng tuyển, các GV được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng, thông

qua bài giảng ở bộ môn, dự giờ các GV khác và tiến hành giảng thử tại bộ môn rồi mới giảng trước Hội đồng của Nhà trường. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là các Khoa chuyên môn có liên quan. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thực hành giảng dạy và trả lời các câu hỏi về chuyên môn của Hội đồng sát hạch, nếu đạt GV mới được lên lớp chính thức. Trong 1 năm tập sự, Khoa sẽ cử 1 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV tập sự **[H06.06.03.05]**.

Trong giai đoạn từ 2019-2024, để bảo đảm yêu cầu phát triển đội ngũ GV cũng như phát triển đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD, CNBTTH đã tiến hành tuyển dụng thêm 01 GV cơ hữu trình độ ThS, 01 cán bộ hợp đồng trợ giảng trình độ cử nhân tiếp tục tạo điều kiện học tập để trở thành cán bộ nòng cốt **[H06.06.03.06]**.

Việc bổ nhiệm, điều chuyển GV của CTĐT CNBTTH được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, quy trình và công khai, minh bạch. Đối với công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, Nhà trường thực hiện tốt công tác qui hoạch cán bộ lãnh đạo tại các đơn vị, trong đó có KTH đảm bảo được tính kế thừa liên tục về độ tuổi, trình độ chính trị, phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ và chú trọng tới đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ. Nhà trường đã triển khai thực hiện tốt Quy định tiêu chuẩn bổ nhiệm cán bộ quản lý tại Khoa. Khoa tổ chức hội nghị với sự tham dự của đại diện BGH, bộ phận TCCB cùng toàn thể đơn vị để lấy phiếu tín nhiệm và trình lên Đảng ủy Nhà trường xét duyệt **[H06.06.03.07]**.

## 2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định một cách rõ ràng và được phổ biến công khai. Các GV được tuyển dụng, lựa chọn đều đáp ứng các tiêu chí của Trường.

## 3. Điểm tồn tại

Tiêu chí lựa chọn GV trong những năm tới (chỉ mời GV thỉnh giảng đã có trình độ ThS trở lên), nên việc lựa chọn GV thỉnh giảng có thâm niên, chuyên môn giỏi, tầm ảnh hưởng trong nghề... thường gặp khó khăn. Hiện tại, GV đạt trình độ TS của CNBTTH chưa có.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Nhà trường giao cho Phòng HCTH bộ phận TCCB tiếp tục công khai các thông tin và tiêu chí khi tuyển dụng GV trên các phương tiện truyền thông (khi có kế hoạch tuyển dụng).

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH tiếp tục phối hợp với Phòng ĐTQLKH&HTQT, Phòng HCTH bộ phận TCCB rà soát chiến lược phát triển nguồn nhân lực; xây dựng, đề xuất với Bộ VHTT&DL những tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm mang tính đặc thù. Khoa/Phòng HCTH bộ phận TCCB cụ thể hóa tiêu chí tuyển dụng GV bảo đảm đúng yêu cầu tuyển dụng về chuyên ngành được đào tạo để đáp ứng ngay được yêu cầu của CTĐT.

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

### ***Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ GV được xác định và được đánh giá***

#### ***1. Mô tả hiện trạng***

GV, nghiên cứu viên là nguồn lực quan trọng trong việc tạo dựng chất lượng đào tạo, nghiên cứu của trường ĐH. Bởi vậy, năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng bằng việc đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ ngay từ khi được tuyển dụng. Cụ thể là 100% GV của Khoa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và chứng chỉ CNTT đạt chuẩn của Bộ quy định [**H6.06.04.01**].

Năng lực của đội ngũ GV được xác định rõ ràng và cụ thể hóa trong các nhiệm vụ mà GV cần thực hiện. Cùng với quá trình tự tích lũy và trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, GV của Khoa có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ: thiết kế và thực hiện bài giảng theo đề cương môn học; áp dụng được các phương pháp giảng dạy hiện đại; sử dụng được các công cụ, phương tiện hiện đại để giảng dạy, sử dụng nhiều hình thức kiểm tra - đánh giá; tham gia biên soạn bài giảng, giáo trình, sách phục vụ đào tạo; tham gia xây dựng CTĐT, NCKH phục vụ đào tạo và cộng đồng, quản lý, tư vấn SV trong hoạt động học tập, thực hành v.v..

Năng lực của đội ngũ GV được xác định và đánh giá qua kết quả về số lượng và chất lượng của các sản phẩm đào tạo, NCKH. Đội ngũ nghiên cứu viên của Khoa bên cạnh việc hoàn thành nhiệm vụ NCKH phục vụ đào tạo và chuyên gia tri thức còn tham gia giảng dạy những HP phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu. Năng lực của nghiên cứu viên được đánh giá kết quả về số lượng và chất lượng của các sản phẩm khoa học, sáng kiến chuyên gia tri thức PVCD cũng như ứng dụng kết quả nghiên cứu trong giảng dạy, đào tạo. Bên cạnh đó, Nhà trường tạo điều kiện cho các GV của Khoa nói chung và GV CNBTTH tham gia mọi hoạt động sáng tác để nâng cao nghiệp vụ, kinh nghiệm [**H06.06.04.02**].

Về năng lực nghiên cứu, trong những năm qua, các cán bộ, GV, nghiên cứu viên của Khoa đã đạt được nhiều thành tựu khoa học với những công trình đa dạng và chất lượng. Các đề tài NCKH của cán bộ cơ bản đã gắn với giảng dạy, đào tạo, sát chương trình của ngành học và có tính ứng dụng tốt. Kết quả NCKH của cán bộ, GV trong Khoa luôn cao hơn so với định mức nghiên cứu theo quy định của Nhà trường.

Đội ngũ GV tích cực tham gia NCKH dưới hình thức các hoạt động đặc thù của ngành: tham gia làm Chương trình truyền hình; tham gia các dự án, hội thảo, chia sẻ giữa các khoa trong Trường, GV của KTH đã có nhiều công trình chất lượng được ghi nhận [**H06.06.04.03**].

Trường ĐHSKĐAHN luôn khẳng định GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của Nhà trường, đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm, theo đó các tiêu chí xác định năng lực của GV cũng là mục tiêu phấn đấu của các GV KTH [**H06.06.04.04**]. Trường ĐHSKĐAHN có văn bản quy định về các tiêu chí đánh giá phân loại viên chức, người

lao động trong đó quy định rõ các tiêu chí phân loại các mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ... với các tiêu chí về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần thái độ, trách nhiệm trong công việc, khả năng hoàn thành nhiệm vụ, kết quả NCKH[H06.06.04.05], ... Nhà trường ban hành quy định đánh giá, phân loại viên chức, người lao động để xét nâng lương trước niên hạn[H06.06.04.06]. Các văn bản này được Nhà trường tổ chức cho cán bộ, GV thảo luận, thống nhất và được thông báo công khai bằng văn bản.

Công tác bình xét thi đua - khen thưởng hằng năm được triển khai một cách đa dạng, bên cạnh việc bám sát các tiêu chí khen thưởng đã được ban hành, Nhà trường còn đề nghị Bộ VH TT & DL khen tặng đối với GV có thành tích xuất sắc trong các hoạt động nghề nghiệp; hoặc vinh danh các GV có thành tích trong Hội nghị viên chức, người lao động hằng năm [H06.06.04.07].

Phòng KT & ĐBCLGD đã lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV, kết quả cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của SV [H06.06.04.08]. Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được Nhà trường xác định rõ ràng, nhất quán. Việc đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Tuy nhiên, KTH chưa xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực GV. Do đó, năng lực của đội ngũ GV tham gia giảng dạy CNBTTH đôi khi còn bị đánh giá mang tính định tính.

## 2. Điểm mạnh

GV của Khoa đều hoàn thành tốt nhiệm vụ các năm học và có kết quả đánh giá về công tác giảng dạy ở mức cao.

## 3. Điểm tồn tại

Năng lực NCKH, cụ thể trong hạng mục liên quan đến các công trình công bố quốc tế của GV CNBTTH vẫn còn hạn chế do chưa mạnh dạn đăng ký và nghiên cứu các vấn đề liên quan đến ngành nghề của mình.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp với Phòng HCTH bộ phận TCCB tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn năng lực GV để làm cơ sở cho quá trình đánh giá kết quả công việc.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy của GV KTH.

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó**

### 1. Mô tả hiện trạng

Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực là điều kiện quyết định để Nhà trường có thể phát triển trong môi trường cạnh tranh. Vì vậy, chiến lược phát triển đội ngũ NV, đặc biệt chú trọng về chất lượng hỗ trợ công tác đào tạo luôn được Nhà trường quan tâm. Nhà trường đã có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ viên chức của Trường tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và nước ngoài; có chính sách khuyến khích GV nâng cao trình độ chuyên môn, tạo điều kiện về kinh phí đối với GV học ThS, TS, đi đào tạo ở nước ngoài. Bên cạnh đó, Trường và Khoa luôn công khai thông báo các chương trình học bổng học tập nước ngoài nhằm tạo điều kiện để GV trẻ tham gia dự tuyển, có quy định rõ ràng về các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường, trong đó hướng dẫn cụ thể cho GV khi tham gia các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ...ở nước ngoài. [H06.06.05.01].

Các quy định về khen thưởng, hỗ trợ NCKH, đi hội thảo trong nước và nước ngoài; các nội dung chi, mức chi được quy định cụ thể trong các quy chế chi tiêu nội bộ (hỗ trợ chi trả học phí, trả thù lao biên soạn giáo trình, viết chuyên đề NCKH,...) của Nhà trường. [H06.06.05.02].

## 2. Điểm mạnh

Hằng năm, Nhà trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ này. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho GV được đảm bảo thực hiện. Đội ngũ GV của Nhà trường bảo đảm đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp, có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH tại Trường.

Đội ngũ GV của Khoa luôn bảo đảm sự trợ giúp tối đa cho SV.

## 3. Điểm tồn tại

Sau khi tổ chức các khóa học đào tạo, bồi dưỡng, Nhà trường chưa thường xuyên thực hiện lấy ý kiến phản hồi của GV về hiệu quả của các hoạt động trên.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Nhà trường tiếp tục duy trì hoặc nâng cao hơn nữa mức hỗ trợ trong các chính sách, cơ chế để khuyến khích GV học tập nâng cao trình độ.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH tiếp tục phối hợp với Phòng HCTH bộ phận TCCB khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.**

### 1. Mô tả hiện trạng

KTH luôn quan tâm, quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của GV, hỗ trợ nhằm tạo động lực cho GV trong quá trình làm việc và hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Nhà trường đã xây dựng và được Bộ VHTT&DL phê duyệt đề án vị trí việc làm, đây là căn cứ để quản trị theo kết quả công việc của GV [H06.06.06.01], theo đó, với từng chức danh công việc, Trường có quy định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy) cho từng loại đối tượng cán bộ giảng dạy.

Bên cạnh đó, Nhà trường lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV; kiểm tra việc dự giờ, kế hoạch giảng dạy của GV... làm cơ sở triển khai hoạt động viên chức giảng dạy (GV) theo năng lực làm việc [H06.06.06.02].

Các GV đều phải xây dựng kế hoạch giảng dạy ngay từ đầu mỗi năm học [H06.06.06.03]. Hằng năm, Khoa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo hướng dẫn của Trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H06.06.06.04].

Nhà trường sử dụng kết quả đánh giá GV để thực hiện quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và các chính sách đãi ngộ đối với GV, cụ thể: Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác sẽ là cơ sở để Khoa bình xét và đề cử danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, cấp bộ; được đề nghị khen thưởng Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ,... Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những cá nhân có thành tích cao, đột xuất xuất sắc sẽ được nâng lương trước hạn hoặc là cơ sở xem xét để bổ nhiệm vào vị trí quản lý chuyên môn hoặc hành chính. Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho GV sẽ tạo động lực cho GV phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu [H06.06.04.05]. Tính đến tháng 12 năm 2023, Nhà trường chưa nhận được đơn khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các GV. Các đánh giá theo kết quả công việc của GV công khai, minh bạch, rõ ràng.

Về NCKH và PVCĐ, do đặc thù của ngành đào tạo, các GV tham gia công tác đào tạo của chuyên ngành biên kịch điện ảnh cũng tham gia đào tạo cho CNBTTH (họ có tố chất đào tạo những người làm nghề viết nói chung), những GV này thường tham gia các hoạt động như làm phim, hoặc hoạt động thực tiễn có liên quan đến chuyên môn như tham gia là ban giám khảo cho các chương trình truyền hình, Liên hoan phim, Liên hoan phim SV các trường ĐA-TH quốc tế..., các tổ chức Văn hóa nghệ thuật độc lập của Việt Nam và quốc tế. Đây là những hoạt động mang lại nhiều ý nghĩa cho phát triển chuyên môn của GV cũng như có giá trị ảnh hưởng, góp phần vào sự phát triển chung của cộng đồng. Do đó, Nhà trường đã có văn bản quy định cụ thể về việc căn cứ vào thành tích nghề nghiệp để tính quy đổi thành điểm NCKH cho các GV.

Các hoạt động nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng của KTH chưa tổ chức

tổng kết đánh giá định kỳ, do đó việc định hướng cũng như giải pháp cải tiến công tác này còn chung chung và hiệu quả chưa cao.

## 2. Điểm mạnh

Kế hoạch chiến lược phát triển CNBTTH của KTH, trường ĐHSKĐAHN được xây dựng khoa học dựa trên thực lực nguồn nhân lực của khoa chuyên môn đồng thời đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của xã hội.

## 3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa định kỳ khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ GV về quy trình và tiêu chí đánh giá kết quả công việc, thi đua khen thưởng.

## 4. Kế hoạch hành động

*Phát huy điểm mạnh:* Từ năm học 2024-2025, KTH tiếp tục tổ chức đánh giá về sự đáp ứng của GV đối với vị trí việc làm để xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ của Khoa. Duy trì các chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực tham gia NCKH và các hoạt động PVCD.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp phòng HCTH (bộ phận TCCB) tiếp tục thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ GV về quy trình và tiêu chí đánh giá kết quả công việc, thi đua khen thưởng.

*Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 5/7).

***Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

### 1. Mô tả hiện trạng

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế, NCKH đã trở thành hoạt động vô cùng quan trọng đối với đội ngũ GV trong Khoa. Nhà trường quy định về trách nhiệm NCKH của GV. Quy định được thực hiện thống nhất trong toàn trường đối với các đối tượng GV theo chức danh.

VSKĐA, Trường ĐHSKĐAHN là đầu mối xây dựng kế hoạch về khoa học công nghệ hằng năm của Nhà trường Nhà trường đã ban hành Quy định rõ ràng về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài NCKH của Trường ĐHSKĐAHN [H06.06.07.01].

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được Trường quy định rõ (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn SV tốt nghiệp) đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định, phù hợp với nhiệm vụ khoa học công nghệ của Trường. Kết thúc năm công tác, Khoa và Trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm bảo đảm về số lượng các hoạt động NCKH của GV [H6.06.07.02].

Nhà trường đã có quy định rõ ràng về hướng nghiên cứu các đề tài ứng dụng phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy, các hình thức tham gia làm phim, hoạt động trong ngành truyền hình hoặc điện ảnh đều có các văn bản của Nhà trường hướng dẫn

quy đổi sang định mức NCKH. (Quy định chế độ làm việc của GV có xác định 12 nội dung các tác phẩm nghệ thuật được tính giờ NCKH).

Bên cạnh đó, Nhà trường có văn bản cụ thể hoá quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động NCKH [H06.06.07.03]; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ [H06.06.07.04]. Các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ luôn được thông qua bởi Hội đồng nghiệm thu với các thành viên là những người am hiểu về lĩnh vực mà GV nghiên cứu.

Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Nhà trường dưới nhiều hình thức từ đề tài, giáo trình đến tư liệu đã hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nâng cao trình độ cho đội ngũ GV của Trường. Tuy nhiên, do đặc thù đào tạo của CNBTTH mang tính thực tiễn, các NCKH thể hiện trong các tác phẩm, sản phẩm truyền hình, điện ảnh cụ thể. Khoa cũng nhận định rằng, GV chưa có đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, chưa thực hiện đối sánh số lượng và chất lượng các kết quả NCKH; số lượng bài báo được công bố trong các hội thảo và tạp chí quốc tế còn chưa có. Do đó, hiện nay việc đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV chưa được Khoa rà soát, điều chỉnh, đối sánh để nâng cao chất lượng của các hoạt động NCKH.

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ GV luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng Khoa học của Nhà trường.

Kết quả NCKH đã công bố được thống kê, tổng hợp định kỳ hàng năm [H06.06.07.05]. Trên cơ sở đó, Ban lãnh đạo Khoa có căn cứ để đối sánh, đánh giá chất lượng các sản phẩm NCKH phục vụ giảng dạy, đào tạo, chuyển giao tri thức PVCD, đồng thời xây dựng định hướng nghiên cứu của Khoa hoặc từng bộ môn trong giai đoạn tiếp theo.

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH theo định mức ứng với mỗi vị trí công việc của GV, có chính sách quy đổi giờ NCKH đặc thù.

## *3. Điểm tồn tại*

GV của KTH chưa có nhiều đề tài nghiên cứu lý luận cấp Bộ hoặc cấp Nhà nước; Khoa chưa thực hiện đối sánh số lượng và chất lượng các kết quả NCKH.

## *4. Kế hoạch hành động*

*Phát huy điểm mạnh:* Từ năm học 2024-2025, KTH tiếp tục phát huy các cơ chế hiện có (quy đổi; khen thưởng) để khuyến khích GV hoàn thành tốt nhiệm vụ NCKH.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024-2025, định kỳ 2 năm 1 lần KTH tổ chức hội thảo, tọa đàm để tìm ra giải pháp nâng cao chất lượng, số lượng đề tài NCKH.

Thực hiện định kỳ rà soát, đối sánh kết quả và mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV để cải tiến chất lượng.

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 6***

*\*Điểm mạnh nổi bật*: Đội ngũ GV trong CNBTTH có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy; NCKH; PVCĐ của Khoa đã có những thành tích nhất định. Đội ngũ GV của Khoa luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng theo quy định và đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao theo thăm dò ý kiến từ SV. Đội ngũ GV của Khoa đã tích cực tham gia vào tất cả loại hình nghiên cứu. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của Khoa và Nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của GV, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.

*\*Điểm tồn tại cơ bản*: GV của CTĐT CNBTTH cũng như KTH chưa có nhiều đề tài NCKH cấp Bộ hoặc cấp Nhà nước.

*\*Kết luận về Tiêu chuẩn 6*: Tiêu chuẩn 6 có bảy tiêu chí đạt, cả 7 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

### **Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ NV**

#### ***Mở đầu***

*Đội ngũ NV Trường ĐHSKĐAHN bao gồm NV làm việc tại phòng chức năng (Phòng HCTH; Phòng ĐTQLKH&HTQT; Phòng CTHSSV; Phòng KT&ĐBCLGD; TTTTTV). Do đặc thù đào tạo, Trường không có phòng thí nghiệm, thay vào đó là Trung tâm Thực hành SK-ĐA (Xưởng phim Thực nghiệm; Nhà hát Thử nghiệm; Trung tâm Âm thanh, Ánh sáng) và bộ phận hỗ trợ SV tại phòng chiếu phim/trường quay/phòng tin học. Đội ngũ NV của Trường và Khoa được tuyển dụng và đánh giá đúng quy định, được hỗ trợ phát triển chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện hiệu quả công việc, đáp ứng tốt cho các hoạt động của Nhà trường nói chung và KTH nói riêng.*

***Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ***

#### ***1. Mô tả hiện trạng***

Việc xác định nhu cầu về đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường (Phần phát triển đội ngũ) và trong Đề án vị trí việc làm [H07.07.01.01], [H07.07.01.02].

Bên cạnh đội ngũ NV làm việc tại TTTTTV Nhà trường, phòng chiếu phim, phòng tin học, trường quay, Nhà hát tài năng trẻ, Xưởng phim thực nghiệm... các đơn vị phòng chức năng (Phòng HCTH; Phòng ĐTQLKH&HTQT; Phòng CTHSSV; Phòng

KT&ĐBCLGD) đều phân công NV trực tiếp phụ trách, hỗ trợ cho KTH. Nhà trường có chính sách phát triển đội ngũ NV thể hiện trong các văn bản: Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Nhà trường [H07.07.01.03], Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSKĐAHN [H07.07.01.04], Quy chế chi tiêu nội bộ [H07.07.01.05]. Cụ thể, Nhà trường đã thực hiện chuyển đổi ngạch viên chức [H07.07.01.06]. Bên cạnh đội ngũ NV của Trường, KTH còn có các GV kiêm nhiệm công tác trợ lý, hỗ trợ công tác đào tạo và NCKH và hỗ trợ cho NH hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập [H07.07.01.07].

Đội ngũ NV thực hiện quy trình đánh giá chất lượng công việc cũng như mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao, được bình xét thi đua theo đúng quy định của Trường. Tỷ lệ NV hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt cao (trên 90%) [H07.07.01.08]. Tuy nhiên, Nhà trường/KTH chưa định kỳ thực hiện công tác khảo sát, đánh giá phản hồi của các BLQ về mức độ đáp ứng của đội ngũ NV, chưa phân tích, đánh giá nhu cầu về đội ngũ để có các kế hoạch tuyển dụng nhân sự.

### *2. Điểm mạnh*

Đội ngũ NV của Trường/Khoa được quy hoạch đáp ứng hiệu quả công việc phục vụ cho việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH.

Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ NV.

### *3. Điểm tồn tại*

Nhà trường chưa định kỳ khảo sát phản hồi của các BLQ về mức độ đáp ứng của đội ngũ VN.

### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH; các phòng chức năng; Trung tâm thực hành SK-ĐA; TTTTTV tiếp tục cử chuyên viên, kỹ thuật viên, NV tham gia tập huấn để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Phòng KT&ĐBCLGD, KTH định kỳ hằng năm khảo sát NH, GV về chất lượng phục vụ của đội ngũ NV.

### *5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).*

***Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Nhằm bảo đảm chất lượng NV khi tuyển dụng và để phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt; Trường đã ban hành các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng, điều chuyển và bổ nhiệm tuân theo quy định của Bộ VHTT&DL và quy định khác của các Bộ liên quan [H07.07.02.01]. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ NV rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H07.07.02.02].

Các chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ NV được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông [H07.07.02.03]. Việc bổ nhiệm, điều chuyển NV được thực hiện đúng quy định, quy trình và công khai, minh bạch. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn [H07.07.02.04].

Trường, Khoa và các đơn vị tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp chuyên viên (chuyên viên chính) [H07.07.02.05]. Bên cạnh đó, trong quá trình làm việc, một số NV được thay đổi sang một vị trí mới phù hợp hơn với nhu cầu và khả năng [H07.07.02.06].

## 2. Điểm mạnh

Trường xây dựng các tiêu chí tuyển chọn NV để bổ nhiệm. Các tiêu chí rõ ràng và được công khai.

## 3. Điểm tồn tại

Trường chưa khảo sát, phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ về vị trí việc làm.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Trường giao KTH tiếp tục phối hợp với Phòng HCTH bộ phận TCCB và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch về cơ cấu độ tuổi cho đội ngũ NV trong đề án nhân sự cho giai đoạn tiếp theo của Trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, định kỳ 2 năm 1 lần, Phòng HCTH bộ phận TCCB tổ chức khảo sát, phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ về vị trí việc làm của đội ngũ NV để đáp ứng yêu cầu tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm.

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

### ***Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá***

#### ***1. Mô tả hiện trạng***

Để đánh giá năng lực của đội ngũ NV, các đơn vị đều triển khai thực hiện đồng bộ quy trình đánh giá do Trường quy định. Theo đó, hằng năm, căn cứ yêu cầu công việc, mỗi cán bộ NV phòng chức năng, đơn vị trực thuộc Trường đều phải thực hiện đăng ký thi đua [H07.07.03.01]. Vào cuối mỗi năm học, các NV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học Việc tự đánh giá căn cứ theo chức danh (NV làm quản lý có tiêu chí đánh giá riêng), nhiệm vụ được giao. Sau đó, lãnh đạo đơn vị thực hiện đánh giá (lãnh đạo đơn vị được đánh giá bởi cấp trên - BGH), cuối cùng Hội đồng thi đua - khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Kết quả đánh giá phản ánh rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu, năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ hỗ trợ [H07.07.03.02]. Như vậy, năng lực của đội ngũ NV được đánh giá đúng quy trình thủ tục.

Hàng năm, các quy định, quy trình đánh giá năng lực NV đều được cải tiến dựa trên những ý kiến đóng góp của cán bộ NV [H07.07.03.03]. Trong giai đoạn 2019- 2024, kết quả bình xét đánh giá mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ NV đạt nhiều danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua, Bằng khen... Trong đó có cán bộ, nhân viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp Bộ, Bằng khen của Bộ trưởng... và được xét đề nâng lương trước hạn [H07.07.03.04]. Đặc biệt, đội ngũ làm công tác quản lý các phòng chức năng của Trường đa phần có học vị ThS, bên cạnh đó còn tham gia công tác giảng dạy, góp phần hiểu rõ và phục vụ tốt hơn công tác đào tạo. Đội ngũ trợ lý KTH được đánh giá, cho điểm về công tác phục vụ và được hỗ trợ kinh phí [H07.07.03.05].

## 2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ NV của Trường được xác định thông qua tiêu chí tuyển dụng, bản mô tả vị trí việc làm và kết quả thực hiện công việc được đánh giá hàng năm. Các NV đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

## 3. Điểm tồn tại

Hoạt động lấy ý kiến về sự hài lòng của NH đối với đội ngũ NV thực hiện CTĐT chưa được triển khai định kỳ.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Phòng HCTH bộ phận TCCB, các phòng chức năng, Trung tâm Thực hành SK-ĐA, TTTTTV tiếp tục thực hiện các chính sách bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ NV. Duy trì chế độ khen thưởng như xét nâng lương trước thời hạn, khen thưởng các sáng kiến, cải tiến của đội ngũ NV để khuyến khích sáng tạo, đóng góp cho Trường/Khoa.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Phòng HCTH bộ phận TCCB, KTH lấy ý kiến đánh giá của NH về thái độ, năng lực làm việc của đội ngũ NV và duy trì hoạt động này hàng năm.

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

**Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó**

### 1. Mô tả hiện trạng

Trường chú trọng đến việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV hỗ trợ, chính sách này được thực hiện từ Bộ VH TT&DL [H07.07.04.01]. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho đội ngũ NV tham gia các khóa học tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H07.07.04.02]. Trên cơ sở đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ NV, Trường lập danh sách gửi về Bộ VH TT&DL hoặc các đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, bên cạnh đó, Trường hỗ trợ 100 % kinh phí đào tạo bồi dưỡng [H07.07.04.03].

Đội ngũ NV được tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu

cầu của Nhà trường. Song, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của NH, Nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ

của NV. Các lĩnh vực nâng cao bồi dưỡng được xác định gồm: lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ và tin học, an ninh quốc phòng. Các khóa học đáp ứng yêu cầu thực tiễn nên đã thu hút đông đảo cán bộ NV nhiệt tình tham gia. Sau mỗi khóa học, các NV được yêu cầu gửi minh chứng như bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, giấy chứng nhận về bộ phận TCCB, đồng thời thực hiện khai bổ sung sơ yếu lý lịch hằng năm [H07.07.04.04].

Hằng năm, để đáp ứng nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV, Trường xác định cụ thể các nội dung cần bồi dưỡng cho NV và có phân bổ ngân sách đào tạo [H07.07.04.05].

Từ năm 2019 - 2024, nhiều NV của Trường đáp ứng đủ các tiêu chuẩn để dự thi nâng ngạch từ chuyên viên lên chuyên viên chính hoặc được cấp bằng ThS, TS [H07.07.04.06]. Đội ngũ trợ lý KTH được đánh giá, cho điểm về công tác phục vụ và được hỗ trợ kinh phí [H07.07.04.07].

## 2. Điểm mạnh

Trường và Khoa luôn xác định rõ ràng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ NV và có những hình thức để đáp ứng nhu cầu đó.

## 3. Điểm tồn tại

Các hoạt động đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV, nhất là bộ phận hỗ trợ cho KTH còn chưa đa dạng. Kinh phí hỗ trợ cho đội ngũ NV về đào tạo và phát triển chuyên môn còn hạn hẹp.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Phòng HCTH bộ phận TCCB, các phòng chức năng, Trung tâm Thực hành SK-ĐA, TTTTTV tiếp tục thực hiện các chính sách bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ NV.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Phòng HCTH bộ phận TCCB, KTH tiếp tục căn cứ yêu cầu của vị trí việc làm, xây dựng kế hoạch hoạt động đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV. Nghiên cứu các quy định hiện hành về bổ sung kinh phí hỗ trợ (nếu có).

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

***Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của NV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD***

### 1. Mô tả hiện trạng

Để việc quản trị theo kết quả công việc của NV được triển khai tốt để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD, Nhà trường cũng

như KTH triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao thể hiện qua bản mô tả vị trí công việc và các quy định cụ thể trong quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H07.07.05.01], [H07.07.05.02]. Tất cả NV đều được phân công phụ trách từng mảng công việc cụ thể phù hợp với năng lực chuyên môn [H07.07.05.03]. Trường các đơn vị trực tiếp giám sát hiệu quả công việc của mỗi NV; căn cứ nhận xét của đồng nghiệp và bản tự nhận xét đánh giá của NV để đánh giá xếp loại vào cuối năm [H07.07.05.04].

Hội đồng Thi đua khen thưởng của Nhà trường dựa vào kết quả đánh giá để ghi nhận và khen thưởng thành quả của từng NV [H07.07.05.05]. Quy trình đánh giá được thực hiện chặt chẽ theo các bước: NV TĐG, lãnh đạo đơn vị đánh giá, họp đơn vị thảo luận kết quả TĐG và đánh giá của thủ trưởng đơn vị, BGH đánh giá (đối với NV làm công tác quản lý) và Hội đồng Thi đua khen thưởng đánh giá. Các tiêu chí đánh giá được xác định rõ ràng, trên cơ sở tổng điểm đánh giá (có mẫu phiếu); NV được đánh giá ở 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Yêu cầu đối với mức xuất sắc của NV là có sáng kiến kinh nghiệm hoặc công trình khoa học được đăng trên Tạp chí có tính điểm của Hội đồng Chức danh Nhà nước, hoặc bài viết tham gia Hội thảo chuyên đề (đối với CNBTTH được quy đổi thành các tác phẩm/sáng tác/hoạt động nghề nghiệp được ghi nhận bằng giải thưởng...). Kết quả xếp loại viên chức là cơ sở để bình xét danh hiệu thi đua, xét nâng lương trước hạn [H07.07.05.06], [H07.07.05.07].

Nhà trường và Khoa còn tích cực tiếp thu ý kiến của đội ngũ NV để hoàn thiện Quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H07.07.05.08]. 100% NV của Trường được tham gia góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Hằng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị viên chức, người lao động và có báo cáo của Thanh tra nhân dân, trong đó ghi nhận kết quả giám sát đối với việc thực hiện các chính sách của Nhà trường. Tính đến hết năm 2023, Nhà trường không nhận được những ý kiến khiếu nại gì về việc quản trị theo kết quả công việc thông qua các hình thức thi đua khen thưởng [H07.07.05.09].

## 2. Điểm mạnh

Có tiêu chuẩn, quy trình đánh giá rõ ràng, triển khai đồng bộ công tác đánh giá kết quả công việc của NV, kết quả đánh giá đã khích lệ đội ngũ NV thực hiện tốt công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

## 3. Điểm tồn tại

Đội ngũ NV rất khó khăn để đạt được danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (ví dụ: thiếu công trình NCKH hoặc sáng kiến cải tiến kinh nghiệm) theo các quy định trong Quy chế Thi đua khen thưởng.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Phòng HCTH bộ phận TCCB; các

đơn vị thuộc Trường hoàn thiện chính sách quản trị nguồn nhân lực, chú trọng xây dựng tiêu chí cụ thể để đánh giá chất lượng công việc và theo dõi, giám sát thực hiện.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Phòng HCTH bộ phận TCCB; các đơn vị thuộc Trường tiếp tục khảo sát sự hài lòng của NV về công tác đánh giá. Rà soát bản mô tả vị trí việc làm. Nhà trường bổ sung chính sách hỗ trợ để tạo điều kiện cho NV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở nhằm khuyến khích họ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

#### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 7***

\* *Điểm mạnh nổi bật*: Trường có đội ngũ NV (cán bộ hỗ trợ) bảo đảm về số lượng, có năng lực chuyên môn và sẵn sàng phục vụ. Đội ngũ này được tuyển dụng, bổ nhiệm đúng quy định và công khai. Nhà trường luôn tạo điều kiện để đội ngũ NV học tập, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được thực hiện một cách công bằng, có tác dụng kích thích, động viên lớn.

\* *Điểm tồn tại cơ bản*: Nhà trường/Khoa chưa khảo sát các BLQ (nhất là NH) về mức độ đáp ứng của đội ngũ NV; kinh phí hỗ trợ cho đội ngũ NV về đào tạo và phát triển chuyên môn còn hạn hẹp; tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của NV (cũng như để đạt được mức độ ghi nhận cao nhất) chưa được lượng hóa cụ thể, cơ bản vẫn còn định tính.

\* *Kết quả đánh giá về Tiêu chuẩn 7*: Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí đạt, cả 5 đều đạt mức 4/7 điểm.

#### **Tiêu chuẩn 8: NH và hoạt động hỗ trợ NH**

##### ***Mở đầu***

*Trường ĐHSKĐAHN, KTH luôn xác định NH và hoạt động hỗ trợ NH đóng vai trò rất quan trọng trong BĐCL của CTĐT. Giai đoạn 2019-2024, Trường đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp tuyển sinh được công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH được triển khai minh bạch; hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH được thực hiện kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên trường sạch đẹp, trang thiết bị dạy - học hiện đại, tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.*

***Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.***

##### ***1. Mô tả hiện trạng***

Chính sách tuyển sinh của Trường ĐHSKĐAHN, KTH luôn được coi là khâu khởi đầu rất quan trọng của chuỗi quá trình đào tạo, do đó những chính sách/quy định về tuyển sinh của Trường/Khoa đều thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chi tiết nhằm cung cấp

thông tin về các hình thức tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh Thí sinh có nhu cầu học

CNBTTH được tuyển sinh theo quy chế của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng áp dụng cho khối các trường năng khiếu đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt **[H08.08.01.01]**. Các thông tin được xác định rõ ràng như: Đối tượng thi tuyển/xét tuyển, những chính sách ưu tiên, chỉ tiêu, ngành và chuyên ngành đào tạo; điều kiện dự thi; quy trình thi năng khiếu; hồ sơ và lệ phí, thời gian thi tuyển. Hằng năm, các thông tin tuyển sinh của Nhà trường được công bố công khai trên website, tại địa chỉ <http://skda.edu.vn>; trang facebook của Khoa/Trường; trong các chương trình tư vấn tuyển sinh do Trường ĐH Bách Khoa, Trường ĐH Văn hóa, Sở GD&ĐT; các đơn vị báo chí tổ chức (Ngày hội tuyển sinh) **[H08.08.01.02]**.

Bên cạnh các quy định về tuyển sinh được cụ thể hóa trong các văn bản của Trường, KTH còn tổ chức lớp giải đáp thắc mắc để hỗ trợ trực tiếp thông tin cần thiết cho thí sinh. Trước một ngày thi của kỳ thi sơ tuyển, Khoa cùng Nhà trường hỗ trợ, giải đáp tất cả các thắc mắc của thí sinh trực tiếp tại Trường tránh không bị các sai sót đáng tiếc **[H08.08.01.03]**. Để người có nhu cầu học dễ dàng tìm kiếm thông tin; nhằm nâng cao hiệu quả quảng bá về hoạt động tuyển sinh của Nhà trường hoặc tổ chức cho các Trường Trung học phổ thông đưa học sinh đến thăm quan hướng nghiệp, trải nghiệm tại Nhà trường **[H08.08.01.04]**.

Chính sách tuyển sinh được Nhà trường rà soát và cập nhật theo đúng quy định hiện hành. Sau khi kết thúc công tác tuyển sinh, Nhà trường tổ chức hội nghị (họp) tổng kết công tác tuyển sinh nhằm đánh giá hiệu quả công tác tuyển sinh, từ đó xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm học tới nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh hằng năm **[H08.08.01.05]**.

## *2. Điểm mạnh*

Công tác tuyển sinh của Trường ĐHSKĐAHN được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT và được công bố công khai trong toàn xã hội. Ngoài ra, chính sách tuyển sinh còn được cập nhật trên cơ sở góp ý của các BLQ; từ đó NH có thông tin về chuyên ngành học, chương trình học, tạo nên tâm thế học tập tích cực cho SV ngay từ năm thứ nhất. Chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật, tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh thi tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực chưa được thực hiện thường niên. Nhà trường chưa có nhiều dữ liệu về ý kiến của các BLQ trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Phòng ĐTQLKH&HTQT tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chính sách tuyển sinh, cập nhật và chủ động công bố thông tin và hình ảnh trên website của Trường, của Khoa, thực hiện tuyển sinh theo đúng quy định của

Bộ GD&ĐT. Thành lập Ban truyền thông để thực hiện tốt hơn nữa công tác quảng

bá tuyển sinh và các hoạt động chung của Nhà trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Phòng ĐTQLKH & HTQT thực hiện khảo sát SV; cựu SV; NTD, đồng thời thu thập dữ liệu về nhu cầu nhân lực CNBTTH của xã hội để làm cơ sở xây dựng đề án tuyển sinh.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 4/7).

***Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá***

1. *Mô tả hiện trạng*

Trường ĐHSKĐAHN, KTH thực hiện các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH căn cứ vào quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, đồng thời dựa trên cơ sở đúc kết thực tế tuyển sinh của Trường qua các năm trước [H08.08.02.01]. Thông tin về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được thể hiện rõ ràng, đầy đủ và chi tiết trong Đề án tuyển sinh của Trường [H08.08.02.02].

Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh, các Ban Thư ký; Ban Coi thi, bên cạnh đó Hiệu trưởng Nhà trường còn thành lập Ban Thanh tra tuyển sinh để thực hiện giám sát toàn bộ quy trình và phương pháp tuyển chọn thí sinh [H08.08.02.03]. Trước mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường đều tổ chức tập huấn công tác tuyển sinh cho toàn bộ lực lượng liên quan đến kỳ thi tuyển [H08.08.02.04].

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, để rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH, Trường tổ chức hội nghị (họp) rút kinh nghiệm, trong đó tham khảo ý kiến của mỗi thành viên Hội đồng tuyển sinh (HĐTS); đánh giá điểm mạnh và những điểm cần cải thiện về công tác tổ chức để nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh. [H08.08.02.05]. Tất cả thông tin về kết quả tuyển sinh đều được thông báo rõ ràng, đầy đủ trên website và facebook của Trường [H08.08.02.06]. Tính đến thời điểm năm 2024, Nhà trường chưa nhận được bất kỳ ý kiến nhận xét nào đánh giá không tốt về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH [H08.08.02.07]. Những điều chỉnh về chỉ tiêu do Khoa đề xuất và HĐTS Nhà trường căn cứ vào phân bổ chỉ tiêu của Trường quyết định.

2. *Điểm mạnh*

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH của Khoa được xác định rõ ràng, theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và đề án tuyển sinh của Nhà trường; được đánh giá thường xuyên để bảo đảm tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào CNBTTH.

3. *Điểm tồn tại:*

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH bằng hình thức trực tuyến chưa được đánh giá.

4. *Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH tiếp tục phối hợp với Phòng ĐTQLKH&HTQT nghiên cứu tiêu chí và phương pháp tuyển sinh mới để thu hút được

đa dạng các đối tượng thí sinh, chú trọng xác định năng lực nền của học sinh phù hợp với ngành học.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2025, KTH tổ chức nhiều hơn các buổi tọa đàm, hội thảo để đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH trong bối cảnh mới, đặc biệt tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến (nếu có).

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 4/7).

***Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT và khối lượng học tập của NH***

1. *Mô tả hiện trạng*

NH được tư vấn hỗ trợ kịp thời trong suốt quá trình học. Trước hết, Nhà trường có quy trình, có công cụ giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng của NH. Nhà trường dựa trên Quy chế đào tạo ĐH [H08.08.03.01], đồng thời ban hành những quy định đào tạo riêng của Trường về việc xây dựng ĐCCT, quy định về tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết thúc HP, công bố điểm, quy định rõ ràng chuẩn đầu ra Tin học, Ngoại ngữ, tốt nghiệp các môn Lý luận chính trị, Giáo dục quốc phòng [H08.08.03.02]. Sự tiến bộ, KQHT và khối lượng học tập, kết quả rèn luyện của SV CNBTTH được quản lý bởi Phòng ĐTQLKH&HTQT, Phòng CTHSSV, Phòng KT&ĐBCLGD, trợ lý KTH và GVCN, GV chuyên môn. GVCN, các GV trong Bộ môn và Khoa căn cứ vào KQHT để kịp thời khích lệ, tuyên dương cũng như nhắc nhở, tư vấn và hướng dẫn NH điều chỉnh kế hoạch học tập. Trường triển khai hoạt động đánh giá xếp loại SV, khen thưởng, kỷ luật theo đúng quy định hiện hành.

Để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH, Nhà trường có bộ phận kiểm tra nề nếp giảng dạy và học tập [H08.08.03.04]. Hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo và giao Phó Hiệu trưởng phụ trách CTHSSV trực tiếp điều hành kế hoạch kiểm tra nề nếp giảng dạy học tập, trong đó thể hiện việc giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH cũng như việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của GV. Các thông tin về tình hình học tập và rèn luyện của SV được cập nhật hằng tuần, được công bố trong cuộc họp giao ban hằng tháng giữa Trường các đơn vị với BGH Nhà trường để trao đổi và tìm các biện pháp chấn chỉnh (nếu cần) [H08.08.03.05].

Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều công bố thời khóa biểu của từng Khoa trong đó có các thông tin về lớp học, GV, thời gian học, môn học [H08.08.03.06]. Điều này cung cấp cho SV thông tin về sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập, bảo đảm người có học lực trung bình hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Bên cạnh đó, các HP trong khung

CTĐT của CNBTTH đã được KTH xây dựng chặt chẽ, trong đó lấy vai trò của NH làm trung tâm đúng như vai trò của họ trong công việc sau này.

Các kỳ học được phân bổ hợp lý từ lý thuyết, thực hành, thực tập để NH phát triển đầy đủ kiến thức, kỹ năng, để bảo đảm hầu hết SV có thể tốt nghiệp đúng tiến độ. SV CNBTTH có sự tương tác chặt chẽ với GV trong đào tạo chuyên môn, SV luôn biết chắc chắn bài thi của họ có vấn đề gì và họ được bàn bạc với GV để có ngay giải pháp

cả về nội dung chuyên môn và thủ tục hành chính trong suốt quá trình học. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành sổ tay SV, hỗ trợ các thông tin về Trường ngay từ các buổi học trong tuần giáo dục công dân **[H08.08.03.07]**.

Theo kế hoạch của Nhà trường, Khoa tổ chức các buổi sinh hoạt lớp để trợ lý Khoa/GVCN của Khoa nắm bắt tâm tư, nguyện vọng trong quá trình học tập của SV. Qua đó phối hợp với Lãnh đạo Khoa có hướng điều chỉnh và hỗ trợ SV tốt nhất. SV được đối thoại trực tiếp với toàn bộ GV trong Khoa để giải đáp các thắc mắc của SV về đào tạo, học tập. Qua đây, Khoa, Nhà trường tổng hợp các ý kiến, các đề xuất của NH để kịp thời điều chỉnh, giám sát và hỗ trợ NH (các bản tổng hợp ý kiến này được đưa ra Hội nghị đối thoại với SV). Hằng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị đối thoại giữa BGH, Trưởng các phòng chức năng (đơn vị hỗ trợ) với SV nhằm nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của SV trong quá trình học tập, rèn luyện. Đồng thời, cung cấp cho SV những thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường liên quan tới chế độ, chính sách đối với SV, quyền và nghĩa vụ của SV trong quá trình học tập tại Trường. Qua đó, kịp thời giải quyết những đề nghị, nhu cầu chính đáng của SV nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho SV trong quá trình học tập, rèn luyện. **[H08.08.03.08]**

KQHT của từng môn học của NH được thực hiện lưu trữ theo quy định tại Phòng ĐTQLKH&HTQT **[H08.08.03.09]**. Trước mỗi kỳ tốt nghiệp của khóa học, phiếu điểm (điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi, điểm tổng kết học phần) của SV được Phòng KT&ĐBCLGD kiểm tra, đối chiếu với bảng tổng hợp điểm toàn khóa **[H08.08.03.10]**. Trường có những văn bản pháp quy để thực hiện việc giám sát hoạt động của NH, tuy nhiên Nhà trường chưa hệ thống hóa thành quy định về theo dõi sự tiến bộ của NH.

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có hệ thống giám sát phù hợp nhằm theo dõi và cập nhật tiến độ học tập của NH kịp thời, chính xác. Cán bộ GV trong KTH là những người giàu kinh nghiệm thực tế, hầu hết là người trẻ, nhiệt huyết, gần gũi với SV nên kịp thời nắm bắt chính xác vấn đề của SV gặp phải và sẵn sàng hỗ trợ NH.

## *3. Điểm tồn tại*

KQHT từng môn học của NH chưa được cập nhật lên hệ thống quản lý trực tuyến. Điều này gây khó khăn cho GVCN trong quá trình theo dõi sự tiến bộ của NH.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH, Phòng ĐTQLKH &HTQT, Phòng KT&ĐBCLGD tiếp tục theo dõi chặt chẽ tiến độ học tập của NH, đặc biệt là các SV bị cảnh cáo học lực để hỗ trợ kịp thời.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH, Phòng ĐTQLKH &HTQT, Phòng KT&ĐBCLGD và Phòng CTHSSV tiếp tục nghiên cứu, xây dựng phần mềm chuyên dụng, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong quản lý đào tạo. Cải tiến công cụ giám sát KQHT của SV; cập nhật lên hệ thống quản lý trực tuyến để thông báo cho SV; mở tài

khoản điện tử dành cho GVCN để hỗ trợ trong quá trình theo dõi sự tiến bộ của NH.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 4/7).

***Tiêu chí 8.4: Hoạt động tư vấn học tập, NCKH, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác, nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH***

1. *Mô tả hiện trạng*

Khoa và Nhà trường kịp thời tư vấn, hỗ trợ có hiệu quả NH trong suốt quá trình học tập, NCKH và sinh hoạt ngoại khóa. Trước khi thi vào Khoa, SV được cung cấp đầy đủ thông tin về CTĐT nói chung, CNBTTH nói riêng thông qua các hoạt động tư vấn tuyển sinh CTĐT. Trong quá trình học tập, CTĐT CNBTTH được đăng tải công khai trên Website của Trường để SV có thể tìm hiểu và lựa chọn. Hoạt động tư vấn học tập, NCKH, hoạt động ngoại khóa, thi đua cũng như các dịch vụ hỗ trợ khác đối với NH của Trường ĐHSKĐAHN, KTH được thực hiện kịp thời ngay từ thời gian đầu ở trường ĐH cho đến khi tốt nghiệp.

Phòng CTHSSV của Trường là đơn vị chức năng chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua để hỗ trợ việc học tập của SV, BGH Nhà trường phân công một Phó Hiệu trưởng phụ trách CTHSSV [H08.08.04.01]. Bên cạnh đó, các hoạt động tư vấn được thực hiện bởi Đoàn TNCSHCM, đội ngũ GV chuyên môn, GVCN và trợ lý của Khoa [H08.08.04.02]. Quy trình triển khai các hoạt động động tư vấn, hỗ trợ SV được vận hành ngay khi mỗi khóa đào tạo bắt đầu, Trường có quyết định phân công GVCN cho từng lớp [H08.08.04.03], phân công cán bộ lớp [H08.08.04.04], đây là những đầu mối giao tiếp cơ bản của Trường đối với NH.

Trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H08.08.04.05] giúp SV nắm thứ nhất tiếp cận các quy chế, hướng dẫn phương pháp học tập, cách thức đánh giá cũng như các quy định công dân để nhanh chóng hòa nhập với môi trường học tập mới trong trường ĐH. Bên cạnh đó, Trường còn cung cấp sổ tay SV để mỗi SV tham khảo và sử dụng khi cần trong suốt quá trình học [H08.08.04.06]. Ngoài ra, Trường phân công KTH tổ chức buổi đón tiếp SV mới với sự tham gia đầy đủ cán bộ, GV đại diện Nhà trường và tất cả SV của Khoa [H08.08.04.07].

Trong suốt quá trình học, NH được hỗ trợ các chính sách như: học bổng; thủ tục hành chính trong chương trình vay vốn tín dụng đối với học sinh, SV [H8.08.04.08]; miễn giảm học phí theo quy định của Nhà nước (người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo, cũng như việc trợ cấp xã hội cho SV) [H08.08.04.09], đăng tải thông tin tuyển dụng cũng như có báo cáo tổng kết đánh giá tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp [H08.08.04.10].

SV CNBTTH còn được tham gia những hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ trực tiếp cho việc học tập như: tham gia các chuyên đề được thực hiện theo lịch (và cả bất thường) tùy theo sự kiện, tham dự các buổi chiếu phim mở rộng của lớp, của Khoa; tham gia các Liên hoan phim SV trong và ngoài trường; các hội thảo hoặc tham gia trải nghiệm nghề

nghiệp tại các Đài truyền hình. Những hoạt động hỗ trợ đặc thù này đã giúp cho SV CNBTTH có được trải nghiệm nghề nghiệp ngay từ khi còn đang theo học tại Trường [H08.08.04.11].

Để nâng cao hiệu quả học tập cho SV, GV chuyên môn của Khoa chịu trách nhiệm hỗ trợ, theo dõi và hướng dẫn SV trong suốt quá trình học tập theo quy định của Trường. Bên cạnh đó, trong các cuộc họp giao ban định kỳ hằng tháng, công tác hỗ trợ học sinh, SV được Nhà trường rà soát, Phòng CTHSSV có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, cũng như những công việc trong tháng để toàn Trường được biết, Hiệu trưởng Nhà trường đều có kết luận chỉ đạo kịp thời. [H08.08.04.12].

Đối với SV xuất sắc, KTH đều đề nghị Nhà trường xem xét để khen thưởng, giúp SV có nhiều điều kiện, cơ hội cải thiện việc học tập và cơ hội nghề nghiệp [H08.08.04.13].

Định kỳ mỗi năm một lần, Trường tổ chức Hội nghị đối thoại giữa cán bộ lãnh đạo Nhà trường với SV toàn trường, nhằm tập trung giải đáp các thắc mắc của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và hỗ trợ NH. Ngoài ra, Khoa cũng chỉ đạo các lớp tổ chức sinh hoạt lớp hàng tháng, có đại diện BGH, GVCN, trợ lý Khoa tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV [H08.08.04.14].

Nhà trường và Khoa tích cực chủ động lên danh sách các đơn vị thực tập phù hợp với ngành đào tạo để SV lựa chọn hoặc khuyến khích SV chủ động lựa chọn, tìm kiếm đơn vị thực tập theo mong muốn và có sự hướng dẫn của GV trong quá trình SV thực tập nghề nghiệp, đồng thời thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp và kết nối mạng lưới cựu NH để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV [H08.08.04.15].

Qua mỗi hoạt động, SV được trau dồi và rèn luyện thêm các kỹ năng mềm đồng thời SV có cơ hội thể hiện sức sáng tạo, nhiệt huyết và bản lĩnh của tuổi trẻ; mỗi hoạt động đều được đánh giá thi đua, khen thưởng cho cá nhân và tập thể [H08.08.04.16]. Công tác tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV CNBTTH đã có những ảnh hưởng tích cực đến đời sống tinh thần cũng như khuyến khích SV nỗ lực học tập, rèn luyện tốt hơn.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có nhiều hoạt động hỗ trợ học tập, ngoại khóa, thi đua để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

## 3. Điểm tồn tại

Trong giai đoạn 2020-2022, do tình hình Covid nên hoạt động trao đổi SV với các đơn vị đối tác bị trì hoãn. Nhà trường và Khoa chưa khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH, cựu NH về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

#### 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH tiếp tục phối hợp với Phòng CTHSSV, Đoàn TNCSHCM, tiếp tục tăng cường các hoạt động ngoại khóa, trao đổi SV.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH tiếp tục hỗ trợ NH trong Khoa. Với các hoạt động liên quan đến đào tạo. Phối hợp với Phòng CTHSSV, Phòng KT&ĐBCLGD định kỳ lấy ý kiến phản hồi của NH, cử NH đánh giá về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác của Khoa/Trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

**Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.**

##### 1. Mô tả hiện trạng

Sơ đồ Trường ĐHSKĐAHN được bố trí hợp lý các khu giảng đường, khu hành chính, Trung tâm Thực hành SK-ĐA, phòng chiếu phim, nhà hát tài năng trẻ, sân tập... Đặc biệt, Trường đã đưa vào sử dụng Khu Thủy đình với các hạng mục hỗ trợ các hoạt động học tập, biểu diễn ngoài trời [H08.08.05.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường được sử dụng khu giáo dục thể chất và ký túc xá thuộc Bộ VHTT&DL xây dựng riêng cho các Trường Văn hóa Nghệ thuật. Khu thể chất có sân bóng đá, nhà thi đấu đa năng và khu bể bơi với cảnh quan thoáng mát, tiện nghi cùng nhiều chính sách hỗ trợ Internet, thể thao, ăn uống, sinh hoạt. Đoàn TNCSHCM Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao và nhiều cuộc thi bổ ích khác để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho SV, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng SV trong Trường. [H08.08.05.02].

Nhà trường có lắp đặt pano, băng rôn và hình ảnh pano, băng rôn trong đó có các Pano tại các khu giảng đường để mỗi NH, NV luôn nhận thức được vai trò sứ mệnh của bản thân, có động lực làm việc, học tập, phát triển bản thân. [H08.08.05.03].

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để NH thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, Nhà trường có phòng Y tế tại tòa nhà A2 với một cán bộ phụ trách luôn hỗ trợ SV về vấn đề y tế cơ bản [H08.08.05.04]. Giai đoạn 2019- 2024, 100% SV KTH được tham gia bảo hiểm y tế đầy đủ. Hằng năm, SV được thăm khám sức khỏe cơ bản định kỳ và hướng dẫn tham gia các hoạt động tích cực của y tế [H08.08.05.05]. SV được cung cấp Sổ tay SV và được phổ biến các văn bản về quy tắc ứng xử của cán bộ cũng như học sinh, SV trong Nhà trường. Công tác an toàn học đường/an toàn vệ sinh thực phẩm được Trường, Khoa quan tâm chỉ đạo và giám sát hiệu quả. Hằng năm, Nhà trường tổ chức phun thuốc muỗi để phòng chống dịch sốt xuất huyết; thực hiện nghiêm túc các biện pháp sát khuẩn/ phòng chống dịch theo quy định, đặc biệt giai đoạn phòng chống dịch Covid. [H08.08.05.06].

Ngoài ra, Nhà trường luôn chú trọng hệ thống Phòng cháy chữa cháy (PCCC). Hệ thống thiết bị PCCC tại các giảng đường, phòng thực hành, các phòng làm việc, được trang bị đầy đủ, được lực lượng cảnh sát PCCC kiểm tra định kỳ. Ngoài ra, định kỳ Nhà trường tổ chức khóa tập huấn PCCC cho NV để có kỹ năng bảo đảm an toàn về cháy nổ trong Nhà trường [H08.08.05.07]. Nhà trường quy định toàn cán bộ NV giữ thái độ hòa nhã với SV và luôn nhấn mạnh văn hóa học đường, ban hành các nội quy giảng đường, phòng thực hành, phòng chiếu phim, nội quy tại TTTTTV [H08.08.05.08].

Hình thức NCKH đặc thù CNBTTH là sản phẩm mang tính nghệ thuật sáng tạo, cần nhiều yếu tố thực hành. Trung tâm Thực hành SK-ĐA có đầy đủ các thiết bị để hỗ trợ SV làm bài tập. Thực chất việc làm phim, hoàn thiện, đánh giá kết quả học tập của SV CNBTTH là một quá trình học tập và NCKH của chính nhóm làm phim đó với nhiều hệ quy chiếu và đối sánh giữa cả 3 chuyên ngành, là 3 thành phần chính: biên tập, quay phim và đạo diễn. [H08.08.05.09].

Định kỳ, Khoa và Trường tổ chức đối thoại với SV để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của SV, từ đó đưa ra những giải pháp cho các vấn đề mà SV gặp phải. Đa số SV hài lòng với những điều kiện về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan mà Nhà trường mang lại [H08.08.05.10].

## 2. Điểm mạnh

NH được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

## 3. Điểm tồn tại

Khu thể chất của Trường do Bộ VH TT & DL quản lý riêng, do đó quần thể để SV rèn luyện thể dục thể thao bị hạn chế. Nhà trường chưa định kỳ lấy phiếu phản hồi của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH tiếp tục phối hợp với Phòng CTHSSV, Phòng HCTH định kỳ lấy phiếu phản hồi của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH tiếp tục phối hợp với Phòng CTHSSV, Phòng HCTH sẽ tiến hành định kỳ lấy phiếu phản hồi của NH về môi trường ký túc xá, cảnh quan, tâm lý của NH tại Khoa, tại Trường.

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 8**

\* *Điểm mạnh nổi bật:* Chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của CNBTTH. Chất lượng NH thể hiện trước hết ở điểm đầu vào của ngành từ khâu Nhà trường tổ chức tuyển sinh cho đến KQHT và rèn luyện trong suốt thời gian đào tạo tại Trường của NH được lưu trữ tại Phòng

ĐTQLKH&HTQT, Phòng CTHSSV của Nhà trường. NH được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của Khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập, NCKH và thể chất, tinh thần, nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân.

*Điểm tồn tại cơ bản:* Chưa có sự phân tích, đánh giá và dự báo chi tiết về nhu cầu nhân lực hàng năm; chưa định kỳ lấy phiếu phản hồi của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

*Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 8:* Tiêu chuẩn 8 có năm tiêu chí, trong đó cả 5 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 9: CSVC và trang thiết bị**

### **Mở đầu**

*Trường ĐHSKĐAHN bảo đảm các điều kiện về CSVC và trang thiết bị học tập để triển khai hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, phòng chiếu phim, trường quay (Trung tâm Thực hành SK-ĐA) và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành được đặt tại TTTTTV của Trường, thư viện điện tử (băng đĩa, phim v.v...) KTH đang sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.*

***Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Trường ĐHSKĐAHN có tổng diện tích là 20.610,8 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích nơi học: 11.257 m<sup>2</sup>. Nhà trường có đủ phòng học là 161 phòng học lý thuyết và thực hành thuộc các khu vực giảng đường là nhà A1, A2, khu C với trung bình tỷ lệ diện tích sàn/sinh viên là 8,77 m<sup>2</sup>. Phòng thực hành/xưởng thực tập là 4575 m<sup>2</sup>. Thư viện, hội trường, các phòng chức năng và Khoa có không gian rộng rãi thuận lợi cho cán bộ làm việc cũng như đón tiếp SV [H09.09.01.01].

Từ tháng 01 năm 2023 trở về trước, KTH đặt tại khu nhà C. Do Khu nhà B đang xây dựng nên hiện nay hệ thống phòng làm việc của KTH được đặt tại nhà A2, bao gồm 01 văn phòng Khoa. Văn phòng được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối mạng Internet, máy in, điều hòa, tủ đựng tài liệu phù hợp yêu cầu công việc [H09.09.01.02]. Ngoài các phòng học lý thuyết, SV của KTH còn được học tại phòng chiếu phim, trường quay (01 Trường quay tầng 1 nhà D; 01 phòng chụp quy mô nhỏ tầng 1 nhà D, dùng chung Khoa Nhiếp ảnh; 02 Phòng chiếu nhà D, 02 phòng chiếu nhà A - tầng 5 và 7 - sử dụng chung với Khoa Công nghệ ĐA-TH). Đồng thời, các khu vực giảng đường và khu vực các phòng chức năng đều được bố trí đầy đủ thiết bị PCCC, nội quy sử dụng phòng [H09.09.01.03]. Bên cạnh đó, Trường được sử dụng CSVC với quần thể nhà thi đấu thể thao, bể bơi, sân bóng, nhà thi đấu đa chức năng, ký túc xá thuộc Bộ VH TTDL quản lý [H09.09.01.04].

Trường giao cho Phòng HCTH bộ phận Hành chính, quản trị (HCQT) quản lý, bảo dưỡng, lập kế hoạch, sửa chữa, quản lý tài sản, trang thiết bị nhằm bảo đảm an toàn, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng xây dựng kế hoạch mua mới và nâng cấp CSVC, trang thiết bị. Hằng năm được bổ sung, bảo trì, thay thế và nâng cấp. Nhà trường đã có kế hoạch chiến lược phát triển về CSVC để định hướng, xác định và triển khai các hoạt động nhằm tăng cường CSVC và nâng cao hiệu quả hoạt động đối với các CSVC hiện có. Bên cạnh đó, hằng năm, trong Hội nghị viên chức, người lao động, Trường luôn công khai kinh phí về các kế hoạch xây dựng, nâng cấp, sửa chữa hệ thống phòng học và các phòng chức năng đến cán bộ và GV [H09.09.01.05].

Mặc dù CSVC của Nhà trường thường xuyên được Bộ VHTT&DL đầu tư, nâng cấp, nhưng do đặc thù của ngành quay phim, công nghệ luôn luôn thay đổi với khoảng thời gian ngày càng ngắn hơn, chi phí đắt đỏ... điều này là một trở ngại lớn cho Trường khi đầu tư các thiết bị chuyên ngành đáp ứng nhu cầu công tác đào tạo, NCKH.

## *2. Điểm mạnh*

Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, phòng chiếu phim, trường quay, ... với nhiều thiết bị hiện đại, phù hợp với từng chuyên ngành, phục vụ cho dạy, học. CSVC được đầu tư nâng cấp thường xuyên để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu.

## *3. Điểm tồn tại*

Khu nhà C và D được xây dựng cách đây khá lâu (khoảng 30 năm), (từ đầu năm 2023, khu nhà B đang xây dựng lại), do đó kiến thiết cơ bản của cơ sở hạ tầng lạc hậu, xuống cấp; phòng chiếu phim có màn ảnh lớn đều lạc hậu so với công nghệ hiện nay.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Phòng HCTH, KTH tiếp tục thực hiện các biện pháp để nâng cao ý thức trong việc giữ gìn trang thiết bị phòng học. Thực hiện bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để bảo đảm hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng của Khoa và SV các lớp.

Khắc phục tồn tại: Trong năm học 2024-2025, Phòng HCTH đề xuất với Nhà trường cung cấp đầy đủ phòng sinh hoạt chuyên môn, phòng làm việc phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH. KTH sẽ đề xuất với Nhà trường tiếp tục hỗ trợ thêm trang thiết bị mới; thực hiện bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để bảo đảm hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng của Khoa nói chung và CNBTTH nói riêng.

*5. Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 5/7).

***Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

### *1. Mô tả hiện trạng*

TTTTTV của Trường ĐHSKĐAHN được bố trí trên một mặt bằng khá thuận lợi

cho bạn đọc với tổng diện tích sử dụng là 581,4m<sup>2</sup> [H09.09.02.01]. Thư viện của Trường hiện nay chia thành hai bộ phận: Thư viện sách và thư viện điện tử đặt tại Trường ĐHSKĐAHN, phục vụ việc học tập và giảng dạy của SV, GV Nhà trường. Tổ chức biên chế của Thư viện thực hiện theo Quyết định số 13/2008/QĐ - BVHTTDL ngày 10/3/2008 của Bộ VHTT&DL ban hành về Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện trường ĐH [H09.09.02.02]. Hiện tại nhân sự của thư viện là 04 cán bộ biên chế, thư viện hoạt động 05 ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6, thời gian hoạt động từ 8h - 18h.

Về cơ sở hạ tầng: TTTTTV được bố trí tại tầng 6 nhà A1 gồm 05 phòng (A601, A602, A604, A606, A608) với tổng diện tích sử dụng là 581,4m<sup>2</sup>, trong đó 01 phòng đọc mở (A608) bao gồm cả thư viện điện tử có diện tích 190,3m<sup>2</sup>; toàn bộ diện tích còn lại (391,1m<sup>2</sup>) bao gồm: Kho sách, tài liệu (A601, A602, A604) và phòng xử lý dữ liệu (A606) [H09.09.02.03]. Để đáp ứng nhu cầu phục vụ học tập và NCKH. Hằng năm, thư viện đặt báo, tạp chí cho các phòng, ban, Khoa và thư viện; phô tô nhân bản tài liệu, nhập sách tài liệu do các nơi tài trợ như: Nhà xuất bản Văn học, Nhà xuất bản Sân khấu, Hội Điện ảnh, Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh, vv. [H09.09.02.04].

Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy/quy định/hướng dẫn, v.v). Thư viện cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Có đầy đủ sách giáo trình chính cho mỗi HP thuộc CTĐT BTTH và có tài liệu tham khảo tối thiểu đối với mỗi HP thuộc CTĐT [H09.09.02.05].

Nhà trường có hệ thống thư viện điện tử với tài liệu số hoá, ebooks, liên kết đến thư viện số, tạp chí online đáp ứng đủ nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của GV, NH và các BLQ; dễ dàng truy cập phục vụ học tập mọi lúc mọi nơi. Thư viện điện tử được nối mạng Internet và mạng Lan với 01 máy chủ và 10 máy trạm (tại Trường ĐHSKĐAHN). Thư viện điện tử lưu giữ các bài giảng của chuyên gia nước ngoài và các giáo sư đầu ngành về nghệ thuật, các phim ĐA-TH kinh điển trong nước và nước ngoài, các loại sách và tài liệu phục vụ các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của Trường, phục vụ nhu cầu nghiên cứu học tập của cán bộ, GV và SV (gồm các bài giảng chuyên ngành, trích đoạn, ảnh tư liệu, ảnh biểu diễn [H09.09.02.06].

Hệ thống máy vi tính trong TTTTTV được nối mạng nội bộ và Internet; máy tính tại quầy thủ thư được cài đặt phần mềm quản lý thư viện Ilib ver 4.1 do công ty máy tính CMC cung cấp. Phần mềm Ilib bao gồm các module bổ sung, biên mục, lưu thông, mượn trả dành cho thủ thư phòng đọc. Cơ sở dữ liệu về sách, tài liệu và các thông tin về bạn đọc, quá trình lưu thông, mượn trả được lưu trữ thông qua máy chủ Thư viện. Tài liệu được phân loại theo chuẩn DDC14 và mô tả dưới dạng biểu ghi MARC 21, nhập vào cơ sở dữ liệu, sau đó được dán mã vạch và được xếp giá theo phân loại thập phân DDC. Thông tin bạn đọc cũng được nhập các trường họ, tên, ngày sinh, lớp, ảnh vào cơ sở dữ liệu và phát hành thẻ có mã vạch [H09.09.02.07].

## 2. Điểm mạnh

TTTTTV của Trường hiện nay cơ bản có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho NH và GV của Trường nói chung và của CNBTTH - KTH nói riêng. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép GV và NH tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải về cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước. Ngoài ra, KTH có lưu trữ tư liệu riêng có tính chất chuyên sâu cho chuyên ngành đào tạo. Phòng tư liệu của Khoa được bố trí ngay khu vực làm việc và phòng học của Khoa nên rất thuận lợi cho việc khai thác của cán bộ và SV.

### *3. Điểm tồn tại*

Chưa có nhiều sự hợp tác và liên kết với các Thư viện khác để chia sẻ tài nguyên thông tin và kinh nghiệm trong quản lý thư viện.

### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ những năm học trước, TTTTTV phối hợp KTH xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả nguồn học liệu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ và đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của cán bộ GV và NH. Ứng dụng CNTT trong quản lý thư viện, giúp bạn đọc khai thác hiệu quả nguồn tài liệu có sẵn. Từ năm 2022, Trường giao cho TTTTTV tiếp tục đầu tư mua thêm sách chuyên ngành, giáo trình, tài liệu đầy đủ cho tất cả các ngành, chuyên ngành đào tạo của Nhà trường. Đối với CNBTTH cần bổ sung danh mục sách và phim; đầu tư hệ thống lưu trữ kỹ thuật số để lưu trữ phim và số hóa 1 số tài liệu cần thiết (cụ thể là các Ổ cứng dung lượng cao).

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, TTTTTV căn cứ việc rà soát CTĐT, đề cương các môn học/HP để đầu tư mua thêm sách chuyên ngành, giáo trình, tài liệu. Xây dựng chiến lược hợp tác và liên kết với các thư viện khác để chia sẻ tài nguyên thông tin và kinh nghiệm trong quản lý thư viện.

### *5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).*

***Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường ĐHSKĐAHN có đủ phòng thực hành và trang thiết bị để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Do đặc thù của các chuyên ngành đào tạo, Trường không có hệ thống phòng thí nghiệm. Với đặc điểm là một trường đào tạo nguồn nhân lực cho nhiều ngành trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình có trình độ từ ĐH đến sau ĐH, do đó để thực hiện công tác đào tạo, Trường có phòng thực hành, sàn tập, phòng chiếu phim, Trung tâm Thực hành SK-ĐA, Nhà hát (sân khấu biểu diễn), Xưởng vẽ... (sau đây gọi chung là phòng thực hành) và được bố trí phù hợp với yêu cầu thực hành của 09 Khoa [H09.09.03.01].

Những năm gần đây, Nhà trường đã đưa vào sử dụng hiệu quả hai tòa nhà A1, A2 và Nhà hát thể nghiệm A3, Khu Thủy đình (sân khấu ngoài trời). Nhà trường có hội trường lớn 300 chỗ phục vụ cho việc thực hành của SV các Khoa [H09.09.03.02].

Trường hiện có 109 phòng học lý thuyết với tổng diện tích là: 6682 m<sup>2</sup>. Phần lớn các phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng chống lóa, điều hòa. Thiết bị học tập phục vụ theo yêu cầu tối thiểu của từng Khoa. Các phòng học lớn sử dụng cho việc học tập trung nhiều lớp. Phòng học nhỏ sử dụng cho các lớp học nhóm, học chuyên môn của KTH, Nghệ thuật Điện ảnh, Khoa Sân khấu, Khoa Kịch hát dân tộc, Khoa thiết kế mỹ thuật v.v... Một số phòng học được trang bị máy Projector, bộ máy chiếu DVD phục vụ cho việc xem phim và nghiên cứu của SV. **[H09.09.03.03]**. Nhà trường có 52 phòng thực hành với tổng diện tích 4575 m<sup>2</sup>. Đó là điều kiện cơ bản về cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu thực hành của SV (đặc biệt là khối nghệ thuật).

Một số phòng thực hành như: trường quay, phòng chụp ảnh, phòng dựng phim, phòng chiếu phim, phòng in tráng phim được sử dụng chung cho các Khoa Nghệ thuật Điện ảnh, Khoa Nhiếp ảnh. Các phòng thực hành của KTH được đầu tư để phục vụ việc thực hành của SV như: bộ bàn dựng phim, máy chiếu phim, máy tính... Đặc biệt, năm 2010 Nhà hát thể nghiệm A3 được đưa vào sử dụng, nhà hát có máy chiếu hiện đại, âm thanh, ánh sáng tương đương một sân khấu nhỏ với 320 ghế, phục vụ chiếu phim và biểu diễn nghệ thuật. Với một nhà hát thu nhỏ như vậy trong một trường nghệ thuật, Nhà trường đã có một CSVC đầy đủ và hiện đại để phục vụ việc học, dạy và thực tập của SV **[H09.09.03.04]**.

Thiết bị trong mỗi phòng thực hành đều có tài liệu hướng dẫn sử dụng và được theo dõi tình trạng làm việc và ghi chú trong sổ ghi chép giám sát **[H09.09.03.05]**. Trường/Khoa thường xuyên phổ biến đến người làm việc trong phòng thực hành các quy định, nội quy phòng, quy tắc an toàn và phòng chống cháy nổ **[H09.09.03.06]**. Các phòng thực hành được thiết kế khoa học, bảo đảm an toàn điện, an toàn cháy nổ. GV và SV làm việc tại phòng thực hành luôn được học và kiểm tra các quy tắc an toàn trước khi học tập tại đây. Tất cả, các phòng thực hành đều có nội quy phòng, hướng dẫn sử dụng thiết bị phòng thực hành. Các hoạt động dạy học, NCKH của SV được thực hiện dưới sự hướng dẫn của GV và cán bộ phụ trách phòng thực hành, bảo đảm việc sử dụng hệ thống phòng thực hành có hiệu quả.

Để bảo đảm các trang thiết bị trong phòng thực hành, Trường giao cho phòng HCTH làm đầu mối quản lý (Bộ phận HCQT). Phòng có kế hoạch thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, bổ sung, nâng cấp và đầu tư mới thiết bị để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu **[H09.09.03.07]**. Vào đầu mỗi năm học, Phòng HCTH (Bộ phận HCQT) có kế hoạch và thông báo đến các đơn vị trong toàn Trường về việc mua sắm trang thiết bị, CSVC. KTH căn cứ nhu cầu đào tạo đề xuất mua sắm thiết bị, dụng cụ **[H09.09.03.08]**. Trường có hồ sơ theo dõi, quản lý, đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị **[H09.09.03.09]**. Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch và phân bổ kinh phí cho bảo dưỡng các trang thiết bị; đầu tư mua sắm trang thiết bị để thay thế, cập nhật đáp ứng yêu cầu CTĐT **[H09.09.03.10]**. Bên cạnh đó, Trường còn có mối quan hệ mật thiết với các nhà hát, hãng phim, đài truyền hình. Các đơn vị này luôn tạo điều kiện thuận lợi cho SV của Trường về thực hành, thực tập tốt nghiệp.

Nhà trường đã tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng về phòng thực hành đối với

nhu cầu dạy học và NCKH. Kết quả cho thấy trên đa số cán bộ, GV và NH không có ý kiến phàn nàn về tình trạng thiếu phòng thực hành [H09.09.03.11]. Trên cơ sở phản hồi của các đơn vị, Nhà trường xem xét, kiểm tra thực tế và tiến hành cập nhật trang thiết bị [H09.09.03.12].

## 2. Điểm mạnh

KTH luôn nhận được sự hỗ trợ của Nhà trường về đầu tư mua sắm, cải tạo và sửa chữa; các đơn vị tuyển dụng hỗ trợ thực hành.

## 3. Điểm tồn tại

Công tác quản lý trang thiết bị tại một số phòng thực hành còn chưa tốt, chưa đúng quy trình. Cần nâng cao hơn nữa công tác bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị thực hành. Thiết bị chuyên ngành đầu tư còn hạn chế do nguồn kinh phí hạn hẹp.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Trường tăng cường công tác quản lý trang thiết bị theo đúng chức năng nhiệm vụ của các đơn vị; tiếp tục thực hiện bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để bảo đảm hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, định kỳ 02 năm một lần thực hiện khảo sát sự hài lòng về chất lượng của hệ thống các phòng học và phòng thực hành, hệ thống thiết bị. Trường giao cho Phòng HCTH tham mưu và phối hợp KTH để xây dựng cơ chế phối hợp với NTD, các đơn vị có thiết bị thực hành hiện đại để nâng cao hiệu quả hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

***Tiêu chí 9.4: Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

### 1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN được trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH. Hệ thống máy tính của Nhà trường gồm máy chủ với 229 máy tính, trong đó 129 máy tính dành cho các phòng làm việc, các văn phòng Khoa và 100 máy tính đặt tại 02 phòng máy phục vụ giảng dạy và học tập [H09.09.04.01]. Thư viện Trường có hơn 20 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho NH. Viên chức toàn Trường được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng ... @skda.edu.vn. [H09.09.04.02].

Thư viện điện tử của Trường được kết nối Internet để truy cập những thông tin cần thiết, khai thác tài liệu phục vụ cho công tác chuyên môn, NCKH, giảng dạy và học tập; gửi, nhận email của các phòng ban, Khoa trong Trường nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng trong công việc [H09.09.04.03]. Trường đã thành lập Ban quản trị Trang thông tin điện tử năm 2015, 2016. Ban biên tập website được giao trách nhiệm xây dựng, cập nhật thông tin về các hoạt động của Nhà trường. Năm 2020, Trường đã kiện toàn

Ban biên tập website, phân công nhiệm vụ thực hiện, trang web đã được cập nhật thông tin kịp thời, phản ánh các hoạt động của Trường. Trường đã ban hành Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và trang thông tin điện tử, đáp ứng yêu cầu về quản trị mạng [H09.09.04.04].

Nhà trường có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống CNTT trong toàn Trường [H09.09.04.05]. Để thực hiện quản lý hệ thống tin học, Nhà trường giao nhiệm vụ cho bộ phận đầu mối là phòng HCTH (Bộ phận HCQT) và các đơn vị chuyên môn phối hợp quản lý với 01 kỹ thuật viên và các kỹ thuật viên tại các đơn vị chuyên môn có năng lực chuyên môn hỗ trợ, hướng dẫn cán bộ, NH sử dụng. Để quản lý và khai thác tối đa hiệu quả các trang thiết bị tin học trong các hoạt động dạy học, NCKH và quản lý, tại các phòng máy tính có nội quy sử dụng, sổ sách theo dõi, quản lý và nhật ký sử dụng các thiết bị tin học một cách quy chuẩn [H09.09.04.06].

Nhà trường đầu tư mua phần mềm chống virus, lưu trữ dữ liệu với các công ty bên ngoài giúp bảo đảm an toàn dữ liệu và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến hệ thống CNTT. Năm 2017, theo ghi nhận của Báo cáo đánh giá ngoài Trường ĐHSKĐAHN do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐH Quốc gia Hà Nội kiểm định, Trường có đầu tư sửa chữa nâng cấp hệ thống máy chủ, máy trạm và trang bị thêm một số phần mềm mới; kinh phí đầu tư khoảng 400 triệu đồng/năm [H09.09.04.07]. Tuy nhiên, do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều, nên có lúc việc truy cập vào Internet bị chậm. Năm 2017, Nhà trường đã lấy ý kiến phản hồi của NH và các BLQ về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống CNTT. Kết quả phản hồi cho thấy GV, NH cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT của Nhà trường [H09.09.04.08].

Trong giai đoạn đánh giá, năm học 2020-2021, nhằm bảo đảm an toàn cho SV trước những diễn biến phức tạp của dịch Covid - 19, Nhà trường đã thực hiện chuyển từ hình thức học tập trung sang trực tuyến. BGH Nhà trường đã triển khai kế hoạch giảng dạy mới theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Nhà trường ban hành nhiều văn bản hướng dẫn cách sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến để GV, SV, học viên cập nhật. GV của Trường đã được tập huấn và thực hiện hoạt động giảng dạy trực tuyến thông qua phần mềm Zoom. KTH đã xây dựng kế hoạch học tập phục vụ tốt việc dạy học online. SV CNBTTH có thể làm các bài tập trực tuyến theo sự hướng dẫn của GV, khoá học tốt nghiệp năm 2020 đã được thực hiện bảo đảm đúng quy định [H09.09.04.09].

## 2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý của Nhà trường được tin học hóa sử dụng hệ thống thông tin điện tử. Hệ thống CNTT (máy chủ, máy tính tại các phòng chức năng, hệ thống wifi) được chú trọng đầu tư và nâng cấp.

## 3. Điểm tồn tại

Việc áp dụng CNTT trong quản lý đào tạo, thư viện, trong lưu trữ,... còn hạn chế. Tín hiệu mạng wifi tại một số vị trí trong Nhà trường còn yếu và không ổn định.

Việc bảo dưỡng, nâng cấp các máy tính tất cả các phòng dựng phim cần phải thực

hiện thường xuyên hơn. Việc khảo sát ý kiến của GV, NV hỗ trợ và NH về tính hiệu quả sử dụng của các thiết bị trong giảng dạy/học tập, NCKH, quản lý chưa được thực hiện định kỳ.

#### 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Phòng HCTH tiếp tục thực hiện bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để đảm bảo hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Phòng HCTH tăng cường công tác quản lý trang thiết bị. Định kỳ 02 năm một lần thực hiện khảo sát sự hài lòng về chất lượng của hệ thống các phòng học và phòng thực hành, hệ thống thiết bị. Đầu tư nâng cấp hệ thống máy tính tại các phòng dựng phim để hỗ trợ giảng dạy nâng cao đối với Chương trình; tăng cường CNTT trong hoạt động văn thư lưu trữ, quản lý đào tạo, thư viện; xây dựng hệ thống sao lưu dữ liệu liên quan đến đào tạo thường xuyên với tần suất an toàn (khoảng tuần/lần hoặc lâu hơn tùy vào mức độ thông tin quan trọng).

#### 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

***Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.***

##### 1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN xác định việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện là trách nhiệm của toàn thể viên chức, người lao động, NH trong Trường. Nhà trường luôn bám sát các quy định hiện hành của Nhà nước về môi trường, sức khỏe, an toàn và triển khai thực hiện bằng những hành động cụ thể [H09.09.05.01].

Về môi trường, Trường ĐHSKĐAHN luôn quan tâm xây dựng cảnh quan và môi trường học tập, làm việc nhằm thiết lập đến việc xây dựng môi trường lành mạnh, thúc đẩy phát triển sức khỏe và an toàn cho cán bộ GV và NH của Nhà trường. Do đặc thù đào tạo của Nhà trường, trong quy chế tuyển sinh không có người khuyết tật. Nhà trường có khuôn viên được trồng cây xanh, trồng hoa, có hồ nước thả hoa súng tạo nên một khuôn viên học tập lý tưởng cho NH, có khu Thủy đình với các hạng mục như một sân khấu ngoài trời... [H09.09.05.02]. Để tạo thuận lợi cho cán bộ, GV và NH trong quá trình làm việc, học tập cũng như khách đến liên hệ công tác, Trường có sơ đồ chỉ dẫn đến các khu làm việc, phòng học, phòng thực hành. Gắn biển “cấm hút thuốc”; treo panô, áp phích về xây dựng môi trường không khói thuốc ở các vị trí dễ quan sát trong Nhà trường [H09.09.05.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường ký hợp đồng với công ty vệ sinh môi trường làm việc hàng ngày để bảo đảm vệ sinh các phòng học, các khu giảng đường trong khuôn viên toàn Trường [H09.09.05.04]. Ngoài ra, Nhà trường đã tổ chức kiểm tra về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường [H09.09.05.05].

Về việc bảo vệ sức khỏe cho cán bộ và SV, học viên, hằng năm, để phòng chống dịch bệnh, Nhà trường đều tiến hành công tác phun thuốc phòng dịch. Năm 2020, khi xuất hiện dịch bệnh Covid 19, Nhà trường đã nghiêm túc, khẩn trương thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid 19 theo quy định của Chính phủ [H09.09.05.06].

Nhà trường có phòng y tế riêng, với một cán bộ y tế phụ trách, theo dõi tình hình sức khỏe cho SV, cán bộ, NV và GV, phối hợp thường xuyên với các bệnh viện để thực hiện định kỳ khám sức khỏe và đảm bảo công tác khám chữa bệnh ban đầu cho cán bộ, NV, GV và NH [H09.09.05.07]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho các SV năm nhất và cung cấp dịch vụ bảo hiểm y tế cho SV [H09.09.05.08].

Về vấn đề bảo đảm an toàn trường học, Nhà trường có tường rào bao quanh, cách ly với khu dân cư. Bên cạnh đó, Trường đã phối hợp có hiệu quả với các đơn vị chức năng của Công an quận Cầu Giấy tổ chức các hội nghị triển khai công tác bảo vệ, an toàn cơ quan, tập huấn nghiệp vụ cũng như các phương án bảo vệ chính trị nội bộ, PCCC cho cán bộ viên chức, NV. Để nâng cao tinh thần cảnh giác, bảo vệ tài sản cơ quan và mỗi cá nhân. Hàng năm, Trường tổ chức cam kết thi đua giữa các Phòng, Ban, Khoa và các lớp SV. Trường thông báo về các quy định an toàn khi nghỉ lễ, tết và có quy định về việc tiết kiệm điện, nước. [H09.09.05.09].

Nhà trường tổ chức Hội thảo về xây dựng văn hóa ứng xử trong Trường để góp phần nâng cao ý thức xây dựng môi trường, sức khỏe, an toàn [H09.09.05.10].

Công tác phòng chống bão lụt, PCCC của Nhà trường luôn được bảo đảm và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn Trường. Nhà trường có thành lập Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ; điều động SV tham gia phòng chống bão lụt, cháy nổ. Tất cả các tòa nhà đều được bố trí hệ thống PCCC. Mọi hoạt động PCCC, cứu hộ, cứu nạn trước hết phải được thực hiện bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ. Nhà trường sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện để ứng phó kịp thời khi có cháy nổ để hạn chế thấp nhất các hậu quả về người và tài sản. [H09.09.05.11].

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được BGH quan tâm. Nhà trường có bộ phận bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường. Bộ phận này thường xuyên được cung cấp thông tin về tình hình trật tự, an ninh của địa phương nơi Trường đóng qua hội nghị tổng kết công tác an ninh cụm. Nhà trường có các quy định rõ ràng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của bộ phận bảo vệ [H09.09.05.12]. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng quy định và yêu cầu của Trường, thường trực 24/24 giờ trong ngày. Bên cạnh đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Trường và các phòng học. Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh được lên kế hoạch rõ ràng [H09.09.05.13].

Để bảo đảm an ninh trường học, Nhà trường xây dựng các quy định, nội quy giảng đường, phòng thực hành, nhà xe, hội trường trong toàn Trường [H09.09.05.14].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ và SV; có phòng y tế độc lập phục vụ tốt nhu cầu y tế của cán bộ và SV.

## 3. Điểm tồn tại

Nhà ăn, căng tin của Trường chưa được bố trí. Trường chưa định kỳ tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi GV, cán bộ, viên chức, người lao động, NH về công tác bảo vệ, trật tự, an ninh và PCCC để có những điều chỉnh, bổ sung các chủ trương quy định của công tác này phù hợp với thực tiễn. Việc khuyến khích các hoạt động thể thao, rèn luyện sức khỏe cho SV và cán bộ (thực hiện ngay trong khuôn viên của Trường) còn hạn chế vì trang thiết bị về thể thao và khu nhà tập sử dụng chung với các trường thuộc Bộ VH TT & DL.

#### 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Trường tiếp tục xây dựng, triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội quy bảo vệ cơ quan, các phương án PCCC cũng như trách nhiệm của các bộ phận chức năng trong công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh trong khuôn viên đơn vị cho GV, cán bộ, viên chức, người lao động, NH. Đẩy mạnh hơn nữa công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn (ban hành quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường ĐHSKĐAHN).

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Trường xem xét việc xây nhà ăn, căng tin của Nhà trường. Quy hoạch xây dựng lại khu nhà B với những phòng học chức năng, cảnh quan khuôn viên hợp lý bảo đảm hơn nữa các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

#### 5. Tự đánh giá: Tiêu chuẩn đạt (mức 5/7).

##### **Kết luận về Tiêu chuẩn 9:**

*\*Điểm mạnh nổi bật:* Trường ĐHSKĐAHN có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành; phòng thực hành được trang bị hiện đại để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống CNTT đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đạt yêu cầu của viên chức, người lao động và NH của Trường.

*\*Điểm tồn tại cơ bản:* Thiết bị cho CNBTTH vẫn chưa cập nhật kịp thời với sự phát triển của thế giới; chưa có những phòng học hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế. Với CNBTTH, tài liệu vẫn còn hạn chế và chưa được cập nhật thường xuyên.

*\*Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 9:* Tiêu chuẩn 9 có năm tiêu chí đạt, trong đó cả 5 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

### **Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

#### **Mở đầu**

*Chất lượng đào tạo là nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển nền giáo dục của một cơ sở đào tạo. Do đó, để đảm bảo SV đạt được CDR CNBTTH, đáp ứng nhu cầu của xã hội và NTD, Trường ĐHSKĐAHN nói chung và KTH*

nói riêng đã và đang thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ để thiết kế và phát triển CTDH đến việc ĐBCL trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các BLQ.

**Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình**

### 1. Mô tả hiện trạng

Để có CTĐT đáp ứng nhu cầu của xã hội, bảo đảm tính hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện của Nhà trường về CSVC và đội ngũ, và khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp đồng thời bảo đảm sự liên thông giữa các ngành và giữa các bậc ĐH, năm học 2022 - 2023, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT của tất cả các Khoa/Trung tâm đào tạo, trong đó có KTH [H10.10.01.01]. Bên cạnh đó, Khoa đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến của các BLQ để bổ sung, phát triển CTĐT CNBTTH [H10.10.01.02].

Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH, CDR được thực hiện theo quy trình cụ thể theo các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, văn bản hướng dẫn rà soát và điều chỉnh CTĐT của Trường ĐHSKĐAHN [H10.10.01.03].

Để việc khảo sát được hiệu quả, Khoa đã xây dựng quy trình, lập kế hoạch thực hiện, phân công nhiệm vụ cho cán bộ thực hiện khảo sát, thu thập thông tin liên quan đến việc xây dựng và phát triển CTĐT [H10.10.01.04]. Tuy nhiên, hoạt động khảo sát chưa được tổ chức định kỳ, cũng như việc Khoa chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ SV tốt nghiệp sau mỗi khóa học về chất lượng CTĐT CNBTTH.

Hiện nay, công tác khảo sát NH về hoạt động giảng dạy của GV đang được Nhà trường tiến hành thường xuyên, các ý kiến của NH được Nhà trường/Khoa xem xét điều chỉnh CTDH. Thông qua các đợt khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV, tổng hợp số liệu ý kiến NH về hoạt động giảng dạy của GV, Khoa thực hiện thảo luận về điểm mạnh, điểm tồn tại và các biện pháp khắc phục và lập kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy của GV. Các kết quả đánh giá này được gửi đến tài khoản cá nhân của GV để họ nắm tình hình đánh giá của SV, trên cơ sở đó, GV tự rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động cá nhân [H10.10.01.05].

### 2. Điểm mạnh

Trường ĐHSKĐAHN đã xây dựng được cơ chế lấy ý kiến phản hồi khách quan, hiệu quả, đồng thời sử dụng đa dạng các kênh phản hồi: khảo sát các BLQ, hội nghị, đối thoại nhằm thu được nhiều nhất các thông tin phản hồi phục vụ quá trình thiết kế, phát triển CTDH. Các BLQ được xác định đầy đủ và thu thập được đa chiều các ý kiến của tất cả các BLQ nhằm có được thông tin khách quan nhất: ý kiến của NH trong từng học kỳ đối với từng môn học và ý kiến của NH đánh giá tổng thể chương trình sau khi kết thúc toàn bộ chương trình học và ý kiến SV sau một năm ra trường; ý kiến GV; ý kiến

của đơn vị sử dụng lao động. Ý kiến phản hồi đã được Nhà trường, Khoa và GV quan tâm, sử dụng trong quá trình thiết kế, phát triển CTDH, giúp chương trình phát triển theo hướng cải tiến, đáp ứng CĐR, đồng thời lấy NH làm trung tâm.

### *3. Điểm tồn tại*

Công tác lấy ý kiến phản hồi các BLQ về CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, định kỳ. Nhà trường và Khoa tuy đã có ký kết chính thức với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong công tác đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của NTD, song việc ký kết trên đối với các NTD CNBTTH còn hạn chế.

### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH nghiêm túc thực hiện kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong của Trường ĐHSKĐAHN và Quy định bảo mật và an toàn thông tin đảm bảo chất lượng bên trong Trường ĐHSKĐAHN.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH tiếp tục phối hợp với Phòng ĐTQLKH&HTQT thực hiện quy định (trong đó có quy trình) về công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ; lập kế hoạch định kỳ rà soát CTĐT (2 năm/lần) để thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ làm căn cứ để rà soát, thiết kế, điều chỉnh và phát triển chương trình. Nghiên cứu triển khai cách thức lấy ý kiến phản hồi theo hình thức online.

### *5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).*

***Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

CTDH là cốt lõi của CTĐT. CTDH của một CTĐT ở một trình độ cụ thể bao gồm: Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CĐR của mỗi HP; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá, thời lượng của CTĐT và mỗi HP. CTĐT CNBTTH được thiết kế theo 3 khối: kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành, và được sắp xếp theo 2 phần: học chung với các chuyên ngành và học đặc thù từng chuyên ngành. Trường/Khoa thực hiện quy trình xây dựng và phát triển CTĐT theo quy định của Bộ GD&ĐT, thể hiện rõ cấu trúc, khối lượng, kiến thức và CĐR cần đạt được của NH [H10.10.02.01]. Nhà trường giao cho Phòng ĐTQLKH&HTQT là đầu mối tổ chức chỉ đạo các Khoa thực hiện xây dựng và phát triển CTĐT [H10.10.02.02]. Khoa là đơn vị trực tiếp xây dựng, thiết kế và phát triển CTĐT theo hướng dẫn. Việc thiết kế và phát triển CTDH được tuân thủ theo quy trình chặt chẽ, logic từ việc xác định mục tiêu, CĐR đến việc tổ chức thực hiện, đánh giá [H10.10.02.03]. CTĐT trình độ ĐH CNBTTH được thiết kế dựa vào ý kiến đóng góp của các BLQ. Căn cứ vào các CĐR được ban hành trước năm 2015. Năm 2017, sau đánh giá ngoài Nhà trường đã triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT, năm 2019 hoạt động này được thực hiện trong toàn Trường,

như vậy định kỳ 02 năm một lần, CTĐT trình độ đại học CNBTTH được điều chỉnh, cập nhật [H10.10.02.04]. Việc xây dựng ĐCCT các HP mới điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật được thực hiện theo văn bản hướng dẫn Nhà trường ban hành [H10.10.02.05]; Bộ môn phụ trách xây dựng ĐCCT theo hướng dẫn; Hội đồng KH&ĐT của Khoa, Trường họp và thông qua ĐCCT các HP. Nội dung được cải tiến chủ yếu hướng vào việc đạt được CDR CTĐT. Quá trình rà soát, điều chỉnh ĐCCT và CTDH có sự đóng góp ý kiến của các chuyên gia và các BLQ, Nhà trường lấy ý kiến của toàn thể các đơn vị trong Trường đối với CTĐT đã được điều chỉnh trước khi ban hành, có quyết định ban hành rõ ràng [H10.10.02.06]. Việc rà soát, đánh giá CTDH được thực hiện nghiêm túc nhằm bảo đảm chất lượng dạy và học.

## 2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng. CTDH được xây dựng và triển khai một cách khoa học, hiệu quả, được đánh giá, cải tiến thông qua khảo sát ý kiến của các BLQ.

## 3. Điểm tồn tại

Hoạt động cải tiến chất lượng, các hướng phát triển chương trình, đối sánh trong nước, quốc tế chưa được thực hiện thường xuyên đối với CNBTTH. Chưa định kỳ tiến hành rà soát và đánh giá, cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH; việc lấy ý kiến phản hồi của GV và các BLQ về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, định kỳ 02 năm một lần, Khoa phối hợp với Phòng ĐTQLKH&HTQT, Phòng CTHSSV thực hiện việc thu thập ý kiến phản hồi từ GV, SV, cựu SV và NTD về quy trình thiết kế, đánh giá và cải tiến CTDH nhằm giúp SV đạt được CDR của CTĐT CNBTTH.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH tiếp tục khảo sát các BLQ để có nhiều góp ý hơn cho việc thiết kế và phát triển CTĐT chuyên sâu của CNBTTH.

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR**

### 1. Mô tả hiện trạng

Việc kiểm tra đánh giá KQHT của SV được quy định chặt chẽ trong “Quy định về công tác khảo thí của Trường ĐHSKĐAHN” và Quy chế đào tạo của Trường ĐHSKĐAHN [H10.10.03.01]; Trong đó, có các quy định về quy trình kiểm tra phù hợp với CDR, cũng như các tiêu chí để đánh giá kết quả đạt được của NH. Hàng năm, phòng KT&ĐBCLGD của Nhà trường làm nhiệm vụ tiếp nhận ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, yêu cầu các Khoa trong toàn Trường rà soát, cập nhật, xây dựng câu hỏi thi, đề thi ĐBCL đào tạo [H10.10.03.02].

Bên cạnh đó, để làm tốt công tác đánh giá KQHT của CNBTTH, KTH cũng đề

ra quy trình đánh giá HP dựa trên mẫu phiếu đánh giá HP bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, và bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kì [H10.10.03.03]. Các hình thức kiểm tra đánh giá đều có bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm cụ thể. GV sẽ dựa vào những tiêu chí trong các mẫu để đánh giá SV một cách khách quan, minh bạch. Ngoài ra, ĐCHP cũng chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của hình thức kiểm tra đánh giá cho từng lần kiểm tra đánh giá cụ thể của từng HP. Các lần kiểm tra đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ [H10.10.03.04]. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy cũng như quy trình đánh giá KQHT được SV đánh giá cao. Ngoài ra, SV có thể phản hồi và cập nhật thường xuyên ý kiến về chất lượng giảng dạy cũng như các hoạt động khác liên quan tới việc đánh giá KQHT thông qua hoạt động lấy kiến phản hồi của NH đối với hoạt động giảng dạy của GV do Phòng KT&ĐBCLGD của Nhà trường phối hợp với Khoa thực hiện hằng năm. 100% các HP trong CTĐT trình độ ĐH CNBTTH đều được lấy ý kiến [H10.10.03.05]. Sau khi thu thập đủ dữ liệu và đưa ra phân tích tất cả các ý kiến phản hồi từ NH và người dạy, Nhà trường, Khoa và bộ môn sẽ có báo cáo tổng thể ở các cuộc họp cấp Trường cũng như cấp Bộ môn; qua đó GV xác định được những điểm mạnh và những mặt còn tồn tại cần khắc phục. Kết quả phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV được công khai trên trang Web của Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức kiểm tra hoạt động đào tạo của KTH với các nội dung như: Kế hoạch học tập, hình thức thi, đề thi, giáo án, giáo trình của GV, hồ sơ GVCN, các văn bản ghi chép họp lớp, trong đó có công tác chủ nhiệm, lý lịch khoa học của GV. Hoạt động kiểm tra này giúp Nhà trường nắm được tình hình dạy học, công tác NCKH, công tác phát triển và chuyển đổi CTĐT để điều chỉnh kịp thời [H10.10.03.06].

Đầu mỗi năm học, GV của Khoa đều xây dựng kế hoạch giảng dạy và gửi về Phòng KT&ĐBCLGD. Phòng dựa trên kế hoạch để giám sát, kiểm tra tiến độ. Một kênh truyền thống khác để theo dõi khối lượng giờ dạy của GV là sổ đầu bài [H10.10.03.07]. Sổ ghi chép này còn là một công cụ quan trọng để Tổ Bộ môn và Khoa giám sát nội dung giảng dạy của tất cả các HP. Cuối mỗi học kỳ, căn cứ trên những thông tin (về thời gian, nội dung và tình hình lớp học) được ghi trong sổ, Tổ Bộ môn và Khoa so sánh tình hình giảng dạy thực tế của từng HP với kế hoạch đã được thiết kế trong đề cương, từ đó có những nhắc nhở và biện pháp xử lý kịp thời.

## 2. Điểm tồn tại

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy của GV chưa được mở rộng mà mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV là chủ yếu. Phòng KT&ĐBCLGD chưa thực hiện thống kê tỷ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra - thi để có sự đối sánh về chất lượng giảng dạy, qua đó kịp thời điều chỉnh đề kiểm tra - thi. Chưa thực hiện đầy đủ các phân tích cũng như hệ thống hóa các thông tin ở các kênh giám sát một cách hiệu quả; việc lấy ý kiến đánh giá chất lượng giảng dạy mới chỉ dựa vào SV, chưa có sự trao đổi chủ động giữa GV với GV.

### 3. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH tiếp tục bám sát các quy định, quy trình để thực hiện tốt hơn nữa việc đánh giá quá trình dạy và học; việc đánh giá KQHT của NH nhằm bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CDR.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Nhà trường và KTH sẽ mở rộng việc lấy ý kiến đánh giá về chất lượng giảng dạy của GV như lấy ý kiến đánh giá từ đồng nghiệp, GVCN, Tổ trưởng bộ môn thông qua các hoạt động dự giờ, thăm lớp để hoạt động đánh giá chất lượng giảng dạy của GV được thực chất hơn; đồng thời nghiên cứu xây dựng quy trình thống kê tỷ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra - thi để có sự điều chỉnh kịp thời về chất lượng đề thi.

### 4. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

#### **Tiêu chí 10.4: Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học**

##### 1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN là Trường ĐH đào tạo nghệ thuật, do đó hoạt động NCKH có đặt thù riêng, như việc dựng vở diễn, quay một bộ phim... và kinh nghiệm tích lũy được từ các hoạt động này được coi là một một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học của Nhà trường [H10.10.04.01]. Hàng năm, GV và SV của Khoa tiến hành các hoạt động nghề nghiệp cụ thể để tạo ra sản phẩm nghệ thuật, đây được coi là hình thức nghiên cứu đề tài khoa học, giúp GV, SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc dạy-học KTH có các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học, đó là những tác phẩm đạt giải thưởng của GV và SV KTH [H10.10.04.02].

Các kết quả NCKH được áp dụng/chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH được thực hiện bởi nhiều hình thức. Về khách quan, sau mỗi tác

phẩm điện ảnh, truyền hình đạt giải, các bài báo, bài phân tích được đăng tải trên các trang thông tin điện tử, các tờ tạp chí chuyên ngành... chính những bài viết này là phần thông tin quan trọng để đưa vào làm tài liệu tham khảo cho các bài giảng cho CNBTTH [H10.10.04.03].

Việc sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH được thể hiện đa dạng, tùy theo yêu cầu nội dung bài học Hằng năm, GV KTH luôn tích cực tham gia các hoạt động trao đổi học thuật nhằm nâng cao tinh thần học hỏi, giao lưu giữa các GV cũng như NH trong toàn Khoa với những GV, chuyên gia từ nhiều nước trên thế giới [H10.10.04.04]. Ngoài ra, sau những giải thưởng được ghi nhận, các GV được Nhà trường vinh danh tại các Hội nghị của Trường (ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11; kỷ niệm Thành lập Trường 17 - 12; Hội nghị viên chức, người lao động...) các GV chia sẻ những kinh nghiệm làm nghề cho SV, đây có thể nói là tác động rất tích cực đối việc truyền kiến thức cũng như thuyết phục NH.

Tuy nhiên, Nhà trường chưa có quy định riêng về hoạt động NCKH gắn với quản

lý và sản phẩm khoa học công nghệ mang đặc thù riêng của từng ngành trong đó có CNBTTH.

## *2. Điểm mạnh*

KTH có đội ngũ GV tích cực tham gia các hoạt động nghề nghiệp đặc thù. Trường có cơ chế khuyến khích sự tham gia của GV cũng như SV trong Khoa phát huy tinh thần sáng tạo, say mê công trình NCKH/hoạt động nghề nghiệp bên ngoài Nhà trường theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác giáo dục và đào tạo CNBTTH.

## *3. Điểm tồn tại*

Do đặc thù đào tạo, CNBTTH chưa có những đề tài lý luận khoa học cấp nhà nước; chưa tổ chức thường xuyên hội thảo trong nước và quốc tế theo định kỳ hàng năm để thúc đẩy động lực thực hiện đề tài NCKH ứng dụng vào thực tiễn dạy - học. Số lượng các công trình NCKH được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước hầu như không có. Hầu hết các đề tài NCKH là những bộ phim, chương trình truyền hình đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là PVCĐ.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024 - 2025, Khoa phối hợp với Nhà trường trong việc tham mưu Bộ VH&TT&DL về việc tính điểm NCKH đối với những sản phẩm văn hóa như một bộ phim. Nhà trường cần tính đến việc thực hiện phân tầng đại học, để triển khai các đề tài NCKH phục vụ công tác đào tạo cũng như hỗ trợ các GV trẻ và SV thực hiện các đề tài NCKH theo hướng ứng dụng (hoặc thực hành).

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024 - 2025, Trường giao cho VSKĐA, KTH tham mưu cho Hiệu trưởng Nhà trường ban hành các văn bản để tổ chức và quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong Trường; có cơ chế áp dụng kết quả đề tài NCKH đã nghiệm thu ở mức đạt trở lên vào hoạt động giảng dạy.

## *5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).*

***Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến***

### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường ĐHSKĐAHN luôn xác định chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác có vai trò rất lớn trong việc bảo đảm chất lượng các CTĐT của Nhà trường. Do đó, việc đánh giá và cải tiến các nhân tố này đã được Nhà trường đặc biệt chú trọng thực hiện, góp phần tạo nên văn hóa chất lượng trong công tác hỗ trợ giảng dạy, học tập và NCKH. Nhà trường thực hiện việc đánh giá và cải tiến bằng quy định các đơn vị trong Trường báo cáo trực tiếp tiến độ kế hoạch công tác trong cuộc họp giao ban hằng tháng. Tại cuộc họp này, các đơn vị có chức năng hỗ trợ trong toàn Trường sẽ báo cáo kế hoạch cụ thể trong tháng tới, đồng thời ghi nhận sự phản ánh của các đơn vị Khoa/Trung tâm đào tạo, sau khi thảo luận thống nhất, Hiệu trưởng Nhà trường sẽ kết luận cụ thể từng vấn đề. Từ

đó, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường ngày càng được cải tiến [H10.10.05.01].

KTH có trợ lý đào tạo, đội ngũ GVCN và đội ngũ chuyên viên hỗ trợ vững chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt huyết trong công tác hỗ trợ NH. Để nâng cao chất lượng các dịch vụ và phù hợp với nguyện vọng của viên chức, người lao động và của NH, Nhà trường và Khoa thường xuyên ghi nhận ý kiến phản hồi thông qua nhiều hội nghị và nhiều kênh khác nhau. SV CNBTTH có thể thực hiện ý kiến phản hồi thông qua website/facebook của Khoa và thông qua cuộc họp của cán bộ lớp đầu năm, các cuộc họp với Phòng CTHSSV, sinh hoạt lớp theo định kỳ hàng tháng, hội nghị đối thoại với lãnh đạo Nhà trường v.v [H10.10.05.02].

Việc đánh giá tình hình sử dụng và khai thác CSVC được theo dõi thông qua sổ theo dõi thường xuyên và kiểm kê tài sản cuối năm [H10.10.05.03]. Căn cứ vào kết quả đánh giá, Nhà trường phân bổ kinh phí hàng năm nâng cao chất lượng CSVC và các dịch vụ hỗ trợ. Hằng năm, để toàn Trường được biết và giám sát về kinh phí chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, Nhà trường có báo cáo công khai tài chính tại Hội nghị viên chức, người lao động [H10.10.05.04].

Trong quá trình sử dụng các trang thiết bị hỗ trợ tại thư viện, phòng thực hành, nếu phát sinh hư hỏng, các cán bộ phụ trách đề nghị Phòng HCTH (Bộ phận HCQT) kiểm tra để có biện pháp sửa chữa hoặc mua mới thay thế phù hợp. Việc sửa chữa, thay thế trang thiết bị được tiến hành kịp thời, bảo đảm hiệu quả sử dụng trong dạy-học phục vụ cho CTĐT. Đặc biệt, các bộ phận phụ trách CSVC của Nhà trường cũng thường xuyên rà soát để xử lý các vấn đề phát sinh kịp thời. Căn cứ vào nhu cầu của các đơn vị trong Trường, Nhà trường dự toán kinh phí bảo đảm cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ trong năm. Hằng năm, Nhà trường lập dự toán chi đầu tư trang bị, nâng cấp cho các xưởng thực hành, thực tập của các Khoa để các đơn vị chủ động trong công tác đào tạo như: Cải tạo các phòng thực hành, thực tập, bổ sung, nâng cấp thiết bị cho phù hợp với sự phát triển của khoa học và ứng dụng công nghệ mới vào công tác giảng dạy, học tập của Nhà trường [H10.10.05.05].

Hiện nay, Nhà trường đang thực hiện chính sách xã hội hoá để đầu tư toàn bộ hệ thống điều hoà cho các phòng học. KTH đã làm đơn đề nghị xin phòng và tiến hành lấy ý kiến SV toàn khoa. Khoa dự kiến lắp mỗi phòng 2 điều hòa 18.000BTU phòng học A2.506 và A2.406 nhằm nâng cao CSVC phục vụ học tập cho GV và SV KTH [H10.10.05.06].

Năm 2020, Trường đã được Bộ VHTT&DL phê duyệt đề án Xây dựng Trường ĐHSKĐAHN thành trường trọng điểm quốc gia. Đây cũng là mục tiêu lớn của Nhà trường với hướng kinh phí mới để đầu tư các trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác đào tạo của Khoa [H10.10.05.07].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống phòng học (nhà A1, A2) được trang bị những thiết bị cơ bản nhất phục vụ cho việc học tập như máy chiếu, micro, ánh sáng, v.v... Có các phòng

thực hành phục vụ cho hoạt động dạy học chuyên ngành mang tính đặc thù của CNBTTH. Về tư liệu, Nhà trường có hệ thống thư viện hiện đại với nguồn học liệu đa dạng, phong phú và tiện ích, hệ thống cổng thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được Nhà trường xây dựng. Nhà trường và Khoa đã tận dụng triệt để các nguồn lực để đầu tư và cải tiến CSVC.

### *3. Điểm tồn tại*

Ngân sách đầu tư CSVC của Trường chủ yếu phụ thuộc vào phân bổ kinh phí của Bộ VH TT&DL gây trở ngại cho việc chủ động đầu tư CSVC của Trường. Trang thiết bị của một số phòng thực hành, hệ thống máy tính chưa hiện đại hóa để đáp ứng hoạt động giảng dạy và học tập của Khoa. Ngoài ra, một số phản hồi của các BLQ về CSVC, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Nhà trường giao cho Phòng HCTH quy hoạch lại không gian riêng và bố trí không gian riêng cho SV CNBTTH; đồng thời Khoa tích cực huy động nguồn lực từ các tổ chức ngoài Trường để hỗ trợ kinh phí xây dựng trường quay riêng cho Khoa; khuyến khích SV đến thư viện Trường để cập nhật những tư liệu mới, đồng thời quán triệt cán bộ GV kiêm nhiệm hỗ trợ SV, đội ngũ chuyên viên đồng hành cùng SV cả trong học tập cũng như nắm bắt những khó khăn trong cuộc sống hằng ngày để có hướng khắc phục và giúp đỡ SV kịp thời trong học tập.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, định kỳ 2 năm 1 lần, KTH tổ chức lấy ý kiến của các BLQ về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ. Nhà trường yêu cầu phòng chức năng xây dựng các quy trình công tác để hỗ trợ hiệu quả hơn cho CTĐT.

### *5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).*

***Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Xây dựng cơ chế phản hồi, thu thập phản hồi, phân tích dữ liệu từ phản hồi, từ đó đưa ra những giải pháp cụ thể, thiết thực và kịp thời là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của Trường ĐHSKĐAHN nói chung và KTH nói riêng. Những nội dung phản hồi có thể liên quan tới tất cả những hoạt động của Nhà trường bao gồm công tác dạy và học, hoạt động ngoại khoá, các dịch vụ tiện ích đang được sử dụng trong Nhà trường. Trong năm 2014, Trường chính thức thành lập Phòng KT&ĐBCLGD (tiền thân là Ban Thanh tra đào tạo) để chuyên trách công tác đo lường đánh giá kết quả đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục [H10.10.06.01]. Phòng KT&ĐBCLGD được thành lập trên cơ sở nhân lực của Ban Thanh tra và ĐBCL đào tạo được quy định rõ ràng, cụ thể trong quy chế tổ chức hoạt động. Phòng có nhiệm vụ tham mưu giúp Hiệu trưởng trong

việc quản lý, tổ chức thực hiện công tác KT&ĐBCLGD của Trường đúng với các quy định của Nhà nước [H10.10.06.02].

Phòng KT&ĐBCLGD là đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục cấp Trường, đánh giá chất lượng các CTĐT và thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các BLQ. Phòng có nhiệm vụ tham mưu cho Nhà trường các hoạt động ĐBCL: tự đánh giá Cơ sở giáo dục, CTĐT, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV, khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về các hoạt động của Nhà trường, khảo sát về CSVC, thư viện của Nhà trường; tư vấn, hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch hành động [H10.10.06.03]. Ngoài ra, KTH còn phối hợp với Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV. Nhà trường ban hành quy định và hướng dẫn thu thập thông tin phản hồi của NH một cách cụ thể, rõ ràng với cơ chế phản hồi mang tính hệ thống [H10.10.06.04]. Hiện nay, theo quy định và hướng dẫn của Trường ĐHSKĐAHN, vào cuối năm học hàng năm, tất cả các GV cơ hữu của KTH phải thực hiện hoạt động TĐG 4 nhiệm vụ: nhiệm vụ giảng dạy; nhiệm vụ NCKH và nhiệm vụ chuyển giao công nghệ; nhiệm vụ quản lý đào tạo và nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn [H10.10.06.05]. Từ năm 2017 trở đi, Nhà trường và KTH đã đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phản hồi và mở rộng đối tượng được lấy ý kiến phản hồi thông qua việc thu thập ý kiến phản hồi từ cấp Khoa, Phòng, Ban và đến các cấp Lãnh đạo thông qua các phiếu khảo sát, “Hội nghị đối thoại giữa Lãnh đạo Nhà trường với SV”; “Hội nghị viên chức, người lao động”, “Diễn đàn trao đổi với NTD”, trang web, Facebook của Nhà trường và của Khoa, vv... Để những vấn đề tồn đọng được giải quyết triệt để, hàng tháng Nhà trường tiến hành cuộc họp giao ban, Khoa báo cáo, tổng hợp những vấn đề cần giải quyết và có những giải pháp cụ thể, hiệu quả [H10.10.06.06].

## 2. Điểm mạnh

Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa bước đầu được thiết lập, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

## 3. Điểm tồn tại

Chưa xây dựng quy trình lấy ý kiến phản hồi của các BLQ. Các hình thức thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ chưa đa dạng. Số lượng đối tượng khảo sát ngoài Trường còn hạn chế.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Trường/KTH cải tiến các hình thức khảo sát hiện có; thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ, tạo nguồn thông tin quan trọng để Khoa có chiến lược phù hợp nhằm nâng cấp điều chỉnh CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp các phòng chức năng xây dựng văn hoá chất lượng trường đại học, nhằm bảo đảm sử dụng hiệu quả phản hồi của các BLQ.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 10***

\* *Điểm mạnh nổi bật*: Công tác nâng cao chất lượng đào tạo CNBTTH được Nhà trường và Khoa đưa vào giải pháp chiến lược trong đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và NTD. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ các BLQ được chú trọng và thực hiện đầy đủ. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các hoạt động nghề nghiệp tương đương NCKH được GV và SV quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho GV và NH trong dạy - học và NCKH.

\* *Điểm tồn tại cơ bản*: Việc lấy thông tin phản hồi từ các BLQ, trong đó có các GV về cả CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ còn khó khăn và chưa đầy đủ; việc thực hiện các đề tài khoa học có gắn với việc cải tiến CTĐT và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào công tác đào tạo chưa nhiều.

\* *Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 10*: Tiêu chuẩn 10 có sáu tiêu chí đạt, trong đó cả 6 tiêu chí 5/7 điểm.

### **Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra**

#### ***Mở đầu***

*Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống ĐBCL của Trường ĐHSKĐAHN. Nhà trường là một cơ sở giáo dục cung cấp nguồn nhân lực bậc cao cho nền sản xuất và điện ảnh nước nhà. CNBTTH là một ngành đào tạo đặc thù, số lượng SV mỗi khóa không nhiều như các ngành học khác so với các Trường thuộc lĩnh vực kinh tế, văn hóa... Tính từ khóa đào tạo ĐH đầu tiên (1980) đến nay - KTH đã đào tạo nhiều cử nhân BTTH hệ chính quy. Số lượng thí sinh dự tuyển vẫn duy trì ở số lượng cao. Ngành thu hút được sự quan tâm của NH và nhu cầu sử dụng lao động có trình độ cử nhân ở ngành này càng ngày càng tăng. Nguồn tuyển sinh đầu vào của ngành là các học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông, một số đã học xong một ngành học khác hoặc đang công tác ở những lĩnh vực có liên quan. Sau khi trúng tuyển, SV được đào tạo bài bản, được thực hành, thực tập, thực tế có sự đánh giá giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại Trường, Khoa. Hằng năm, Nhà trường và KTH đã thực hiện giám sát việc đạt CĐR, tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian bình quân để tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học và cơ hội tìm việc làm của SV làm cơ sở để cải tiến chất lượng.*

*Các hoạt động NCKH của SV CNBTTH mang tính đặc thù, không phải là các bài báo viết, công trình NCKH các cấp, mà là các tác phẩm như phim, phóng sự hoặc các phần của một chương trình truyền hình... Các hoạt động này của SV được quy định với trình tự chặt chẽ, bảo đảm phù hợp với CĐR của CTĐT CNBTTH, thể hiện*

*đặc thù của Khoa, sứ mạng của Nhà trường. Trường, Khoa bước đầu thực hiện các hoạt động thu thập thông tin, phân tích và đo lường sự hài lòng của GV, NH, cựu NH, thị trường lao động và lấy đó làm cơ sở thực tiễn cho việc cải tiến CTĐT, CTDH và phát triển hệ thống BĐCL.*

***Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

***1. Mô tả hiện trạng***

Trường ĐHSKĐAHN có bộ phận, quy trình/công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp. Theo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường, quy trình quản lý và giải quyết công việc của các đơn vị, Phòng CTHSSV được Trường giao nhiệm vụ theo dõi và giám sát tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp [H11.11.01.01]. Bên cạnh đó, tình hình của SV CNBTTH luôn được GVCN, Trợ lý Khoa, Phòng ĐTQLKH&HTQT cập nhật thông qua những buổi sinh hoạt lớp hàng tháng và thông tin phản hồi từ Ban Cán sự lớp, Ban Chấp hành chi đoàn, qua đó có những báo cáo kịp thời lên Lãnh đạo Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh [H11.11.01.02]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp xét kỷ luật [H11.11.01.03]. Do đó, với những SV thôi học, đều có sự trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho SV, cũng như có những đề xuất kịp thời với Khoa và Nhà trường. Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của Phòng CTHSSV [H11.11.01.04]. Ban Cán sự lớp và Ban Chấp hành Chi đoàn đều nắm được tình hình SV thôi học. Bên cạnh đó, SV tốt nghiệp và thôi học được quản lý đầy đủ thông tin tại Phòng ĐTQLKH&HTQT, Phòng CTHSSV của Nhà trường. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo [H11.11.01.05]. Căn cứ vào các quy định về đào tạo, về quản lý HSSV, hàng năm, Trường thực hiện thống kê danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp. Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV CNBTTH được xác lập và giám sát chặt chẽ dựa trên các Quy định về điều kiện tốt nghiệp, Quy định về thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi tốt nghiệp và thông qua Hội đồng xét, xử lý học sinh, SV thôi học, bỏ học hàng năm [H11.11.01.06]. Cụ thể, thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua cơ sở dữ liệu về NH trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH bao gồm: năm nhập học, tổng số NH nhập học, số NH tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, quá hạn (hạn được hiểu là thời gian quy định của khóa học), số NH thôi học sau 1, 2, 3, 4 năm [H11.11.01.07] được tóm tắt bằng bảng số liệu sau:

**Bảng 11.1.** Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ thôi học của SV CNBTTH từ khóa tuyển sinh 2019 đến 2024 (Phụ lục 8)

Số liệu trên cho thấy đa số SV ngành CNBTTH hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Khoa luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua GVCN, Trợ lý Khoa. Lãnh đạo Khoa có các buổi họp với cán sự lớp, GVCN, trợ lý khoa vào các kỳ học để nắm được tình hình học tập của SV.

Trường thực hiện tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, đề xuất các biện pháp giảm thiểu tỷ lệ thôi học. Theo số liệu thống kê trên, tỷ lệ thôi học của SV BTTH hàng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng SV của toàn Khóa. Nhìn chung, SV của Khoa thôi học là do các nguyên nhân như: đi du học; quá khó khăn về tài chính; tìm được việc làm ổn định trong năm thứ 2, thứ 3 hoặc hết hạn bảo lưu mà không có điều kiện học tiếp [H11.11.01.08].

Trong thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19, Nhà trường đã triển khai hệ thống học tập trực tuyến nhằm bảo đảm tiến độ học tập cho SV kịp tốt nghiệp [H11.11.01.09]. Hệ thống GVCN, GV bộ môn, Khoa và Trường thường xuyên giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV và có những biện pháp cụ thể để hỗ trợ SV hoàn thành chương trình học như gặp gỡ trao đổi trực tiếp hoặc tư vấn khi NH gặp khó khăn, duy trì chế độ sinh hoạt lớp định kỳ hằng tháng [H11.11.01.10].

Tuy nhiên, Trường chưa thực hiện việc đối sánh, phân tích nguyên nhân giảm tỷ lệ tốt nghiệp, đề xuất các biện pháp khả thi để hỗ trợ NH tốt nghiệp hiệu quả. Nhà trường chưa ứng dụng CNTT trong quản lý và giám sát kết quả học tập của SV để có thể thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỷ lệ SV thôi học, bỏ học cũng như nguyên nhân và tỷ lệ SV tốt nghiệp.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường/Khoa duy trì cơ chế kiểm tra nề nếp hằng tháng để thông báo, nhắc nhở kịp thời tình hình học tập của SV, đồng thời nắm bắt những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp và có những đề xuất kịp thời đối với Nhà trường. Tỷ lệ NH CNBTTH bị buộc thôi học ít, tỷ lệ NH tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao do có sự giám sát chặt chẽ của Khoa và Nhà trường.

## 3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường và Khoa thực hiện giám sát tỷ lệ SV tốt nghiệp hằng năm nhưng Nhà trường chưa tìm hiểu, phân tích xác đáng nguyên nhân tốt nghiệp không đúng hạn và thôi học; chưa có phân tích dự báo tỷ lệ SV thôi học của ngành để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ SV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn. Bên cạnh đó trong quá trình xây dựng kế hoạch, chiến lược đào tạo hàng năm Khoa cũng chưa xác lập và phân tích dự đoán được tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và chưa thực hiện việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học (đối sánh năm trước, năm sau; dự đoán xu thế tỷ lệ tốt nghiệp thôi học của người tham gia CTĐT).

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Phòng CTHSSV, Phòng ĐTQLKH & HTQT, KTH tiếp tục giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu SV tốt nghiệp, thôi học của SV CNBTTH. Phát huy hơn nữa vai trò của GVCN trong việc liên hệ, theo dõi sát sao tình hình SV nhất là các SV thôi học để kịp thời động viên, giúp đỡ SV tiếp tục việc học; cập nhật tình hình để báo cáo kịp thời Khoa và lãnh đạo Trường, đồng thời có phân tích,

báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở, tư vấn cho SV hoàn thành các điều kiện CĐR, bảo đảm việc tốt nghiệp đúng thời hạn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH; Phòng CTHSSV thúc đẩy tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và giảm tỷ lệ thôi học, cần làm cho NH yêu ngành học đã chọn và nắm rõ các điều kiện để được công nhận tốt nghiệp. Bước đầu tiến hành đối sánh với các trường khác trong nước và quốc tế về tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học của SV CNBTTH bằng việc KTH phối hợp với Phòng CTHSSV đưa vào kế hoạch, chiến lược đào tạo các phân tích dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học từ đó tìm ra biện pháp cải tiến chất lượng đào tạo.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

***Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

1. Mô tả hiện trạng

Thời gian tốt nghiệp là khoảng thời gian cần thiết để SV hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Nhà trường giao cho Phòng ĐTQLKH&HTQT chủ trì phối hợp với Phòng CTHSSV, KTH và các đơn vị khác (Phòng KT&ĐBCLGD, Phòng HCTH) để theo dõi/thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa học thuộc CTĐT BTTH. Để tốt nghiệp, SV phải có đủ điều kiện về điểm, phim tốt nghiệp, và điều kiện khác (đã đạt điểm đầu ra Ngoại ngữ, điểm đạt tốt nghiệp môn Lý luận chính trị (từ năm 2021 trở về trước)... thực hiện đào tạo theo niên chế nên thời gian tốt nghiệp trung bình của SV hệ Đại học chính qui của KTH là 4 năm (Quy chế 25 và những quy định riêng của Trường). Đặc thù CNBTTH là tốt nghiệp bằng: Chương trình truyền hình, phim tài liệu, phim ca nhạc... một sản phẩm mang tính đặc thù công nghệ cao và được thực hiện bởi tập thể, trong đó người biên tập là người chịu trách nhiệm chính về nội dung. Vì vậy, kế hoạch tốt nghiệp của SV CNBTTH có sự thay đổi, tỷ lệ SV hoãn tốt nghiệp là việc bình thường với KTH, nhiều khi việc hoãn tốt nghiệp lại là giải pháp lựa chọn tốt hơn. Nói cách khác, chậm tốt nghiệp là yếu tố bình thường, không liên quan tới chất lượng đào tạo. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khóa tuyển sinh từ 2019 đến 2024 của CNBTTH được thể hiện ở cột thứ 5 của Bảng 11.1. [H11.11.02.01].

Bên cạnh đó, tỷ lệ SV tốt nghiệp muộn hơn so với thời gian yêu cầu vẫn còn tồn tại (như đã giải thích ở trên). Một số nguyên nhân khiến SV tốt nghiệp không đúng hạn có thể kể đến như: Gặp khó khăn về tài chính để thực hiện tốt nghiệp; muốn có sự chuẩn bị tốt hơn về mọi mặt (nghệ thuật; tài chính; nhóm thực hiện); có tỷ lệ nợ môn mà không trả kịp... [H11.11.02.02]. Trên cơ sở tìm hiểu về nguyên nhân dẫn đến việc SV tốt nghiệp quá hạn, Nhà trường và Khoa đề ra những biện pháp giúp SV hoàn thành các HP, kéo dài thêm thời gian tốt nghiệp (ví dụ: do dịch Covid 19) [H11.11.02.03].

Để hỗ trợ NH đảm bảo CTĐT, Nhà trường có quy định cho SV bảo lưu, hoặc học

riêng với GV (không đợi khoá sau) đối các SV còn nợ môn mà hết thời gian đào tạo hoặc đã đến thời gian xét điều kiện thi tốt nghiệp [H11.11.02.04]. Nhà trường gặp khó khăn khi tìm kiếm thông tin để đối sánh vì các đơn khác không công khai các thông tin này.

## 2. Điểm mạnh

SV có ý thức với tiến độ học tập của bản thân; Lãnh đạo khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua trợ lý Khoa, GVCN để hỗ trợ SV kịp thời. Nhà trường đã có hệ thống quản lý, giám sát kế hoạch học tập và thời gian tốt nghiệp của SV; Nhà trường đã có những chính sách, giải pháp hợp lý để giúp SV đảm bảo tiến độ học tập.

## 3. Điểm tồn tại

Do đặc thù của việc tốt nghiệp CNBTTH cũng như kinh phí làm bài tốt nghiệp nên thời gian tốt nghiệp của SV có thể bị kéo dài để đạt được chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, SV bị vi phạm quy chế do kéo dài thời gian học và ảnh hưởng đến việc được công nhận tốt nghiệp. Nhà trường chưa thực hiện đối sánh như yêu cầu của mốc chuẩn tham chiếu trong hướng dẫn tự đánh giá CTĐT của Bộ GD&ĐT.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH tiếp tục kết hợp với Phòng ĐTQLKH&HTQT tiếp tục nâng cao hiệu quả giám sát và quản lý học tập cùng với các GVCN, GV bộ môn, GV hướng dẫn có định hướng và hỗ trợ SV trong việc xây dựng kế hoạch học tập và hỗ trợ SV hoàn thành bài tốt nghiệp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KTH, Phòng ĐTQLKH & HTQT tiếp tục phối hợp xây dựng qui trình thực hiện việc tìm hiểu nguyên nhân chậm tốt nghiệp của NH, từ đó xây dựng những quy định hỗ trợ SV. Nghiên cứu để triển khai việc đối sánh trong nước và quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH trong cùng một CTĐT, hình thức đào tạo; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH trong cùng CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp.

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

### 1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập. Để đánh giá chất lượng đào tạo thì tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp là một thước đo quan trọng. NH luôn đặt ra mục tiêu sau khi ra trường có việc làm phù hợp ngành nghề đào tạo, thu nhập phù hợp và môi trường làm việc ổn định. Đây cũng là một trong những mục tiêu của Khoa và Trường đặt ra trong CTĐT. Từ năm 2017, theo quy định của Bộ GD&ĐT

[H11.11.03.01], Nhà trường đã phân công Phòng CTHSSV phụ trách công tác hỗ trợ NH cũng như thực hiện khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp, từ đó cho đến nay, hoạt động đó được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định Hình thức tổ chức khảo sát bao gồm gọi điện thoại, khảo sát qua mạng Internet (đăng mẫu phiếu lên website Nhà trường, cung cấp đường link cho các đối tượng SV tốt nghiệp truy cập và trả lời phiếu, gửi chuyên kết quả trực tiếp vào hộp thư của Ban Khảo sát. Việc gửi đường link có thể thông qua mạng xã hội (facebook,...), qua email hoặc tin nhắn điện thoại. Đây là hình thức triển khai chủ yếu, khảo sát qua gửi thư (gửi phiếu khảo sát trực tiếp theo địa chỉ do SV cung cấp trước khi tốt nghiệp; tiếp nhận phiếu và nhập thông tin phản hồi vào phần mềm khảo sát) và khảo sát qua phỏng vấn (thực hiện đối với các đối tượng SV tốt nghiệp có hộ khẩu tại Hà Nội và vùng phụ cận; các đối tượng về Trường nhận văn bằng, chứng chỉ; các đối tượng tiếp tục học cao học để nâng cao trình độ thì lấy phiếu trực tiếp) [H11.11.03.02].

Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được giám sát. Nhà trường có mối liên hệ gắn bó mật thiết với các sở sở hoạt động nghệ thuật về sân khấu, điện ảnh và truyền hình trong cả nước. Ngoài ra, xuất phát từ sự phát triển mạnh của hệ thống mạng xã hội, rất cần người có chuyên môn trong việc truyền thông bằng hình ảnh. Với những điều kiện thuận lợi như vậy, SV tốt nghiệp của Trường nhìn chung đều có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp thậm chí đang trong quá trình học một số em đã có công việc làm thêm. Do đó có nhiều đơn vị mà Nhà trường có thể thực hiện việc lấy thông tin về việc làm của SV, thực hiện giám sát tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp [H11.11.03.03].

Thực tế cho thấy, việc SV tốt nghiệp CNBTTH trở thành người làm ở một trong những vị trí hoặc một trong khâu nào đó của hệ thống sản xuất chương trình truyền hình... đều là bình thường. Tuy nhiên, hiện nay, do cơ chế tuyển dụng của Nhà nước, các cơ quan chính thống như Đài Truyền hình Việt Nam (VTV), Đài Truyền hình An ninh Nhân dân (ANTV), Đài Truyền hình Hà Nội (HTV) hay các Hãng phim công tác tuyển dụng biên tập hàng năm không cố định và cũng có nhiều biến động trong việc cắt giảm nhân sự. Dẫn đến việc SV biên tập sau khi tốt nghiệp thường đi làm tại các công ty truyền thông, doanh nghiệp tư nhân hoặc làm biên tập tự do có ít sinh viên tốt nghiệp làm việc tại các Cơ quan Báo chí Nhà nước. Những phân tích trên cho thấy việc đối sánh tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp để cải tiến chất lượng cũng là một trở ngại, khó khăn cho KTH.

## 2. Điểm mạnh

Đa số SV tốt nghiệp CNBTTH đều có việc làm phù hợp với chuyên môn sau khi tốt nghiệp; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT ngành; Nhà trường và Khoa coi trọng năng lực thực hành thực tế, giúp SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp.

### 3. Điểm tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, có một tỷ lệ nhất định SV CNBTTH chưa thể có việc làm đúng như trong bản mô tả CTĐT sau khi tốt nghiệp. Điều này cũng phản ánh tình trạng chung của xã hội và những điểm đặc thù về nghề BTTH đã phân tích ở trên. Khoa và Nhà trường chưa tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp để có thông tin đầy đủ về tình trạng tốt nghiệp, chưa khảo sát được mức bình quân thu nhập của các SV ở các môi trường làm việc. Việc xác định nguyên nhân chưa có việc làm của SV còn chưa được thực hiện thường xuyên. Việc đối sánh căn cứ từ tỷ lệ có việc làm của SV để cải tiến chất lượng còn gặp nhiều trở ngại do các đơn vị đào tạo khác có cùng CTĐT không công khai các số liệu này.

### 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Khoa và Trường tổ chức liên kết với các đơn vị/doanh nghiệp để giúp SV có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng chuyên ngành đào tạo dễ dàng hơn sau khi tốt nghiệp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa phối hợp với Phòng CTHSSV lập kế hoạch khảo sát về tình trạng việc làm của SV ngành thuộc KTH đã tốt nghiệp ở các khóa. Từ đó có thông tin đầy đủ để giám sát và đối sánh nhằm cải tiến chất lượng đào tạo. Tổ chức liên kết với các đơn vị/doanh nghiệp để giúp SV có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng chuyên ngành đào tạo.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng**

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích SV tham gia NCKH [H11.11.04.01]. Hoạt động NCKH của SV được thực hiện theo quy định hiện hành [H11.11.04.02]. Hàng năm, Nhà trường chú trọng đầu tư nguồn học liệu để hỗ trợ SV học tập và NCKH. Hoạt động khoa học và công nghệ được Nhà trường quan tâm như: tìm kiếm, thu thập, xử lý các dữ liệu, số liệu, dữ kiện, tin tức, tri thức nhằm tạo lập nguồn tin khoa học và công nghệ (sách, báo, tạp chí, cơ sở dữ liệu, tài liệu hội nghị, hội thảo, lưu trữ luận văn, luận án sau đại học các nguồn tin khác) [H11.11.04.03].

Do đặc thù của CNBTTH, sản phẩm NCKH không như những sản phẩm NCKH của các ngành nghề khác. Như đã phân tích tại tiêu chí 10.4 [H10.10.04.02]. Hàng năm, GV và SV của Khoa tiến hành các hoạt động nghề nghiệp cụ thể để tạo ra sản phẩm nghệ thuật, đây được coi là hình thức NCKH, giúp GV, SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc dạy-học [H10.10.04.03].

Bên cạnh đó, Khoa cũng thường xuyên tổ chức các tọa đàm, hội nghị, hội thảo

khoa học, tổ chức giải tài năng SV khoa truyền hình hàng năm đã thu hút sự tham gia của các cán bộ, SV trong toàn Khoa nhằm khuyến khích sự tìm tòi sáng tạo của những nhà làm phim trẻ, thúc đẩy phong trào làm phim đến các bạn SV [H11.11.04.04]. Có một thực tế là việc động viên SV tham gia chương trình hoặc làm phim ngắn, tham gia mọi công việc của hoạt động truyền hình có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo. Mỗi SV kết thúc một trải nghiệm đều có cho mình những kinh nghiệm tốt để làm nghề. Công việc này trải dài toàn bộ cuộc đời làm nghề của họ (tích lũy kinh nghiệm, trải nghiệm).

## 2. Điểm mạnh

Một số GV của Khoa cũng như GV thỉnh giảng của Khoa là những biên tập viên nổi tiếng, giàu kinh nghiệm, BTTH có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong nghề. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn các đồng nghiệp và NCKH/Sáng tác. Hàng năm, Khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH/Sáng tác thông qua các hoạt động hỗ trợ như tổ chức liên hoan phim như đã đề cập ở phần mô tả.

## 3. Điểm tồn tại

Nhà trường mới xây dựng Quy định về hoạt động NCKH của SV Trường ĐHSKĐAHN và chưa tổ chức tổng kết, đánh giá để làm rõ các nội dung liên quan đến công tác NCKH trong SV của Trường, đồng thời có đề cập đến loại hình NCKH đặc thù cho SV BTTH.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KTH phối hợp với Phòng ĐTQLKH&HTQT, VSKĐA, Phòng CTHSSV tham mưu với Nhà trường thực hiện Quy định về hoạt động NCKH của SV Trường ĐHSKĐAHN (trong đó có tiêu chí cho KTH), thể hiện được đặc thù của CNBTTH, có thể quy đổi loại hình NCKH thành các tác phẩm truyền hình như một bộ phim và giải thưởng liên quan đến CNBTTH.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Phòng CTHSSV lập kế hoạch về nội dung hoạt động NCKH trong SV trình Hiệu trưởng duyệt, sau đó thống nhất chỉ đạo tổ chức thực hiện. Hội đồng KH&ĐT và các Bộ môn của Khoa đẩy mạnh việc NCKH trong SV bằng cách tuyên truyền, phổ biến về công tác NCKH của SV, đồng thời thành lập Hội đồng tư vấn đề tài NCKH và phát huy công tác hỗ trợ, hướng dẫn của các nhóm NCKH từ GV đối với SV và đổi mới cơ chế, chính sách động viên khích lệ SV thực hiện các đề tài NCKH. Ngoài ra Nhà trường cũng đầu tư kinh phí cho các đề tài NCKH được chọn.

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

### 1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị viên chức, người lao động và Hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến đóng góp về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

năm học và kế hoạch năm học mới [H11.11.05.01] nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo. GV và chuyên viên của Khoa được tham dự các Hội nghị trong môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng CTĐT. Hội đồng KHĐT Trường tổ chức họp theo định kỳ để xem xét chiến lược đào tạo mà các cán bộ GV của các đơn vị trong đó có KTH kiến nghị.

Mỗi học kỳ, Trường và Khoa đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các HP nhằm thu thập thông tin phản hồi để làm cơ sở phân tích, đánh giá HP và CTĐT cũng như các dịch vụ công để có sự điều chỉnh, cải tiến CTDH và dịch vụ hỗ trợ [H11.11.05.02]. Để hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của NH và các BLQ đi vào chiều sâu và thực chất, năm 2021, Nhà trường ban hành quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ [H11.11.05.03].

Ngoài ra, hàng tháng, Khoa chỉ đạo SV tổ chức sinh hoạt lớp để nghe các ý kiến đóng góp, phản hồi từ SV một cách thẳng thắn, công khai và có sự giải trình, tiếp thu nghiêm túc của GVCN, trợ lý Khoa để báo cáo Lãnh đạo Khoa, Hội đồng KH&ĐT của Khoa và Tổ Bộ môn nhằm kịp thời cải tiến chất lượng và phản hồi tới NH về sự cải tiến [H11.11.05.04]. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập thông tin phản hồi từ các cựu NH, Nhà trường và Khoa đã xây dựng mạng lưới liên kết cựu NH nhằm lấy ý kiến của cựu SV về CTĐT và CDR của CTĐT [H11.11.05.05] để làm cơ sở đánh giá, cải tiến CTĐT và CDR của Ngành.

Bên cạnh đó, Trường và KTH hàng năm cũng tiến hành khảo sát việc làm của cựu SV, gửi bảng khảo sát đến các đơn vị đã, đang và sẽ tuyển dụng các SV ra trường của Khoa để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của người lao động do Khoa đào tạo và nhu cầu tuyển dụng của NTD. [H11.11.05.06]. Nhìn chung, đa số các NTD đều đánh giá cao năng lực hoạt động nghề nghiệp của cử nhân CNBTTH, KTH. Tuy nhiên NTD cũng bổ sung những kỹ năng nghề nghiệp cần đưa vào CTĐT để đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm đối với SV của ngành. Đây là một nguồn thông tin quan trọng để Trường và Khoa cải tiến CTĐT và cải thiện chất lượng giáo dục cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của xã hội và NTD. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của NTD cho thấy tỷ lệ đáp ứng được yêu cầu công việc ngày càng cao.

## *2. Điểm mạnh*

CTĐT và CDR của CTĐT CNBTTH được tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các BLQ với nhiều hình thức thực chất. Đại đa số các BLQ hài lòng về CTĐT và CDR của CTĐT. Các ý kiến phản biện từ các BLQ được Khoa nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CDR của ngành.

## *3. Điểm tồn tại*

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến các BLQ đối với các hoạt động của Trường, Khoa, Ngành mới được thực hiện, chưa tổ chức định kỳ. Mẫu biểu khảo sát, nội dung bảng hỏi

chưa được cập nhật, điều chỉnh để bảo đảm đánh giá đúng thực chất và yêu cầu của các BLQ về CTĐT và các hoạt động liên quan đến đào tạo.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2025, Phòng KT&ĐBCLGD tiếp tục triển khai thực hiện và đánh giá hiệu quả thực hiện “Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ” nhằm đưa hoạt động tìm hiểu mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2025 trở đi, KTH lập kế hoạch phối hợp với Phòng KT&ĐBCLGD tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để bảo đảm tính cập nhật và phù hợp với mong muốn của đối tượng được khảo sát.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

#### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 11***

*\*Điểm mạnh nổi bật:* SV CNBTTH có tỷ lệ tốt nghiệp cao, nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. Các BLQ đánh giá hài lòng về CTĐT.

*\*Điểm tồn tại cơ bản:* Trường ban hành Quy định về hoạt động NCKH của SV Trường ĐHSKĐAHN nhưng chưa khảo sát kết quả thực hiện và rà soát quy định, chưa đẩy mạnh việc đào tạo kỹ năng mềm... nhằm trang bị cho SV đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

*\*Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 11:* Tiêu chuẩn 11 có 5 tiêu chí, trong đó cả 5 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

### PHẦN III. KẾT LUẬN

Căn cứ vào sứ mạng của Trường ĐHSKĐAHN là trường đào tạo nhân lực cho ngành sân khấu, điện ảnh lớn nhất khu vực phía Bắc; là một cơ sở đào tạo nghệ thuật sân khấu và nghệ thuật điện ảnh bậc ĐH và sau ĐH duy nhất của cả nước. Trường có sứ mạng rõ ràng, phù hợp với chức năng, nguồn lực của Trường. Trường đã góp phần rất lớn trong việc đáp ứng nhu cầu nhân lực của ngành VH TT & DL nói riêng và cả nước nói chung cũng như trong việc thực hiện những kế hoạch, chiến lược về GD &ĐT của Chính phủ. CTĐT CNBTTH được xem là một trong những chương trình then chốt của Nhà trường. Do đó việc đánh giá chương trình là tất yếu nhằm không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho NH; nâng cao hiệu quả của hệ thống BĐCL và định kỳ tham gia kiểm định chất lượng.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày ở phần mô tả, hiệu quả các hoạt động của CTĐT được phân tích, đánh giá chi tiết theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT cử nhân CNBTTH trong vòng 5 năm qua (2019 - 2024) đã đạt được những thành công, thành tựu đáng kể.

Mục tiêu và CDR của CTĐT CNBTTH đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. CDR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc cố vấn học tập. SV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như phẩm chất cá nhân cần thiết. CDR CNBTTH được công bố công khai đến từng SV thông qua trang học tập cá nhân, trên hệ thống Website của Trường ở mỗi kỳ học, mỗi năm học.

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT CNBTTH được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới về lĩnh vực BTTH. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của Khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như đóng góp, xây dựng của Hội đồng KH &ĐT Khoa, cựu SV, GV, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Bản mô tả CTĐT được cụ thể hóa trong các ĐCHP của chương trình. Đề cương của các HP được chuẩn hóa theo quy định của Trường ĐHSKĐAHN. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến HP, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, ... của HP đều được cung cấp đầy đủ, được công bố công khai và dễ tiếp cận để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học.

CTDH của CNBTTH được thiết kế với các HP có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT. Hội đồng KH &ĐT của KTH đã chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các

HP trong CTDH nhằm bảo đảm cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ kiến thức chung đến kiến thức ngành hẹp. Bên cạnh đó, Chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và năng lực phát triển nghề nghiệp cho SV. Nội dung của các HP kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau. CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến CNBTTH trong khu vực và trên thế giới. CTDH thể hiện được năng lực của SV tốt nghiệp. Các HP được thiết kế đề cao tính ứng dụng; các HP kiến thức, kỹ năng chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT CNBTTH phù hợp, rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng như bài giảng lý thuyết, thực hành, thảo luận, thuyết trình, thực tập, tự học và tự nghiên cứu giúp SV có khả năng học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với NH. Môi trường học cởi mở và thân thiện, có sự tương tác hiệu quả giữa GV và SV; các GV luôn tôn trọng và giúp đỡ NH.

Việc đánh giá KQHT của SV CNBTTH, KTH được thực hiện một cách chuyên nghiệp, bám sát các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHSKĐAHN để bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng trong đánh giá KQHT của SV. KTH luôn tập trung sâu vào đánh giá năng lực của NH thông qua các kỳ thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được CDR của môn học và CTĐT, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến NH để NH xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Đội ngũ GV trong CNBTTH có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy và NCKH của Khoa có những thành tích nhất định.

Trong giảng dạy, với số lượng NH như hiện tại, đội ngũ GV của Khoa luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng theo quy định, đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao theo thăm dò ý kiến từ SV. Trong NCKH, tuy vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhưng đội ngũ GV của Khoa cũng đã tích cực tham gia vào tất cả loại hình nghiên cứu, nhiều GV được khen thưởng hoặc nhận các giải thưởng danh giá. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của Khoa và Nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của GV, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường. Đội ngũ NV hỗ trợ cho CTĐT CNBTTH có trình độ chuyên môn cơ bản đáp ứng được nhu cầu công việc. Ngoài ra, đội ngũ này cũng rất năng động và nhiệt huyết, do vậy, công việc luôn được triển khai và hoàn thành tốt. Ngoài ra, Trường luôn có những chế độ khen thưởng và kỷ luật phù hợp để quản lý công việc của đội ngũ này. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ NV của Khoa và Nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của Ngành và phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.

Công tác tuyển sinh được thực hiện một cách công khai, nghiêm túc, vì thế hàng năm CNBTTH tuyển chọn được nhiều SV có năng lực đạt yêu cầu đầu vào. Bên cạnh đó, NH được hỗ trợ thường xuyên, hiệu quả của Khoa và Nhà trường về hoạt động tư

vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển năng lực học tập, NCKH và thể chất, tinh thần, nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân.

Trường ĐHSKĐAHN có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng thực hành với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành. Hệ thống CNTT đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đạt yêu cầu của cán bộ, GV và NH của Trường.

Công tác nâng cao chất lượng đào tạo CNBTTH được Nhà trường và Khoa hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và NTD. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ các BLQ bước đầu được chú trọng và thực hiện đầy đủ. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các hoạt động nghề nghiệp tương đương NCKH được GV và SV quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho GV và NH trong dạy- học và NCKH.

SV CNBTTH có tỷ lệ tốt nghiệp cao, nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. GV, SV, cựu SV và NTD đánh giá hài lòng về CTĐT.

Bên cạnh những điểm nổi bật đã nêu trên, CTĐT cử nhân CNBTTH cũng có một số tồn tại sau:

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CĐR của CTĐT mới chỉ được thực hiện theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường. Khoa chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học, cũng như chưa thiết lập được kênh thông tin riêng như website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV. Thiết bị cho CNBTTH vẫn chưa cập nhật kịp thời với sự phát triển của thế giới. Phòng thực hành được trang bị hiện đại để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; tuy nhiên vẫn chưa có những phòng học hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế.

Việc cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT và các ĐCHP đến các BLQ còn đang được thực hiện một cách hạn hẹp, và chưa chuyên nghiệp. Khoa thiếu cơ sở dữ liệu cập nhật về việc lấy ý kiến của NTD, của cựu SV để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT, các ĐCHP. Phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa rộng. CĐR của một số HP chưa thực sự rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá HP. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá HP cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CĐR của CTĐT.

Hoạt động thực hành và trải nghiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực

tiền. Số ít SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên cứu. Việc đánh giá KQHT một số HP còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu chưa được tiến hành một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay; chưa có sự liên hệ thật sự chặt chẽ trong quá trình SV thực tập tại cơ sở, các ký kết với cơ sở thực tế chưa có những ràng buộc liên quan nhiều đến CDR theo từng năm học và từng chuyên ngành mà SV phải đạt tới.

Với những điểm nổi bật và một số tồn tại, kết quả tự đánh giá CTĐT cử nhân CNBTTH được thể hiện thông qua bảng sau:

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT  
CỬ NHÂN BIÊN TẬP TRUYỀN HÌNH**

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội**

Mã: SKD 99

Tên CTĐT: **Cử nhân Biên tập truyền hình**

Mã CTĐT: **52210233**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
<b>Tiêu chuẩn 1</b>								4,00	3/3	100
Tiêu chí 1.1				x						
Tiêu chí 1.2				x						
Tiêu chí 1.3				x						
<b>Tiêu chuẩn 2</b>								4,00	3/3	100
Tiêu chí 2.1				x						
Tiêu chí 2.2				x						
Tiêu chí 2.3				x						
<b>Tiêu chuẩn 3</b>								4,00	3/3	100
Tiêu chí 3.1				x						
Tiêu chí 3.2				x						
Tiêu chí 3.3				x						
<b>Tiêu chuẩn 4</b>								4,00	3/3	100
Tiêu chí 4.1				x						
Tiêu chí 4.2				x						
Tiêu chí 4.3				x						
<b>Tiêu chuẩn 5</b>								4,00	5/5	100
Tiêu chí 5.1				x						
Tiêu chí 5.2				x						
Tiêu chí 5.3				x						
Tiêu chí 5.4				x						
Tiêu chí 5.5				x						
<b>Tiêu chuẩn 6</b>								5,00	7/7	100
Tiêu chí 6.1					x					
Tiêu chí 6.2					x					
Tiêu chí 6.3					x					
Tiêu chí 6.4					x					
Tiêu chí 6.5					x					
Tiêu chí 6.6					x					
Tiêu chí 6.7					x					

<b>Tiêu chuẩn 7</b>								4,00	5/5	100
Tiêu chí 7.1				x						
Tiêu chí 7.2				x						
Tiêu chí 7.3				x						
Tiêu chí 7.4				x						
Tiêu chí 7.5				x						
<b>Tiêu chuẩn 8</b>								4,00	5/5	100
Tiêu chí 8.1				x						
Tiêu chí 8.2				x						
Tiêu chí 8.3				x						
Tiêu chí 8.4				x						
Tiêu chí 8.5				x						
<b>Tiêu chuẩn 9</b>								5,00	5/5	100
Tiêu chí 9.1					x					
Tiêu chí 9.2					x					
Tiêu chí 9.3					x					
Tiêu chí 9.4					x					
Tiêu chí 9.5					x					
<b>Tiêu chuẩn 10</b>								5,00	6/6	100
Tiêu chí 10.1					x					
Tiêu chí 10.2					x					
Tiêu chí 10.3					x					
Tiêu chí 10.4					x					
Tiêu chí 10.5					x					
Tiêu chí 10.6					x					
<b>Tiêu chuẩn 11</b>								5,00	5/5	100
Tiêu chí 11.1					x					
Tiêu chí 11.2					x					
Tiêu chí 11.3					x					
Tiêu chí 11.4					x					
Tiêu chí 11.5					x					
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>								<b>4,36</b>	<b>50/50</b>	<b>100%</b>

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2024



**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS Nguyễn Đình Thi**

## PHẦN IV. PHỤ LỤC

### 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT (Phụ lục 7):

#### CƠ SỞ DỮ LIỆU

#### KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày ...../.....  
/20.....

#### I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Sân Khấu - Điện Ảnh Hà

Nội Tiếng Anh: Hanoi Academy of Theatre and

Cinema

2. Tên viết tắt của cơ sở

giáo dục Tiếng Việt:

SKĐAHN

Tiếng Anh: HATC

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

5. Địa chỉ: Khu văn hóa nghệ thuật, P Mai Dịch, Q Cầu Giấy, TP Hà Nội

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 02437648633

E-mail: [skd@moet.edu.vn](mailto:skd@moet.edu.vn) Website: [www.skda.edu.vn](http://www.skda.edu.vn)

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 2004

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2013

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2017

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập  Bán công  Dân lập  Tư thực

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

#### II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Truyền

hình Tiếng Anh:

Television Department

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Biên tập  
 Truyền hình Tiếng Anh:  
 Television  
 Editing

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 7210236B

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): .....

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Phòng 503, nhà A2, Trường ĐHSK ĐAHN, Khu văn hóa nghệ thuật, P Mai Dịch, Q Cầu Giấy, TP Hà Nội

18. Số điện thoại liên hệ: 02437648633; Email: khoatruyenanhinh@gmail.com;  
 Website:

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2004

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2013

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2017

### **III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật):

Đơn vị thực hiện CTĐT CNBTTH là KTH. KHT, Trường ĐHSKĐAHN được thành lập ngày 23/9/2004 theo Quyết định số 85/2004/QĐ-BVHTT của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch). KTH chính thức tuyển sinh khóa đầu tiên vào tháng 7/2005 với hai chuyên ngành là ĐĐTH, QPTH gồm 41 SV. Với chức năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, NCKH, thực hành, thực tập... KTH đã và đang là địa chỉ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của lĩnh vực truyền hình trong cả nước. Bắt đầu từ kỳ thi tuyển sinh đại học chính quy năm 2013, Khoa tuyển sinh CNBTTH nhằm phục vụ cho yêu cầu chuyên môn hoá ngày càng cao trong lĩnh vực truyền hình. Việc mở CNBTTH đã góp phần giải quyết nhu cầu thực tiễn về nguồn nhân lực chất lượng cao của ngành truyền hình - truyền thông đang phát triển của đất nước. Năm 2024, KTH mở thêm mã ngành Đạo diễn, sản xuất nội dung số và chính thức kỳ tuyển sinh đầu tiên. Sự đa dạng của các chuyên ngành và những nỗ lực không ngừng nhằm nâng cao chất lượng dạy và học đã thể hiện sự đúng đắn trong định hướng đào tạo của KTH.

Hiện nay, Khoa đang đào tạo bốn chuyên ngành trình độ ĐH chính quy

là: ĐDTH, BTTH, QPTH và Đạo diễn, sản xuất nội dung số. Tháng 6/2019 Khoa đã tiếp nhận thêm chuyên ngành Đạo diễn ĐA-TH, chuyên ngành Quay phim (hệ vừa làm vừa học) và Đạo diễn ĐA-TH (văn bằng 2).

Truyền hình luôn được biết đến là một ngành yêu cầu ý thức kỷ luật cao và đòi hỏi phải có năng lực chuyên môn trong công việc. KTH cam kết trang bị cho NH những kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực truyền hình và các kỹ năng cơ bản, giúp cho NH sau khi tốt nghiệp có thể nhanh chóng nắm bắt được những vấn đề của xã hội để phản ánh trong tác phẩm truyền hình, đồng thời luôn theo kịp sự phát triển của công nghệ hiện đại. CTĐT của Khoa cung cấp cho SV những kiến thức nền tảng, cơ bản và toàn diện về nghiệp vụ báo chí, báo hình, các kỹ năng thực hành làm các chương trình truyền hình (tọa đàm, phỏng vấn, gameshow...), các thể loại phim (phim truyện, phim tài liệu, phóng sự, phim ca nhạc...). Tác phẩm truyền hình luôn có sức lan tỏa mạnh mẽ, tạo sự ảnh hưởng nhanh và mạnh trong dư luận xã hội. Do đó, KTH luôn tạo những điều kiện tốt nhất để SV phát huy năng lực sáng tạo của bản thân trong học tập và NCKH, song song với việc rèn luyện về tư cách đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật để có thể thích ứng với môi trường làm việc áp lực cao.

Những phim ngắn, phóng sự bài tập, bài tốt nghiệp của SV KTH đề cập đến những đề tài phong phú với ý tưởng sáng tạo cao. Nhiều SV đã mạnh dạn thực hiện những vấn đề nóng của xã hội, hoặc những vấn đề mang đậm chất văn hóa truyền thống của dân tộc. SV luôn chịu khó tìm tòi, khám phá nhiều địa hình, phát hiện đối tượng điển hình để thể hiện sâu sắc trong tác phẩm với sự đam mê và thái độ nghiêm túc, nhiệt tình, thể hiện phẩm chất nhanh nhạy, năng lực sáng tạo cần thiết của người Phóng viên, người làm báo hình. Một số phim, phóng sự do SV thực hiện rất thành công, thể hiện mạnh mẽ sự dấn thân trong các đề tài khó, mang tính nhạy cảm.

Phần lớn SV của Khoa sau khi tốt nghiệp đã tìm được việc làm đúng ngành nghề đào tạo và khẳng định được vị trí của mình trong các Đài Truyền hình của Trung ương và địa phương.

Trải qua 11 năm đào tạo, CNBTTH đã đào tạo 138 cử nhân BTTH. Sinh viên ra trường có kiến thức và kỹ năng tốt, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho hệ thống các Đài Truyền hình như: Đài Truyền hình Việt Nam, Truyền hình Công an nhân dân, Truyền hình Quốc hội, Truyền hình Quân đội nhân dân, Truyền hình nhân dân, Thông tấn xã Việt Nam, Hãng phim Tài liệu và Khoa học Trung ương, Hãng phim truyện Việt Nam... Họ góp phần làm nên diện mạo của ngành truyền hình giai đoạn hiện nay.

Hiện nay, đội ngũ của Khoa có 05 GV trong biên chế, 02 viên chức cơ hữu, 2 trợ giảng hợp đồng tổng 08 thạc sĩ, 1 cử nhân. Tuy nhiên, do số lượng giảng viên trẻ chiếm đa số giảng viên cơ hữu; chưa có nhiều thành tích trong hoạt động nghề nghiệp (còn ít giải thưởng về chuyên môn). Vì vậy, việc đào tạo

CNBTTH vẫn rất cần những GV thỉnh giảng có nhiều năm kinh nghiệm làm nghề và giảng dạy, được đào tạo cả trong và ngoài nước như các biên tập viên: Minh Trang, Thanh Hoa, Bạch Dương...

SV KTH năng động và sáng tạo, luôn nằm trong nhóm đầu của Nhà trường khi tham gia Cánh diều vàng, Liên hoan phim ngắn tại Liên hoan phim Quốc gia. Trường ĐHSKĐAHN còn là Thành viên Hiệp hội các Trường Điện ảnh và Truyền hình thế giới (CILECT), hàng năm KTH đều có gửi các phim ngắn do SV sản xuất đi dự Liên hoan phim của Hiệp hội và đã mang về các giải thưởng uy tín.

Bằng các mối quan hệ tốt với các NTD trong cả nước, các Công ty Sản xuất phim nhà nước và tư nhân, các GV của Khoa đã tạo dựng nhiều cơ hội để các SV của mình đi thực tập, làm việc tại các đoàn phim... nâng cao nghiệp vụ thực hành, cọ sát thử thách nghiệp vụ ở các trình độ ... và cũng là cơ hội tiếp cận việc làm khi SV ra trường. (Hãng phim Truyền hình Việt Nam -VFC, Các Ban thuộc Đài Truyền hình Việt Nam - VTV, Đài Truyền hình Hà Nội - HTV, và rất nhiều công ty truyền thông tư nhân ...). Cán bộ và SV KTH có truyền thống tinh thần tương thân tương ái. Các cựu SV, GV của Khoa có quỹ học bổng hỗ trợ các SV có điều kiện khó khăn và động viên khuyến khích các SV có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện. Các Hãng sản xuất, kinh doanh cho thuê thiết bị điện ảnh của thế giới và Việt Nam, thông qua các GV, đã tài trợ, tổ chức các cuộc thi: Canon, Sony... tạo điều kiện cho SV thuộc CNBTTH làm phim ngắn, các chương trình truyền hình trong và ngoài chương trình học tập.

Sứ mạng của Khoa cũng chính là Sứ mạng của Trường, đó là đào tạo đội ngũ BTTH, cung cấp nguồn nhân lực chính dẫn đầu quốc gia. Cụ thể, Khoa chịu trách nhiệm đào tạo cử nhân chính quy chuyên ngành ĐDTH, QPTH, BTTH và Đạo diễn, sản xuất nội dung số đáp ứng nhu cầu của thị trường truyền hình.

Khoa đã và đang thực hiện những chính sách và hoạt động cụ thể nhằm bảo đảm chất lượng toàn diện. Chính sách đầu tiên liên quan tới công tác chính trị, tư tưởng, truyền thông và cải cách hành chính. Được sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy BGH Nhà trường, Chi bộ Điện ảnh, viên chức, người lao động, SV của đơn vị luôn quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của ngành GD&ĐT; phát huy quyền làm chủ của viên chức, người lao động, NH, gắn liền với sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng. Toàn thể cán bộ Khoa đoàn kết, đồng lòng với các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như Nhà trường, góp phần xây dựng Trường và Khoa ngày càng vững mạnh.

Thứ hai, công tác SV; công tác đoàn thể cũng được chú trọng. Khoa đã chỉ đạo Liên chi đoàn tổ chức nhiều hoạt động bổ ích, thiết thực. Tổ chức tốt tuần

sinh hoạt công dân đầu khoá, đầu các năm học. Tổ chức quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của ngành GD&ĐT cho NH thông qua các buổi sinh hoạt cán bộ lớp, cán bộ đoàn và các hoạt động chung của Khoa. Tham gia Hội nghị đối thoại giữa SV với Lãnh đạo Nhà trường, Khoa nắm bắt thông tin và giải quyết kịp thời những kiến nghị, đề xuất của SV và học viên, không có hiện tượng khiếu nại vượt cấp.

Thứ ba, công tác tổ chức và xây dựng đội ngũ được coi là nòng cốt để tạo nền móng bền vững cho chất lượng đào tạo. Các GV cũng theo học những khóa ngắn hạn trong nước và ngoài nước để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm.

Thứ tư, công tác đào tạo, BĐCL và thanh tra giáo dục cũng là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình nâng cao chất lượng giáo dục. CTĐT của KTH thường xuyên được cập nhật với xu thế của thế giới, nội dung giảng dạy ngày càng phong phú, linh hoạt và theo định hướng phát triển năng lực đáp ứng nhu cầu xã hội.

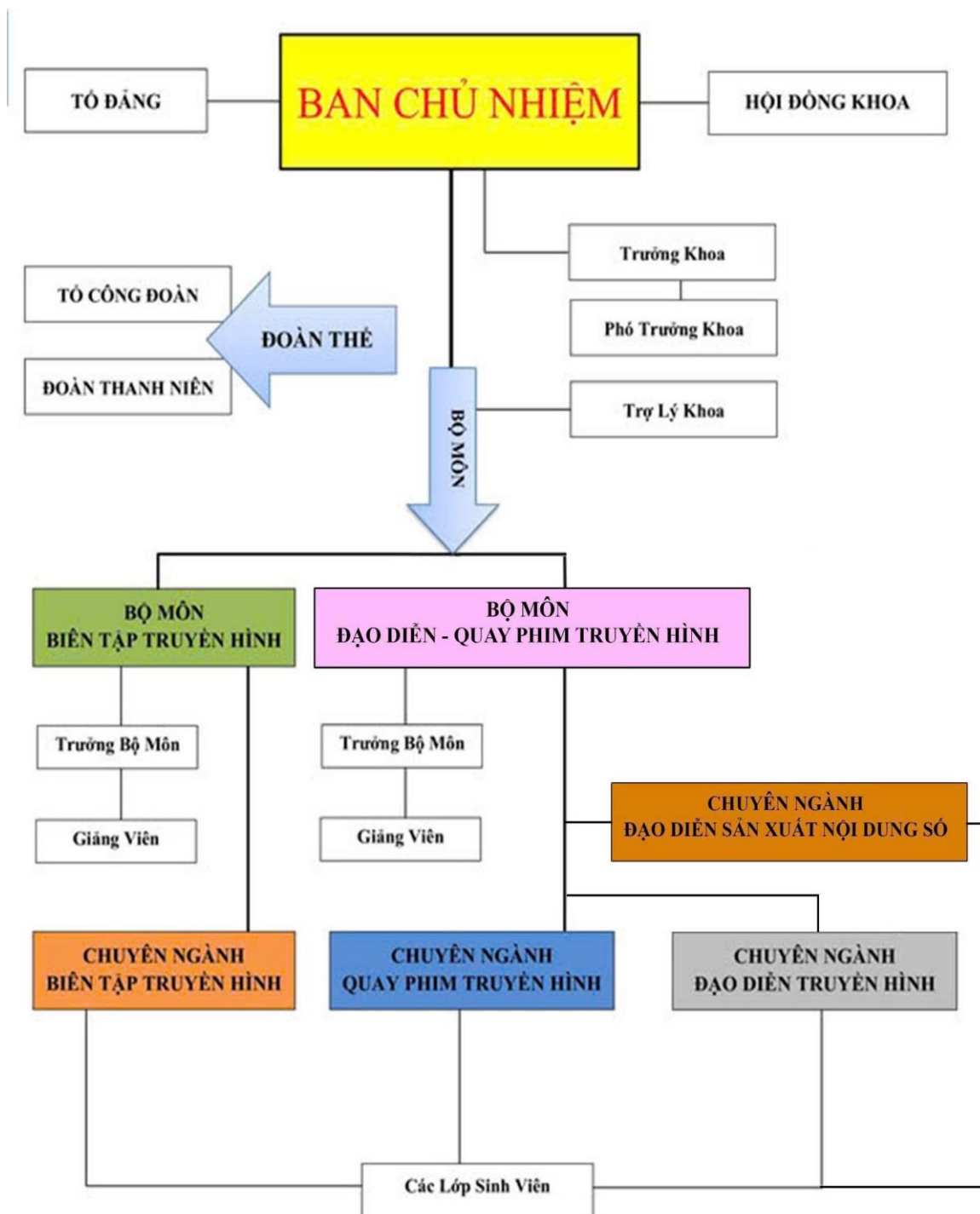
Thứ năm, Khoa rất chú trọng công tác NCKH cho SV thông qua chương trình chiếu phim học tập giao lưu với các Nhà làm phim, các Nhà Nghiên cứu phim. Chương trình này Khoa tổ chức định kỳ mỗi tuần một buổi. Do vậy, SV của Khoa luôn được cập nhật các bộ phim mới, các phim đạt giải thưởng trong nước và trên thế giới. Trong những buổi giao lưu đó các GV cũng cùng nhau phân tích, thảo luận để công tác học tập, làm phim đạt hiệu quả cao hơn. Đặc biệt, trong các giờ học chuyên đề Khoa có mời các Nhà Sản xuất, Đạo diễn, Quay phim, Biên kịch, Họa sĩ thiết kế có nhiều kinh nghiệm thực tế đến chia sẻ những kinh nghiệm từ thành công cũng như thất bại trong nghề nghiệp để các GV và SV có được những bài học thực sự cần thiết như: Đạo diễn Nguyễn Thước, Đạo diễn Lê Hồng Chương, Đạo diễn Đỗ Thanh Hải, Đạo diễn Nguyễn Hoàng Lâm, Đạo diễn Tạ Quỳnh Tư, Đạo diễn Trần Phương Thảo, Nhà Quay phim Trần Quốc Dũng, Nhà Quay phim Lý Thái Dũng, Nhà Quay phim Trịnh Quang Tùng....vv.

Cuối cùng, công tác CSVC, thiết bị, kế hoạch - tài chính, đời sống cũng được coi là nhiệm vụ thiết yếu trong tổng thể BĐCL của Trường và Khoa. CSVC phục vụ đào tạo và chuyên môn nghiệp vụ của Khoa do Nhà trường phân bổ. Quỹ hoạt động của Khoa luôn được chi đúng mục đích và minh bạch, theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Quỹ phúc lợi được chia công bằng cho cán bộ nhân dịp các ngày lễ lớn như 20 - 11, Tết Nguyên Đán. Ngoài ra đơn vị còn tổ chức thăm hỏi động viên cán bộ và thân nhân khi có việc trọng đại. Công tác thăm hỏi cựu giáo chức luôn được quan tâm chu đáo, duy trì mối quan hệ tốt đẹp giữa các thế hệ cán bộ. Đời sống cán bộ Khoa ngày càng được nâng lên, cán bộ yên tâm làm việc và gắn bó với nghề.

Với những chính sách bao quát và toàn diện trong việc bảo đảm và phát

huy chất lượng giáo dục của Trường từ khi thành lập đến nay, KTH luôn là địa chỉ tin cậy cho SV chọn làm nơi rèn đức luyện tài, là một trong những cơ sở đào tạo CNBTTH tốt nhất trong cả nước, là nơi tạo dựng tương lai tươi sáng cho các SV trong nhiều lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng):



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT:

Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục

- PGS.TS.NGND. Nguyễn Đình Thi : Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng
- TS. Phạm Đắc Thi: Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng
- TS. NSƯT. Bùi Như Lai: Đảng ủy viên, Phó Hiệu trưởng
- TS. Phạm Trí Thành: Chủ tịch Hội đồng trường

Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

- ThS. Đậu Nhật Minh: Phó Trưởng KTH

TT	Chức vụ	Họ và tên	Năm sinh	Học hàm, học vị	Điện thoại	Email
<b>Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục</b>						
1	Hiệu trưởng	Nguyễn Đình Thi	1964	PGS.TS.NGND	0913588863	thidinhnguyen@hotmail.com
2	Phó Hiệu trưởng	Bùi Như Lai	1979	TS	0972562828	buihulai1979@gmail.com
3	Phó Hiệu trưởng	Phạm Đắc Thi	1970	TS	0912312989	pdthi2012@gmail.com
4	Chủ tịch Hội đồng trường	Phạm Trí Thành	1966	TS	0906100882	phantrithanhs@gmail.com
<b>Đơn vị thực hiện CTĐT</b>						
<b>I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị</b>						
1.	Phó Trưởng Khoa	Đậu Nhật Minh	1984	ThS	0936963232	minn.jo@gmail.com
<b>II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội</b>						
1.	Bí thư Đảng ủy	Nguyễn Đình Thi	1964	PGS.TS. NGND	0913588863	thidinhnguyen@hotmail.com
2.	Chủ tịch Công đoàn Trường	Hoàng Dạ Vũ	1985	ThS	0983290885	hoangdavu2908@gmail.com
3.	Bí thư Đoàn thanh niên	Lê Thị Ly Như	1984	ThS	0985875665	lynhu1984@gmail.com
<b>III. Các phòng, ban</b>						

1.	Trưởng Phòng ĐTQLKH& HTQT	Nguyễn Thị Hồng Hiền	1980	TS	0912798888	nguyenhonghien0110@gmail.com
2.	Trưởng Phòng CTHSSV	Trần Thị Tuyết Hồng	1983	ThS	0982387183	tuyethongpdt.skda@gmail.com
3.	Trưởng Phòng HCTH	Nguyễn Thị Thu Hiền	1983	TS	0906113599	nguyenhienkda@gmail.com
4.	Trưởng Phòng KT&ĐBCLGD	Trịnh Thúy Hương	1981	TS	0912804603	trinh.thuyhuong81@gmail.com
<b>IV. Các bộ môn</b>						
1.	Tổ trưởng Bộ môn Đạo diễn - QPTH	Dương Hồng Vinh	1991	ThS	0967060491	duonghongvinh6491@gmail.com
2.	Tổ trưởng Bộ môn BTTH	Đậu Nhật Minh	1984	ThS	0936963232	minn.jo@gmail.com

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 04

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo TS: Không

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo ThS: Không

28. Số lượng ngành đào tạo ĐH: 04

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: Không

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 02

- Ngành Đạo diễn ĐA-TH (văn bằng 2 và vừa làm - vừa học).

- Ngành Quay phim (vừa làm - vừa học).

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

Có      Không

Chính quy

Không chính quy

Từ xa

Liên kết đào tạo với nước ngoài

Liên kết đào tạo trong nước

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): vừa làm, vừa học; văn bằng 2

32. Tổng số các ngành đào tạo: 06

#### IV. Cán bộ quản lý, GV, NV của đơn vị thực hiện CTĐT

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, GV và NV của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	<b>Đội ngũ cơ hữu<sup>1</sup></b> <i>Trong đó:</i>			
I.1	Đội ngũ trong biên chế	4	3	7
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn			
II	<b>Các đối tượng khác</b> Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng <sup>2</sup> )	13	14	27
	<b>Tổng số</b>	<b>17</b>	<b>16</b>	<b>34</b>

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại GV

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn <sup>3</sup> trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư (NSND/NSUT)	0	0	0	0	0	0
3	TS Khoa học	0	0	0	0	0	0
4	TS	0	0	0	0	0	0
5	ThS	5	5	0	1	0	0

<sup>1</sup> Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>2</sup> Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

6	ĐH	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng số</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những GV vừa có học vị vừa có chức danh Khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (4) - cột (6) = 06 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 5/07

35. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT (nếu đơn vị có GV có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi		0	1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	0
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	0	0	0	0	0	0	0
3	TS Khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	TS	2	0	0	0	0	0	0	0
5	ThS	1	5	5	0	1	12	0	10
6	ĐH	0,3	1	0	0	0	0	0	0,3
	<b>Tổng</b>		<b>6</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	<b>10,3</b>

<sup>3</sup>Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)

36. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

	Trình độ/ học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	TS Khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	TS	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	ThS	5	0	2	3	0	4	1	0	0
6	ĐH	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

36.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 38.6 tuổi

36.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0/5

36.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 5/5

37. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	80
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30	20
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	40	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	30	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	<b>Tổng</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

#### IV. Người học (chỉ tính số lượng NH của CTĐT)

38. NH bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số NH trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2019-2020	47	20	2.35/1	14	14.50/30	19.32	0
2020 - 2021	61	25	2.44/1	21	18.70/30	20.97	0
2021 - 2022	46	19	2.42/1	18	16.00/30	19.73	0
2022 - 2023	59	23	2.57/1	22	15.00/30	20.14	0
2023- 2024	55	23	2.39/1	23	16.00/30	21.04	0

**Bảng 8.1: Thống kê tình hình nhập học của NH năm thứ nhất**  
(từ năm 2019 đến 2024)

Năm học	Ứng viên				
	Số lượng nộp đơn dự tuyển	Số lượng trúng tuyển	Số lượng nhập học	Điểm chuẩn	Điểm trung bình của thí sinh trúng tuyển
2019 – 2020	47	20	14	14.50	19.32
2020 -2021	61	25	21	18.70	20.97
2021 -2022	46	19	18	16.00	19.73
2022 -2023	59	23	22	15.00	20.14
2023 -2024	55	23	23	16.00	21.04

**Bảng 8.2: Thống kê số NH đang học CTĐT CNBTTH***(từ năm 2019 đến 2024)*

Năm học	NH					Tổng số
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm tiếp theo	
2019 – 2020(K39)	14	14	17	16		
2020 - 2021(K40)	21	22	22	22		
2021 -2022 (K41)	18	19	19			
2022 -2023 (K42)	22	22				
2023 -2024 (K43)	23	24				

39. Thống kê, phân loại số lượng NH theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. SV ĐH	14	21	18	22	23
Trong đó:					
Hệ chính quy	14	21	18	22	23
Hệ không chính quy					
4. SV cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác ...					

40. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

	Năm học				
	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số NH					

41. NH của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số NH có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019- 2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023- 2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	4800	4800	4800	4800	4800
2. NH có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ktx)					
3. NH được ở trong ký túc xá (người)	2	0	0	0	0
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV					
4. Tỷ số diện tích trên đầu NH ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)	4 m <sup>2</sup>	4 m <sup>2</sup>	4 m <sup>2</sup>	4 m <sup>2</sup>	4 m <sup>2</sup>

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) NH của CTĐT tham gia NCKH

43. Thống kê số lượng NH của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án TS					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. SV tốt nghiệp ĐH Trong đó:	19	13	13	14	20
Hệ chính quy	19	13	13	14	20
Hệ không chính quy					
4. SV tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					

Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Bao gồm NH đã đủ điều kiện TN theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
1. Số lượng NH tốt nghiệp (người).	19	13	13	14	20
2. Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	95%	56.52%	72.22%	100%	95.24%
3. Đánh giá của NH tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4					
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	90%	90%	90%	90%	90%
3.2. Tỷ lệ NH trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	10%	10%	10%	10%	10%
3.3. Tỷ lệ NH trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					

4. NH có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	80% 90%	80% 90%	80% 90%	80% 90%	80% 90%
4.2. Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo (%).	10%	10%	10%	10%	10%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	8-10 triệu	8-10 triệu	8-10 triệu	8-10 triệu	8-10 triệu
5. Đánh giá của NTD về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	70%	70%	70%	70%	70%
5.2. Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	20%	20%	20%	20%	20%
5.3. Tỷ lệ NH phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	10%	10%	10%	10%	10%

*Ghi chú:*

- NH tốt nghiệp là nh có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những NH chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- NH có việc làm là NH tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

## V. NCKH và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao Khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0.5	0	1	1	4	2	4
	<b>Tổng</b>	0.5	0	1	1	3	1	4

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 4

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao Khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 4/7

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài Khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	4	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia			5	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	1	0	0	2
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng</b>		0	0	1	0	0	2

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 2

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2/7

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	1	0	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	1	0	0	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Tạp chí Khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	0	0	0
2	Tạp chí Khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	3	4	5	1	2	8
	<b>Tổng</b>		<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>8</b>

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 8

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 8/7

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí Khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí Khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	0	0	4
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>

52. Số lượng báo cáo Khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	0	0
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	1	0	0	0	0.5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	1	1	1	5	2
	Tổng							2.5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 2.5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2.5/6

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo Khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo Khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	1	8
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	1	6

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

## 54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2019 – 2020	0
2020 - 2021	0
2021- 2022	0
2022 -2023	0
2023 -2024	0

## 55. NCKH của NH

55.1. Số lượng NH của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài Khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	0
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	0
Trên 6 đề tài	0	0	0	0
Tổng số NH tham gia	0	0	0	0

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

## 55.2. Thành tích NCKH của SV:

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu Khoa học	Số lượng				
		2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

**VII. CSVC, thư viện**

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>): 20.610,8

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>): 100

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):.....

Nơi làm việc: 35 Nơi học: 11.257 (trong đó có 6682 m<sup>2</sup> phòng học và 4575 m<sup>2</sup> phòng thực hành)

59. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>)

- Tổng diện tích phòng học: 6682

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 8,77/1

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại TTTTTV: 2212

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 1310

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 4

- Dùng cho NH học tập: 100

Tỷ số số máy tính dùng cho NH/NH chính quy: 100/50

**VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng**

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

62. Giảng viên:

Tổng số GV cơ hữu (người): 5

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 5/7 (71,4%)

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 0/4 (0%)

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 5/5(100%)

63. Người học:

Tổng số NH chính quy (người): 82

Tỷ số NH chính quy trên GV: 82/2

Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 95.24%

64. Đánh giá của NH tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 100%

Tỷ lệ NH trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0%

65. NH có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 80%

Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo (%): 20%

Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm (triệu VNĐ): 8 – 10 triệu

66. Đánh giá của NTD về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 90%

Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 10%

67. NCKH và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao Khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0 Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3.5/7

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4/7

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2/7

68. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho NH trên người học chính quy: 100/50

Tỷ số diện tích phòng học trên NH chính quy: 8.77/1

Tỷ số diện tích ký túc xá trên NH chính quy: 4 m<sup>2</sup>/1

## Phụ lục 8

**DANH MỤC BẢNG BIỂU TRONG BÁO CÁO TĐG CT BTTH**  
(Từ tiêu chí 1 -5)

**Bảng 1: Mục tiêu CTĐT các năm**

Mục tiêu CTĐT BTTH năm 2019	Mục tiêu CTĐT BTTH năm 2024
Đào tạo các biên tập viên truyền hình chuyên nghiệp có thể tham gia vào quá trình sản xuất, thực hiện các chương trình truyền hình, quảng cáo, phim tại các đài truyền hình, cơ quan truyền thông và hãng phim.	Đào tạo các biên tập viên truyền hình chuyên nghiệp có khả năng tham gia vào quá trình sản xuất, thực hiện các chương trình truyền hình, quảng cáo, phim tại các đài truyền hình, cơ quan truyền thông và hãng phim.

**Bảng 2: Kết quả khảo sát của các BLQ đối với mục tiêu của CTĐT**

Mức độ đồng ý với Mục tiêu CTĐT BTTH (%)	NTD	Cựu SV	SV	GV
Rất không đồng ý				
Không đồng ý	3.03	3.03	3.03	3.03
Phân vân				
Đồng ý	27.27	27.27	27.27	27.27
Rất đồng ý	69.69	69.69	69.69	69.69

**Bảng 3: Chuẩn đầu ra CTĐT CNBTTH các năm**

Năm 2015	Năm 2019	Năm 2024
<p>Hệ thống CĐR chưa được xây dựng rõ ràng với các tiêu chí cụ thể về CĐR.</p> <p>Trong CTĐT đã đưa ra các mục sau:</p> <p style="padding-left: 20px;">1. Mục tiêu đào tạo</p> <p>+ Mục tiêu chung</p> <p>+ Mục tiêu cụ thể</p>	<p>Hệ thống CĐR chưa được xây dựng rõ ràng với các tiêu chí cụ thể về CĐR.</p> <p>Trong CTĐT đã đưa ra các mục sau:</p> <p style="padding-left: 20px;">1. Mục tiêu đào tạo</p> <p>+ Mục tiêu chung</p> <p>+ Mục tiêu cụ thể</p>	<p><b>1. Kiến thức</b></p> <p>- <i>PL01</i>: Những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn trang bị cho sinh viên những hiểu biết về văn hoá nghệ thuật</p> <p>- <i>PL02</i>: Những kiến thức cơ bản về Tin học, Ngoại</p>

<p>2. Năng lực nghề nghiệp (liên quan tới CĐR)</p> <p>+ Về kiến thức</p> <p>+ Về kỹ năng (kỹ năng cứng và kỹ năng mềm)</p> <p>+ Về thái độ</p> <p>+ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm công việc</p> <p>3. Cơ hội nghề nghiệp</p> <p>4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp</p>	<p>2. Năng lực nghề nghiệp (liên quan tới CĐR)</p> <p>+ Về kiến thức</p> <p>+ Về kỹ năng (kỹ năng cứng và kỹ năng mềm)</p> <p>+ Về thái độ</p> <p>+ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm công việc</p> <p>3. Cơ hội nghề nghiệp</p> <p>4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp</p>	<p>ngữ giúp SV dễ dàng giao tiếp trong công việc và ứng dụng được trong các môi trường làm việc khác nhau.</p> <p>- <i>PLO3</i>: Những kiến thức cơ bản về nghệ thuật Điện ảnh và Truyền hình (cơ sở ngành).</p> <p>- <i>PLO4</i>: Những kiến thức về lý thuyết và thực hành một cách có hệ thống, toàn diện và chuyên sâu về chuyên ngành.</p> <p><b>2. Kỹ năng</b></p> <p>- <i>PLO5</i>: Áp dụng linh hoạt các kiến thức về giáo dục đại cương.</p> <p>- <i>PLO6</i>: Kỹ năng trong sử dụng, giao tiếp tiếng anh. Kỹ năng ứng dụng công nghệ tin học vào công việc thực tế.</p> <p>- <i>PLO7</i>: Kỹ năng áp dụng kiến thức từ cơ sở</p> <p>- <i>PLO8</i>: Kỹ năng áp dụng kiến thức chuyên ngành</p> <p>- <i>PLO9</i>: Năng lực tự chủ và trách nhiệm</p>
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**Bảng 4: Đối sánh CĐR các năm**

<b>Nội dung đối sánh</b>	<b>CĐR năm 2015</b>	<b>CĐR năm 2019</b>	<b>CĐR năm 2024</b>
<b>Giống nhau</b>	<p>1. Điều có mục tiêu đào tạo bao gồm: mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể về CĐR.</p> <p>2. Điều xác định được cơ bản các CĐR về kiến thức và kỹ năng của NH.</p>		
<b>Khác nhau</b>	<p>CĐR năm 2015 và 2018 chưa được xây dựng rõ ràng với các tiêu chí cụ thể về CĐR mà chỉ thể hiện ở phần năng lực nghề nghiệp dưới tiêu chí kiến thức và kỹ năng.</p> <p>CĐR chưa có nội dung liên quan tới các môn kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành mà chỉ tập trung chủ yếu về chuyên ngành</p> <p>CĐR chưa xác định đầy đủ kỹ năng về ngoại ngữ, tin học và ý thức tự chủ trách nhiệm của NH.</p>	<p>Trong bản mô tả CTĐT, CĐR được xây dựng cụ thể ở mục riêng biệt và được đánh dấu theo thứ tự (PLO) Với hai phần:</p> <p>Kiến thức (Từ PLO1 – PL04)</p> <p>- Kỹ năng (Từ PLO5 – PL09) CĐR được xác định rõ ràng theo từng PLO</p> <p>Đã bổ sung CĐR của kiến thức đại cương và ngoại ngữ tin học.</p> <p>CTĐT có thêm CĐR về ý thức tự chủ trách nhiệm.</p>	

**Bảng 5: Đối sánh về Bản mô tả CTĐT CNBTTH**

<b>Bản mô tả CTĐT năm 2018</b>	<b>Bản mô tả CTĐT năm 2023</b>
<b>Giống nhau</b>	
<p>1. Điều có mục tiêu đào tạo bao gồm: mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể về CĐR.</p> <p>2. Trong mô tả CTĐT xác định rõ thang điểm, đối tượng, thời gian đào tạo và hình thức tuyển sinh.</p> <p>3. Bản mô tả trình bày rõ ràng về khung chương trình giảng dạy, kế hoạch học tập theo từng kì và nội dung CTĐT.</p> <p>4. Các quy định về ngoại khóa và tốt nghiệp hầu hết giữ nguyên từ 2018 đến 2023</p>	
<b>Khác nhau</b>	
<b>Bản mô tả CTĐT năm 2018</b>	<b>Bản mô tả CTĐT năm 2023</b>
<p>- Đã xây dựng cụ thể các nội dung sau: + Mục tiêu đào tạo</p>	<p>Dựa trên cơ sở bản mô tả CTĐT năm 2018, bản mô tả CTĐT năm 2023 cũng xây dựng trên các tiêu chí trên nhưng có</p>

<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thời gian đào tạo</li> <li>+ Khối lượng kiến thức toàn khóa</li> <li>+ Đối tượng/hình thức tuyển sinh</li> <li>+ Thang điểm</li> <li>+ CTĐT và Kế hoạch học tập</li> <li>+ Nội dung CTĐT</li> <li>+ Kế hoạch học tập</li> <li>+ Quy định thực tập và điều kiện – hình thức tốt nghiệp.</li> </ul>	<p>những bổ sung và thay đổi như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong phần mô tả CTĐT: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bổ sung sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Trường ĐHSKĐAHN</li> <li>+ Giới thiệu chung được CTĐT</li> <li>+ CDR được cụ thể hóa theo từng tiêu chí (PLO)</li> <li>+ Thể hiện được mối quan hệ giữa mục tiêu và CDR của CTĐT</li> <li>+ Có chiến lược giảng dạy, phương pháp dạy học và quy định đầy đủ về thang điểm và xếp loại học tập</li> </ul> </li> <li>- Trong phần mô tả CTDH: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thể hiện ma trận đáp ứng CDR giữa các môn học/HP (CLOs) và CDR CTĐT (PLOs)</li> <li>+ Bổ sung mô tả văn tắt nội dung các môn học</li> </ul> </li> <li>- Mô tả CTĐT đã có thể phân đối sánh với các CTĐT nước ngoài và trong nước</li> <li>-</li> </ul>
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**Bảng 6: Cấu trúc ĐCCTHP được thể hiện qua CTĐT CNBTTH của các năm 2019 và 2024**

Nội dung	Năm 2019	Năm 2024
Tổng số TC	212 ĐVHT	146
Tổng số HP	50	51
Số TC bắt buộc/tự chọn	212 ĐVHT	146
Số HP bắt buộc/tự chọn	50	51

**Bảng 7: Đánh giá của cựu NH về các vấn đề liên quan đến ĐCCTHP năm 2018**

Nội dung		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	Tổng
	Số lượng				19		19
	Tỷ lệ	0	0	0	100	0	100
ĐCCT HP cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung; phương pháp dạy							
và học; phương pháp kiểm tra đánh giá giúp NH đạt được mục tiêu/ CĐR của từng HP?							
Phương pháp giảng dạy đang áp dụng phù hợp với CĐR của từng HP	Số lượng	0	0	0	7	12	19
	Tỷ lệ	0	0	0	36.84	63.16	100
GV áp dụng các phương pháp giảng dạy giúp NH phát triển và hoàn thiện các kỹ năng mềm thiết yếu	Số lượng	0	0	0	7	12	19
	Tỷ lệ	0	0	0	36.84	63.16	100
Hoạt động dạy và học khuyến khích NH chủ động tự học và khám phá tri thức	Số lượng	0	0	0	19	0	19
	Tỷ lệ	0	0	0	100	0	100

**Bảng 8: Đánh giá của người học về các vấn đề liên quan đến ĐCCTHP năm 2019**

Nội dung		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	Tổng
ĐCCT HP cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung; phương pháp dạy và học; phương pháp kiểm tra đánh giá giúp NH đạt được mục tiêu/ CDR của từng HP?	Số lượng	0	0	0	42	27	69
	Tỷ lệ	0	0	0	60.9	39.1	100
Phương pháp giảng dạy đang áp dụng phù hợp với CDR của từng HP	Số lượng	0	0	0	40	29	69
	Tỷ lệ	0	0	0	58	42	100
GV áp dụng các phương pháp giảng dạy giúp NH phát triển và hoàn thiện các kỹ năng mềm thiết yếu	Số lượng	0	0	0	46	23	69
	Tỷ lệ	0	0	0	66.67	33.33	100
Hoạt động dạy và học khuyến khích NH chủ động tự học và khám phá tri thức	Số lượng	0	0	0	20	49	69
	Tỷ lệ	0	0	0	29	71	100

**Bảng 9: Đánh giá của GV về các vấn đề liên quan đến ĐCCTHP năm 2024**

Nội dung		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	Tổng
ĐCCT HP cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung; phương pháp dạy và học; phương pháp kiểm tra đánh giá giúp NH đạt được mục tiêu/ CĐR của từng HP?	Số lượng	0	0	0	1	4	5
	Tỷ lệ	0	0	0	20	80	100
Phương pháp giảng dạy đang áp dụng phù hợp với CĐR của từng HP	Số lượng	0	0	0	2	3	5
	Tỷ lệ	0	0	0	40	60	100
GV áp dụng các phương pháp giảng dạy giúp NH phát triển và hoàn thiện các kỹ năng mềm thiết yếu	Số lượng	0	0	0	1	4	5
	Tỷ lệ	0	0	0	20	80	100
Hoạt động dạy và học khuyến khích NH chủ động tự học và khám phá tri thức	Số lượng	0	0	0	0	5	5
	Tỷ lệ	0	0	0	0	100	100

**Bảng 10: Thống kê khả năng đáp ứng công việc của SV sau khi tốt nghiệp (K39 và K40)**

STT	Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Kém	0	0
2	Trung bình	3	9.4
3	Khá	9	28.1
4	Tốt	15	46.9
5	Rất tốt	5	15.6
<b>Tổng cộng</b>		32	100

**Bảng 11: Ma trận mối quan hệ giữa các HP đạt CĐR của CTĐT năm 2024**

STT	Tên HP	CĐR		
		Kiến thức	Kỹ năng	Mức độ tự chủ và trách nhiệm
1	Triết học Mác - Lênin	x		
2	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	x		
3	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	x		x
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x		x
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x		x
6	Đường lối VHVN của Đảng Cộng sản Việt Nam	x		x
7	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x		
8	Tiếng anh 1, 2, 3	x	x	
9	Tin học	x	x	
10	Lịch sử văn học Việt Nam	x		
11	Lịch sử văn học thế giới	x		
12	Pháp luật	x		x
13	Giáo dục thể chất	x	x	
14	Giáo dục quốc phòng và an ninh	x	x	x
15	Lịch sử nghệ thuật tạo hình Việt Nam và thế giới	x		
16	Tâm lý học	x		x
17	Lịch sử triết học	x		
18	Lịch sử văn minh thế giới	x		
19	Lịch sử điện ảnh - truyền hình thế giới và Việt Nam	x		
20	Âm thanh truyền hình	x	x	
21	Phân tích tác phẩm điện ảnh – truyền hình	x		
22	Thiết kế mỹ thuật điện ảnh - truyền hình	x	x	x
23	Đồ họa vi tính	x	x	
24	Âm nhạc trong tác phẩm truyền hình	x	x	x
25	Quảng cáo - Cổ động truyền hình	x	x	x

26	Trường quay thực tại ảo	x	x	
27	Kịch học điện ảnh	x	x	
28	Dựng phim	x	x	
29	Nhiếp ảnh	x	x	
30	Tổ chức sản xuất chương trình TH	x	x	x
31	Tiếng việt thực hành	x	x	
32	Biên tập truyền hình 1,2,3,4,5,6,7	x	x	x
33	Biên tập phim 1,2(truyện, tài liệu)	x	x	x
34	Đạo diễn truyền hình 1,2	x	x	x
35	Quay phim 1,2	x	x	
36	Tiếng nói	x	x	x
37	Hình thể	x	x	x
38	Chuyên đề	x	x	x
39	Ngoại khóa	x	x	x
40	Thực tập trước tốt nghiệp	x	x	x
41	Tốt nghiệp	x	x	x

**Bảng 12. Đánh giá của nhà sử dụng lao động về mức độ đáp ứng công việc của SV tốt nghiệp**

TT	Nội dung	Chưa đáp ứng		Đáp ứng một phần		Đáp ứng tốt		Đáp ứng rất tốt		Tổng cộng
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
<b>Kỹ năng mềm của SV tốt nghiệp</b>										
1	Kỹ năng giao tiếp (với khách giả, đồng nghiệp)					20	69	9	31	
2	Kỹ năng làm việc nhóm					20	69	9	31	
3	Kỹ năng thuyết trình			15	51,8	14	48,2			
4	Kỹ năng lắng nghe					20	69	9	31	
5	Kỹ năng quan sát					20	69	9	31	
6	Tác phong (chuẩn mực đạo đức, hành vi, cách cư xử)					20	69	9	31	
<b>Năng lực chuyên môn</b>										
7	Năng lực xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác chuyên môn					14	48,2	15	51,8	
8	Năng lực làm chủ kiến thức chuyên môn trong hoạt động của cơ quan đơn vị được tuyển dụng.					14	48,2	15	51,8	
	Năng lực sử dụng các phương tiện hỗ trợ công tác (máy quay phim, thiết bị phục vụ biểu diễn...)					14	48,2	15	51,8	
10	Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn.					14	48,2	15	51,8	
<b>Năng lực giải quyết các vấn đề phát sinh</b>										
11	Năng lực giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác.					25	86,2	4	13,8	
12	Năng lực phối hợp với đồng nghiệp để triển khai công việc.					25	86,2	4	13,8	
<b>Năng lực phát triển cá nhân</b>										
13	Năng lực tham gia các hoạt động xã hội			15	51,8	14	48,2			

TT	Nội dung	Chưa đáp ứng		Đáp ứng một phần		Đáp ứng tốt		Đáp ứng rất tốt		Tổng cộng
14	Năng lực tự đánh giá kết quả làm việc của bản thân			15	51,8	14	48,2			
15	Năng lực tự học, tự rèn luyện để nâng cao trình độ					25	86,2	4	13,8	
16	Năng lực thích nghi với môi trường làm việc					25	86,2	4	13,8	
17	Khả năng chịu áp lực với công việc					25	86,2	4	13,8	
	<b>Thái độ làm việc</b>									
18	Nhiệt tình, trách nhiệm với công việc					25	86,2	4	13,8	
19	Năng động, sáng tạo trong công việc					25	86,2	4	13,8	
20	Tinh thần học hỏi, khắc phục khó khăn					25	86,2	4	13,8	
21	Ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc					25	86,2	4	13,8	
22	Kỹ năng mềm			15	51,8	14	48,2			
23	Kiến thức xã hội			15	51,8	14	48,2			
24	Kiến thức chuyên môn					25	86,2	4	13,8	

**Bảng 13: Tỷ lệ các khối kiến thức trong CTĐT dành cho CNBTTH áp dụng từ khóa năm 2019 - 2024**

Khối kiến thức	Khóa 2019		Khóa 2024	
	Số tín chỉ/ số đơn vị HP	Tỷ lệ (%)	Số tín chỉ/ số đơn vị HP	Tỷ lệ
Giáo dục đại cương	36	24.7	37	25.3
Cơ sở nhóm ngành	11	7.5		
Cơ sở ngành	34	23.3	46	31.5
Chuyên ngành	51	34.9	56	38.4
Bổ trợ				
Thực hành, Thực tập nghề nghiệp	7	4.8	7*	
Khóa luận tốt nghiệp	7	4.8	7	4.8
<b>Tổng</b>	<b>146</b>		<b>146</b>	<b>100</b>

**Bảng 14: Đánh giá mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động đối với SVTN**

	Đánh giá chung	Mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động										Tổng cộng
		Chưa hài lòng		Hài lòng một phần		Phân vân		Hài lòng		Rất hài lòng		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Kỹ năng mềm			2	20			8	80	0	0	
2	Kiến thức chuyên môn							8	80	2	20	10/100
3	Kỹ năng chuyên môn							8	80	2	20	10/100
4	Thái độ làm việc			1	10			7	70	2	20	10/100

**Bảng 15: Đánh giá của NH về sự phù hợp và tính hiệu quả của các hoạt động dạy học trong ĐCCT HP và CTĐR CNBTTH năm học 2023-2024**

Câu hỏi	Nội dung		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	Tổng
Câu 1	GV có tác phong sư phạm chuẩn mực.	Số lượng				62	20	82
		Tỷ lệ %				75.6	24.4	100
Câu 2	GV nhiệt tình hỗ trợ SV trong học tập và NCKH.	Số lượng			2	60	20	82
		Tỷ lệ %			2.4	73.2	24.4	100
Câu 3	GV có năng lực chuyên môn tốt	Số lượng			2	60	20	82
		Tỷ lệ %			2.4	73.2	24.4	100
Câu 4	GV có phương pháp truyền đạt cuốn hút, dễ hiểu.	Số lượng			7	60	15	82
		Tỷ lệ %			8.4	73.2	24.4	100
Câu 5	GV giảng dạy có sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn.	Số lượng			2	60	20	82
		Tỷ lệ %			2.4	73.2	24.4	100

<b>Câu hỏi</b>	<b>Nội dung</b>		<b>Rất không đồng ý</b>	<b>Không đồng ý</b>	<b>Phân vân</b>	<b>Đồng ý</b>	<b>Rất đồng ý</b>	<b>Tổng</b>
Câu 6	GV sử dụng các phương pháp giảng dạy linh hoạt, phát huy tính tích cực của NH.	Số lượng			7	60	15	82
		Tỷ lệ %			8.4	73.2	24.4	100
Câu 7	GV tạo động lực để thúc đẩy việc tự học, tự nghiên cứu của SV.	Số lượng			2	60	20	82
		Tỷ lệ %			2.4	73.2	24.4	100
Câu 8	Hoạt động giảng dạy của GV gắn với định hướng nghề nghiệp cho SV.	Số lượng				62	20	82
		Tỷ lệ %				75.6	24.4	100

**DANH MỤC BẢNG BIỂU TRONG BÁO CÁO TĐG CT CNBTTH**  
(Từ tiêu chí 6 – 11)

**Bảng 6.1: Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT**

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu		GV thỉnh giảng trong nước
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	
1	Giáo sư	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư/ Nghệ sĩ nhân dân/ nghệ sĩ ưu tú	0/0/0	0/0/0	0	0
3	TS	0	0	0	0
4	ThS	5	5	1	0
5	Đại học	0	0	0	0
6	<b>Tổng số</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>1</b>	<b>0</b>

**Bảng 6.1.1. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi**

ST T	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	TS	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	ThS	5	100	2	3	0	4	1	0	0
5	Cử nhân	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng</b>	<b>04</b>	<b>100</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Bảng 6.1.2: Tỷ lệ GV/SV của CNBTTH**

Năm học	Tổng số GV cơ hữu ngành BTTH	Tổng số SV ngành BTTH	Tỷ lệ GV/SV ngành BTTH
2019-2020	2	69	2/69
2020-2021	2	68	2/68
2021-2022	2	69	2/69
2022-2023	1	78	1/78
2023-2024	1	82	1/82

Ghi chú: GV cơ hữu CNBTTH tính theo số lượng GV cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT CNBTTH

**Bảng 6.2. Thành tích thi đua và khen thưởng của GV KTH (2019-2024)**

Năm học	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	Bảng khen của Bộ trưởng Bộ VHTTDL	Các giải thưởng
2019-2020	1	0	0	0
2020-2021	1	1	0	0
2021-2022	0	0	0	0
2022-2023	1	0	0	0
2023-2024	1	0	0	0

**Bảng 6.3. Bảng thống kê số lượng các đề tài nghiên cứu các cấp của GV KTH (2019 - 2024)**

Năm hoàn thành	Cấp cơ sở	Cấp bộ	Cấp nhà nước	Tổng số
2019-2020	0	0	0	0
2020-2021	1	0	0	1
2021-2022	1	0	0	1
2022-2023	4	0	0	4
2023-2024	2	0	0	2
<b>Tổng số</b>	8	0	0	8

**Bảng 6.4. Bảng thống kê số lượng các bài báo được công bố của GV KTH  
(2019 - 2024)**

STT	Phân loại tạp chí	Hệ số*	Số lượng					Tổng
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí Khoa học quốc tế uy tín SCIE/Scopus)	1,5	0	0	0	0	0	0
2	Tạp chí Khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	1	0	2	0	2	2.5

\*Hệ số: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh GS Nhà nước.

**Bảng 6.5. Bảng đối sánh giờ NCKH của cán bộ GV KTH giai đoạn 2019-2024**

Năm học	Tổng giờ NCKH quy định	Tổng giờ NCKH đã hoàn thành	Còn thiếu
2019-2020	580/người	580/người	
2020-2021	580/người	580/người	
2021-2022	580/người	580/người	
2022-2023	580/người	1091/người	
2023-2024	580/người	2021/ người	

**Bảng 8.1: Thống kê tình hình nhập học của NH năm thứ nhất  
(từ năm 2019 đến 2024)**

Năm học	Ứng viên				
	Số lượng nộp đơn dự tuyển	Số lượng trúng tuyển	Số lượng nhập học	Điểm chuẩn	Điểm trung bình của TS trúng tuyển
2019 – 2020	47	20	14	14.50	19.32
2020 -2021	61	25	21	18.70	20.97
2021 -2022	46	19	18	16.00	19.73
2022 -2023	59	23	22	15.00	20.14
2023 -2024	55	23	23	16.00	21.04

**Bảng 8.2: Thống kê số NH đang học CTĐT CNBTTH  
(từ năm 2019 đến 2024)**

Năm học	NH					Tổng số
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ Ba	Năm thứ tư	Năm tiếp theo	
2019 – 2020 (K39)	14	14	17	16		
2020 -2021 (K40)	21	22	22	22		
2021 -2022 (K41)	18	19	19			
2022 -2023 (K42)	22	22				
2023 -2024 (K43)	23	24				

**Bảng 9.1. Thống kê các tài liệu học tập tại thư viện Trường ĐHSKĐAHN**

Loại tài liệu	Thống kê qua các năm				
	2019	2020	2021	2022	2023
Sách	3/57 cuốn sách	4/60 cuốn sách	3/ 64 cuốn sách	5/ 67 cuốn sách	7/ 72 cuốn sách
Bài tốt nghiệp	33	19	18	15	20

**Bảng 9.2. Thống kê các tài liệu học tập tại văn phòng KTH**

Loại tài liệu	Thống kê qua các năm				
	2019	2020	2021	2022	2023
Sách	3/ 20 cuốn sách	4/ 23 cuốn sách	3/ 27 cuốn sách	5/ 32 cuốn sách	7/ 37 cuốn sách
Bài tốt nghiệp	33	19	18	15	20

**Bảng 11.1. Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ thôi học của SV CNBTTH từ khóa tuyển sinh 2019 đến 2024.**

Khóa	Tổng số sinh viên	Tỷ lệ SV tốt nghiệp (%)	Thời gian tốt nghiệp trung Bình	Số lượng SV chưa tốt nghiệp	Số lượng SV thôi học theo năm				
					1	2	3	4	Tổng
K39 (2019 - 2023)	13	92.9%	4 năm	1	0	0	0	1	1
K40 (2020 - 2024)	20	95.2%	4 năm	1	0	0	0	1	1
K41 (2021 - 2025)	18				0	0	0		
K42 (2022 - 2026)	22				0	0			
K43 (2023 - 2027)	23				0				



			điều của Luật giáo dục ĐH Luật giáo dục Số 43/2019/QH14 ngày 14/06/2019		
2	H1.01.01.02	Sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định 731/QĐ-SKĐAHN ngày 02/08/2022 về việc công bố Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi, khẩu hiệu, triết lý giáo dục của Trường ĐHSKĐAHN	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT& ĐBCLGD
3	H1.01.01.03	Mục tiêu đào tạo chương trình BTTH (CTĐT chi tiết năm 2018)	QĐ1183/QĐ-SKĐAHN ngày 31/10/2018 về việc Ban hành CTĐT chi tiết trình độ ĐH hệ chính quy (Ngành/chuyên ngành: Biên kịch ĐA-TH/BTTH)	Trường ĐHSKĐAHN	KTH Phòng ĐTQLKH &HTQT
4	H1.01.01.04	Mục tiêu đào tạo chương trình BTTH (điều chỉnh sau năm 2019 trong Bản mô tả CTĐT 2023)	QĐ 893/QĐ-SKĐAHN ngày 31/8/2023 quyết định ban hành bản mô tả CTĐT về bộ ĐCCT môn học/HP trình độ ĐH	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH & HTQT
5	H1.01.01.05		Số 78/QĐ-TTg ngày 14/1/2022 quyết định phê duyệt chương trình "Phát triển hệ thống bảo	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH & HTQT KTH

			Xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT CNBTTH năm 2023  Quyết định thay đổi CTĐT CNBTTH năm 2023	đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục ĐH và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022-2030”  1341/QĐ-SKĐAHN ngày 15/11/2022 về việc thành lập tổ công tác, về rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT và CDR các ngành, chuyên ngành đào tạo QĐ893/QĐ - SKĐAHN ngày 31/8/2023 quyết định ban hành bản mô tả CTĐT về bộ ĐCCT môn học/HP trình độ ĐH		
	6	H1.01.01.06	Phiếu lấy ý kiến các BLQ về CTĐT CNBTTH	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
<b>Tiêu chí 1.2</b>	1	H1.01.02.01.	Kế hoạch hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT	Kế hoạch số 284/KH-SKĐAHN ngày 17/6/2022 về rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT trình độ ĐH hệ chính quy năm 2022 của Trường ĐHSKĐAHN	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH & HTQT
	2	H1.01.02.02.	Bản mô tả/đề cương CTĐT và bản mô tả/đề cương môn học/HP;	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH

			ma trận các kỹ năng CDR trong CTĐT năm 2023			
	3	H1.01.02.03.	Mục tiêu các môn học trong CTĐT năm 2019	Bản mô tả CTĐT năm 2023	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	4	H1.01.02.04.	Tổng hợp KQHT của SV	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT KTH
	5	H1.01.02.05	Phiếu khảo sát nội dung CTĐT dành cho GV, nhà Khoa học, cán bộ quản lý trong lĩnh vực đào tạo liên quan đến KTH (CNBTTH)	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
			Tổng hợp kết quả khảo sát việc làm và chất lượng khóa học dành cho cựu SV CNBTTH	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
<b>Tiêu chí 1.3</b>	1	H1.01.03.01	Hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT đáp ứng CDR	Kế hoạch số 284/KH-SKĐAHN ngày 17/6/2022 về rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT trình độ ĐH hệ chính quy năm 2022 của Trường ĐHSKĐAHN	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT
	2	H1.01.03.02	Phiếu lấy kiến đóng góp của cựu SV và NTD về CTĐT	Giai đoạn 2019 – 2024 [H01.01.02.05 DC]	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	3	H1.01.03.03	Khảo sát thực trạng nhân lực nghề BTTH trên thị trường	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH

	4	H1.01.03.04	Điều chỉnh bổ sung CDR CTĐT	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	5	H1.01.03.05	Sổ tay sinh viên; đường link website để xem các thông tin về CDR	<a href="http://skda.edu.vn/">http://skda.edu.vn/</a>	Trường ĐHSKĐAHN	Website Trường
<b>Tiêu chuẩn 2</b>	<b>2</b>					
<b>Tiêu chí 2.1</b>	1	H2.02.01.01	Bảng so sánh CTĐT trước năm 2018 CTĐT sau năm 2018, những bổ sung, chỉnh sửa liên quan đến CTĐT CNBTTH	Bản mô tả CTĐT CNBTTH năm 2023 [H01.01.02.01 DC]	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT KTH
	2	H2.02.01.02	Bản mô tả CTĐT CNBTTH 2023	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; KTH
	3	H2.02.01.03	Phiếu lấy ý kiến của các BLQ đến CTĐT  Bảng tổng hợp ý kiến xây dựng CTĐT năm 2023	Giai đoạn 2019 – 2024 [H01.01.02.05 DC]	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
<b>Tiêu chí 2.2</b>	1	H2.02.02.01	Quy trình xây dựng đề cương môn học	Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT quy định về Chuẩn CTĐT, xây	Bộ GD&ĐT	

				dụng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH Số 247/QĐ-SKDAH N ngày 7/4/2022 quyết định về việc ban hành hệ thống biểu mẫu, văn bản về công tác đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHSKĐAHN		
	2	H2.02.02.02	ĐCCT các môn học/HP thuộc CNBTTH	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; KTH
	3	H2.02.02.03	Phiếu lấy ý kiến của các BLQ đến CTĐT	Giai đoạn 2019 – 2024 [H01.01.02.05 DC]	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; KTH H2.02.01.04
<b>Tiêu chí 2.3</b>	1	H2.02.03.01	Bản mô tả CTĐT; hệ thống ĐCCT các HP	<a href="http://skda.edu.vn/">http://skda.edu.vn/</a>	Trường ĐHSKĐAHN	Ban quản trị Website
	2	H2.02.03.02	Phiếu phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV (về việc công bố đề cương môn học/ HP) và những kết quả khảo sát hằng năm cho thấy SV đánh giá cao về hoạt động này của GV KTH	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH

<b>Tiêu chuẩn 3</b>	<b>3</b>					
<b>Tiêu chí 3.1</b>	1	H3.03.01.01	Xây dựng CTDH dựa trên CDR	Biên bản họp Bộ môn BTTH về việc xây dựng CTDH dựa trên CDR ngày 20/3/2023 Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT của KTH về việc xây dựng CTDH dựa trên CDR ngày 12/4/2023	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	2	H3.03.01.02	Phiếu lấy ý của các BLQ về CTDH; (Thông báo, phiếu khảo sát về việc xin ý kiến góp ý để điều chỉnh, rà soát CTĐT)	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	3	H3.03.01.03	ĐCCT các môn học/HP thuộc CNBTTH	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	4	H3.03.01.04	Ma trận kỹ năng Hồ sơ giảng dạy của GV Tài liệu bài giảng	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	5	H3.03.01.05	Bản mô tả CTĐT; Sơ đồ cấu trúc CTDH trình độ cử nhân CNBTTH năm 2023 phân theo nội dung (kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH

			chuyên ngành, bài tốt nghiệp; Sơ đồ cấu trúc CTDH trình độ cử nhân CNBTTH năm 2023 phân theo thời gian (học kỳ)			
	6	H3.03.01.06	Bản mô tả môn học/HP	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	7	H3.03.01.07	Kế hoạch giảng dạy	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
<b>Tiêu chí 3.2</b>	1	H3.03.02.01	Bản mô tả CTDH; Bản mô tả môn học/HP; Sơ đồ/ kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH; Ma trận các kỹ năng.	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	2	H3.03.02.02	ĐCCT các môn học/HP; Hồ sơ GV. Ngân hàng câu hỏi thi/ đề thi.	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	3	H3.03.02.03	KQHT của các khóa CNBTTH - Tổng hợp phiếu và ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH & HTQT KTH

<b>Tiêu chí 3.3</b>						
1	H3.03.03.01	Bản mô tả CTDH và bản mô tả môn học/HP; Sơ đồ cấu trúc CTDH phân theo nội dung Sơ đồ cấu trúc CTDH phân theo thời gian	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; KTH	
2	H3.03.03.02	Sơ đồ/ kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH. Ma trận kỹ năng	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH; Phòng ĐTQLKH&HTQT	
3	H3.03.03.03	Rà soát, điều chỉnh CTDH. Một số nội dung CTĐT của CNBTTH trước và sau điều chỉnh năm 2018	Bản mô tả CTĐT CNBTTH năm 2023 Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH; Phòng ĐTQLKH&HTQT	
4	H3.03.03.04	Bảng đối sánh CTĐT với hai Trường đại học quốc tế	Bản mô tả CTĐT CNBTTH 2023	Trường ĐHSKĐAHN	KTH	

<b>Tiêu chuẩn 4</b>	<b>4</b>					
<b>Tiêu chí 4.1</b>	1	H4.04.01.01	Quyết định về việc công bố triết lý giáo dục của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;	[H01.01.01.02DC]	ĐH SKĐAHN	skda.edu.vn
	2	H4.04.01.02	ĐCCT các môn học/HP	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH; Phòng ĐTQLKH&HTQT
	3	H4.04.01.03	Triết lý giáo dục của Trường; Bản mô tả CTĐT, CĐR, ĐCCT các môn học/HP CNBTTH	[H01.01.01.02DC] Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH Phòng ĐTQLKH&HTQT
	4	H4.04.01.04	Lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV.	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	1	H4.04.02.01	CTĐT CNBTTH	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	2	H4.04.02.02	Rà soát, cập nhật CTĐT; đổi mới phương pháp giảng dạy	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT KTH

<b>Tiêu chí 4.2</b>	3	H4.04.02.03	Bản mô tả CTĐT CNBTTH 2023	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT KTH
	4	H4.04.02.04	Bản đối sánh CTĐT trước và sau 2018	Bản mô tả CTĐT CNBTTH 2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT KTH
	5	H4.04.02.05	Danh sách GV,	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường	KTH
			Kế hoạch giảng dạy CNBTTH		ĐHSKĐAHN	
	6	H4.04.02.06	Sơ đồ bố trí các môn học theo học kỳ Bản mô tả môn học/HP	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	7	H4.04.02.07	Kế hoạch giảng dạy của GV; sổ tay GV; nhật ký giảng dạy...	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	8	H4.04.02.08	Phiếu lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV	Giai đoạn 2019 – 2024 [H04.04.01.04 DC]	Trường ĐHSKĐAHN	KTH; Phòng KT&ĐBCLGD
	9	H4.04.02.09	Thông báo phát động và trao giải cuộc thi tài năng SV KTH	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH

<b>Tiêu chí 4.3</b>	1	H4.04.03.01	Bản mô tả CTĐT/môn học/HP; ĐCCT các môn học; Bài thi hết HP các môn học của SV CNBTTH	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐH SKĐA HN	KTH
	2	H4.04.03.02	ĐCCT các HP	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐH SKĐA HN	KTH
	3	H4.04.03.03	Phiếu lấy ý kiến NH đối với các GV	Giai đoạn 2019 – 2024 [H04.04.01.04 DC]	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng KT&ĐBCLGD
	4	H4.04.03.04	Hoạt động ngoại khóa của SV	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường	Đoàn TNCS HCM
			CNBTTH đối với công tác Đoàn TNCS HCM		ĐH SKĐA HN	
	5	H4.04.03.05	Danh mục sách, tài liệu tham khảo của CNBTTH được bổ sung qua các năm	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐH SKĐA HN	TTTTTV
	6	H4.04.03.06	Thông báo phát động và Trao giải Cuộc thi Tài năng sinh viên KTH	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐH SKĐA HN	KTH
	7	H4.04.03.07	Phiếu lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV	Giai đoạn 2019 – 2024 [H04.04.01.04 DC]	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng KT&ĐBCLGD

	8	H4.04.03.08	Kết quả khảo sát việc làm của SV CNBTTH sau khi ra trường qua phiếu lấy ý kiến khảo sát	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
<b>Tiêu chuẩn 5</b>	<b>5</b>					
<b>Tiêu chí 5.1</b>	1	H5.05.01.01	Các quy định, quy chế về tuyển sinh của CNBTTH Đề án tuyển sinh riêng	Đề án TS từ năm 2019 đến 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; KTH
	2	H5.05.01.02	Thông báo tuyển sinh hệ đào tạo Vừa làm vừa học, văn bằng 2	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT KTH
	3	H5.05.01.03	Quy chế đào tạo trình độ Đại học  Kế hoạch ĐBCL giáo dục từng năm học	Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 ban hành Quy chế đào tạo trình độ Đại học Số 1096/QĐ-SKĐAHN ngày 16/11/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHSKĐAHN số 909/QĐ-SKĐAHN ngày 11/9/2023 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHSKĐAHN	BGD&ĐT  Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD

				Quyết định 597/QĐ/SKĐAHN ngày 30/6/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHKĐAHN về việc ban hành quy định ĐBCL giáo dục đại học của Trường ĐHKĐAHN		
	4	H5.05.01.04	Bản mô tả CTĐT ĐCCT các môn học/HP	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHKĐAHN	KTH
	5	H5.05.01.05	Hướng dẫn thực tập, đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp	Số 1096/QĐ-SKĐAHN ngày 16/11/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHKĐAHN Số 909/QĐ-SKĐAHN ngày 11/9/2023 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHKĐAHN	Trường ĐHKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; KTH
	1	H5.05.02.01	Quy chế đào tạo trình độ ĐH	Số 1096/QĐ-SKĐAHN ngày 16/11/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHKĐAHN Số 909/QĐ-SKĐAHN ngày 11/9/2023 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHKĐAHN	Bộ GD&ĐT	

<b>Tiêu chí 5.2</b>	2	H5.05.02.02	Bản mô tả CTĐT CNBTTH	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐH SKĐA HN	KTH
	3	H5.05.02.03	ĐCCT môn học/ HP	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng ĐT QLKH & HTQT KTH
	4	H5.05.02.04	Sổ tay SV	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng CTHSSV; KTH
	5	H5.05.02.05	Tổng hợp khảo sát ý kiến phản hồi của NH về hoạt động của GV	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng KT & ĐBCLGD
<b>Tiêu chí 5.3</b>	1	H5.05.03.01	Phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của NH theo quy định	Quyết định 814/QĐ/BGDĐT ngày 14/3/2024 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành kế hoạch triển khai Quyết định số 78/QĐ – TTg ngày 14/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chương trình “Phát triển hệ thống đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2020 – 2030” năm 2024, 2025  Kế hoạch 214/KH -SKĐA HN của Hiệu trưởng Trường	BGD&ĐT  Trường ĐH SKĐA HN	Phòng KT & ĐBCLGD

				DHSCĐAHN về việc triển khai Quyết định số 78/QĐ – TTg ngày 14/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chương trình “Phát triển hệ thống đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2020 – 2030”		
	2	H5.05.03.02	Bài thi hết môn, Bài tốt nghiệp của SV CNBTTH ĐCCT các HP	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSCĐAHN	KTH
	3	H5.05.03.03	Biên bản đánh giá đề thi của bộ môn; các bộ câu hỏi thi được duyệt	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSCĐAHN	KTH
	4	H5.05.03.04	Ngân hàng câu hỏi thi, đề thi	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSCĐAHN	KTH Phòng KT&ĐBCLGD
	5	H5.05.03.05	Quy định về chấm thi và kết thúc thi HP trong Quy chế đào tạo	[H05.05.02.01DC]	Trường ĐHSCĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD Phòng ĐTQLKH&HTQT
<b>Tiêu chí 5.4</b>	1	H5.05.04.01	Thông báo KQHT của NH tại bản tin KTH	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSCĐAHN	KTH
	2	H5.05.04.02	Biên bản họp lớp lấy ý kiến phản hồi SV về KQHT	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSCĐAHN	KTH Phòng CTHSSV
	3	H5.05.04.03	Quy định về xét tốt nghiệp và công nhận kết quả tốt nghiệp trong Quy chế đào tạo	[H05.05.02.01DC]	Trường ĐHSCĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT KTH

	4	H5.05.04.04	Công nhận kết quả thi chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định về CĐR	Số 1112/QĐ-SKĐAHN ngày 17/10/2018 quy định về tổ chức giảng dạy và đánh giá CĐR ngoại ngữ cho SV hệ chính quy của Trường ĐHSKĐAHN	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT KTH
<b>Tiêu chí 5.5</b>	1	H5.05.05.01	Giải quyết khiếu nại của NH về KQHT	Quyết định 597/QĐ/SKĐAHN ngày 30/6/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHSKĐAHN về việc ban hành quy định ĐBCL giáo dục đại học của Trường ĐHSKĐAHN	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; Phòng KT&ĐBCLGD
	2	H5.05.05.02	Kết quả xử lý khiếu nại của SV về KQHT	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT KTH
<b>Tiêu chuẩn 6</b>	<b>6</b>					
	1	H6.06.01.01	Quy hoạch đội ngũ GV cho CTĐT CNBTTH	Quyết định số 2971/QĐ-BVHTTDL ngày 01/9/2015 về phê duyệt Đề án Xây dựng Trường ĐHSKĐAHN thành trường trọng điểm quốc gia Quyết định số 84/QĐ-BVHTTDL ngày 09/01/2014 Về Phê duyệt Đề án phát triển Trường ĐHSKĐAHN giai đoạn 2014 - 2020	Bộ VHTT&DL  Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB

	2	H6.06.01.02	Công tác quy hoạch về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo Khoa, Phòng, Bộ môn thuộc Khoa và tương đương thuộc Trường	Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 09/8/2023 của Bộ VHTT&DL về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực VHTT&DL Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 25/3/2024 về việc phê duyệt và ban hành Đề án vị trí việc làm Trường ĐHSKĐAHN	Bộ VHTT&DL  Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	3	H6.06.01.03	Công tác quy hoạch, bồi dưỡng, bổ sung, rà soát cán bộ	Quyết định số 1135/QĐ-SKĐAHN ngày 30/11/2015 về Đề án xây dựng và phát triển đội ngũ GV giai đoạn 2012-2015 và 2017-2022	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH Bộ phận TCCB
	4	H6.06.01.04	Kế hoạch tuyển dụng theo quy trình tuyển dụng của Chính phủ	Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	Chính phủ	Bộ phận TCCB
	5	H6.06.01.05	Đề án vị trí việc làm của Khoa	Quyết định số 1135/QĐ-SKĐAHN ngày 30/11/2015 về	BVHTT&DL	Bộ phận TCCB

				Đề án xây dựng và phát triển đội ngũ GV giai đoạn 2012-2015 và 2017-2022		
	6	H6.06.01.06	Danh sách GV của CNBTTH	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	7	H06.06.01.07	Danh sách các GV chấm dứt hợp đồng, các GV nghỉ chế độ, nghỉ hưu và các chế độ phúc lợi xã hội	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	1	H6.06.02.01	Danh sách các GV cơ hữu Danh sách và Sơ yếu lý lịch các GV thỉnh giảng giảng dạy CNBTTH	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB KTH
<b>Tiêu chí 6.2</b>	2	H6.06.02.02	Quy trình bổ nhiệm lãnh đạo	Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 09/8/2023 của Bộ VHTT&DL về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực VHTT&DL Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB

				25/3/2024 về việc phê duyệt và ban hành Đề án vị trí việc làm Trường ĐHSKĐAHN		
	3	H6.06.02.03	Chế độ làm việc của GV	Số 1415/ QĐ-SKĐAHN ngày 8/12/2020 quyết định về việc ban hành quy định chế độ làm việc của GV Số 1252/QĐ-SKĐAHN ngày 16/12/2021 về việc điều chỉnh nội dung Quy định chế độ làm việc của GV	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	4	H6.06.02.04	Quy định về NCKH đối với giảng viên	[H06.06.02.03DC]	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH Bộ phận TCCB
	5	H6.06.02.05	Phiếu đánh giá Phân loại viên chức	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB KTH
	6	H6.06.02.06	Biên bản giao, nhận nhiệm vụ GV của KTH	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	7	H6.06.02.07	Danh sách GV đạt danh hiệu theo xếp loại thi đua	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB KTH

	8	H6.06.02.08	Danh sách GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, Bằng khen các cấp	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB KTH
	9	H6.06.02.09	Phiếu đánh giá phản hồi của NH về chất lượng giảng dạy của GV	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
<b>Tiêu chí 6.3</b>	1	H6.06.03.01	Quy định về việc tuyển dụng Viên chức	Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	2	H6.06.03.02	Tiêu chí, quy trình tuyển dụng viên chức	Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	3	H6.06.03.03	Danh sách các GV ký hợp đồng sau mỗi kỳ thi tuyển dụng	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	4	H6.06.03.04	Thành lập Hội đồng sát hạch GV (Hội đồng dự giờ giảng)	Quyết định số 430/QĐ-SKĐAHN 18/5/2020 về việc thành lập Hội đồng sát hạch GV	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	5	H6.06.03.05	Danh sách phân công GV hướng dẫn tập sự	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	6	H6.06.03.06	Quyết định tuyển dụng các GV mới bổ dụng về Khoa TH thuộc CNBTTH	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB KTH

	7	H6.06.03.07	Quy hoạch cán bộ từng giai đoạn	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
<b>Tiêu chí 6.4</b>	1	H6.06.04.01	Hồ sơ lý lịch GV	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	2	H6.06.04.02	Hồ sơ năng lực GV	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	3	H6.06.04.03	Danh sách thống kê NCKH của các GV KTH	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH Bộ phận TCCB
	4	H6.06.04.04	Đề án vị trí việc làm	Quyết định số 1135/QĐ-SKĐAHN ngày 30/11/2015 về Đề án xây dựng và phát triển đội ngũ GV giai đoạn 2012-2015 và 2017-2022	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH Bộ phận TCCB
	5	H6.06.04.05	Quy định về các tiêu chí đánh giá phân loại viên chức	Quyết định số 927/QĐ-BVHTTDL ngày 12/4/2023 của Bộ trưởng Bộ VHTT&DL ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ VHTT&DL	Bộ VHTT&DL	Bộ phận TCCB



				<p>Ban hành quy chế Quản lý đào tạo, bồi dưỡng nhân lực văn hóa nghệ thuật ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước theo quyết định 1437</p> <p>Quyết định 660/QĐ-BVHTTDL ngày 19/3/2024 của Bộ trưởng Bộ VHTT&amp;DL về việc tuyển chọn và cử ứng viên đi đào tạo ở nước ngoài năm 2024</p> <p>Thông báo 207/TB-SKĐAH ngày 16/4/2024 về việc tuyển sinh đi đào tạo dài hạn ở nước ngoài năm 2024 (Đề án 1437)</p>	<p>Trường ĐHSKĐAHN</p>	
	2	H6.06.05.02	Các quy định về khen thưởng, NCKH, Hội thảo trong nước và nước ngoài...	<p>Quyết định 28/QĐ-SKĐAHN ngày 10/1/2024 về việc Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHSKĐAHN</p>	<p>Trường ĐHSKĐAHN</p>	Bộ phận Tài vụ
<b>Tiêu chí 6.6</b>	1	H6.06.06.01	Đề án vị trí việc làm	<p>Quyết định số 1135/QĐ-SKĐAHN ngày 30/11/2015 về Đề án xây dựng và phát triển đội ngũ GV giai đoạn 2012-2015 và 2017-2022</p>		

	2	H6.06.06.02	Phiếu lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH Phòng KT&ĐBCLGD
	3	H6.06.06.03	Kế hoạch giảng dạy của GV	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH & HTQT KTH
	4	H6.06.06.04	Các biên bản họp bình xét khen thưởng tại KTH	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH Bộ phận TCCB
	5	H6.06.06.05	Danh sách các GV được khen thưởng	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB KTH
<b>Tiêu chí 6.7</b>	1	H6.06.07.01	Quy định tổ chức thực hiện và quản lý đề tài NCKH	Quyết định số 411/ QĐ-SKĐAHN ngày 18/5/2020 về việc phê duyệt thực hiện đề tài NCKH và giáo trình cấp cơ sở 2020  Quyết định số 224/ QĐ-SKĐAHN ngày 24/3/2021 về việc phê duyệt thực hiện đề tài NCKH và giáo trình cấp cơ sở 2021  Quyết định số 194/ QĐ-	Trường ĐHSKĐAHN	VSK ĐA

				SKĐAHN ngày 24/3/2022 về việc phê duyệt thực hiện đề tài NCKH và giáo trình cấp cơ sở 2022 Quyết định số 214/ QĐ-SKĐAHN ngày 10/3/2023 về việc phê duyệt thực hiện đề tài NCKH và giáo trình cấp cơ sở 2021		
2	H6.06.07.02	Đánh giá hoạt động NCKH của GV		Quyết định 1252/QĐ-SKĐAHN ngày 16/12/2021 về việc điều chỉnh nội dung Quy định chế độ làm việc của GV	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
3	H6.06.07.03	Quy định tiêu chuẩn về năng lực, đạo đức trong các hoạt động NCKH		Quyết định số 1055/QĐ-SKĐAHN ngày 15/9/2016 Quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong NCKH của Trường ĐHSKĐAHN	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD H06.06.04.04
4	H6.06.07.04	Quy định đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ		Quyết định số 1054/QĐ-SKĐAHN ngày 15/9/2016 Quy định tạm thời về hoạt động sở hữu trí tuệ cho các đề tài NCKH của Trường ĐHSKĐAHN	Trường ĐHSKĐAHN	VSKĐA

	5	H6.06.07.05	Danh sách nghiệm thu các công trình NCKH của các GV KTH	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	VSKĐA KTH
<b>Tiêu chuẩn 7</b>	<b>7</b>					
<b>Tiêu chí 7.1</b>	1	H7.07.01.01	Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường (Phần phát triển đội ngũ)	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	2	H7.07.01.02	Đề án vị trí việc làm	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	3	H7.07.01.03	Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Nhà trường	Thông báo 495/TB-SKĐAHN ngày 11/11.2021 về việc tuyển dụng viên chức 2021 Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	4	H7.07.01.04	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSKĐAHN	Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 24/11/2023 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSKĐAHN	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	5	H7.07.01.05	Quy chế chi tiêu nội bộ	Quyết định 28/QĐ-SKĐAHN	Trường	Bộ phận Tài vụ

				ngày 10/1/2024 về việc Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHSKĐAHN	ĐHSKĐAHN	
	6	H7.07.01.06	Chuyển đổi ngạch viên chức	Số 04/2022/TT-BGDĐT ngày 4/3/2022 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 35/2020/ TT-BGDĐT ngày 1/10/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định mã số tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục ĐH công lập	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	7	H7.07.01.07	Danh sách cán bộ được phân công làm trợ lý KTH	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB KTH
	8	H7.07.01.08	Kết quả bình xét thi đua khối phòng chức năng	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
<b>Tiêu chí 7.2</b>	1	H7.07.02.01	Công tác tuyển dụng	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	2	H7.07.02.02	Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên	Số 04/NQ-HĐT ngày 25/3/2024 nghị quyết về việc phê duyệt ban hành Đề án vị trí việc làm Trường ĐHSKĐAHN	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB

	3	H7.07.02.03	Thông báo tuyển dụng được đăng tải trên kênh thông tin đại chúng hoặc web của Trường	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận web trường
	4	H7.07.02.04	Bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên theo Quy hoạch cán bộ từng giai đoạn	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	5	H7.07.02.05	Hồ sơ nâng ngạch chuyên viên lên chuyên viên chính	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	6	H7.07.02.06	Quyết định điều động, luân chuyển nhân sự KTH	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
<b>Tiêu chí 7.3</b>	1	H7.07.03.01	Bản đăng ký thi đua hàng năm	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	2	H7.07.03.02	Đánh giá kết quả thực hiện năm học	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	3	H7.07.03.03	Thông báo về việc lấy ý kiến góp ý của các đơn vị trước khi ban hành mới quy chế thi đua, khen thưởng	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	4	H7.07.03.04	Danh sách NV đạt các danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua, Bằng khen	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	5	H7.07.03.05	Danh sách cán bộ quản lý các phòng chức năng tham gia giảng dạy	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB

<b>Tiêu chí 7.4</b>	1	H7.07.04.01	Thông báo tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	2	H7.07.04.02	Danh mục các khóa học, đào tạo, tập huấn và danh sách đội ngũ nhân viên của Trường tham gia học tập.	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	3	H7.07.04.03	Quyết định cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tập huấn và hỗ trợ kinh phí theo quy chế chi tiêu nội bộ	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	4	H7.07.04.04	Danh sách NV tham gia các khóa học được cấp chứng chỉ và khai bổ sung sơ yếu lý lịch.	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	5	H7.07.04.05	Danh sách các nội dung cần bồi dưỡng NV theo phân bổ ngân sách đào tạo	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	6	H7.07.04.06	Danh sách NV được cấp bằng ThS, TS đủ tiêu chuẩn thi nâng ngạch	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
<b>Tiêu chí 7.5</b>	1	H7.07.05.01	Bản mô tả vị trí công việc	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH Bộ phận TCCB
	2	H7.07.05.02	Quy chế thi đua khen thưởng	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB

	3	H7.07.05.03	Biên bản phân công công việc của các NV KTH	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	4	H7.07.05.04	Nhận xét của Lãnh đạo KTH trong biên bản Tự đánh giá	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	5	H7.07.05.05	Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng của Trường	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	6	H7.07.05.06	Quy trình, biểu mẫu bình xét danh hiệu thi đua	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	7	H7.07.05.07	Danh sách nhân viên được nhận các danh hiệu thi đua hằng năm và được tăng lương trước niên hạn	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	8	H7.07.05.08	Thông báo lấy ý kiến đóng góp cho Quy chế thi đua khen thưởng; biên bản tổng hợp góp ý cho dự thảo quy chế thi đua trước khi ban hành.	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	9	H7.07.05.09	Báo cáo thanh tra nhân dân hằng năm	Giai đoạn 2019 – 2024	Ban Thanh tra nhân dân	Bộ phận TTND
<b>Tiêu chuẩn 8</b>	<b>8</b>					
<b>Tiêu chí 8.1</b>	1	H8.08.01.01	Đề án tuyển sinh	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT
	2	H8.08.01.02	Thông tin tuyển sinh	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	<a href="http://skda.edu.vn/">http://skda.edu.vn/</a>

	3	H8.08.01.03	Thông báo mở lớp Giải đáp thắc mắc KTH Thông báo mở lớp Giải đáp thắc mắc của Công đoàn Trường ĐHSKĐAHN	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH Công đoàn Trường ĐHSKĐAHN
	4	H8.08.01.04	Tổ chức hướng dẫn, hướng nghiệp tại trường cho các Trường PTTH	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	5	H8.08.01.05	Biên bản họp rút kinh nghiệm công tác tuyển sinh hằng năm	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT
<b>Tiêu chí 8.2</b>	1	H8.08.02.01	Quy chế tuyển sinh ĐH	Thông tư 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 02 năm 2019 sửa đổi một số điều của Thông tư 06/2018 TT-BGDĐT ngày 28/2/2018 của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên, trình độ đại học, ThS, TS	BGD&ĐT	Phòng ĐTQLKH&HTQT
	2	H8.08.02.02	Đề án tuyển sinh của Trường ĐHSKĐAHN	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT

	3	H8.08.02.03	Quyết định thành lập HĐTS, Ban thư ký, Ban coi thi, Ban thanh tra tuyển sinh	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT Bộ phận TCCB
	4	H8.08.02.04	Tập huấn công tác tuyển sinh	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT Bộ phận TCCB
	5	H8.08.02.05	Biên bản họp HĐTS để rà soát, đánh giá rút kinh nghiệm	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT
	6	H8.08.02.06	Thông báo về Kết quả tuyển sinh	<a href="http://skda.edu.vn/">http://skda.edu.vn/</a>	Trường ĐHSKĐAHN	Ban Quản trị web
	7	H8.08.02.07	Hồ sơ của Ban Thanh tra tuyển sinh	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
<b>Tiêu chí 8.3</b>	1	H8.08.03.01	Quy chế đào tạo ĐH	Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 ban hành quy chế đào tạo trình độ ĐH [H05.05.02.01DC]	BGD&ĐT	Phòng ĐTQLKH&HTQT
	2	H8.08.03.02	Quy định về tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết thúc HP, công bố điểm CDR ngoại ngữ	Số 1112/QĐ-SKĐAHN ngày 17/10/2018 quy định về tổ chức giảng dạy và đánh giá CDR	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT

			ngoại ngữ cho SV hệ chính quy của Trường ĐHSKĐAHN		
3	H8.08.03.03	Danh sách SV KTH được khen thưởng	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
4	H8.08.03.04	Quy định về kiểm tra nề nếp giảng đường	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
5	H8.08.03.05	Báo cáo nhanh tình hình học tập giảng dạy được công bố trong cuộc họp giao ban hằng tháng. Kết luận các cuộc họp giao ban hằng tháng	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
6	H8.08.03.06	Thời khóa biểu theo kỳ học của KTH	Giai đoạn 2019 – 2024	Phòng ĐTQLKH&HTQT	KTH
7	H8.08.03.07	Sổ tay SV; Thông báo học Tuần giáo dục công dân	Giai đoạn 2019-2024	BGD&ĐT Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
8	H8.08.03.08	Hội nghị đối thoại giữa NH với lãnh đạo nhà trường	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
9	H8.08.03.09	Lưu trữ KQHT	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; KTH
10	H8.08.03.10	Bảng tổng hợp điểm toàn khóa	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; KTH

<b>Tiêu chí 8.4</b>	1	H8.08.04.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường	Số 07/NQ-HĐT ngày 24/11/2023 nghị quyết về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH Bộ phận TCCB
	2	H8.08.04.02	Báo cáo công tác Đoàn TNCSHCM Sổ ghi chép của GVCN Quyết định bổ nhiệm trợ lý KTH	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Đoàn TNCSHCM Bộ phận TCCB KTH
	3	H8.08.04.03	Quyết định bổ nhiệm GVCN của KTH	Số 841/QĐ-SKĐAHN ngày 14/8/2024 quyết định về việc bổ nhiệm chức danh chủ nhiệm lớp cho các chuyên ngành thuộc KTH	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB KTH
	4	H8.08.04.04	Quyết định phân công cán bộ lớp	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHTSSV
	5	H8.08.04.05	Tổ chức tuần sinh hoạt công dân	Số 461/KH - SKĐAHN ngày 19/8/2024 về việc Tổ chức tuần sinh hoạt công dân – SV năm học 2024-2025 Chương trình đầu khóa học	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHTSSV KTH
	6	H8.08.04.06	Cung cấp Sổ tay SV	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHTSSV
	7	H8.08.04.07	Lịch đón tiếp SV khóa mới	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHTSSV

	8	H8.08.04.08	Hỗ trợ học bổng	Quyết định số 530/QĐ-SKĐAHN ngày 1/6/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHSKĐAHN về việc ban hành quy chế công tác SV trình độ đại học chính quy	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	9	H8.08.04.09	Miễn giảm học phí theo quy định của Nhà nước	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	10	H8.08.04.10	Báo cáo tổng kết đánh giá việc làm của SV sau khi tốt nghiệp	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV KTH
	11	H8.08.04.11	Thông báo các buổi chiếu phim học tập hàng tuần của KTH Các buổi học tập thực tế tại Đài Truyền hình Việt Nam	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	12	H8.08.04.12	Sổ tay GV Biên bản họp KTH	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	13	H8.08.04.13	Danh sách SV được khen thưởng của KTH	Giai đoạn 2019 – 2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	14	H8.08.04.14	Hội nghị đối thoại giữa NH với lãnh đạo nhà trường	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	15	H8.08.04.15	Giới thiệu các Chương trình tuyển dụng việc làm cho SV	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	16	H8.08.04.16	Danh sách cá nhân, tập thể lớp được khen thưởng KTH	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH Phòng CTHSSV

<b>Tiêu chí 8.5</b>	1	H8.08.05.01	Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng	Bảng giới thiệu sơ đồ Trường Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH Bộ phận HCQT
	2	H8.08.05.02	Giải bóng đá, các chương trình giao lưu văn nghệ của Đoàn TNCSHCM	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐH SKĐA HN	Đoàn TNCSHCM
	3	H8.08.05.03	Các pano, băng rôn, hình ảnh về nội quy, quy định dành cho NH, NV tại các khu giảng đường	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH Bộ phận HCQT
	4	H8.08.05.04	Phòng chăm sóc y tế của Trường	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng CTHSSV
	5	H8.08.05.05	Danh sách SV đóng bảo hiểm y tế và khám bảo hiểm sức khỏe định kỳ hàng năm	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng CTHSSV
	6	H8.08.05.06	Kế hoạch tổ chức phun thuốc muỗi, các biện pháp khử khuẩn phòng chống dịch	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH Bộ phận HCQT
	7	H8.08.05.07	Kế hoạch tập huấn PCCC cho NV	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH Bộ phận QT
	8	H8.08.05.08	Nội quy giảng đường, phòng thực hành, phòng chiếu phim, TTTT TV	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH Bộ phận HCQT
	9	H8.08.05.09	Các phòng thực hành của Trung tâm thực hành Sân khấu – Điện ảnh	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐH SKĐA HN	Trung tâm thực hành Sân khấu – Điện ảnh

	10	H8.08.05.10	Hội nghị đối thoại giữa NH với lãnh đạo nhà trường	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
<b>Tiêu chuẩn 9</b>	<b>9</b>					
<b>Tiêu chí 9.1</b>	1	H9.09.01.01	Diện tích trường, số lượng phòng học, phòng thực hành, TTTTTV, các văn phòng khoa, các phòng chức năng	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH Bộ phận HCQT
	2	H9.09.01.02	Văn phòng KTH	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	3	H9.09.01.03	Các phòng chiếu phim, trường quay, phòng chụp ảnh, phòng dựng phim	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Trung tâm thực hành SKĐA Khoa Công nghệ ĐA- TH Khoa Nhiếp ảnh
	4	H9.09.01.04	Bể bơi, sân bóng, nhà thi đấu đa chức năng, ký túc xá	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Khu giáo dục thể chất Phòng CTHSSV
	5	H9.09.01.05	Công khai kinh phí về các kế hoạch xây dựng, nâng cấp, sửa chữa phòng học, phòng chức năng, CSVC trường trong Hội nghị viên chức người lao động hàng năm	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Tài vụ

<b>Tiêu chí 9.2</b>	1	H9.09.02.01	Diện tích mặt bằng TTTTTV	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	TTTSTTV
	2	H9.09.02.02	Danh sách cán bộ biên chế của TTTTTV	Quyết định số 13/2008/QĐ - BVHTTDL ngày 10/3/2008 của Bộ VHTTDL ban hành về Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện trường Đại học.	Trường ĐHSKĐAHN	TTTSTTV
	3	H9.09.02.03	Sơ đồ bí trí thư viện.	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH
	4	H9.09.02.04	Danh sách bổ sung tài liệu, sách báo hằng năm tại TTTTTV	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	TTTSTTV
	5	H9.09.02.05	Sách, tài liệu tham khảo, Đề cương chi tiết các HP thuộc CNBTTH	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	TTTSTTV
	6	H9.09.02.06	Các tài liệu học tập được lưu trữ tại thư viện điện tử	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	TTTSTTV
	7	H9.09.02.07	Hệ thống máy vi tính trong TTTTTV và cách tra cứu	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	TTTSTTV
	1	H9.09.03.01	Sơ đồ phòng thực hành, sàn tập, phòng chiếu phim, Trung tâm thực hành SK- ĐA	Trong sơ đồ trường Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận HCQT
	2	H9.09.03.02	Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng	Trong sơ đồ trường Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận HCQT

<b>Tiêu chí 9.3</b>	3	H9.09.03.03	Thống kê danh mục trang thiết bị của phòng thực hành phục vụ đào tạo và NCKH	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận HCQT
	4	H9.09.03.04	Danh sách các phòng thực hành mà KTH sử dụng. Thống kê danh mục trang thiết bị trường quay, phòng chụp ảnh, phòng dựng phim, phòng chiếu phim	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	5	H9.09.03.05	Tài liệu hướng dẫn, quy định của phòng thực hành Sổ ghi chép giám sát thực hành	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận HCQT Trung tâm thực hành SK - ĐA
	6	H9.09.03.06	Kế hoạch tập huấn PCCC cho NV	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận HCQT
	7	H9.09.03.07	Quy định về quản lý và khai thác trang thiết bị thực hành. Kế hoạch công tác tháng của bộ phận HCQT Nhật ký sử dụng trang thiết bị phòng thực hành	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận HCQT
	8	H9.09.03.08	Kế hoạch và thông báo đến các đơn vị trong toàn Trường về việc mua sắm trang thiết bị, CSVC Các phiếu đề xuất mua sắm trang thiết bị của KTH	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận HCQT KTH

	9	H9.09.03.09	Báo cáo tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị (tần suất sử dụng, thời gian hoạt động, số giờ vận hành...)	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận HCQT
	10	H9.09.03.10	Tổng hợp kinh phí đã đầu tư mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận HCQT
	11	H9.09.03.11	Phiếu lấy ý kiến phản hồi của NH và các BLQ về phòng thực hành và các trang thiết bị	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận HCQT
	12	H9.09.03.12	Danh mục các trang thiết bị được cập nhật hằng năm	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐA HN	Bộ phận HCQT
<b>Tiêu chí 9.4</b>	1	H9.09.04.01	Danh sách hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm và thiết bị CNTT	Biên bản kiểm kê tài sản năm Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận HCQT
	2	H9.09.04.02	Danh mục máy tính tại TTTTTV đều được kết nối mạng internet	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	TTTTTV
	3	H9.09.04.03	Thư viện điện tử; Sổ sách theo dõi việc vận hành và bảo trì phòng máy tính, phần cứng, phần mềm và các mạng truyền thông, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử.	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	TTTTTV Bộ phận HCQT

	4	H9.09.04.04	Ban biên tập website; Phân công nhiệm vụ; Thành lập Ban quản trị trang thông tin điện tử. Văn bản phân công bộ phận/người phụ trách hệ thống CNTT; Quy chế hoạt động của Trường Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và trang thông tin điện tử, đáp ứng yêu cầu về quản trị mạng.	Quyết định số 962/QĐ/-SKĐAHN ngày 16/9/2019 thành lập Ban quản trị trang thông tin điện tử.	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB Bộ phận quản trị website
	5	H9.09.04.05	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống CNTT trong toàn trường.	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận HCQT
	6	H9.09.04.06	Nội quy sử dụng, sổ sách theo dõi, quản lý và nhật ký sử dụng các trang thiết bị theo quy chuẩn	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận HCQT
	7	H9.09.04.07	Báo cáo đánh giá ngoài Trường ĐHSKĐAHN do Trung tâm KĐCLGD - ĐH QGHN; Báo cáo tài chính (2019 – 2024) dành cho Danh mục máy tính, phần cứng, phần mềm, ... được cập nhật hằng năm	Giai đoạn 2019-2024 Báo cáo tài chính Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD Bộ phận tài vụ

	8	H9.09.04.08	Phiếu lấy ý kiến của NH và các BLQ về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	9	H9.09.04.09	Danh sách SV tốt nghiệp năm 2020 của CNBTTH qua hình thức trực tuyến	Năm học 2020-2021	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
<b>Tiêu chí 9.5</b>	1	H9.09.05.01	Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường. Quy định về việc tăng cường thực hiện phòng chống tác hại thuốc lá và lạm dụng đồ uống có cồn trong ngành giáo dục	Nghị định số 80/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định về môi an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường. Chỉ thị số 6036 /CT-BGDĐT ngày 17/12/2014 về việc tăng cường thực hiện phòng, chống tác hại của thuốc lá và lạm dụng đồ uống có cồn trong ngành Giáo dục	Chính phủ  Bộ GD&ĐT	
	2	H9.09.05.02	Hình ảnh chụp cảnh quan của nhà Trường	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận HCQT
	3	H9.09.05.03	Sơ đồ chỉ dẫn đến các khu làm việc, phòng học, phòng thực hành.	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận HCQT

4	H9.09.05.04	Hợp đồng với Công ty vệ sinh Hoàn mỹ	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận HCQT
5	H9.09.05.05	Biên bản kiểm tra giám sát công tác nước sạch và vệ sinh môi trường.	Giai đoạn 2019 - 2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận HCQT
6	H9.09.05.06	Các thông báo phun thuốc muỗi, thuốc sát khuẩn Thông báo phòng chống dịch và triển khai học trực tuyến thời kỳ dịch bệnh.	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận HCQT
7	H9.09.05.07	Thông báo khám sức khỏe cho NV Trường	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
8	H9.09.05.08	Thông báo khám sức khỏe SV	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
9	H9.09.05.09	Thông báo về các quy định an toàn khi nghỉ lễ, tết và có quy định về việc tiết kiệm điện, nước.	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN Phòng HCTH	Bộ phận HCQT
10	H9.09.05.10	Hội thảo văn hoá ứng xử trong trường	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận HCQT

	11	H9.09.05.11	Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ Các phương án phòng chống cháy nổ, lũ lụt	Năm 2017-2022	Trưởng ĐH SKĐA HN Phòng HCTH	Bộ phận HCQT
	12	H9.09.05.12	Quy định về chức năng nhiệm vụ của bộ phận bảo vệ trong Quy chế tổ chức hoạt động của Trường	Số 07/NQ-HĐT ngày 24/11/2023 nghị quyết về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường	Trưởng ĐH SKĐA HN	Bộ phận TCCB
	13	H9.09.05.13	-Hệ thống camera - Công tác tập huấn/diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm hoặc xử lý các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn hằng năm. -Các báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn,...	Giai đoạn 2019-2024	Trưởng ĐH SKĐA HN Phòng HCTH	Bộ phận HCQT
	14	H9.09.05.14	Các quy định, nội quy giảng đường, phòng thực hành, nhà xe, hội trường	Số 07/NQ-HĐT ngày 24/11/2023 nghị quyết về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường	Trưởng ĐH SKĐA HN	Bộ phận HCQT

<b>Tiêu chuẩn 10</b>	<b>10</b>					
<b>Tiêu chí 10.1</b>	1	H10.10.01.01	Rà soát, điều chỉnh CTĐT các chuyên ngành của KTH trong đó có CNBTTH	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH & HTQT KTH
	2	H10.10.01.02	Biên bản tổ chức Hội thảo lấy ý kiến của các BLQ để bổ sung, phát triển CTĐT CNBTTH	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	3	H10.10.01.03	Rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH, CDR được thực hiện theo quy trình cụ thể theo các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, văn bản hướng dẫn rà soát và điều chỉnh CTĐT của Trường ĐHSKĐAHN	Kế hoạch số 284/KH-SKĐAHN ngày 17/6/2022 về rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT trình độ ĐH hệ chính quy năm 2022 của Trường ĐHSKĐAHN	BGD&ĐT  Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH & HTQT
	4	H10.10.01.04	-Biên bản giao nhiệm vụ của Khoa trong việc thực hiện khảo sát, thu thập thông tin liên quan đến việc xây dựng và phát triển CTĐT. Biên bản họp cấp Khoa, Tổ bộ môn giao nhiệm vụ thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các BLQ	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH Phòng KT&ĐBCLGD; Phòng ĐTQLKH & HTQT

	5	H10.10.01.05	-Phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV, NH và NTD để xây dựng và phát triển CTDH Thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi của NH/ Thông báo công bố kết quả phản hồi của NH	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH Phòng KT&ĐBCLGD
	1	H10.10.02.01	KTH thực hiện quy trình xây dựng và phát triển CTĐT theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT thể hiện rõ cấu trúc, khối lượng kiến thức và CĐR cần đạt được của NH	Thông tư 7/2015/2017/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục ĐH và quy trình xây dựng, thẩm định ban hành CTĐT trình độ ĐH, ThS, TS	Bộ GD&ĐT	KTH
<b>Tiêu chí 10.2</b>	2	H10.10.02.02	Phòng ĐTQLKH & HTQT là đầu mối tổ chức chỉ đạo các Khoa việc thực hiện xây dựng và phát triển CTĐT Ban hành kế hoạch, Quyết định thành lập HĐ Mô tả chi tiết về quy trình thiết kế, phát triển CTĐT bảo đảm chất lượng đào tạo	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH & HTQT

3	H10.10.02.03	KTH xây dựng, phát triển CTĐT theo đúng hướng dẫn, tuân thủ quy trình chặt chẽ, logic từ xác định mục tiêu, CDR đến tổ chức thực hiện đánh giá	Biên bản nghiệm thu ĐCCT các HP giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH & HTQT
4	H10.10.02.04	Cứ 2 năm 1 lần CTĐT CNBTTH sẽ được cập nhật	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH & HTQT KTH
5	H10.10.02.05	Việc xây dựng ĐCCT các HP mới điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật được thực hiện theo văn bản hướng dẫn Nhà trường ban hành	Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT quy định về Chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH Số 247/QĐ-SKDAHN ngày 7/4/2022 quyết định về việc ban hành hệ thống biểu mẫu, văn bản về công tác đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHSKĐAHN	Bộ GD&ĐT  Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH & HTQT KTH
6	H10.10.02.06	Rà soát, điều chỉnh ĐCCT và CTDH có sự đóng góp ý kiến của các chuyên gia và các BLQ, Nhà trường lấy ý kiến của toàn thể các đơn vị trong Trường đối với CTĐT đã được điều chỉnh trước khi ban hành, có quyết định ban hành rõ ràng.	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH & HTQT KTH

<b>Tiêu chí 10.3</b>	1	H10.10.03.01	“Quy định về công tác khảo thí của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội” và Quy chế đào tạo của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD Phòng ĐTQLKH & HTQT
	2	H10.10.03.02	KTH rà soát, cập nhật, xây dựng câu hỏi thi, đề thi gửi Phòng KT&ĐBCLGD	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
	3	H10.10.03.03	Mẫu phiếu đánh giá HP bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, và bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kì	Số 247/QĐ-SKDAHN ngày 7/4/2022 quyết định về việc ban hành biểu mẫu, văn bản về công tác đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHSKĐAHN	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	4	H10.10.03.04	ĐCCT HP CNBTTH	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH Phòng ĐTQLKH & HTQT
	5	H10.10.03.05	Phòng KT&ĐBCLGD của Nhà trường phối hợp với KTH lấy ý kiến 100% các HP trong CTĐT trình độ ĐH CNBTTH	Giai đoạn 2019-2024		Phòng KT &ĐBCLGD KTH

	6	H10.10.03.06	Hồ sơ kiểm tra hoạt động đào tạo của KTH	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT &ĐBCLGD
	7	H10.10.03.07	Kế hoạch giảng dạy của GV	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH Phòng KT &ĐBCLGD
<b>Tiêu chí 10.4</b>	1	H10.10.04.01	Sứ mạng, tầm nhìn của Trường	Quyết định 731/QĐ-SKĐAHN ngày 02/08/2022 về việc công bố Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi, khẩu hiệu, triết lý giáo dục của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT &ĐBCLGD
	2	H10.10.04.02	Danh sách những tác phẩm đạt giải thưởng của GV, SV KTH	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	3	H10.10.04.03	Các công trình nghiên cứu, các tác phẩm đạt giải được đưa vào làm dẫn chứng trong các buổi học	Giai đoạn 2019-2024	KTH	KTH
	4	H10.10.04.04	Danh sách các GV KTH tham dự các hội thảo, buổi chuyên đề với các chuyên gia trong nước và quốc tế	Giai đoạn 2019-2024	KTH	KTH

<b>Tiêu chí 10.5</b>	1	H10.10.05.01	Kế hoạch công tác tháng và kết luận của Hiệu trưởng tại các cuộc họp giao ban hằng tháng	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận HCQT
	2	H10.10.05.02	Biên bản các cuộc họp: Cán bộ lớp đầu năm Sinh hoạt lớp theo định kỳ hàng tháng Hội nghị đối thoại với lãnh đạo Nhà trường	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH Phòng CTHSSV
	3	H10.10.05.03	Sổ theo dõi CSVC thường xuyên; Biên bản kiểm kê tài sản cuối năm	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận HCQT
	4	H10.10.05.04	Báo cáo công khai tài chính tại Hội nghị viên chức, người lao động	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Tài vụ
	5	H10.10.05.05	Giấy đề nghị sửa chữa, mua sắm thiết bị của KTH	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH Bộ phận HCQT
	6	H10.10.05.06	Đơn đề nghị xin phòng A2.506 và A2.406 Biên bản họp lớp lấy ý kiến của SV KTH về việc nhất trí lắp điều hòa 2 phòng học trên	Năm học 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH

	7	H10.10.05.07	Đề án Xây dựng Trường ĐHSKĐAHN thành trường trọng điểm quốc gia.	Quyết định số 2971/QĐ-BVHTTDL ngày 01/9/2015 về phê duyệt Đề án Xây dựng Trường ĐHSKĐAHN thành trường trọng điểm quốc gia	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
<b>Tiêu chí 10.6</b>	1	H10.10.06.01	Quyết định thành lập Phòng KT&ĐBCLGD	Số 538/QĐ-BVHTTDL ngày 6/3/2014 của Bộ trưởng Bộ VHTT&DL về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường ĐHSKĐAHN	Bộ VHTT&DL	Bộ phận TCCB
	2	H10.10.06.02	Quy chế hoạt động Phòng KT&ĐBCLGD	Nghị quyết Số 07/NQ-HĐT ngày 24/11/2023 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	3	H10.10.06.03	Bảng kế hoạch công tác của Phòng KT&ĐBCLGD	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
	4	H10.10.06.04	Phiếu lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV và tổng hợp phiếu phản hồi.	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD

	5	H10.10.06.05	Hoạt động TĐG của GV cơ hữu	Quyết định 1252/QĐ-SKĐAHN ngày 16/12/2021 về việc điều chỉnh nội dung Quy định chế độ làm việc của GV	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	6	H10.10.06.06	Đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phải hỏi để giải quyết những vấn đề còn tồn đọng, đưa ra các giải pháp cụ thể hiệu quả cho cả GV và NH	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH Phòng CTHSSV Phòng KT&ĐBCLGD
<b>Tiêu chuẩn 11</b>	<b>11</b>					
<b>Tiêu chí 11.1</b>	1	H11.11.01.01	Phòng CTHSSV được Trường giao nhiệm vụ theo dõi và giám sát tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp	Nghị quyết Số 07/NQ-HĐT ngày 24/11/2023 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	2	H11.11.01.02	Cập nhật tình hình học tập của SV	Sổ tay GVCN năm Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	3	H11.11.01.03	Biên bản xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp, xét kỷ luật SV	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV; Phòng ĐTQLKH & HTQT KTH
	4	H11.11.01.04	Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của Phòng CTHSSV	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV

5	H11.11.01.05	SV tốt nghiệp và thôi học được quản lý đầy đủ thông tin tại Phòng CTHSSV, Phòng ĐTQLKH & HTQT	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV, Phòng ĐTQLKH & HTQT
6	H11.11.01.06	Các quy định về đào tạo Quy định quản lý HSSV	Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 ban hành quy chế đào tạo trình độ Đại học [H05.05.03.05DC] .....	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV; Phòng ĐTQLKH & HTQT
7	H11.11.01.07	Thống kê thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
8	H11.11.01.08	Hồ sơ, quyết định cho SV CNBTTH thôi học	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
9	H11.11.01.09	Công tác triển khai hệ thống học tập trực tuyến do dịch Covid 19	Thông báo số 94/TB-SKĐAHN ngày 12/3/2020 về việc triển khai hệ thống học tập trực tuyến do dịch Covid 19	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
10	H11.11.01.10	Kiểm tra nề nếp, giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV trong thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch Covid	Giai đoạn 2020-2021	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV KTH

<b>Tiêu chí 11.2</b>	1	H11.11.02.01	Bảng 11.1 (tiêu chí 11.1) Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ thôi học của SV CNBTTH (cột 5)	Giai đoạn năm 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTSSV, Phòng ĐTQLKH & HTQT
	2	H11.11.02.02	Biên bản họp xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp, hồ sơ xin bảo lưu của SV CNBTTH	Giai đoạn năm 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTSSV
	3	H11.11.02.03	Quy định để gia hạn tốt nghiệp trong quy chế đào tạo	[H05.05.02.01DC]	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTSSV; Phòng ĐTQLKH & HTQT
	4	H11.11.02.04	Quy định về việc SV học riêng; Quy định về SV bảo lưu trong quy chế đào tạo	[H05.05.02.01DC]	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT
<b>Tiêu chí 11.3</b>	1	H11.11.03.01	Khảo sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp	Công văn 2919/BGDĐT-GDĐH ngày 10/7/2017 của Bộ GD&ĐT về Khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp; Công văn 3943/BGDĐT-GDĐH ngày 31/8/2018 của Bộ GD&ĐT về việc Khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của SV tốt nghiệp	Bộ GD&ĐT	Phòng CTSSV KTH

	2	H11.11.03.02	Tổng hợp kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	3	H11.11.03.03	Khảo sát tỷ lệ có việc làm của SV CNBTTH sau khi tốt nghiệp	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV KTH
<b>Tiêu chí 11.4</b>	1	H11.11.04.01	Quy định về hoạt động Khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục ĐH	Nghị định 109/2022/NĐ-CP ngày 20/12/2022 Quy định về hoạt động Khoa học và Công nghệ trong sở giáo dục ĐH.	Chính phủ	Phòng CTHSSV
	2	H11.11.04.02	Quy định Về hoạt động NCKH của SV trong cơ sở giáo dục ĐH	Thông tư số 26/2021 TT-BGDĐT ngày 17/9/2021 Quy định về hoạt động NCKH của SV trong cơ sở giáo dục ĐH	Bộ GD&ĐT	Phòng CTHSSV
	3	H11.11.04.03	Danh mục bổ sung tài liệu tham khảo, sách cho TTTTTV	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	TTTTTV
	4	H11.11.04.04	Giải tài năng SV KTH	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH

<b>Tiêu chí 11.5</b>	1	H11.11.05.01	Hội nghị cán bộ, viên chức và Hội nghị cán bộ chủ chốt	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH
	2	H11.11.05.02	Phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các HP	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH Phòng KT&ĐBCLGD
	3	H11.11.05.03	Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
	4	H11.11.05.04	Biên bản họp lớp lấy ý kiến NH về CTĐT	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	5	H11.11.05.05	Danh sách cựu SV Khoa Truyền hình	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH
	6	H11.11.05.06	Phiếu khảo sát năng lực việc làm của các NTD	Giai đoạn 2019-2024	Trường ĐHSKĐAHN	KTH

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo  
Chuyên ngành: Biên tập Truyền hình

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHÁU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14  
ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính  
phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi,  
bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của  
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về quy trình và chu kỳ kiểm định  
chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp  
chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ  
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh  
giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3651/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2018 của  
Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định chức năng, nhiệm vụ,  
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng  
Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân  
khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ban hành ngày 31 tháng 12 năm  
2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá  
ngoài chương trình đào tạo; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10 tháng 6  
năm 2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo chuyên ngành  
Biên tập Truyền hình gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách  
gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình  
đào tạo chuyên ngành Biên tập Truyền hình theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá  
chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-



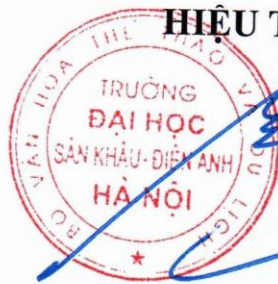
BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng BGDĐT và hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Các ông/bà trưởng các đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT&ĐBCLGD, TAN (25).



**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Nguyễn Đình Thi**



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
CHUYÊN NGÀNH BIÊN TẬP TRUYỀN HÌNH**

(Kèm theo Quyết định số 248/QĐ-SKĐAHN ngày 02 tháng 4 năm 2024 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Đình Thi	PGS. TS. NGND. Hiệu trưởng; Ủy viên Hội đồng trường	Chủ tịch
2	Đậu Nhật Minh	ThS. Phó Trưởng Khoa Truyền hình	Phó Chủ tịch
3	Trịnh Thuý Hương	TS. Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên Trưởng ban thư ký
4	Phạm Trí Thành	TS. Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
5	Phạm Đắc Thi	TS. Phó Hiệu trưởng Ủy viên Hội đồng trường	Thành viên
6	Bùi Như Lai	TS. NSƯT. Phó Hiệu trưởng	Thành viên
7	Lại Thị Thanh Bình	TS. Trưởng Khoa Kiến thức cơ bản, Ủy viên Hội đồng trường; Đại diện Hội đồng khoa học và đào tạo	Thành viên
8	Nguyễn Thị Hồng Hiền	TS. Trưởng Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Ủy viên Hội đồng trường	Thành viên
9	Nguyễn Thị Thu Hiền	TS. Trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp; Ủy viên Hội đồng Trường	Thành viên
10	Chế Thị Hồng Phương	CN. Kế toán trưởng, Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận Tài vụ)	Thành viên
11	Trần Thị Tuyết Hồng	ThS. Trưởng Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Thành viên
12	Phạm Văn Cường	ThS. Phó trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên
13	Đình Quang Trung	PGS. TS. Viện trưởng Viện Sân khấu – Điện ảnh	Thành viên
14	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	CN. Giám đốc Trung tâm Thông tin, Thư viện	Thành viên
15	Lê Thị Ly Như	ThS. Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Thành viên
16	Nguyễn Thị Li La	ThS. Giảng viên Khoa Truyền hình	Thành viên
17	Nguyễn Thị Lan	Sinh viên chuyên ngành Biên tập Truyền hình K41	Thành viên

(Danh sách gồm 17 người)

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**CHUYÊN NGÀNH: BIÊN TẬP TRUYỀN HÌNH**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Trịnh Thúy Hương	TS. Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Trưởng ban thư ký
2	Trần Thị Vân Ánh	ThS. Phó trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên
3	Kiều Phúc An	ThS. Kỹ thuật dựng phim Khoa Truyền hình	Thành viên
4	Dương Hồng Vinh	ThS. Giảng viên Khoa Truyền hình	Thành viên
5	Nguyễn Thị Như Quỳnh	ThS. Giảng viên Khoa Truyền hình	Thành viên
6	Bùi Huy Hoàng	ThS. Kỹ thuật viên Khoa Truyền hình	Thành viên
7	Hoàng Duy Linh	ThS. Trợ giảng Khoa Truyền hình	Thành viên

(Danh sách gồm 07 người)

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**CHUYÊN NGÀNH: BIÊN TẬP TRUYỀN HÌNH**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (Tiêu chuẩn 1,2,3)	Đậu Nhật Minh	ThS. Phó trưởng Khoa Truyền hình	Trưởng nhóm
	Kiều Phúc An	ThS. Kỹ thuật dựng phim Khoa Truyền hình	Thư ký
	Ngô Thị Thắm	ThS. Chuyên viên Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế	Thành viên
	Dương Hồng Vinh	ThS. Giảng viên Khoa Truyền hình	Thành viên
	Hoàng Duy Linh	ThS. Trợ giảng Khoa Truyền hình	Thành viên
Nhóm 2 (Tiêu chuẩn 4,5,8)	Đậu Nhật Minh	ThS. Phó trưởng Khoa Truyền hình	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Như Quỳnh	ThS. Giảng viên Khoa Truyền hình	Thư ký
	Ngô Thị Thắm	ThS. Chuyên viên Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế	Thành viên
	Trần Thị Vân Ánh	ThS. Phó trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên
	Trần Thị Phương Thuý	CN. Phó trưởng phòng CT HSSV	Thành viên
	Lê Thị Ly Như	ThS. Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Thành viên
	Nguyễn Thị Lan	Sinh viên chuyên ngành Biên kịch Truyền hình K41	Thành viên
	Nguyễn Thị Li La	ThS. Giảng viên Khoa Truyền hình	Thành viên
Nhóm 3 (Tiêu chuẩn 6,7,9)	Đậu Nhật Minh	ThS. Phó trưởng Khoa Truyền hình	Trưởng nhóm
	Bùi Huy Hoàng	ThS. Kỹ thuật viên Khoa Truyền hình	Thư ký
	Nguyễn Đức Anh	ThS. Chuyên viên Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên
	Lương Thị Hoàng Thi	ThS. Phó Viện trưởng Viện Sân khấu – Điện ảnh	Thành viên
	Phạm Văn Cường	ThS. Phó trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên
	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	CN. Giám đốc Trung tâm Thông tin – Thư viện	Thành viên
	Kiều Phúc An	ThS. Kỹ thuật dựng phim Khoa Truyền hình	Thành viên
	Dương Hồng Vinh	ThS. Giảng viên Khoa Truyền hình	Thành viên
Nhóm 4 (Tiêu chuẩn 10, 11)	Đậu Nhật Minh	ThS. Phó trưởng Khoa Truyền hình	Trưởng nhóm
	Hoàng Duy Linh	ThS. Trợ giảng Khoa Truyền hình	Thư ký
	Nguyễn Thị Hương	CN. Chuyên viên Phòng Công tác Học sinh, sinh viên	Thành viên
	Trần Thị Vân Ánh	ThS. Phó trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên
	Nguyễn Thị Li La	ThS. Giảng viên Khoa Truyền hình	Thành viên
	Dương Hồng Vinh	ThS. Giảng viên Khoa Truyền hình	Thành viên

Số: 21/KH-SKĐAHN

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2024

## KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

**07 chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo  
tại Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội năm 2024**

### I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và đề đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

### II. Phạm vi tự đánh giá

Công tác tự đánh giá chương trình đào tạo (TĐG CTĐT) được áp dụng đối với 07 CTĐT hệ chính quy gồm: Nhiếp ảnh nghệ thuật (thuộc Khoa Nhiếp ảnh); Biên đạo múa đại chúng (thuộc Khoa Múa); Nhạc công kịch hát dân tộc (Khoa Kịch hát dân tộc); Đạo diễn sự kiện lễ hội (Khoa Sân khấu); Công nghệ dựng phim (Khoa Công nghệ Điện ảnh – Truyền hình); Biên tập Truyền hình (Khoa Truyền hình); Quay phim Điện ảnh (Khoa Nghệ thuật Điện ảnh) giai đoạn từ năm học 2019 – 2020 đến năm học 2023 – 2024. Thời gian thu thập thông tin, lấy số liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu tính đến hết ngày 30/7/2024.

### III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ TĐG là tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 bao gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí và các tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại:

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng;

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ban hành ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

- Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD V/v điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021.

#### **IV. Hội đồng tự đánh giá**

##### **1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá**

Hội đồng TĐG CTĐT **Nhiếp ảnh nghệ thuật** được thành lập theo Quyết định số 294/QĐ-SKĐAHN ngày 02/4/2024 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 23 thành viên; Ban thư ký gồm có 07 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

Hội đồng TĐG CTĐT **Biên đạo múa đại chúng** được thành lập theo Quyết định số 295/QĐ-SKĐAHN ngày 02/4/2024 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 23 thành viên; Ban thư ký gồm có 07 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

Hội đồng TĐG CTĐT **Nhạc công Kịch hát dân tộc** được thành lập theo Quyết định số 296/QĐ-SKĐAHN ngày 02/4/2024 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 17 thành viên; Ban thư ký gồm có 07 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

Hội đồng TĐG CTĐT **Đạo diễn Sự kiện lễ hội** được thành lập theo Quyết định số 297/QĐ-SKĐAHN ngày 02/4/2024 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 17 thành viên; Ban thư ký gồm có 07 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

Hội đồng TĐG CTĐT **Biên tập Truyền hình** được thành lập theo Quyết định số 298/QĐ-SKĐAHN ngày 02/4/2024 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 17 thành viên; Ban thư ký gồm có 07 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

Hội đồng TĐG CTĐT **Công nghệ dựng phim** được thành lập theo Quyết định số 299/QĐ-SKĐAHN ngày 02/4/2024 của Trường Đại học Sân khấu –

Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 23 thành viên; Ban thư ký gồm có 07 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

Hội đồng TĐG CTĐT **Quay phim Điện ảnh** được thành lập theo Quyết định số 300/QĐ-SKĐAHN ngày 02/4/2024 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 21 thành viên; Ban thư ký gồm có 07 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

## **2. Phân công thực hiện nhiệm vụ**

### ***2.1. Nhiệm vụ của các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá***

Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Hội đồng chịu trách nhiệm về các hoạt động của Hội đồng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, trong đó xác định những công việc phải thực hiện tương ứng với từng tiêu chuẩn đánh giá, thời gian bắt đầu và kết thúc, người chịu trách nhiệm chính; triệu tập và điều hành các phiên họp của Hội đồng; phê duyệt kế hoạch TĐG CTĐT; chỉ đạo quá trình thu thập thông tin, minh chứng, xử lý, phân tích và viết báo cáo TĐG; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai TĐG CTĐT.

Phó Chủ tịch Hội đồng cấp Trường: Khi được Chủ tịch Hội đồng uỷ quyền, có nhiệm vụ điều hành Hội đồng và chịu trách nhiệm về công việc được uỷ quyền, góp ý cho bản Báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.

Phó Chủ tịch Hội đồng cấp khoa: điều hành chung các hoạt động đánh giá chương trình của Khoa, chủ động tổ chức họp để phân công công việc cho các thành viên, phân công và cử người tìm minh chứng, chịu trách nhiệm chính thức đối với các tiêu chuẩn về kế hoạch thực hiện và báo cáo cuối cùng của tiêu chuẩn trước Chủ tịch Hội đồng, chỉ đạo các thành viên cấp khoa việc rà soát thu thập thông tin minh chứng và viết báo cáo TĐG theo kế hoạch TĐG của Trường.

Thành viên HĐ TĐG cấp trường: tham gia xây dựng, đóng góp và phản biện cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn của cấp khoa và báo cáo chung.

Thành viên HĐ TĐG cấp khoa: xây dựng báo cáo TĐG CTĐT theo sự phân công của Phó Chủ tịch Hội đồng cấp khoa, tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu, hoàn thiện hồ sơ minh chứng, tìm kiếm thông tin cho bản báo cáo TĐG.

Hội đồng TĐG CTĐT họp khoảng 06 lần trong suốt quá trình TĐG, có trách nhiệm phản biện, góp ý cho bản báo cáo đánh giá sơ bộ, báo cáo cuối cùng và tư vấn cho Chủ tịch Hội đồng khi làm kế hoạch TĐG.

### **2.2. Nhiệm vụ của Ban thư ký và các nhóm công tác**

Ban Thường trực Hội đồng (bao gồm Trưởng Ban thư ký và các cán bộ chuyên trách Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục) có trách nhiệm triển khai kế hoạch, tổng hợp dữ liệu, giám sát tiến độ thực hiện của Hội đồng TĐG CTĐT, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện lên Chủ tịch Hội đồng xem xét, duyệt nội dung. Chuẩn bị cơ sở vật chất và tài liệu cần thiết cho các buổi họp của Hội đồng.

Nhóm trưởng công tác: chịu trách nhiệm trước Phó Chủ tịch Hội đồng cấp khoa về nội dung báo cáo TĐG, hồ sơ minh chứng, cơ sở dữ liệu theo nhóm tiêu chuẩn đã được phân công; phân công, đôn đốc các thành viên và thư ký cấp khoa trong nhóm công tác đảm bảo đúng tiến độ.

Thành viên/Thư ký cấp khoa: thực hiện phác thảo bản báo cáo tiêu chuẩn và tiêu chí, góp ý cho bản báo cáo chung. Tiến hành tìm kiếm minh chứng, xây dựng cơ sở dữ liệu, hoàn thiện tài liệu hồ sơ có liên quan.

Thư ký thường trực cấp khoa: thực hiện nhiệm vụ của thư ký cấp khoa; chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo tiêu chuẩn và tiêu chí; viết biên bản, phân loại và quản lý hồ sơ minh chứng của nhóm công tác.

Thư ký cấp trường: có trách nhiệm hỗ trợ các khoa trong việc tìm kiếm thông tin, cơ sở dữ liệu, hồ sơ minh chứng; tham gia phản biện báo cáo TĐG.

### **2.3. Nguyên tắc thực hiện công việc**

Chủ tịch Hội đồng TĐG phân công nhiệm vụ các thành viên trong hội đồng;  
Định kỳ Hội đồng TĐG CTĐT làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số;

Hội đồng TĐG CTĐT được tập huấn về các nội dung: giới thiệu hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục; quy trình và chu kỳ đánh giá CTĐT; hướng dẫn TĐG CTĐT; một số kinh nghiệm TĐG CTĐT trong và ngoài nước; kỹ năng

nghiên cứu hồ sơ văn bản, phỏng vấn, quan sát, thảo luận nhóm, lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan; kỹ năng viết báo cáo và tìm kiếm minh chứng phù hợp;

Hội đồng TĐG CTĐT tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ;

Các bộ phận có liên quan khác trong trường có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ cho Hội đồng TĐG CTĐT để hoàn thiện công tác xây dựng báo cáo TĐG CTĐT;

Ban lãnh đạo Khoa, Phòng chức năng có liên quan có nhiệm vụ triển khai một số nội dung sau:

- Triển khai thực hiện kế hoạch TĐG CTĐT đến toàn thể giảng viên, cán bộ, viên chức, sinh viên thuộc đơn vị;

- Phối hợp, thực hiện tốt các yêu cầu của thư ký hội đồng TĐG trong việc cung cấp thông tin, tìm kiếm minh chứng nhằm giúp cho việc TĐG của Trường thực hiện kịp thời.

### 3. Các nhóm công tác cá nhân

Thời gian thu thập thông tin và minh chứng: Từ 16/4/2024 đến 30/10/2024.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, đơn vị chịu trách nhiệm
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	- Nhóm công tác 1 - Đơn vị khoa - Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế
2	Tiêu chuẩn 4, 5, 11	- Nhóm công tác 2 - Đơn vị khoa - Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế - Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
3	Tiêu chuẩn 6, 7	- Nhóm công tác 3 - Đơn vị khoa - Phòng Hành chính, Tổng hợp
4	Tiêu chuẩn 9	- Nhóm công tác 4 - Đơn vị khoa - Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận Tài vụ)

		- Trung tâm Thông tin, Thư viện
5	Tiêu chuẩn 8, 10	- Nhóm công tác 5 - Đơn vị khoa - Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục - Viện Sân khấu – Điện ảnh - Phòng Công tác học sinh, sinh viên

### V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian dự kiến: Tháng 5/2024 (sẽ có kế hoạch riêng). Có chuyên gia tư vấn từ xa trong suốt quá trình diễn ra công tác TĐG CTĐT của Nhà trường.

2. Thành phần tham dự: tất cả các thành viên trong Hội đồng TĐG căn cứ theo các quyết định thành lập hội đồng đã ban hành; cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên, người lao động và người học trong toàn Trường quan tâm.

#### 3. Nội dung, chương trình tập huấn

Giới thiệu về bộ tiêu chuẩn và tiêu chí được sử dụng cho đợt TĐG CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GDĐT;

Quy trình đánh giá;

Kỹ thuật phân tích, thu thập, xử lý, sử dụng minh chứng, lưu trữ và bảo quản minh chứng, cách mã hóa minh chứng;

Kỹ thuật viết phiếu đánh giá tiêu chí: bao gồm quy trình viết phiếu đánh giá tiêu chí; phân tích, mô tả thực trạng CTĐT, cách xác định điểm mạnh, điểm yếu; lập kế hoạch hành động;

Cách thức thu thập, phân tích cơ sở dữ liệu sử dụng trong quá trình viết báo cáo TĐG;

Cách sử dụng hiệu quả kết quả lấy ý kiến thăm dò của các bên liên quan tới quá trình TĐG CTĐT.

### VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

Khoảng thời gian cung cấp số liệu từ năm học 2019 – 2020 đến năm học 2023 – 2024.  
 Thời điểm huy động toàn bộ nguồn lực diễn ra trong vòng 28 tuần (từ ngày 16/4/2024 đến ngày 30/10/2024).

Tài chính: nguồn tài chính hỗ trợ công tác TĐG từ phía Nhà trường, khoa tài trợ...

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Nhân lực
1	Tiêu chuẩn 01: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng CTĐT bám sát mục tiêu.</li> <li>- Các hoạt động về CĐR, cách thức thực hiện, đáp ứng yêu cầu các bên liên quan.</li> </ul>	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế và các bên liên quan.
2	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tin về bản mô tả CTĐT; bản đề cương.</li> <li>- Việc tiếp cận của các bên liên quan tới bản mô tả CTĐT.</li> </ul>	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế và các bên liên quan.
3	Tiêu chuẩn 03: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (CTDH)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc xây dựng và thiết kế CTDH dựa vào CĐR.</li> <li>- Nội dung mỗi học phần đóng góp cho việc đạt CĐR của sinh viên.</li> </ul>	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế và các bên liên quan.
4	Tiêu chuẩn 04: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc công bố, phổ biến triển khai phương pháp giảng dạy tới các bên liên quan.</li> <li>- Cách thức triển khai phù hợp với CĐR, rèn luyện kỹ năng và khả năng học tập suốt đời của sinh viên.</li> </ul>	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế và các bên liên quan.
5	Tiêu chuẩn 05:	- Các hoạt động về việc	Đơn vị Khoa có CTĐT

	Đánh giá kết quả của người học	đánh giá kết quả học tập của người học, các quy định, quy chế được ban hành, phương pháp đánh giá, sự phản hồi kịp thời giúp người học đánh giá đúng việc học tập.	làm công tác TĐG. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục và các bên liên quan.
6	Tiêu chuẩn 06: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hoạt động liên quan tới công tác cán bộ, quy hoạch cán bộ đáp ứng nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu khoa học để xác định tỷ lệ giảng viên/sinh viên.</li> <li>- Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm đáp ứng năng lực, tiêu chí theo yêu cầu chung.</li> </ul>	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận Tổ chức cán bộ) và các bên liên quan.
7	Tiêu chuẩn 07: Đội ngũ nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hoạt động quy hoạch đội ngũ cán bộ phù hợp với từng vị trí việc làm.</li> <li>- Công tác quy hoạch, tiêu chí tuyển chọn được công bố rộng rãi dựa vào nhu cầu, năng lực, trình độ đáp ứng công việc từng vị trí.</li> <li>- Các hoạt động liên quan tới đánh giá định kỳ, thi đua khen thưởng, kỷ luật, học tập, bồi dưỡng.</li> </ul>	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận Tổ chức cán bộ) và các bên liên quan.

8	Tiêu chuẩn 08: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Các hoạt động hỗ trợ người học về công tác tuyển sinh, giám sát kết quả học tập rèn luyện, hoạt động chính sách, hỗ trợ hoạt động ngoại khóa, việc làm, môi trường học tập, NCKH.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Công tác học sinh, sinh viên và các bên liên quan.
9	Tiêu chuẩn 09: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Các công việc triển khai tới công tác cơ ở vật chất của Nhà trường bao gồm: hệ thống phòng học phục vụ công tác đào tạo, NCKH, hệ thống phòng làm việc, thực hành, thư viện, nhà hát...	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận Hành chính, Quản trị), Ban dự án và các bên liên quan.
10	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	Các hoạt động liên quan tới thu thập thông tin, ý kiến phản hồi, nâng cao chất lượng CTĐT thông qua các bên liên quan, căn cứ để phát triển CTDH. Việc phát triển CTDH được thiết kế, đánh giá cải tiến phù hợp với CĐR và nhu cầu xã hội.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng Công tác học sinh, sinh viên và các bên liên quan.
11	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Xác định được các thống kê hàng năm liên quan tới công tác học tập của sinh viên: tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ buộc	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học

		thời học để lấy số liệu đối sánh, có sự giám sát, kiểm tra chất lượng đầu vào và đầu ra của người học.	và Hợp tác quốc tế; Phòng Công tác học sinh, sinh viên và các bên liên quan.
--	--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------

### **VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

Các đơn vị sẽ lấy ý kiến đóng góp về CTĐT, CDR và các yêu cầu từ các bên liên quan trong đó có các thông tin từ bên ngoài Trường. Trong quá trình làm công tác TĐG, các Khoa tự lập kế hoạch chi tiết, cụ thể để thu thập, xử lý thông tin một cách chính xác, có độ tin cậy cao. Dự trù về nguồn lực cần huy động để hoàn thành việc thu thập và tìm kiếm thông tin.

Đối với việc thu thập thông tin, cơ sở dữ liệu đối với các đơn vị thực hiện CTĐT và các đơn vị có liên quan khác trong Trường thì căn cứ vào phụ lục 7 – Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT trích trong Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ban hành ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

### **VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG**

Ban thường trực Hội đồng TĐG sẽ lập kế hoạch, chương trình làm việc cụ thể về việc thuê chuyên gia tư vấn về làm việc với Nhà trường, giúp cho công tác TĐG được hoàn thiện một cách chính xác, đúng mục đích và yêu cầu đặt ra.

Nội dung làm việc với chuyên gia sẽ bao gồm: lĩnh vực cần thuê chuyên gia; mục đích thuê chuyên gia; vai trò của chuyên gia; số lượng chuyên gia; thời gian cần thuê chuyên gia; kinh phí thuê chuyên gia...

### **IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng**

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí, phân loại và mã hóa các minh chứng

thu được, Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục minh chứng.

Bảng danh mục mã hóa minh chứng được trình bày ở bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần phụ lục của Báo cáo TĐG). Việc sử dụng, xử lý phân tích các thông tin từ minh chứng được hướng dẫn cụ thể trong mục II – Quy trình TĐG của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ban hành ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng và Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

#### X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
<p><b>Tuần 01 – 02</b> Từ ngày 16/4/2024 đến ngày 29/4/2024</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Họp Hiệu trưởng và trưởng các đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT.</li> <li>- Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT</li> <li>- Họp Hội đồng TĐG CTĐT để:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG;</li> <li>+ Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;</li> <li>+ Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;</li> <li>+ Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.</li> </ul> </li> </ul>
<p><b>Tuần 03 – 04</b> Từ ngày 02/5/2024 đến ngày 15/5/2024</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.</li> <li>- Tổ chức hội thảo/hội nghị; tập huấn về chuyên</li> </ul>

	<p>môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho Hội đồng TĐG và các thành viên khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Họp Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua:</li> <li>+ Bản kế hoạch TĐG CTĐT;</li> <li>+ Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của các Khoa thực hiện CTĐT)</li> <li>+ Trình Hiệu trưởng đề nghị ban hành kế hoạch TĐG.</li> </ul>
<p><b>Tuần 05 – 12</b> Từ ngày 16/5/2024 đến ngày 10/7/2024</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho hội đồng.</li> <li>- Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.</li> <li>- Mã hóa các thông tin và minh chứng thu được.</li> <li>- Phân tích thông tin và minh chứng thu được.</li> <li>- Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.</li> </ul>
<p><b>Tuần 13 – 20</b> Từ ngày 11/7/2024 đến ngày 04/9/2024</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</li> <li>- Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</li> </ul>
<p><b>Tuần 21</b> Từ ngày 05/9/2024 đến ngày 11/9/2024</p>	<p>Hội đồng TĐG CTĐT:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo;</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG;</li> <li>- Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được;</li> <li>- Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung;</li> <li>- Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.</li> </ul>
<p style="text-align: center;"><b>Tuần 22 - 23</b></p> <p>Từ ngày 12/9/2024 đến ngày 25/9/2024</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu có);</li> <li>- Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban... để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.</li> </ul>
<p style="text-align: center;"><b>Tuần 24 - 25</b></p> <p>Từ ngày 26/9/2024 đến ngày 09/10/2024</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT.</li> <li>- Các bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên, người học... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG.</li> </ul>
<p style="text-align: center;"><b>Tuần 26 - 27</b></p> <p>Từ ngày 10/10/2024 đến ngày 23/10/2024</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện.</li> <li>- Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT và thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét.</li> <li>- Hoàn thiện báo cáo TĐG.</li> </ul>
<p style="text-align: center;"><b>Tuần 28</b></p> <p>Từ ngày 24/10/2024 đến ngày</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường gửi báo cáo TĐG và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp Bộ GDĐT.</li> </ul>

30/10/2024	- Nhà trường bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.
------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Trên đây là kế hoạch thực hiện công tác tự đánh giá 07 chương trình đào tạo của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội, Hiệu trưởng yêu cầu trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai nội dung và tiến hành thực hiện kế hoạch theo thời gian đã quy định./.

**Nơi nhận:**

- ĐU, HĐT, BGH (để báo cáo);
- Các đơn vị trong Trường (để thực hiện);
- Lưu VT, KT&ĐBCLGD, NTP.



**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Nguyễn Đình Thi**

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT  
CỬ NHÂN BIÊN TẬP TRUYỀN HÌNH**

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội**

Mã: SKD 99

Tên CTĐT: **Cử nhân Biên tập truyền hình**

Mã CTĐT: **7210236B**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
<b>Tiêu chuẩn 1</b>								4,00	3/3	100
Tiêu chí 1.1				x						
Tiêu chí 1.2				x						
Tiêu chí 1.3				x						
<b>Tiêu chuẩn 2</b>								4,00	3/3	100
Tiêu chí 2.1				x						
Tiêu chí 2.2				x						
Tiêu chí 2.3				x						
<b>Tiêu chuẩn 3</b>								4,00	3/3	100
Tiêu chí 3.1				x						
Tiêu chí 3.2				x						
Tiêu chí 3.3				x						
<b>Tiêu chuẩn 4</b>								4,00	3/3	100
Tiêu chí 4.1				x						
Tiêu chí 4.2				x						
Tiêu chí 4.3				x						
<b>Tiêu chuẩn 5</b>								4,00	5/5	100
Tiêu chí 5.1				x						
Tiêu chí 5.2				x						
Tiêu chí 5.3				x						
Tiêu chí 5.4				x						
Tiêu chí 5.5				x						
<b>Tiêu chuẩn 6</b>								5,00	7/7	100
Tiêu chí 6.1					x					
Tiêu chí 6.2					x					
Tiêu chí 6.3					x					
Tiêu chí 6.4					x					
Tiêu chí 6.5					x					
Tiêu chí 6.6					x					
Tiêu chí 6.7					x					

<b>Tiêu chuẩn 7</b>								4,00	5/5	100
Tiêu chí 7.1				x						
Tiêu chí 7.2				x						
Tiêu chí 7.3				x						
Tiêu chí 7.4				x						
Tiêu chí 7.5				x						
<b>Tiêu chuẩn 8</b>								4,00	5/5	100
Tiêu chí 8.1				x						
Tiêu chí 8.2				x						
Tiêu chí 8.3				x						
Tiêu chí 8.4				x						
Tiêu chí 8.5				x						
<b>Tiêu chuẩn 9</b>								5,00	5/5	100
Tiêu chí 9.1					x					
Tiêu chí 9.2					x					
Tiêu chí 9.3					x					
Tiêu chí 9.4					x					
Tiêu chí 9.5					x					
<b>Tiêu chuẩn 10</b>								5,00	6/6	100
Tiêu chí 10.1					x					
Tiêu chí 10.2					x					
Tiêu chí 10.3					x					
Tiêu chí 10.4					x					
Tiêu chí 10.5					x					
Tiêu chí 10.6					x					
<b>Tiêu chuẩn 11</b>								5,00	5/5	100
Tiêu chí 11.1					x					
Tiêu chí 11.2					x					
Tiêu chí 11.3					x					
Tiêu chí 11.4					x					
Tiêu chí 11.5					x					
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>								<b>4,36</b>	<b>50/50</b>	<b>100%</b>

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2024



**PGS.TS Nguyễn Đình Thi**